



VỀ TÁC GIẢ

Tuesday Lobsang Rampa tự nhận mình là linh hồn một vị Lạt ma người Tây Tạng đã mượn tạm xác của một người Anh tên là Cyril Hoskin (8 tháng 4 năm 1910 - 25 tháng 1 năm 1981). Cái tên Tuesday (thứ Ba) liên quan đến lời ông kể rằng các quý tộc người Tây Tạng được đặt tên theo ngày mà họ sinh ra.

Vào tháng 11 năm 1956, cuốn sách đầu tiên với tựa đề *The Third Eye (Con mắt thứ ba hay Tây Tạng huyền bí)* được xuất bản ở Anh. Cuốn sách kể lại những kinh nghiệm của ông khi lớn lên trong một tu viện ở Tây Tạng từ năm lên bảy tuổi. Tựa đề cuốn sách liên quan đến một cuộc phẫu thuật trên trán để mở ra con mắt thứ ba làm tăng cường khả năng nhìn hào quang của ông. Trong cuốn *The Rampa story (Câu chuyện của Rampa)* và *Doctor from Lhasa (Bác sĩ từ Lhasa)*, ông kể rằng

xác ông đã bị hủy hoại nặng nề vì những đòn tra tấn của phát xít Nhật nên đã mượn xác của Cyril Henry Hoskin để viết ra những cuốn sách ký tên là Lobsang Rampa. Ông Cyril là một người thợ sửa ống nước, sau khi hồn của Tu sĩ Bác sĩ Rampa nhập vào mới bắt đầu viết những cuốn sách về Tây Tạng. Theo lời nhà xuất bản *Secker & Warburg*, tác giả Lobsang Rampa đã cung cấp tài liệu chứng minh rằng ông có bằng y khoa của Đại học Trùng Khánh, và trong các văn bằng đó ông được mô tả là một vị Lạt Ma của tu viện Potala ở Lhasa. Nhiều cuộc trò chuyện cá nhân của NXB với ông đã chứng minh ông là một người có quyền năng và tri thức khác thường. Về cuộc sống cá nhân của mình, ông thể hiện sự dè dặt đôi khi khó hiểu; nhưng mọi người đều có quyền riêng tư và Lobsang Rampa có thái độ như vậy có lẽ để che giấu sự an toàn cho gia đình ông vẫn đang sống ở mảnh đất Tây Tạng hiện đang do Trung Quốc quản lý. Thật vậy, một số chi tiết, chẳng hạn như vị trí thực của cha ông ở Tây Tạng, đã được cố tình ngụy trang vì mục đích này.

Vì những lý do trên, Tác giả buộc phải nhận và đã tự nguyện nhận trách nhiệm duy nhất về những gì ông viết trong sách. Ta có thể cảm thấy rằng đâu đó ông đã dành được sự tin tưởng của người phương Tây, dù cái nhìn của người phương Tây về vấn đề những cuốn sách nói tới rất khó để khẳng định.

Các sách viết bởi tác giả T. Lobsang Rampa

Tác giả viết tổng cộng 19 cuốn dưới đây:

1. Con mắt thứ ba hay Tây Tạng Huyền bí - (The Third Eye - Lần đầu xuất bản năm 1956). Đây là cuốn sách đầu tiên, một cuốn tự truyện về cuộc hành trình của một thanh niên trẻ để trở thành một vị Lạt ma y tế và trải qua phẫu

thuật để mở con mắt thứ ba. Chúng ta có được cái nhìn thoáng qua về cuộc sống trong tu viện Lạt ma ở Tây Tạng và hiểu biết sâu sắc về kiến thức tâm linh. Cho đến thời điểm này cuộc sống trong các tu viện Lạt ma ở Tây Tạng vẫn chưa được biết đến, ngay cả với một số ít người đã thực sự viếng thăm Tây Tạng. Lobsang đã vào tu viện Chakpori ở Tây Tạng và được học những điều bí mật nhất của khoa học Tây Tạng bí truyền và nhiều điều hơn nữa.

2. Bác sĩ từ Lhasa - (Doctor from Lhasa - Lần đầu xuất bản năm 1959) câu chuyện tiếp tục với việc Lobsang rời Lhasa và sống ở Trùng Khánh, Trung Quốc. Ở đây, ông đẩy mạnh nghiên cứu y khoa, học lái máy bay và cuối cùng bị người Nhật bắt và tra tấn. Lobsang trải qua thời gian rất dài sống trong trại tập trung, làm việc như các nhân viên y tế chính thức cho đến ngày ông trốn thoát. Lobsang là một trong số rất ít người còn sống sót khi quả bom nguyên tử đầu tiên ném xuống Hiroshima. Trong cuốn sách ông cũng hướng dẫn làm thế nào để sử dụng một quả cầu pha lê cho khoa chiêm tinh và tập thở để cải thiện sức khỏe.

3. Câu chuyện của Rampa - (The Rampa Story - Lần đầu xuất bản năm 1960), hành trình của Bác sĩ Rampa tiếp tục khi ông đi từ Hàn Quốc vào Nga, qua Châu Âu, đi thuyền sang Mỹ, cuối cùng kết thúc ở Anh. Lobsang bị bắt và tiếp tục chịu đựng sự tra tấn cho đến khi một lần nữa, ông trốn thoát bằng cách lái chiếc xe ô tô sang trọng. Trong cuốn sách này, Lobsang cho biết ông đã mượn tạm thân xác của một người đàn ông người Anh tên là Cyril Henry Hoskins, người mong muốn rời khỏi thế giới này, để tiếp tục nhiệm vụ đặc biệt của mình.

4. Hang đá của người cổ đại - (The Cave of the Ancients – Lần đầu xuất bản năm 1963), cuốn sách cho ta một cái nhìn thoáng vào lịch sử đã qua của Trái đất và những cư dân của nó thời đó, những người đã giấu các thiết bị kỹ thuật cao mà cho đến ngày nay vẫn còn bí ẩn. Lobsang cùng với Thầy của ông, Đại Đức Lạt Ma Mingyar Dondup, đã đến thăm nơi mà công nghệ này được cất giấu và nhìn thấy tận mắt thiết bị tuyệt vời này. Công nghệ này vẫn đang chờ đợi những người có thể sử dụng nó cho lợi ích của nhân loại và thời gian đó đang đến gần.

5. Sống với vị Lạt Ma - (Living with the Lama – Lần đầu xuất bản năm 1964), cuốn sách được một trong những con mèo của Bác sĩ Rampa, Fifi Greywhiskers, đọc cho ông viết bằng ngoại cảm,. Loài vật không cảm như nhiều người nghĩ, chúng ta mới cảm so với tất cả các loài động vật. Tất cả các loài động vật đều có thể giao tiếp thông qua thần giao cách cảm, con người cũng có khả năng này nhưng đã bị ngăn chặn do bản chất xấu xa của

họ. Fifi nói về cuộc sống của mình trước khi gặp Bác sĩ Rampa và những cuộc hành trình họ đã cùng bên nhau.

6. Bạn là mãi mãi - (You Forever – Lần đầu xuất bản năm 1965) là cuốn sách đầu tiên trong hai cuốn sách tự luyện tập siêu hình học. Cuối cùng, chân lý! Cuốn sách này giải thích bằng những thuật ngữ đơn giản rõ ràng làm thế nào để bắt đầu học một vài kỹ năng siêu hình và những điều có thể làm, những điều không được làm để đạt được mục tiêu đó. Các nội dung được nói tới gồm du hành bằng thể vía, thần giao cách cảm, thấu thị, hào quang và nhiều hơn nữa.

7. Trí tuệ người xưa - (Wisdom of the Ancients – Lần đầu xuất bản năm 1965) là cuốn sách thứ hai trong hai cuốn sách tự luyện tập siêu hình học. Trong cuốn sách này Lobsang giải thích ý nghĩa hoặc nhiều từ huyền bí theo một dạng dễ hiểu cho người phương Tây. Nhiều bài tập về thở, về đá, về chế độ ăn kiêng và tại sao bạn không nên tập thể dục.

8. Chiếc áo cà sa - (The Saffron Robe – Lần đầu xuất bản năm 1966) cuốn sách đưa ra nhìn sâu sắc hơn nữa vào cuộc sống của Bác sĩ Rampa trong Lạt ma viện với người Thầy cao quý của ông, Đại Đức Lạt Ma Mingyar Dondup. Nguồn gốc của Phật giáo, với những câu chuyện có thực về Thái tử Gautama, và làm thế nào Ngài trở thành Đức Phật với Tứ diệu đế.

9. Các chương của cuộc đời - (Chapters of Life – Lần đầu xuất bản năm 1967) Bác sĩ Lobsang nói về các chiều, về các thế giới song song và những lời tiên tri, cung cấp cho người đọc một sự hiểu biết sâu sắc hơn. Tác giả cũng trả lời các câu hỏi về tôn giáo nói chung và Kitô giáo nói riêng. Tôn giáo phục vụ một mục đích mà nhiều người bỏ qua khi chúng ta có thể thấy rõ xã hội và cộng đồng đang ngày càng mục nát.

10. Vượt lên chiều thứ mười - (Beyond the Tenth – Lần đầu xuất bản năm 1969) Cuốn sách gồm những câu hỏi và lời giải đáp đầu tiên này. Bác sĩ Rampa đưa ra lời tư vấn, giảng dạy để chăm sóc cho cơ thể vật chất và tinh thần của bạn, mục đích của cuộc sống, cái chết, tái sinh và UFO. Một vài liệu pháp thảo dược cho những căn bệnh thông thường. Bác sĩ Rampa cũng hướng dẫn cách bắt đầu cho những người thực sự muốn biết làm thế nào để nhìn thấy hình ảnh hào quang.

11. Nuôi dưỡng ngọn lửa - (Feeding the Flame – Lần đầu xuất bản năm 1971) mười cuốn sách đầu tiên đã cố gắng để thắp sáng ngọn nến, nhưng bây giờ chúng ta phải nuôi dưỡng ngọn lửa đó, ngọn lửa của cuộc đời. Nhiều câu trả lời cho những câu hỏi của người đọc. Bằng chứng xác thực về luân hồi bằng cách trích dẫn một ví dụ trong lịch sử và giải thích sự kiện đó một cách chi tiết.

12. Ẩn sĩ - (The Hermit – Lần đầu xuất bản năm 1971), Bác sĩ Lobsang gặp một ẩn sĩ mù để tiếp tục việc học của mình và phát hiện về những người đầu tiên sống trên trái đất, những người này được gọi là Người Làm Vườn của Trái Đất. Chúng ta không phải là hành tinh duy nhất có người ở trong thái dương hệ này mà cả trong bất kỳ hệ mặt trời và thiên hà nào khác. Một cái nhìn chân thực sâu sắc về nhà tiên tri Moses và Đức Chúa Giêsu Kitô.

13. Ngọn nến thứ mười ba - (The Thirteenth Candle – Lần đầu xuất bản năm 1972), cuốn sách kể thêm về hành trình trong cuộc đời của Bác sĩ Lobsang. Ông cũng trao đổi chi tiết về vấn đề đồng tính luyến ái, và cũng đưa vào ý kiến của một người đồng tính. Kỹ thuật thở và Chân Ngã được giải thích chi tiết hơn và một vài quan niệm sai lầm về Thầy hướng dẫn Tâm linh. Một lần nữa, ông lại đi sâu hơn vào cách du hành bằng thể vía.

14. Ánh sáng ngọn nến - (Candlelight – Lần đầu xuất bản năm 1973) trong cuốn sách này Bác sĩ Lobsang cho chúng ta biết về con lắc và làm thế nào để sử dụng chúng. Những biểu đồ hoàng đạo và chiêm tinh học. Ông cũng đưa vào nội dung một cuộc họp trước đó với báo chí – được người bạn thân của ông, ông Alain Stanke, sắp xếp. Trả lời các câu hỏi của người đọc và tập trung nhiều về bí ẩn của cuộc sống.

15. Hoàng hôn - (Twilight – Lần đầu xuất bản năm 1975) Lobsang giải thích việc du hành bằng thể vía và các cấp độ của nó. Ông chuyển đến ở Calgary và trả lời nhiều hơn về những bí ẩn của cuộc sống và bí ẩn lớn nhất của Trái đất rộng của chúng ta một cách chi tiết hơn. Bác sĩ Rampa giải thích sử dụng con lắc một cách đúng đắn như thế nào, sức mạnh của lời cầu nguyện, hôn nhân và ly dị, phù thủy và sở hữu, và nhiều, nhiều vấn đề khác.

16. Như là đã xảy ra - (As it Was – Lần đầu xuất bản năm 1976) Cuốn sách này tiếp tục câu chuyện về cuộc đời của Bác sĩ Rampa, từ khi ông sống ở Tây Tạng đến những chuyến phiêu lưu trên toàn cầu. Cũng là CÂU CHUYỆN CÓ THẬT - trực tiếp từ phía bên kia - về cuộc đời của Cyril Henry Hoskins trước khi Bác sĩ Rampa mượn xác Cyril, để giải thích những nhận xét thô thiển rằng ông chỉ là một người thợ sửa ống nước.

17. Tôi tin - (I Believe – Lần đầu xuất bản năm 1977) trong cuốn sách này Bác sĩ Rampa nói về một người tự sát, chính xác những gì sẽ xảy ra, và họ sẽ phải trả như thế nào món nợ mà nó có thể trải dài qua nhiều kiếp sống – mỗi một lần điều kiện sẽ trở nên càng khó khăn hơn nếu họ không học hỏi từ những sai lầm của họ. Bất cứ ai dự tính tự tử nên đọc điều này trước khi hành động quyết liệt như vậy. Bên cạnh đó, ông cũng đưa ra cái nhìn về Thượng Đế từ những quan điểm khác nhau, về Phong trào Giải phóng Phụ nữ, nơi phụ nữ bắt đầu đi sai đường.

18. Ba đời sống - (Three Lives – Lần đầu xuất bản năm 1977), cuốn sách kể về những kiếp sống của ba người rất khác nhau và những gì họ cảm nhận được khi chết tùy theo niềm tin nơi họ. Chúng ta sẽ được dẫn theo từng con đường và thấy cuộc hành trình đưa họ đến đâu, cách tất cả chấm dứt tại cùng một nơi. Trước hết là một người vô thần, thứ hai là một Người Do Thái cải sang những giáo phái khác, cuối cùng một tu sĩ Thiên chúa giáo.

19. Nhà thông thái người Tây Tạng - (Tibetan Sage - Lần đầu xuất bản năm 1980) cuốn sách cuối cùng của Bác sĩ Rampa. Ông nhớ lại những trải nghiệm với Thầy của mình trong ngôi đền bên trong hang động của người xưa. Thế giới được bắt đầu như thế nào bởi vụ nổ lớn và Big Bang là gì. Giải thích thêm nó diễn ra như thế nào và các tác hại của dầu khí không phải là nhiên liệu hóa thạch. Đây là những lời cuối cùng của Bác sĩ Lobsang trước khi rời trái đất này để không bao giờ quay trở lại vào tháng 1 năm 1981, ở độ tuổi khoảng từ 271 và 306 tuổi.

LỜI NÓI ĐẦU

Đây là cuốn sách viết về khoa học huyền bí và về những quyền năng của con người. Do được viết một cách đơn giản, dễ hiểu, nên cuốn sách này không có 'những từ lạ', những từ tiếng Sanscrit, hoặc bất cứ từ ngữ nào. Người có trình độ trung bình muốn biết nhiều điều, và không muốn bị buộc phải đoán nghĩa những từ mà ngay cả tác giả thường thường bậc trung cũng không hiểu! Có quá nhiều người bị lạc lối trong những mê cung của sự tán dốt. Quy luật của đời sống là đơn giản, vì vậy quả là vô ích khi bóp méo chúng dưới những tín ngưỡng thần bí hoặc những tôn giáo giả trá. Cũng vô ích không kém khi tự phụ rằng mình đã đạt được 'những mật khải' thiêng

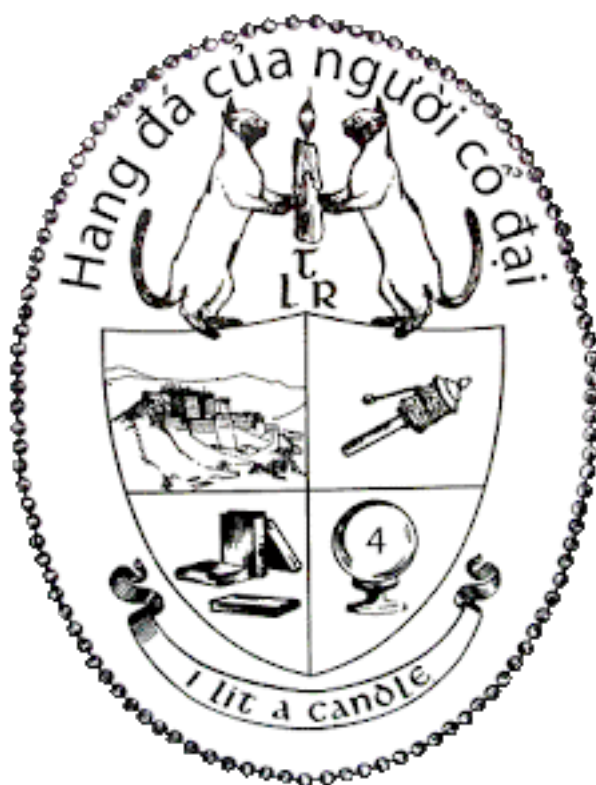
liêng. Bất kỳ ai cũng có thể đạt được 'những mật khải' nếu họ có quyết tâm và chịu khó.

Không tôn giáo nào là tôn giáo duy nhất nắm giữ chìa khoá Thiên đường. Ở Tây Tạng, người ta có thể đọc được trên cửa các tu viện Lạt ma dòng chữ: 'Một vạn tu sĩ, một vạn tôn giáo.' Hãy tin điều mà bạn muốn tin, nhưng hãy biết rằng khi tôn giáo bạn buộc bạn 'phải cư xử với tha nhân theo như bạn muốn người ta cư xử với bạn,' và bạn tuân theo, thì bạn sẽ được ân sủng khi Giờ sau cùng cất tiếng gọi.

Quy luật của đời sống cho biết: 'Hãy tìm và bạn sẽ gặp'.

Cuốn sách này là thành quả của một đời dài, của một sự rèn luyện đã trải qua trong những Tu viện Lạt ma lớn nhất Tây Tạng, và những quyền năng đạt được nhờ biết tuân thủ nghiêm ngặt giới luật. Đây là khoa học đã được giảng dạy bởi các tổ tiên củ chúng ta ngày trước, đã được ghi lại trong các kim Tự Tháp Ai Cập, trong những ngôi Đền lớn ở núi Andes, và ở nơi lưu giữ những tri thức thuộc khoa học huyền bí quan trọng nhất: Cao nguyên Tây Tạng.

T.Lobsang Rampa



Thà thắp một ngọn nến còn hơn nguyên rửa bóng tối

Quốc huy được bao bọc bởi một chuỗi tràng hạt Tây Tạng gồm một trăm lẻ tám hạt tượng trưng cho một trăm lẻ tám cuốn sách của Đại Tạng Kinh Tây Tạng. Bên trong quốc huy mô tả hai con mèo Xiêm đứng trên hai chân sau và cầm một ngọn nến thắp

sáng bằng hai chân trước. Ở phần trên bên trái của quốc huy mô tả cung điện Potala và ở phía trên bên phải, bạn có thể thấy một kinh luân Tây Tạng đang quay, như được thể hiện bởi trọng lượng nhỏ được nâng lên trên bánh xe. Ở phía dưới bên trái của quốc huy có những cuốn sách tượng trưng cho tài năng của nhà văn và kiến thức của tác giả, trong khi ở phía bên phải là một quả cầu pha lê tượng trưng cho các khoa học huyền bí.

Dưới quốc huy là phương châm của T. Lobsang Rampa: "Tôi thắp sáng một ngọn nến."

Với ý nghĩa : Thà thắp một ngọn nến còn hơn nguyện rửa bóng tối.

(1)

Buổi chiều nóng, thật tuyệt vời, nóng một cách khác thường so với mùa này trong năm. Dịu dàng lên trong không gian tĩnh lặng, không một làn gió, là hương thơm ngọt ngào của nhang trầm, thứ hương mang đến cho chúng tôi sự thanh thản. Ở xa xa, đằng sau những đỉnh cao của Himalaya, mặt trời đang lặn trong cảnh huy hoàng của những màu sắc, làm rực đỏ những đỉnh tuyết.

Từ hai đỉnh núi sừng đôi Potala và Chakpori, nơi cư trú của chúng tôi, bóng tối dần dần vươn đến thành phố Lhasa. Ở bên phải, dưới chúng tôi một đàn ngựa thồ đến muện của các thương nhân Ấn đang tiến về phía Pargo Kaling, hay còn gọi là Cửa Tây. Người cuối cùng trong số những người hành hương mộ đạo đang vội vã hoàn tất vài nghi thức ở cung đường Lingkor, như thể sợ rằng sẽ không kịp trước khi tấm màn chung của đêm đen phủ xuống.

Con sông Kyi Chu, hay còn gọi là Dòng Sông Hạnh Phúc, đang trôi nhanh trong chuyến hành trình không cùng của nó về biển, và hắt lên những chớp sáng lung linh, như để tỏ lòng ngưỡng mộ trước một ngày đang hấp hối. Thành phố Lhasa đã được thắp sáng bởi những ánh vàng óng của những ngọn đèn mỡ sữa. Từ Potala rất gần đó, một tiếng kèn vang lên trong buổi hoàng hôn và âm thanh của nó dội lại trên bề mặt lờm chờm đá của thung lũng để vọng về với một âm sắc khác hẳn.

Tôi chiêm ngưỡng cảnh tượng thân quen đó. Tôi ngắm nhìn Potala, nơi lấp lánh hàng trăm cửa sổ, mà phía sau chúng, các tu sĩ thuộc mọi đẳng cấp đang chăm chú tụng niệm kinh chiều. Gần khu các lăng mộ Thếp Vàng, trên đỉnh của toà kiến trúc rộng lớn, có một cái bóng đơn độc, xa xăm, đang đứng gác đêm. Khi những tia nắng cuối cùng của ngày biến mất sau những dãy núi, tiếng kèn lại một lần nữa vang lên, và một điệu hát sâu trầm cất lên từ Đền thờ, thấp hơn đôi chút ở phía dưới. Những vệt ánh sáng sau cùng một ngày mờ đi nhanh chóng và những vì sao xuất hiện trên bầu

trời, lấp lánh như những viên trân châu trên một nền phong màu tím. Một sao băng vể lên bầu trời một đường cong lung linh, rồi toé ra như ngọn pháo bông trước khi rơi xuống đất, dưới dạng một nhúm bụi bốc khói.

Có một giọng nói thân thiện:

- Này Lobsang, đêm đẹp quá!

Tôi vừa đáp vừa vội vã đứng lên chào Lạt ma Mingyar Dondup:

- Vâng, quả là một đêm đẹp trời.

Lạt ma Dondup ngồi xuống gần một bức tường và ra hiệu cho tôi ngồi theo. Chỉ tay về bầu trời, ngài nói tiếp:

- Con có nhận ra rằng người ta - như ta và con chẳng hạn - có thể giống như thế?

Không hiểu câu nói, tôi nhìn vị Lạt ma. Làm sao tôi có thể giống như tinh tú trong bầu trời đêm chứ? Ngài Lạt ma là một người to cao, tráng kiện, với một khuôn mặt thanh cao. Nhưng kể cả ngài cũng không thể giống chút nào với một vì sao! Lạt ma mỉm cười khi thấy vẻ sửng sốt của tôi.

Ngài nói:

- Này Lobsang, như mọi khi cậu vẫn xét những lời của ta theo nghĩa đen của chúng. Ta muốn nói rằng các sự vật không luôn như chúng có vẻ là thế. Nếu con viết câu, 'Om! Ma-ni-pad-me Hum' bằng những chữ rất lớn, lớn đến nỗi chúng phủ kín toàn bộ thung lũng Lhasa, thì người ta sẽ không thể đọc những từ đó và nắm bắt ý nghĩa. (Lạt ma ngưng nói, nhìn tôi để biết chắc tôi đang hiểu những giải thích của Ngài. Rồi ngài nói tiếp) Cũng như thế, đối với các tinh tú. Chúng quá lớn đến nỗi chúng ta không thể biết chính xác chúng được cấu tạo như thế nào.

Tôi cho rằng ngài Lạt ma đã trở nên điên rồi. Các vì sao cấu tạo một điều gì đó ư? Các vì sao là ... là các vì sao, thế thôi! Rồi tôi nghĩ đến một dòng chữ, chữ lớn đến nỗi phủ kín thung lũng, và người ta cũng không thể đọc được do kích cỡ quá lớn của nó.

Lạt ma nói:

- Hãy mừng tượng con đang nhỏ đi, đến nỗi trở thành bé tí, như một hạt cát. Thế thì con sẽ trông thấy ta như thế nào? Giả dụ, con càng trở nên nhỏ bé hơn đến nỗi trước mắt con một hạt cát trông như cả một thế giới? Con sẽ trông thấy ta dưới cái nhìn nào? (Ngài Lạt ma im bặt và liếc nhìn tôi bằng một ánh mắt tinh tường.) À, *con sẽ thấy gì?*

Tôi lặng im, đầu óc bị tê liệt bởi cái ý tưởng đó. Miệng tôi há hốc như con cá mắc cạn.

Lạt ma nói tiếp:

- Này Lobsang, như thế con sẽ thấy một nhóm thế giới bị phân tán rộng, bành bồng trong những vùng tăm tối. Do kích cỡ nhỏ bé của con, con sẽ thấy những phân tử của cơ thể ta bị tách rời bởi một không gian bao la. Con sẽ thấy những thế giới quay tròn chung quanh những thế giới khác. Con sẽ thấy 'những mặt trời' là những phân tử của một số trung tâm siêu linh. Con sẽ thấy một *vũ trụ!*

Đầu tôi co giật. Hẳn cái "cơ chế" ở phía trên lông mày của tôi đang run rẩy, co giật dưới nỗ lực của tôi nhằm có thể hiểu những tiết lộ lạ lùng và lý thú đó!

Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của tôi, đưa tay ra và dịu dàng nâng cằm tôi.

Ngài cười thân thiện và nói:

- Nay Lobsang, do phải khó nhọc mới hiểu được lời ta, nên con phải lác cả mắt! (Ngài cười, ngã người ra sau, dừng lại một lúc. Rồi nói tiếp) Hãy nhìn lớp vải của tấm áo của con. Hãy sờ nó!

Tôi tuân theo. Và cảm thấy buồn cười, tôi xem xét tấm áo cũ đã vá của mình.

Lạt ma nói:

- Đó là thứ vải khá dịu khi ta sờ vào. Con không thể nhìn xuyên qua nó. Nhưng hãy tưởng tượng con đang xem nó bằng một kính lúp có mức phóng cực đại mười lần. Hãy nghĩ đến những sợi len dày của tấm áo, mỗi sợi lớn gấp mười lần hơn thứ con đang thấy, và chúng được xuyên qua bởi ánh sáng. Nhưng, nếu phóng lớn gấp triệu lần tấm vải đó, thì con sẽ có thể cười ngửa xuyên qua nó, và mỗi sợi len hẳn sẽ quá lớn để ta có thể nhảy ngang qua!

Nhờ vào những giải thích của thầy Linh hướng, điều đó đã trở nên sáng tỏ đối với tôi. Tôi gật gù, trầm tư. Cuối cùng, ngài Lạt ma nói:

- Con có vẻ như một bà già lụ khụ!

Tôi hỏi.

- Thừa thầy, thế thì sự sống là một không gian đầy rẫy những thế giới?

- Không hoàn toàn đơn giản như thế. Nhưng con hãy ngồi thoải mái đi đã. Rồi ta sẽ nói cho con nghe điều mà ta và các Lạt ma đã khám phá trong Hang Động của Người xưa.

Nóng lòng vì tò mò, tôi thốt lên:

- Hang Động của Người xưa! Thầy sẽ cho con biết chuyện đó à!

Lạt ma dịu dàng:

- Ừ, từ. Nhưng trước tiên chúng ta hãy nói về Con Người và Sự Sống theo như những Người Xưa đã nhìn thấy những điều đó từ thời lục địa Atlantide.

Điều mà tôi quan tâm hơn cả là Hang Động Của Những Người Xưa, một hang động mà các Lạt ma khả kính đã phát hiện nhân một chuyến thám hiểm. Hang động đó là nơi cất giữ một kho tri thức đồ sộ cùng những vật tạo tác có niên đại thời kỳ rất sớm của Trái Đất. Nhưng hiểu rõ thầy Linh hướng của tôi, nên tôi biết rằng quả là vô ích khi mong ngài sẽ kể cho tôi chuyện đó trước khi ngài đã sẵn sàng. Và lúc này thì ngài chưa sẵn sàng. Bên trên chúng tôi, những vì sao lấp lánh với toàn cảnh vẻ lộng lẫy của chúng. Trong các ngôi đền và các tu viện Lạt ma, các ngọn đèn lần lượt được tắt. Từ rất xa, cất lên tiếng tru như than vãn của một con chó và sau đó là những tiếng sủa đáp lại của đám chó ở làng Sho, phía dưới chúng tôi. Đêm tĩnh lặng, yên bình, không một đám mây nào bay ngang qua vầng trăng vừa lên. Những lá cờ cầu kinh buông thõng, bất động theo những cây cột. Ở một nơi nào đó không thể xác định, có tiếng cóc cóc của một cối kinh mà một tu sĩ do mù quáng bởi mê tín và vô minh, đã quay nó với hy vọng hão huyền đạt được ân huệ của các thần linh.

Âm thanh đó khiến vị Lạt ma, thầy Linh hướng của tôi, mỉm cười.

- Mỗi người hành động tùy theo niềm tin của mình, nhu cầu của mình. Đối với nhiều người, những nghi lễ tôn giáo long trọng là một người an ủi, và chúng ta không nên lên án những ai chưa tiến đủ xa trên con đường của Đạo, và không đủ sức đứng vững nếu không có chỗ nương tựa. Nay Lobsang, ta sẽ nói cho con biết về bản tính của Con Người.

Tôi cảm thấy rất gần với vị Lạt ma này. Tôi chăm chú lắng nghe để xứng với sự tin tưởng của Ngài.

Lạt ma nói:

- Toàn bộ thế giới được hình thành bằng những dao động. Mọi sự sống, và tất cả những vật vô tri chỉ là dao động. Himalaya hùng vĩ đến thế cũng chỉ là một khối những hạt lơ lửng mà không hạt nào có thể chạm đến hạt nào. Thế giới này, vũ trụ, được hình thành từ những hạt vật chất cực nhỏ, mà xoay tròn quanh chúng là những hạt vật chất khác. Cũng như các thế giới đang xoay quanh mặt trời của chúng ta luôn giữ cùng một khoảng cách và không bao giờ va chạm nhau, thì cũng vậy đối với tất cả những gì đang tồn tại gồm những thế giới đang trong chuyển động quay vòng.

Vị Lạt ma ngưng nói và nhìn tôi. Có lẽ Ngài đang thầm nghĩ liệu những điều đó có vượt quá tầm hiểu biết của tôi. Nhưng tôi có vẻ bất kịp những lời của Ngài.

Ngài nói tiếp:

- Những bóng ma mà những người thấu suốt như chúng ta có thể nhận ra trong Đền thờ là những con người sinh động, đã rời khỏi cái thế giới này và đi vào một trạng thái mà những phân tử đã phân tán bất động đến nỗi 'ma' có thể ngang qua những bức tường dày mà không chạm phải một phân tử nào vào tường.

- Thưa thầy, tại sao chúng ta rùng mình khi có một 'bóng ma' ngang qua gần chúng ta?

- Mỗi phân tử, mỗi hệ mặt trời và hành tinh đều được bao quanh bởi một điện tích, không phải thứ điện tích do con người tạo ra bằng máy móc, nhưng là loại điện tích tinh tế hơn, thứ mà chúng ta có thể trông thấy vào một số đêm khi nó lấp lánh ngang qua bầu trời. Cũng như Trái Đất có ánh sáng địa cực, hay cực quang của nó ở hai cực, thì cũng vậy, hạt nhỏ nhất của vật chất cũng có những 'cực quang' của nó. Một 'bóng ma' khi tiến đến quá gần chúng ta, tạo ra một va chạm nhẹ vào vầng khó huyền bí (aura) bao quanh chúng ta và vì thế chúng ta rùng mình.

Quanh chúng tôi là màn đêm tĩnh lặng, không một làn gió. Một sự thinh lặng bao trùm mà người ta chỉ có thể nhận ra dễ dàng ở những xứ như Tây Tạng.

Tôi hỏi:

- Vầng khí huyền bí bao quanh mỗi con người có phải là một điện tích?

Lạt ma Linh hướng của tôi gật đầu:

- Đúng. Ở những nước ngoài Tây Tạng, nơi những đường dây điện cao thế được kéo ngang dọc trên khắp lãnh thổ, các kỹ sư quan sát và nhận thấy có một 'hiệu ứng vành tròn'. Trong 'hiệu ứng vành tròn' đó, những đường dây điện có vẻ như được bao quanh bởi một vành tròn hay là một vầng khí vô hình sáng xanh nhạt. Người ta quan sát nó vào những đêm tối trời nhưng, dĩ nhiên, những người thấu thị có thể trông thấy nó vào bất cứ lúc nào. (Vị Lạt ma nhìn tôi với vẻ trầm tư.) Rồi đây, khi con đến

Trùng Khánh để học y khoa, con sẽ sử dụng một dụng cụ nhằm ghi lại những sóng điện của não. Mọi sự sống, tất cả những gì đang tồn tại, đều là dạng năng lượng xuất hiện trong các hạt nhất định và dao động.

Tôi nói:

- Đến đây thì con không hiểu được nữa. Tại sao sự sống có thể là sự dao động và dạng năng lượng xuất hiện trong các hạt nhất định? Con có thể hiểu điều này nhưng không thể hiểu điều kia.

Vị Lạt ma cười và nói:

- Nay Lobsang thương mến của ta, không thể nào có dạng năng lượng xuất hiện trong các hạt mà không có dao động, không có sự chuyển động! Chính sự *chuyển động* tạo ra năng lượng đó. Do vậy cả hai đều gắn kết mật thiết với nhau. (Vị Lạt ma thấy vẻ bối rối của tôi và đọc được những ý nghĩ của tôi nhờ vào khả năng ngoại cảm của Ngài). Ngài nói: Không phải bất cứ dao động nào đến cũng được! Ta sẽ cho con một ví dụ; hãy tưởng tượng một bàn phím của một nhạc cụ trải dài từ đây đến vô tận. Sự dao động mà chúng ta cho rằng bền vững sẽ được thể hiện bởi một nốt nhạc trên bàn phím đó. Phím thứ hai có thể thể hiện âm thanh, và phím thứ ba thể hiện sự nhìn thấy. Những nốt khác sẽ nêu lên những tình cảm, những cảm nhận, những lẽ sống, mà chúng ta không thể hiểu bao lâu chúng ta còn sống trên trần gian này. Một con chó có thể nghe thấy những âm thanh ở cường độ mà con người không thể nghe được, và con người có thể nghe thấy những âm thanh ở cường độ mà chó không thể nghe được. Người ta có thể nói với một con chó những từ mà, theo một cường độ, nó có thể hiểu nhưng con người không thể hiểu. Chính như thế mà những người của thế giới tâm tinh giao tiếp với những người đang sống trên trần gian này, khi người trần gian có được một khả năng đặc biệt để thấu thính. Kể từ khi ta vào Hang Động của Người Xưa và có dịp thử những dụng cụ tuyệt vời, vẫn còn nguyên vẹn từ thời châu lục Atlantide, thì ta thường cảm thấy thích thú khi nghĩ đến một quái vật. Ta thích thích thú nghĩ đến hai tạo vật nhỏ, nhạy cảm, nhỏ hơn cả con virut nhỏ nhất. Không cần nghĩ đến hình dạng của chúng, nhưng hãy giả dụ một cách đơn giản rằng chúng có trí tuệ và có những bộ phận rất nhạy cảm. Hãy tưởng tượng chúng đang đứng trên một không gian trống của thế giới cực nhỏ của chúng, như chúng ta lúc nàu, và chúng nói với nhau, ‘Đêm đẹp quá! A thốt lên khi ngắm bầu trời. B đáp, ‘Đúng vậy. Tôi tự hỏi ý nghĩa của Đời sống là gì, chúng ta là gì, và chúng ta đi về đâu.’ A trầm tư, mắt nhìn chăm chăm những vì sao. ‘Những thế giới vô hạn, hàng triệu, hàng tỉ thế giới! Tôi thắc mắc không hiểu có bao nhiêu trong số chúng là có sinh vật đang sống.’ B áp úng, ‘Thật là phi lý! Phạm thánh! Nực cười! Bạn biết đấy, duy chỉ Trái Đất này mới có sự sống mà thôi! Bộ các giáo sĩ không nói với chúng ta rằng chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa hay sao? Và làm sao có thể có một sự sống khác trừ khi sự sống đó y hệt như sự sống của chúng ta? Không, không thể nào. Bạn điên rồi!’ Nhưng A đã bỏ đi trong khi lẩm bẩm: ‘Bạn biết đấy, họ có thể làm. Họ có thể đã rất làm!’ (Lạt ma Mingyar Dondup mỉm cười và nói với tôi) Phần tiếp theo của câu chuyện của ta là: Tại một phòng thí nghiệm ở một nơi xa xôi nào đó, dành cho một khoa học xa lạ với chúng ta có những kính hiển vi cực mạnh,

và ở đó có hai nhà khoa học đang làm việc. Một trong hai người đó đang cúi mình, dán mắt vào siêu kính hiển vi, rồi giật mình nói với người phụ tá: ‘Đến xem này Chan. Hãy xem cái này!’ Chan đứng dậy, bước đến bên trường phòng đang có vẻ rất kinh ngạc, và ngồi xuống trước kính hiển vi. Trường phòng nói: ‘Hãy xem đi, tôi có một phần triệu hạt Sunfat chỉ trên tấm này.’ Chan chỉnh các nút và ngạc nhiên thốt lên: ‘Trời! Cứ như quan sát vũ trụ bằng kính thiên văn. Có một mặt trời chói lọi, những hành tinh trên quỹ đạo của chúng!...’ Trường phòng nói bằng giọng nghĩ ngợi: ‘Tôi thà nghĩ, liệu một ngày nào đó, chúng ta có thể có những kính viễn vọng đủ mạnh để có thể quan sát riêng một thế giới. Tôi thắc mắc, liệu có sự sống ở nơi đó!’ Chan đột ngột đáp lại: ‘Nào! Ngoài sự sống của chúng ta đây, chẳng thể có một sự sống có trí tuệ nào khác. Đó là điều không thể. Bộ các kinh mục đã không nói cho chúng ta biết rằng chúng ta đã được tạo nên theo hình ảnh của Thiên Chúa hay sao? Thế thì làm sao có thể có một sự sống có trí tuệ từ nơi ấy?’

Ở phía trên chúng tôi, các tinh tú vẫn tiếp tục cuộc hành trình mãi mãi, bất tận của chúng. Mỉm cười, Lạt ma Dondup lục lọi tung túi áo cà sa của ngài và lấy ra một hộp diêm quẹt, một thứ quý giá mang về từ Ấn Độ. Một cách từ tốn, ngài Lạt ma rút ra một que diêm, giơ ra và vui vẻ nói:

- Để ta cho con rõ về sự Sáng Thế. (Ngài đánh que diêm vào thành hộp và, khi que diêm bốc cháy, ngài đưa nó lên. Rồi ngài thổi vào và que diêm tắt ngúm...) Ngài nói, ‘Tạo dựng, huỷ diệt. Cái đầu que diêm bốc cháy đã phát ra hàng ngàn hạt và mỗi hạt đã bùng nổ trong khi tách rời những hạt kề cận nó. Mỗi hạt là một thế giới đầy đủ, toàn bộ tạo thành một Vũ Trụ. Và Vũ Trụ không còn tồn tại khi ngọn lửa tắt ngúm. Liệu con có thể khẳng định rằng những thế giới đó là không có sự sống? (Tôi bối rối nhìn ngài, không biết phải trả lời sao.) Ngày Lobsang, nếu những hạt đó là những thế giới, và chúng có sự sống, thì vì sự sống đó các thế giới hẳn phải tồn tại trong nhiều triệu năm. Phải chăng chúng ta chỉ là một que diêm được đốt cháy? Phải chăng chúng ta đang sống ở trần gian này, với những niềm vui và những nỗi buồn của chúng ta - nhất là những nỗi buồn phiền! - trong khi nghĩ rằng thế giới này hẳn không có kết thúc? Con hãy suy nghĩ về điều đó, Và ngày mai chúng ta sẽ nói tiếp.

Vị Lạt ma đứng dậy và bỏ đi. Bằng đôi chân lão đảo, tôi ngang qua mái bằng của tu viện và dò dẫm tìm phần ngô lên của cái thang dẫn xuống phía dưới. Thang của xứ tôi không giống những cái thang người ta sử dụng ở phương Tây, nó là những cái cột được khoét những cái khắc - những bậc ở từng vị trí. Tôi tìm thấy cái bậc đầu tiên, bậc thứ hai, và bậc thứ ba, rồi tôi bị trượt chân ở cái nơi mà ai đó đã làm đổ dầu đốt đèn. Tôi lộn nhào và ngã lăn ra đất, khiến tôi thấy cả trăm vì sao như nổ tung, và làm các tu sĩ đang ngủ phải giật mình. Một bàn tay đột ngột ló ra từ bóng tối, xô mạnh tôi, làm đầu tôi đau nhức như búa bổ. Tôi vùng dậy và lén trốn vào chỗ tối gần đó. Cổ không gây ra tiếng động, tôi rón rén tìm một nơi để ngủ. Được bao bọc bởi chiếc cà sa, tôi chìm vào giấc ngủ. Tiếng những bước chân nhanh, tiếng tù và, và những tiếng chuông bạc chẳng thể lôi tôi ra khỏi giấc ngủ.

Trời đã sáng tỏ khi tôi bị đánh thức bởi một ai đó đang nện tôi nhiều cú đá. Tôi mơ hồ mở mắt và trông thấy bộ mặt của một chú tiểu to lớn.

- Dậy đi! Dậy đi! Người gì mà lười thế!

Vừa nói, y vừa bồi cho tôi thêm một cú đá! Tôi đưa tay túm lấy mắt cá chân của y và vặn. Có tiếng xương răng tắc. Chú tiểu ngã xuống đất và gào lên:

- Tu viện trưởng! Tu viện trưởng! Ngài muốn gặp mày, đồ ngu ngốc hung ác!

Đá cho hấn một phát để trả thù những gì mà hấn đã dành cho tôi, tôi phủ áo và vội vã bỏ đi. Tôi lẩm bẩm, 'Không được ăn sáng! Tại sao người ta lại muốn gặp tôi vào đúng cái giờ cần phải ăn?'

Tôi chạy dọc theo những hành lang dài bất tận, và làm cho vài vị tu sĩ lớn tuổi suýt phải đứng tim vì kinh ngạc. Nhưng tôi đã đến phòng Tu viện trưởng trong một thời gian kỷ lục. Tôi ào vào, quì gối xuống và nghiêng mình một cách kính cẩn.

Tu viện trưởng đang đọc bản lý lịch của tôi, và có lúc tôi nghe thấy ngài đang nén một tiếng cười.

Ngài nói với tôi:

- À, đây là cậu trai đã rơi xuống từ vách đá, bơi mồi lên cà kheo, và gây ra nhiều xáo trộn hơn bất cứ một môn sinh nào khác. (Ngài ngưng lại và nhìn tôi bằng ánh mắt nghiêm nghị.) Nhưng con đã học khá, rất khá. Những khả năng về siêu hình học của con đã đạt đến mức, và con đã có rất nhiều tiến bộ trong những nghiên cứu mang tính kinh viện đến nỗi ta phải trao cho Đại Lạt ma Mingyar Dondup nhiệm vụ dạy thêm cho con. Giờ đây, con hãy đến trình diện với Ngài Lạt ma, thầy Linh hướng của con.

Sau khi khoác tay ra hiệu cho tôi rời phòng, Tu viện trưởng lại tiếp tục chăm chú vào những tờ giấy của ông. Cảm thấy nhẹ nhõm vì không một 'tội lỗi' nào trong vô số tội lỗi của tôi bị phát hiện, tôi vội vã chuồn nhanh. Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của tôi, đang chờ. Liếc nhìn tôi bằng một ánh mắt xuyên thấu khi tôi bước vào, Lạt ma hỏi:

- Con đã ăn sáng chưa?

- Chưa, thưa Ngài. Tu viện trưởng đã cho người gọi con khi con đang ngủ ... và giờ đây con đang đói!

- À! Trông con có vẻ thối mệ. Nào, hãy đi ăn đi, rồi trở lại ngay.

Lạt ma Dondup không cần phải nói thêm lần nữa. Tôi đang đói và đó là một cảm giác gây khó chịu. Dẫu cái đói là điều đã được tiên báo cho số kiếp của tôi, nhưng có điều là nó đã đeo đẳng tôi trong nhiều năm trong đời.

Ấm lòng sau một bữa ăn ngon, nhưng có phần lo sợ bởi công việc khó khăn đang chờ, tôi quay về phòng Lạt ma Mingyar Dondup. Thấy tôi vào, ngài đứng lên và nói:

- Nào, chúng ta đi Potala và sẽ qua một tuần ở đó.

Đi trước tôi, Lạt ma Dondup ra khỏi sảnh để đến bên một tu sĩ có nhiệm vụ chăm sóc ngựa đang chờ ngài cạnh hai chú ngựa. Tôi rầu rĩ liếc nhìn chú ngựa được dành cho tôi. Nó nhìn tôi bằng đôi mắt có phần rầu rĩ hơn, bởi hình như nó đang có một cảm nghĩ hơi tệ về tôi. Tôi nhảy lên yên, nghĩ rằng chuyến đi chắc sẽ không mấy tốt đẹp, bởi hai chú ngựa trông có vẻ cứng cáp, dễ dao động và khó kiểm hãm. Đã vậy, cưỡi ngựa không phải là tài của tôi.

Chúng tôi đi xuống theo con đường mòn của sườn núi xuất phát từ Chakpori. Rồi vượt qua con đường Mani Lakhang, với Pargo Kaling ở bên phải, chúng tôi đến làng Shom nơi thầy Linh hướng của tôi dừng lại một lúc để nghỉ chân. Sau đó, chúng tôi trèo lên những bậc thang dốc đứng của Potala. Dẫn ngựa leo lên các bậc thang là điều chẳng thú vị gì. Một dòng liên tục gồm các nhà sư, các Lạt ma và du khách không ngừng tiến lên hoặc đi xuống theo các bậc thang; một số dừng lại để ngắm cảnh; số khác, có lẽ vừa được tiếp kiến Đức Dalai Lama, nên đầu óc vẫn còn suy nghĩ vẫn vơ về cuộc gặp đó. Sau khi leo hết các bậc thang, chúng tôi dừng lại và tôi ngồi bệch xuống đất, nhẹ nhõm. Chú ngựa đáng thương hí lên một tiếng đầy chán chường và quay lưng về phía tôi.

Rồi chúng tôi tiếp tục tiến lên, leo hết cái thang này đến cái thang khác, đến khi lên đến tầng trên của Potala, nơi Lạt ma Mingyar Dondup có một chỗ để thường trú, gần Sân Khai học. Sân đó có chứa nhiều máy móc lạ thường có nguồn gốc từ nhiều nước trên thế giới, nhưng lạ thường hơn cả trong số đó là những cái máy có niên đại rất xa xưa. Cuối cùng, chúng tôi đến nơi đã định, và ở đây tôi được dành cho một căn phòng.

Từ cửa sổ phòng tôi, ở trên cao Potala, tôi có thể ngắm thành phố Lhasa và thung lũng. Ở xa là đại thánh đường (Jo Kang) với mái dát vàng lấp lánh. Con đường vòng quanh, hay Longkor, trải ra tận chân trời, và tạo thành một vòng cung bao quanh thành phố Lhasa. Đám đông những người hành hương mộ đạo đang vội vã tiến đến để cúi rạp mình trước nơi cất giữ lớn lao nhất các tri thức huyền bí của thế giới này. Tôi lấy làm mừng vì có một thầy Linh hướng uyên bác như Lạt ma Mingyar Dondup, bởi nếu không có ngài, tôi chỉ là một tu sinh như bao tu sinh khác, sống trong một nhà ngủ âm u, thay vì ở đây, một nơi hầu như là trên mái nhà của thế giới. Bỗng nhiên, một cách đột ngột đến nỗi tôi phải thốt lên một tiếng kinh ngạc, có hai bàn tay vững mạnh nắm lấy tôi và nhắc bổng tôi lên. Một giọng trầm nói với tôi:

- À, đó là những gì con đang nghĩ về thầy Linh hướng của con ư? Có phải nhờ có Thầy mà con được sống trên cao của Potala này?

Vị Lạt ma bật cười trước những phản ứng của tôi, và vì quá kinh ngạc, nên tôi không nhận ra rằng Lạt ma đã biết những điều tôi nghĩ về ngài!

Lạt ma nói tiếp:

- Ta và con đã được gắn kết, chúng ta đã quen biết nhau trong kiếp trước. Trong kiếp đó con đã đạt được mọi tri thức cần có và giờ đây con chỉ cần làm sáng tỏ ký ức. Chúng ta đang có việc cần phải làm. Hãy vào phòng ta.

Tôi vuốt thẳng áo và vội vã đi về phòng thầy Linh hướng. Ngài ra hiệu cho tôi ngồi xuống, và sau khi tôi đã ngồi, Ngài nói với tôi:

- Con đã suy nghĩ về bản chất của Sự Sống, và về cuộc nói chuyện của chúng ta đêm qua?

Cúi đầu, tôi bối rối đáp:

- Thưa thầy, con đã ngủ, và sau đó Tu viện trưởng đã cho người gọi con. Tiếp theo, thầy muốn gặp con, rồi con đi ăn, và thầy lại muốn gặp con. Vì vậy, con không có thời gian để nghĩ đến bất cứ chuyện gì!

Lạt ma mỉm cười:

- Rồi chúng ta sẽ xét đến những ảnh hưởng của thực phẩm. Nhưng trước tiên, chúng ta hãy quay trở lại với cuộc bàn luận của chúng ta về sự Sống.

Lạt ma ngưng nói và đưa tay về hướng một cuốn sách được viết bằng thứ tiếng nước ngoài. Giờ đây, tôi biết đó là tiếng Anh. Ngài lật qua các trang, và cuối cùng tìm thấy điều mà ngài đang tìm. Rồi, trao cho tôi cuốn sách được mở ra ở trang có minh hoạ, ngài hỏi tôi có biết cái gì đó không. Tôi nhìn hình ảnh, mà đối với tôi có vẻ tầm thường, và sau đó tôi đọc những chữ nước ngoài viết ở phía dưới. Chúng chẳng có ý nghĩa gì với tôi. Trả lại Lạt ma cuốn sách, tôi nói:

- Thưa Lạt ma khả kính, ngài biết con không thể đọc những dòng chữ đó.

- Nhưng con có thể nhận ra hình ảnh chứ?

- Vâng. Hình đó chỉ đơn giản là một vị Thần của Tự Nhiên, chẳng khác gì những vị thần ở đây.

Tôi càng lúc càng thắc mắc. Chẳng hiểu ngài Lạt ma muốn bàn đến điều gì đây?

Lại mở ra cuốn sách, Lạt ma nói:

- Ở một xứ xa xôi, bên kia các đại dương, người ta thường đánh mất cái khả năng trông thấy các Thần của Tự nhiên. Nếu ai đó có trông thấy, thì sẽ bị những người khác chế nhạo và cho rằng người đó là thấy ma thấy Quỷ! Người phương Tây không tin vào những cái mà họ không thể phân tích, nắm trong tay, hoặc nhốt vào trong một cái chuồng. Ở phương Tây, một sức mạnh của Tự nhiên thì được gọi là “tiên, và người ta không tin những chuyện thần tiên.

Tôi sửng người vì kinh ngạc. Tôi có thể nhìn thấy những Hồn trong mọi lúc và đối với tôi đó là cực kỳ bình thường. Tôi lắc đầu để có thể tỉnh táo hơn. Lạt ma Ming-yar Dondup nói tiếp:

- Như ta đã nói với con tối qua, mọi sự sống đều được cấu tạo bằng một vật chất được kích thích bởi những dao động nhanh làm phát sinh điện tích; dạng năng lượng xuất hiện trong các hạt nhất định và do đó trong các vật thể lớn hơn, là sự sống của vật chất. Tựa như trong âm nhạc, có nhiều quãng tám. Hãy mừng tượng con người ngoài đường đang dao động ở một quãng tám nào đó; một Thần của Tự nhiên và một hồn ma thì dao động ở một quãng tám cao hơn. Do đời sống, ý tưởng và niềm tin của con người bậc trung là ở cùng một quãng tám, nên họ không thể trông thấy những sinh linh đang dao động ở những quãng tám khác.

Tôi mân mê vạt áo cà sa, và nghĩ ngợi. Đối với tôi, tất cả điều đó hình như chẳng có nghĩa gì. Tôi có thể trông thấy các hồn ma và những Sức Mạnh của Tự Nhiên, do đó bất cứ ai cũng có thể trông thấy chúng. Đọc thấy những ý nghĩ của tôi, Ngài Lạt ma nói:

- Phần con, con có thể trông thấy vầng khí huyền bí bao quanh (aura) của những con người. Hầu hết mọi người đều không thể thấy vầng khí đó. Phần con, con có thể trông thấy những Thần của Tự Nhiên và những hồn ma, mà đa số người khác không thể thấy. Những đứa trẻ có thể trông thấy những điều đó vì những người nhỏ tuổi dễ thụ cảm hơn. Rồi dần dà khi đứa trẻ lớn lên, những phiền muộn của đời sống làm cho nhận thức của nó trở nên thô thiển. Ở phương Tây, khi một đứa bé kể cho cha

mẹ nghe rằng nó đã vui chơi cùng các Thần – Bè Bạn, thì nó sẽ bị phạt vì tội nói dối, hoặc bị chế nhạo vì tưởng tượng thái quá! Quá bỡ ngỡ trước sự đối xử như thế, nên cuối cùng đứa trẻ phải tự nhủ rằng quả là nó đã tưởng tượng ra mọi chuyện. Phần con, vì đã được rèn luyện một cách đặc biệt, nên con có thể trông thấy những hồn ma và những Sức Mạnh Của Tự Nhiên, và con sẽ mãi trông thấy chúng... cũng như con sẽ mãi có thể trông thấy vàng khí huyền bí bao quanh con người.

Tôi hỏi:

- Vậy những Thần chăm sóc các loài hoa thì có giống như chúng ta?

- Giống chứ, chỉ có điều là họ dao động nhanh hơn và những hạt vật chất của họ phân tán hơn, chính vì thế mà con có thể thọc tay qua họ, tựa như con có thể cho tay ngang qua một tia nắng mặt trời.

Tôi thắc mắc:

- Thầy có bao giờ chạm vào một hồn ma?

- Có chứ. Đó là điều có thể nếu ta gia tăng tần số của những dao động của mình. Rồi ta sẽ cho con biết.

Lạt ma Dondup chạm vào cái chuông bạc của Ngài, quà của Tu viện trưởng, một tu viện được biết đến nhiều nhất ở Tây Tạng. Tu sĩ-phục vụ chúng tôi không phải tsampa mà là trà Ấn. Lạt ma Mingyar Dondup đã chu du nhiều nơi trên thế gian này cũng như trong thế giới của các thiên thể và một trong những sở thích rất hiếm hoi của ngài là trà Ấn. Một sở thích mà tôi hoàn toàn ủng hộ.

Sau khi thưởng thức bát trà, ngài Lạt ma nói:

- Một hôm, các nay đã rất lâu, khi ta còn trẻ, ta cũng vội vã chạy dọc theo hành lang Potala ... y hệt như con ngày nay vậy. Lúc đó, ta đang trễ buổi tụng kinh phục vụ, và ta kinh hoàng khi thấy có một Tu viện trưởng to lớn chắn ngang lối đi. Ngài ấy cũng đang vội! Ta không kịp tránh ngài. Tu viện trưởng đó cũng kinh hoàng chẳng khác gì ta. Tuy nhiên, do quá kinh ngạc nên ta vẫn tiếp tục chạy, và đến gần kịp giờ tụng kinh, dấu sao, không quá trễ.

Tôi bật cười khi nghĩ đến vị Lạt ma khả kính đang phi nước đại! Ngài mỉm cười nói tiếp:

- Muộn hơn, vào chiều hôm ấy, ta nghĩ đến chuyện đã xảy ra, và thầm hỏi, "Tại sao ta không chạm đến một hồn ma chứ"? Càng suy nghĩ, ta càng dứt khoát phải chạm cho được vào một hồn ma. Ta cẩn thận đề ra kế hoạch, ta đọc tất cả những sách cổ chép tay viết về vấn đề đó. Ta cũng tìm đến một cụ già rất thông thái, sống trong một hang động trên đỉnh các ngọn núi để hỏi ý kiến. Cụ ấy đã dạy cho ta rất nhiều điều, đã đưa ta đi đúng đường, và ta sẽ lặp lại cho con những điều mà cụ ấy đã nói với ta, bởi sự chỉ dạy của cụ có liên quan trực tiếp đến đề tài mà chúng ta đang bàn: Sự tiếp xúc với các hồn ma. (Lạt ma Dondup rót thêm trà vào bát và uống một ngụm trước khi nói tiếp) Như ta đã nói với con, Sự Sống gồm một khối lượng những hạt, những thế giới nhỏ quay chung quanh những mặt trời nhỏ. Sự chuyển động làm phát sinh một chất mà, do thiếu một từ chính xác hơn, nên chúng ta sẽ gọi là điện năng. Khi ăn uống một cách có hiểu biết hơn, chúng ta có thể gia tăng nhịp độ của những dao động của chúng ta. Một chế độ ẩm thực lành mạnh giúp cải thiện sức khỏe và

gia tăng số lượng những dao động cơ bản. Như vậy, chúng ta tiến gần đến con số của những dao động được phát ra từ một hồn ma.

Vị Lạt ma ngưng nói và lại thắp một nén nhang. Sau khi để ý xem đầu nhang đã cháy đều, ngài hướng sự chú ý về tôi:

- Mục tiêu duy nhất của nhang là làm gia tăng nhịp độ của những dao động trong vùng mà nó được đốt lên, và gia tăng những dao động của những người đang có mặt trong vùng đó. Khi sử dụng nhang một cách phù hợp, bởi mỗi loại nhang tương ứng với một dao động nhất định, thì chúng ta có thể đạt được những kết quả nhất định. Trong một tuần, ta đã nghiêm túc tuân thủ một chế độ ăn chay giúp gia tăng tần số của ta. Con hẳn không ưa một chế độ ăn chay nghiêm khắc như thế, có phải?

Tôi thâm nghĩ, không, một bữa ăn ngon thì thích hơn là chạm vào một hồn ma!

Vị Lạt ma nói tiếp:

- Đến cuối tuần đó, ta xuống Nội Điện và đốt nhang, khăn vái một hồn ma đến chạm vào ta. Thế rồi, bất chợt, ta cảm thấy có hơi nóng của một bàn tay thân thiện đặt lên vai ta. Quay lại để xem ai đang quấy phá những suy niệm của ta, ta suýt phải nhảy nhóm khi thấy hồn ma của một người đàn ông đã chết” hơn một năm trước đó.

Lạt ma Dondup im bật. Rồi bật cười khi nhớ đến cái sự cố đã xảy ra từ lâu đó.

Ngài nói tiếp:

- Này Lobsang! Vị Lạt ma già đã chết đó cười vào mặt ta, và hỏi tại sao ta phải khổ công đến thế, trong khi tất cả những gì mà ta cần là đi vào thế giới của các thiên thể, thế thôi! Ta đã thú nhận rằng ta cảm thấy mình tự làm tổn thương về mặt tinh thần khi nghĩ rằng ta không tìm thấy một giải pháp hiển nhiên nào. Như con đã biết, để tiếp xúc với các hồn ma và những Thần của Tự Nhiên, chúng ta phải thực sự đi vào thế giới thuộc các thiên thể.

Tôi nói:

- Hẳn nhiên, thầy đã nói với hồn ma đó bằng thần giao cách cảm, nhưng con thì chẳng biết chút gì về thuật ngoại cảm đó. Con phải thực hành thần giao cách cảm, nhưng bằng cách nào đây?

Vị Lạt ma bật cười:

- Lobsang à, con đang nêu lên những thắc mắc khó giải đáp nhất. Những điều đơn giản nhất là những điều khó giải thích nhất. Hãy cho ta biết con giải thích thế nào về quá trình hô hấp? Con đang hít thở như mọi người, nhưng làm sao giải thích quá trình đó?

Tôi cúi đầu với vẻ cả thẹn. Tôi biết tôi đã thường xuyên nêu lên những câu hỏi, nhưng đó là cách duy nhất để tôi có thông tin. Hầu hết những tu sinh khác không quan tâm đến các vấn đề đó, đối với họ, điều quan trọng là có cái ăn và không phải làm việc quá nặng nhọc. Tôi thì muốn nhiều hơn. Tôi thèm khát tri thức.

Lạt ma nói tiếp:

- Bộ não của con người cũng tựa như một cái radiô, tựa như cái máy mà Marconi đã dùng để gửi các thông điệp xuyên đại dương. Tập hợp của những hạt và những điện tích, vốn hình thành một con người, nhận những lệnh từ hệ điện tử, hay radiô của bộ não. Khi một người sắp cử động một cánh tay hoặc chân, thì những dòng

điện lan truyền dọc theo những thần kinh thích hợp để kích thích các cơ và truyền cho chúng xung lực cần có. Cũng vậy, khi một người đang suy nghĩ thì những song điện tử - bốc lên từ phần trên của phổ radiô – toả ra từ bộ não. Một số thiết bị có thể dò tìm những phát quang đó, và có thể ghi lại trên cái mà các bác sĩ phương Tây gọi là những tuyến alpha, beta, delta và gamma.

Tôi gật đầu. Các Lạt ma-y sĩ đã cho tôi biết tất cả những điều đó.

Lạt ma Dondup tiếp tục:

- Vậy thì, những người nhạy cảm có thể dò tìm những phát quang đó và giải đoán chúng. Ta đọc thấy những ý nghĩ của con, và một khi con cố công, con có thể đọc được những ý nghĩ của ta. Khi hai người càng thân thiết, càng hoà hợp với nhau, thì họ càng dễ đọc được những phát quang đó của não, vốn là những ý nghĩ. Và, vậy là chúng ta có hiện tượng thần giao cách cảm. Những cặp song sinh thường liên lạc với nhau qua thần giao cách cảm. Những cặp song sinh đồng hợp tử (hai gen đồng dạng) liên lạc qua thần giao cách cảm mật thiết với nhau đến nỗi khó có thể biết một ý tưởng đã phát sinh từ người nào trong hai người.

Tôi nói:

- Thừa thầy khả kính, như thầy đã biết, con có thể đọc trong tâm trí của hầu hết mọi người. Tại sao vậy? Phải chăng có nhiều người khác cũng có khả năng đó?

- Lobsang à, con là một người đặc biệt có tư chất và được chỉ dạy một cách đặc biệt. Tất cả những phương pháp mà chúng ta áp dụng là nhằm gia tăng những khả năng của con, bởi trong kiếp này của con phải thực hiện một nhiệm vụ khó khăn. (Vị Lạt ma lắc đầu với vẻ nghiêm trọng). Thật vậy, đó là một nhiệm vụ rất khó khăn. Nay Lobsang trong những thời rất xa xưa, nhân loại có thể giao tiếp với thế giới động vật qua thần giao cách cảm. Trong những năm sắp đến, khi hấn biết chiến tranh là điên rồ đến thế nào, thì nhân loại sẽ lại tìm thấy cái khả năng ngoại cảm.

Ở phía trên chúng tôi, có tiếng công vang lên hai lần. Sau đó là những tiếng kèn. Lạt ma Dondup vội vã đứng dậy nói:

- Phải nhanh lên Lobsang. Giờ phụng vụ sắp đến và Đấng Thánh Thiện cũng sẽ tham dự.

Tôi đứng dậy, vuột cho ngay chiếc áo cà sa, và chạy theo thầy Linh hướng. Lúc này, ngài đã đến cuối hành lang và sắp biến khỏi tầm nhìn của tôi.

(2)

Đền thờ lớn trông có vẻ như một vật thể sinh động. Đứng trên đài quan sát, trên mái đền, tôi có thể thấy toàn bộ khu đền. Vào đầu buổi sáng, tôi và thầy Linh hướng đã đến đây trong một nhiệm vụ đặc biệt. Giờ đây, thầy đang tiếp xúc kín với một chức sắc cao cấp vì vậy tôi có thể tự do đi đây đó, và tôi đã tìm thấy đài quan sát giữa những đòn tay to lớn chống đỡ mái đền. Lúc đó, trong khi dạo chơi trên cầu hẹp của mái đền, tôi đã phát hiện cánh cửa, và đánh bạo đẩy vào. Động tác của tôi không gây ra một tiếng ồn nào, tôi liếc mắt nhìn vào. Không một bóng người. Tôi bước vào và thấy mình đang ở trong một căn phòng nhỏ có tường đá, tương tự như một hốc tường của đền thờ. Phía sau tôi là một cửa gỗ nhỏ, và phía trước tôi là một cái gờ bằng đá cao khoảng một mét.

Lặng lẽ, tôi tiến đến và quì xuống sao cho cái đầu tôi vượt quá cái gờ bằng đá. Tôi có cảm tưởng mình là một vị thần đang từ một nơi cao trên thiên đình nhìn xuống những người phàm, và tôi cố xuyên thấu cái ân u sâu thẳm của ngôi Đền, xa tít ở phía dưới, rất xa tôi. Bên ngoài, hoàng hôn tím đã nhường chỗ cho bóng đêm. Những tia nắng sau cùng đã chìm khuất phía sau đỉnh núi phủ tuyết, hắt lên thứ ánh sáng tựa như những cơn mưa ngũ sắc qua làn bụi tuyết mãi mãi tung bay của những đỉnh núi cao nhất.

Bóng tối trong đền đã được giảm bớt, và đôi khi có phần gia tăng ở một số nơi, bởi thứ ánh sáng lung linh của hàng trăm cây đèn dầu. Chúng lấp lánh như những điểm vàng, toả sáng không nhiều. Tôi có cảm tưởng đó là những tinh tú ở dưới chân tôi. Có những cái bóng đang lặng lẽ bước đi, dọc theo những cây cột đồ sộ; những cái bóng đôi khi cao và thanh mảnh, đôi khi thấp lùn và béo tròn, nhưng chúng luôn có

vẻ quái đản và kỳ dị, bởi dưới sự chiếu sáng cắt ngang những vật bình thường có vẻ phi thường, kỳ lạ và những vật không thông thường thì có vẻ lạ lùng, vượt quá mọi mô tả.

Tôi nhìn chăm chăm xuống phía dưới, có cảm tưởng như mình đang trong một thế giới chuyển tiếp, và chẳng thể phân định sự khác biệt giữa điều tôi trông thấy và điều tôi tưởng tượng. Trong khoảng không giữa tôi và mặt đất, bồng bềnh những đám mây của khói nhang đang từng lớp liên tục dâng lên, và điều đó khiến tôi càng có cảm giác rằng mình là một vị thần đang quan sát Trái Đất qua những đám mây. Những làn khói hương trầm dày đặc dần dần dâng lên từ những bình xông hương đang đong đưa trong tay các tu sinh và các chú tiểu mộ đạo. Họ đi lui tới, bằng những bước chân nhẹ nhàng, mặt bình thản. Cứ mỗi lần họ quay vòng ngược lại, những bình xông hương bằng vàng hất lên hàng ngàn đốm lung linh và phát ra những tia sáng ngời. Từ nơi quan sát, tôi có thể thấy nhang trầm cháy đỏ, thỉnh thoảng bốc lửa trong làn gió thoảng, phát ra những tia lửa mau tắt. Có được một sự sống mới, khói dâng lên thành những cột dày đặc hơn, tạo thành những vệt dài trên các tu sinh và phía sau họ. Vặn vẹo và vươn lên dưới những làn gió yếu ớt gây ra bởi sự đi lại của các thầy tu. Khói nhang có vẻ như một vật thể sinh động, một tạo vật được nhận thấy một cách mơ hồ, một tạo vật hít – thở và quay về với giấc ngủ của nó. Trong một lúc, tôi quan sát khói nhang, hầu như bị mê hoặc bởi cảm giác mình đang ở trong lòng của một sinh thể, đang quan sát sự chuyển động của những cơ quan của nó, lắng nghe những thứ âm thanh của cơ thể nó, của đời sống nó.

Qua vùng bóng mờ và những đám mây khói nhang, tôi có thể trông thấy những hàng người san sát các Lạt ma, các chức sắc, tu sinh và chú tiểu. Những hàng đó trải dài và chìm khuất vào những góc xa nhất của Đền. Tất cả đều mặc cà sa của giáo Hội, với những màu quen thuộc, vàng, vàng nghệ, đỏ, nâu, và rải rác là những vệt màu xám – tất cả những màu sắc đó có vẻ sinh động và hoà vào nhau khi các thầy tu chuyển động. Ngồi ở phía trên là đức Giáo Chủ, Đấng Thánh Thiện, hiện thân lần thứ mười ba của Đức Đạt Lai Lạt ma, nhân vật được tôn kính nhất trong thế giới Phật giáo. Trong một lúc, tôi quan sát, lắng nghe tiếng ngân nga trầm trầm của các Lạt ma, hoà hợp với giọng nam cao của các tu sinh trẻ. Tôi nhìn những đám mây khói nhang đang hài hoà chuyển động cùng với những dao động sâu lắng nhất. Những cây đèn dầu đã tắt được thay thế những bình xông hương đã cạn, phát ra một cơn mưa những tia lửa lấp lánh. Buổi lễ vẫn tiếp diễn và quì gối, tôi quan sát cảnh tượng. Tôi nhìn những cái bóng nhảy múa, trải dài và tan biến trên những bức tường, tôi nhìn những đốm sáng lung linh cho đến khi tôi không còn biết mình đang ở đâu và đang làm gì.

Một Lạt ma cao tuổi, lưng còng bởi năm tháng, chậm rãi dẫn bước đoàn Lạt ma. Chung quanh ngài là các chức sắc, tay cầm nhang tay cầm đèn. Lạt ma cao tuổi nghiêng mình trước Đấng Thánh Thiện, rồi chậm rãi lạy Tứ Phương, sau đó hướng mặt về hội đồng các tu sĩ.

Bằng một giọng còn âm vang, so với lớp tuổi cao đến thế, ngài ê a nói:

- Hãy lắng nghe tiếng nói của những Linh hồn. Thế giới này là thế giới của Ảo ảnh. Đời sống trên Trần gian này chỉ là giấc mộng, một nháy mắt so với Vĩnh hằng. Hãy lắng nghe Tiếng Nói của Hồn chúng ta, hồi tất cả anh em, những người đang bị u uất và sa sút tinh thần nghiêm trọng. Đời sống của bóng tối và đau khổ này sẽ chấm dứt và Vinh quang của Đời sống Vĩnh hằng sẽ chiếu sáng trên những Người Công chính. Nén nhang đầu tiên được đốt lên hầu một Linh hồn bị đọa đày có được sự hướng dẫn. Một chức sắc bước đến, cúi chào Đấng Thánh Thiện trước khi chậm rãi quay mình và cúi lạy Tứ phương. Thắp một thẻ nhang, ông lại quay người và chỉ đầu nhang về Tứ phương. Một lần nữa, tiếng tụng niệm được cất lên từ những giọng trầm rồi im bật, để đến lượt giọng nam cao của các tu sinh trẻ. Một Lạt ma có thân hình vững chãi đọc một số đoạn kinh và nhấn mạnh chúng bằng cách lắc mạnh cái chuông bạc của Ngài. Rồi Ngài ngưng đọc và liếc nhìn quanh để xem sự thể hiện của mình có được đón nhận một cách tốt đẹp hay không. Một lần nữa, vị Lạt ma cao tuổi lại bước đến. Ngài nghiêng mình trước Đấng Thánh Thiện và trước các tranh thờ. Đứng cạnh Ngài là một chức sắc khác, có vẻ rất xúc động trước sự hiện diện của Đức Đạt Lai Lạt ma. Ngài Lạt ma niên trưởng ngân nga:

- Hãy lắng nghe tiếng nói của Hồn chúng ta. Cái thế giới này là thế giới của Ảo Ảnh. Đời Sống trên trần gian này là Thử thách để chúng ta tẩy rửa những ô uế của mình và không ngừng vươn lên. Hãy lắng nghe Tiếng Nói của Hồn chúng ta, hồi tất cả những anh em đang trong hoài nghi. Chẳng mấy chốc, ký ức về Đời sống Trần gian sẽ phai nhoà và An lạc sẽ ngự trị; anh em sẽ được giải phóng khỏi sự đau khổ. Nén nhang thứ hai được thắp lên hầu cho một hồn lạc loài có thể được hướng dẫn.

Ở phía dưới tôi, tiếng tụng niệm của các tu sĩ cất cao hơn vào lúc vị chức sắc thắp thẻ nhang thứ hai và, theo nghi thức, ông nghiêng mình trước Đấng Thánh Thiện, rồi lần lượt hướng đầu nhang về từng phương hướng. Những bức tường của Đền có vẻ như đang thở và dao động trong sự kết hợp với những tiếng tụng niệm ngân nga. Hợp lại quanh vị Lạt ma Niên trưởng là những hình dáng của những bóng ma, những hình dáng của những người vừa rời khỏi thế giới này mà không có chuẩn bị và giờ đây đang lang thang, đơn độc và không có hướng dẫn.

Những cái bóng chao đảo đó có vẻ như đang chồm lên và vịn mình như những linh hồn bị đọa đày; ý thức, của tôi, những nhận thức của tôi, những tình cảm của tôi cũng chao đảo giữa hai thế giới. Trong thế giới này, tôi quan sát một cách chăm chú và say mê Lễ Phụng Vụ đang diễn ra phía dưới tôi. Trong thế giới nọ, tôi trông thấy những thế giới chuyển tiếp nơi những linh hồn của những người vừa mới qua đời đang run rẩy vì sự sợ hãi trước sự lạ thường của Đấng Bất Khả Tri. Là những hồn đơn độc, mình khoác những tấm tối ẩm ướt và nhầy nhụa, họ đang rên khóc vì khiếp sợ và cô đơn. Bị tách rời nhau và tách rời khỏi những hồn khác do đã thiếu đức tin. Trong cảnh tăm tối bày nhầy của những thế giới chuyển tiếp, chỉ được làm vơi đi bởi chút ánh sáng xanh lơ của những hồn ma, tôi có nghe tiếng tụng niệm cất lên - lời mời gọi của các Lạt ma niên trưởng:

- Hãy lắng nghe Tiếng Nói của Hồn chúng ta. Cái thế giới này là thế giới của Ảo Ảnh. Tựa như con người đã chết Thực Tại Cấp Cao hầu có thể đầu thai trên trần gian thì

nó cũng phải chết trên Trần Gian để được tái sinh vào Thực Tại Cấp Cao. Những câu liêm của Tử cũng là những câu liêm của Sinh. Thẻ nhang thứ ba được thắp lên hầu một linh hồn đang bị đoạ đày có thể được hướng dẫn.

Một lệnh truyền qua thần giao cách cảm len vào ý thức tôi, ‘Lobsang ! Con đang ở đâu ? Hãy đến gặp ta ngay !’

Với một nỗ lực lớn tôi quay về thế giới này. Tôi lao đảo đứng dậy trên đôi chân tê cóng và băng ngang qua cái cửa nhỏ. Bằng tâm trí, tôi nói với thầy Linh hướng, “Thưa Thầy khả kính, con đến đây. Tôi dụi đôi mắt bị nhoà bởi không khí lạnh buốt của đêm, sau khi phải trải qua sức nóng và khói nhang trong Đền. Khi xuống đến gần đất, tôi tìm hướng đi về đúng nơi mà thầy Linh hướng đang chờ : một căn phòng toạ lạc ngay bên trên cổng chính. Thầy mỉm cười khi trông thấy tôi. Ngài thốt lên:

- Tạ ơn Thần Thánh ! Này Lobsang , con có vẻ như vừa trông thấy một hồn ma !

- Thưa thầy , con đã thấy nhiều hồn ma !

- Tối nay , chúng ta sẽ ngủ lại đây, ngày mai chúng ta sẽ diện kiến Sám Ngôn. Ta tin rằng con sẽ quan tâm đến cuộc gặp. Nhưng bây giờ thì đã đến lúc phải ăn rồi đi ngủ. Tôi ăn một cách thờ ơ do bạn nghĩ đến điều mà tôi đã trông thấy trong Đền , và tôi thăm nghĩ , tại sao thế giới này có thể là thế giới của Ảo Ảnh. Tôi vội vã kết thúc bữa ăn tối và vào căn phòng người ta đã dành cho tôi . Cuộn chiếc áo cà sa quanh người , tôi nằm dài và nhanh chóng chìm vào giấc ngủ, những giấc mơ những cơn ác mộng những ấn tượng kỳ dị dần vạt tôi suốt đêm.

Tôi mơ thấy mình đang đứng hoàn toàn tỉnh táo , trong khi có những quả cầu lớn của cái gì đó đang tiến về phía tôi như những hạt bụi trong một trận bão . Từ rất xa xuất hiện những điểm nhỏ và chúng lớn dần lên, và cuối cùng tôi thấy những quả cầu đó có đầy màu sắc. Chúng lớn đến cỡ đầu người, ào về phía tôi rồi biến mất. Trong cơn mơ của mình - nếu đó là một giấc mơ! - tôi không thể quay đầu để xem những quả cầu đó bay về đâu; tôi chỉ thấy chúng không ngừng xuất hiện; từ không biết nơi đâu, ào về phía tôi để bay đi... Không biết đâu? Tôi kinh hoàng vì không một quả cầu nào đập vào tôi. Những quả cầu đó có vẻ vừa rắn vừa phi vật chất. Thế rồi, với một sự đột ngột rất đáng kinh khiếp khiến tôi hoàn toàn tỉnh thức, một giọng nói cất lên từ phía sau tôi:

- Tựa như một hồn ma có thể nhìn thấy những bức tường rắn chắc của đền thờ, thì người cũng có thể nhìn thấy các hồn ma.!

Tôi run lên vì sợ hãi; phải chăng tôi đã chết? Phải chăng tôi đã chết trong đêm? Nhưng tại sao tôi phải sợ cái chết? Tôi biết rằng cái chết chỉ là một sự tái sinh. Tôi lại nằm xuống và sau đó tiếp tục ngủ.

Toàn bộ thế giới chộn rộn, chuyển động, rên siết, và sụp đổ trong một cơn lốc điên rồ, phi lý. Tôi bật dậy, kinh hoàng, nghĩ rằng Ngôi Đền đang sụp đổ trên tôi. Đêm tối đen, chỉ có chút ánh sáng âm u phát ra từ các tinh tú. Nhìn thẳng về phía trước, tôi dựng tóc gáy. Tôi chết sững, không thể cử động dù một ngón tay và tệ hơn nữa, thế giới quanh tôi đã gia tăng khối lượng của nó. Mặt đá trơn láng của những bức tường đã biến thành thứ đá có lỗ của những núi lửa đã tắt. Những lỗ trong đó

rộng ra, và tôi thấy nhung nhúc những tạo vật của ác mộng mà trước đây tôi đã thấy qua kính hiển vi sản xuất tại Đức của Lạt ma Mingyar Dondup.

Thế giới to lớn thêm, những tạo vật kinh khiếp cũng to lớn thêm, không ngừng to lớn đến nỗi tôi chỉ còn có thể trông thấy những lỗ nhỏ! Thế giới càng lúc càng trở nên to lớn hơn, và thế là tôi biết rằng mình càng lúc càng thu nhỏ hơn. Tôi nhận thấy có một trận bão bụi đang thổi ở một nơi nào đó phía sau tôi, những hạt bụi bay ngang qua đang phát ra những tiếng gầm thét, vậy mà không một hạt bụi nào chạm đến tôi. Chúng to lớn hơn hẳn một cách nhanh chóng. Có số to bằng đầu người. Số khác lớn nhất như Himalaya. Tuy vậy, không một hạt nào chạm đến tôi. Chúng không ngừng to lớn thêm. Cuối cùng, tôi không còn ý niệm về những kích cỡ và thời gian. Trong giấc mơ của mình, tôi hình như đang nằm dài, lạnh và bất động, giữa các tinh tú, trong khi các thiên hà lần lượt ngang qua gần tôi và mất hút ở xa. Cuối cùng, toàn bộ một thiên hà, toàn bộ một chuỗi các vũ trụ đổ xuống trên tôi.

Thế là hết! Tôi mơ hồ thăm thẳm, như thế vô số những thế giới đó đang đè bẹp tôi.

- Lobsang! Lobsang! Phải chăng con đang đến các Trường Thiên Giới?

Tiếng nói đó vang vang quanh các vũ trụ, vọng lại từ các thế giới ... đó là những bức tường đá của căn phòng tôi. Một cách khó nhọc, tôi mở mắt ra, cố nhìn rõ. Phía trên tôi là một đám tinh tú trông rất quen. Chúng dần dần biến mất để nhường chỗ cho khuôn mặt nhân từ của Lạt ma Mingyar Dondup. Ngài lay nhẹ tôi. Nắng trời thật đẹp ủa vào căn phòng. Có một tia nắng đang chiếu sáng những hạt bụi, làm hắt lên những màu sắc của cầu vồng.

- Lobsang! Sắp hết buổi sáng rồi. Ta đã để cho con ngủ, nhưng giờ đây đã đến lúc con phải ăn sáng, để sau đó chúng ta lên đường.

Tôi đứng dậy một cách gắng gượng. Buổi sáng hôm ấy tôi 'không khoẻ'. Tôi có cảm tưởng cái đầu tôi to hơn thân mình, và tâm trí tôi còn vương vấn những giấc mơ đêm qua. Tôi nhét chút sớ hữu nhỏ nhoi của tôi vào áo cà sa và rời khỏi phòng để đi nhận tsampa (hạt đại mạch nướng và nghiền nhỏ) thực phẩm chính của người dân nước tôi. Tôi xuống thang, cố bám chặt vì sợ té. Đến nhà bếp tôi thấy các tu sĩ - đầu bếp đang đi dạo loanh quanh.

Tôi nói một cách khiêm tốn.

- Tôi đến đây để có bữa ăn sáng

Bếp trưởng lớn tiếng:

- Ăn sáng ư? Vào giờ nay ư? Xéo đi!

Ông ta chực giáng cho tôi một bộp tai, nhưng rồi có một tu sĩ đến nói nhỏ với ông ta bằng một giọng khàn khàn:

- Người này là môn sinh của Lạt ma Mingyar Dondup!

Bếp trưởng giật mình như thể bị ong chích, rồi nói lớn với bếp phụ:

- Nào còn chờ gì nữa? Dọn bữa ăn sáng cho cậu trai này đi!

Thông thường, tôi luôn có một khẩu phần hạt đại mạch trong túi đeo bằng da, thứ túi mà các tu sĩ luôn mang theo mình, nhưng vì đã phải đi xa nên phần lương thực của tôi đã cạn. Mọi tu sĩ, từ cấp cao đến cấp thấp, đều mang theo một cái túi bằng da chứa đầy hạt đại mạch và một cái bát để ăn. Ở Tây Tạng, tsampa trộn với trà phết

bơ thực vật, là thức ăn chính. Nếu các tu viện Lạt ma ở Tây Tạng có thực đơn, thì hẳn chỉ ghi một chữ: tsampa!

Có phần khoẻ ra sau bữa ăn, tôi quay về gặp Lạt ma Mingyar Dondup, và chúng tôi lên đường đến tu viện Lạt ma Sám Ngôn. Dọc đường, chúng tôi lặng im; con ngựa của tôi phi với một tốc độ khá nhanh, vì thế tôi phải chú ý hết sức mới có thể ngồi vững trên yên. Khi chúng tôi tiến theo Con Đường LongKor, những khách hành hương, trông thấy áo cà sa của thầy Linh hướng của tôi, và biết rằng ngài thuộc cấp cao trong hàng giáo sĩ, nên đã xin ngài ban phúc lành. Sau đó, họ lại tiếp tục Đường Vòng Thiên, vui sướng như thể họ đã vượt quá phân nửa con đường dẫn đến GIẢI THOÁT. Chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi ngang qua rừng liễu và tiến vào một con đường đá để đến nơi ngụ của Sám Ngôn. Trong sân, các tu sĩ - phục vụ bước đến để giữ ngựa cho chúng tôi. Tôi cảm thấy thoải mái khi được đặt chân xuống đất.

Tu viện đầy áp người. Từ khắp nơi trong nước, các Lạt ma uyên bác nhất đã tụ tập về đây. Sám Ngôn sẽ giao tiếp với các Quyền Lực đang lãnh đạo thế giới. Và tôi, bởi đặc ân, và theo lệnh đặc biệt của Đấng Thánh Thiện, sẽ được tham dự buổi lễ. Tôi và thầy Linh hướng được hướng dẫn về những phòng dành cho chúng tôi. Tôi có một phòng cạnh phòng Lạt ma Dondup, chứ không phải ngủ trong nhà ngủ dành cho các tu sinh. Khi chúng tôi ngang qua trước một ngôi đền nhỏ nằm trong khuôn viên của toàn nhà chính, tôi nghe thấy câu: 'Hãy lắng nghe Tiếng Nói của Hồn chúng ta. Thế giới này là thế giới của Ảo Ảnh'

Tôi nói với thầy Linh hướng, khi chỉ còn tôi và ngài:

- Thưa thầy, làm thế nào cái Thế giới này có thể là 'thế giới của Ảo Ảnh'?

Lạt ma mỉm cười nhìn tôi:

- Vậy thì, có cái gì là thật? Con chạm vào bức tường đá này và đá cứng sẽ ngăn tay con. Do vậy, con cho rằng bức tường này là rắn không gì có thể xuyên qua. Ở bên kia cửa sổ là dãy Himalaya, sột sỏng rắn chắc của Trái Đất. Vậy mà, trong thế giới thiên thể, con có thể chuyển động tự do như một hồn ma trong đá của những dãy núi đó chẳng khác chi trong không khí.

Tôi nằn nì, nhấn mạnh:

- Nhưng tại sao điều đó có thể là một ảo ảnh? Tôi qua con đã nằm mơ và giấc mơ đó quả thật là một ảo ảnh. Chỉ nghĩ đến nó thôi, con cũng đủ phát khiếp!

Với sự kiên nhẫn vô biên, thầy Linh hướng nghe tôi kể giấc mơ đó, và sau khi tôi kể xong, ngài nói với tôi:

- Ta sẽ cho con biết về thế giới của Ảo Ảnh, nhưng chưa phải vào lúc này vì trước tiên chúng ta phải đến chào Sám Ngôn.

Sám Ngôn là một người trông còn rất trẻ tuổi, gầy nhom và ốm yếu một cách lạ lùng. Tôi được giới thiệu với ngài, và đôi mắt nhìn chăm của ngài gửi đến tôi một cái xuyên thấu khiến tôi rùng mình bởi một nỗi sợ hãi đang chạy dọc cột sống.

Sám Ngôn nói:

- À! Con đó à, ta biết con. Con có quyền năng tiềm ẩn; con cũng sẽ có tri thức. Ta sẽ gặp con sau. Có vẻ rất hài lòng vì tôi, Lạt ma Dondup nói:

- Lobsang à, con đã thành công khi vượt qua từng thử thách. Nào giờ đây, chúng ta sẽ lui vào điện thờ các thần để nói chuyện. Chúng ta sẽ nói về thế giới của Áo Ảnh.

Như thầy Linh hướng của tôi đã đoán trước, điện thờ vắng lặng, không một bóng người. Những ngọn đèn dầu chập chờn trước những tranh tượng thánh tạo ra những cái bóng lắc lư nháy múa; khói nhang quyện lên theo những đường xoắn ốc và kết thành một đám mây thấp bên trên chúng tôi. Chúng tôi ngồi xuống gần bàn để kinh của điện, nơi những đoạn của các Thánh Thư được xướng lên. Chúng tôi ngồi trong tư thế thiền định, hai chân bắt chéo, các ngón tay đan vào nhau.

Lạt ma Dondup nói:

- Cõi hạ giới này là thế giới của Áo Ảnh. Vì thế chúng ta phải cầu xin các *hồn* lắng nghe chúng ta vì các *hồn* đang hiện diện trong Thế Giới Thực Tại. Như con đã biết, chúng ta nói '*Hãy lắng nghe Tiếng Nói của Hồn chúng ta*' Nhưng chúng ta không hề nói, '*Hãy lắng nghe Tiếng Nói của Cơ thể chúng ta.*' Con hãy nghe ta nói và đừng ngắt lời ta, bởi điều này là nền tảng của Đức Tin Nội Tại của chúng ta. Như ta sẽ giải thích cho con sau, những người không đủ tiến triển thì cần phải có một đức tin để chống đỡ, cho họ cái cảm tưởng rằng họ có một người cha hoặc một người mẹ đang quan tâm đến họ. Nhưng, cần phải đạt đến một giai đoạn thích hợp mới có thể chấp nhận điều mà ta sẽ nói cho con đây.

Tôi nhìn thầy Linh hướng và thâm nghĩ, đối với tôi ngài là toàn bộ thế giới, và tôi mong mình sẽ mãi mãi được ở cạnh ngài.

Lạt ma Dondup nói tiếp:

Chúng ta là những tạo vật của Thần. Chúng ta là những điện tích có trí tuệ. Cái thế giới này, cái đời sống này là Địa Ngục, nơi của những thử thách, nơi Thần của chúng ta tự thanh tẩy, qua sự đau khổ, để chế ngự thân xác nhục dục thô thiển của mình. Tựa như con rối được cử động bằng những sợi dây trong tay người điều khiển nó, thì cũng vậy cơ thể vật chất của chúng ta phải tùy thuộc vào những luồng điện phát ra từ ngã cấp cao của chúng ta, từ thần trí. Một người điều khiển rối thành thạo có thể tạo ra cái ảo tưởng rằng những con rối làm bằng gỗ là những vật thể sống, và chúng tự thân chuyển động do ý chí của chúng. Cũng vậy, trước khi được khai tâm, chúng ta cho là điều duy nhất đáng kể, đó là thân xác bằng xương bằng thịt của chúng ta.

Trong không khí của Trái Đất, quá ngọt ngào đối với Thần Trí, chúng ta quên rằng Hồn đang thật sự điều khiển chúng ta. Chúng ta tin rằng mình đang hành động hoàn toàn theo ý mình và chỉ tùy thuộc vào 'ý thức' của mình mà thôi. Nay Lobsang, như thế cái Áo đầu tiên của chúng ta là tin rằng con rối, cái thân xác, là hàng đầu, là chủ yếu. (Lạt ma Dondup ngưng nói khi thấy vẻ bối rối của tôi. Rồi ngài hỏi) Gì thế? Điều gì khiến con lo nghĩ?

Tôi nói:

- Thưa ngài, đâu là những sợi dây điện của con? Con chẳng thấy có gì đang nối liền con với Siêu Ngã của con!

Vị Lạt ma bật cười và đáp:

- Lobsang à, con có thể nhìn thấy không khí ư? Bao lâu con còn giữ cái thân xác bằng xương bằng thịt đó thì con vẫn không thể thấy. Bộ não của con đã bốc hơi toàn bộ chưa? Có thực sự chẳng phân tử cổ đến đỉnh sọ của con là bằng xương? Phải chăng con đã qua Sợi Dây Bạc, chùm dây gồm những đường dẫn điện nối liền con - ở dưới trần thế này - với hồn con? Này Lobsang, quả thật con đang sống trong thế giới của Áo Ảnh!

Tôi đỏ mặt. Dĩ nhiên, tôi đã biết Sợi Dây Bạc đó, sợi dây có ánh sáng xanh lơ nối liền thân thể xác với thân tinh thần. Rất nhiều lần, trong khi du hành trong thế giới thuộc các thiên thể, tôi đã nhìn thấy sợi dây rung động, tôi đã quan sát những nhịp đập của sự sống và ánh sáng. Sợi dây đó cũng tương tự như dây rốn nối liền đứa con với người mẹ, nhưng đứa trẻ, trong trường hợp đã dự kiến là thân thể xác, sẽ không thể sống còn nếu Sợi dây Bạc bị cắt đứt.

Tôi ngược mắt lên. Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Khi đang sống trong thế giới vật lý, chúng ta có xu hướng nghĩ rằng chỉ có thế giới này là đáng kể. Đó là một trong những biện pháp an toàn được Siêu Ngã chọn. Nhưng nếu chúng ta nhớ đến thế giới tâm linh trong toàn bộ sự an lạc của nó, thì chúng ta chỉ có thể sống ở trần gian này bằng một nỗ lực lớn lao của ý chí. Nếu chúng ta nhớ lại những kiếp trước của mình, ở những nơi mà có thể, chúng ta đã có một địa vị quan trọng hơn ở kiếp hiện tại này, thì chúng ta thấy rằng mình đang thiếu sự khiêm nhường cần có. Ta sẽ xin trà, rồi ta sẽ kể cho con nghe về đời một người Trung Hoa, từ khi ông ta chết cho đến khi tái sinh và chuyển hành trình vào thế giới bên kia của ông ta! (Vị Lạt ma đưa tay định lắc cái chuông nhỏ bằng bạc nhưng rồi ngài ngưng tay khi thấy vẻ mặt của tôi) À, con đang muốn hỏi ta điều gì?

Tôi đáp:

- Thưa ngài, tại sao một người Trung Hoa? Tại sao không là một người Tây Tạng?
- Bởi vì nếu nói về một người Tây Tạng, con sẽ cố liên kết tên người ấy với ai đó mà con quen biết... và con sẽ đi đến một kết luận sai lạc.

Lạt ma Dondup lắc chuông và một tu sĩ phục vụ mang trà đến. Lạt ma nhìn tôi với vẻ nghĩ ngợi.

Ngài hỏi:

- Con có nhận ra rằng khi uống chén trà này, chúng ta đang nuốt vào hàng triệu thế giới? Những phân tử có trong các chất lỏng thì phân tán hơn ở trong những chất khác. Nếu có thể phóng lớn các phân tử của nước trà này, con sẽ thấy chung lẫn như những hạt cát cạnh một cái hồ dầy sóng. Nhưng thôi, ta đã rời xa đề tài muốn nói. Chúng ta hãy nói về cái chết và cuộc đời của một người Trung Hoa. (Vị Lạt ma uống cạn chén trà và chờ tôi cạn chén. Ngài nói tiếp) Ông Tăng là một quan lại cao tuổi. Ông đã có một cuộc đời sung sướng hạnh phúc, và khi tuổi đã về chiều, ông cảm thấy rất hài lòng. Ông có một đại gia đình, với nhiều nô tì và thế thiếp. Hoàng đế Trung Hoa đã ban cho ông nhiều chức tước bổng lộc. Nhìn qua cửa sổ của phòng ông, đôi mắt lão và mệt mỏi của ông mơ hồ thấy những khu vườn xinh đẹp, nơi có những chú công đang kiêu căng dạo chơi. Đôi tai kém của ông mơ hồ nghe tiếng hót

của các loài chim gọi nhau trong buổi hoàng hôn. Ông Tăng tựa lưng vào những chiếc gối. Ông rất thanh thản. Ông cảm thấy trong ông những ngón tay của Thần Chết đang tháo gỡ những mối dây ràng buộc ông với đời sống. Một cách chậm rãi, mặt trời đỏ như máu chìm khuất ở phía sau ngôi chùa cổ. Ông Tăng ngã người xuống những chiếc gối. Một tiếng thở hắt thoát ra từ đôi môi ông. Ánh mặt trời đã tắt. Những người giúp việc đốt lên những cây đèn nhỏ trong phòng, nhưng ông lão tăng đã ra đi, ra đi cùng với những tia nắng sau cùng của một ngày.

Sau khi để ý xem tôi có lắng nghe không, vị Lạt ma nói tiếp:

- Lão Tăng nằm đó, bất động trên những chiếc gối và những tiếng khò khè, những tiếng răn rắc, và những thứ âm thanh khác phát ra từ cơ thể ông cũng tắt lịm. Máu không còn chảy trong huyết quản, những chất dịch của cơ thể đã ngưng sôi sục trong thân. Cơ thể của lão tăng đã chết; nó chẳng còn có ích gì nữa. Nhưng nếu có một người thấu thị đang ở đó, hẳn người này trông thấy một vàng sương mù nhẹ màu xanh nhạt đang ngưng tụ quanh cái xác, rồi vàng sương đó dần lên bông bành theo chiều ngang, phía trên lão tăng. Làn sương đó được nối bởi Sợi Dây Bạc đang mỏng dần, và rồi biến mất. Hồn của lão tăng bông bành rồi dịch chuyển như một đám mây của khói nhang và, không chút khó khăn, biến qua những bức tường.

Vị Lạt ma rót trà vào chén rồi nói tiếp:

- Hồn lang thang qua những vương quốc và trong những chiều kích mà đầu óc duy vật hẳn không hiểu nổi. Cuối cùng, hồn đến một khu rừng rộng lớn với những toà nhà đồ sộ. Hồn của lão Tăng dừng lại trước một toà nhà, đi vào và tiến bước trên một sàn nhà lấp lánh. Đây Lob-sang, con phải hiểu rằng, khi một hồn hiện diện trong môi trường phù hợp với nó, thì nó cũng vững vàng và chắc chắn như con đang ở trên trái đất này. Nó có thể bước đi trên sàn và bị ngăn chặn bởi những bức tường. Ở nơi ấy, hồn có những khả năng và những tài năng không giống như những người mà chúng ta biết ở trần gian này. Hồn của lão Tăng tiếp tục bước đi, và cuối cùng đi vào một buồng nhỏ. Hồn ngồi xuống và nhìn bức tường phía trước nó. Đột nhiên, bức tường đó biến mất, và thay vào đó hồn thấy những cảnh của kiếp đời vừa qua của hồn. Hồn thấy cái mà chúng ta gọi là Biên Niên Bất Biến, nơi được ghi lại lại mọi sự kiện của quá khứ, mà những người đã được đào tạo thích đáng có thể dễ dàng đọc chúng. Tất cả những ai đã từ biệt thế giới này và sang cõi bên kia cũng có thể đọc chúng bởi Con Người nhìn thấy sự 'ghi lại' những thành công và những thất bại của nó. Nó thấy lại quá khứ của nó và xét xử chính nó! Chẳng có một phán quan nào nghiêm khắc hơn chính nó - Con Người. Chúng ta không run rẩy trình diện trước một Thượng Đế, chúng ta thấy lại mọi việc mà chúng ta đã làm và mọi điều chúng ta có ý định làm.

Tôi lặng im. Tôi nhận thấy tất cả điều đó là đáng quan tâm và hẳn tôi có thể lắng nghe trong nhiều giờ.

Lạt ma Dondup nói tiếp:

- Hồn, vốn trước đây là lão Tăng, một ông quan Trung Hoa, ngồi xuống và thấy lại kiếp đời mà ở trần gian, lão đã xét thấy là đã rất chu toàn. Lão hiểu ra và lấy làm tiếc trước nhiều lỗi lầm mà lão đã phạm. Rồi lão đứng dậy, rời căn phòng nhỏ và nhanh

chóng bước sang một căn phòng rộng hơn, nơi những ông và những bà của thế giới các Hồn đang chờ lão. Lặng lẽ, mỉm cười với vẻ cảm thông và thiện cảm, họ chờ lão bước đến để yêu cầu họ giúp đỡ. Ngồi cạnh họ, họ nói ra những lỗi lầm của mình, những điều lão đã cố làm, những điều mà lão định làm, nhưng không được.

Tôi ngắt lời Lạt ma:

- Nhưng ngài đã nói rằng người ta không xét đoán lão Tăng và ông ta chỉ xét đoán chính mình.

- Đúng vậy, Lobsang. Sau khi đã nhìn thấy quá khứ và những sai lầm của mình, lúc này ông ấy sang gặp các Tư Vấn hầu có thể nghe những gợi ý của họ. Nhưng con không nên ngắt lời ta. Hãy lắng nghe dành những thắc mắc cho hồi sau. Như ta đã nói với con, Hồn ở cạnh các Tư Vấn, cho họ biết về những thất bại của mình, và những đức tính mà Hồn phải ‘phát triển’ trong nó trước khi có thể tiến triển hơn. Trước tiên, Hồn phải quay về để nhìn thấy cái xác của Hồn, sau đó Hồn sẽ vui hưởng một thời kỳ ngơi nghỉ - nhiều năm hoặc nhiều thế kỷ - sau nó sẽ được trợ giúp để tìm thấy những hoàn cảnh cần thiết cho sự tiến hoá của nó. Hồn của lão Tăng quay lại trần gian để nhìn lại lần cuối di hài của mình, đang được chuẩn bị chôn cất. Rồi, sau khi không còn là hồn của lão Tăng, để trở thành một hồn sắp ngơi nghỉ, nó quay về Cõi Bên Kia. Trong một thời gian không xác định, Hồn ngơi nghỉ, lấy lại sức, nghiền ngẫm những bài học rút ra từ các kiếp trước, và chuẩn bị cho kiếp đời sắp đến! Ở nơi ấy, trong đời sống ở bên kia cái chết, các vật và chất cũng có tính rắn khi ta chạm đến, tựa như trên trần gian vậy. Hồn ngơi nghỉ cho đến khi giờ giấc và những hoàn cảnh cho sự quay về trần gian của nó được định.

Tôi thốt lên:

- Đó là điều con thấy rất đang quan tâm!

Lạt ma Dondup mỉm cười với tôi trước khi nói tiếp:

- Vào cái lúc đã được định trước, Hồn đang chờ đợi nó được gọi đến và được một Hồn đảm trách nhiệm vụ đó dẫn vào Thế Giới Loài Người. Hoàn toàn vô hình trước những con mắt bằng xương bằng thịt, các Hồn dừng lại chăm chú nhìn những cha mẹ tương lai, xem xét ngôi nhà, để đảm bảo rằng nó có thể cống hiến cho Hồn những khả năng nhằm để học những bài cần phải học trong kiếp này. Hải lòng, các hồn rút lui. Vài tháng sau đó, người mẹ tương lai cảm thấy trong mình có những chuyển động của bào thai, khi hồn tiến vào và làm cho nó sinh động. Vào thời điểm thích hợp, đứa bé được sinh ra trong thế giới loài người. Hồn, mà trước kia đã cư ngụ trong thân xác của lão Tăng, giờ đây lại bắt đầu cuộc đấu tranh, bằng những thần kinh và đầu óc ương ngạnh của đứa bé tên Vòng, được sinh ra trong một gia đình nghèo của một làng chài tại Trung Hoa. Một lần nữa, những dao động cấp cao của Hồn hạ xuống độ cao thứ tám ở cấp thấp, độ của những dao động của một cơ thể bằng xương bằng thịt.

Tôi suy nghĩ. Tôi nghĩ ngợi một hồi lâu. Rồi sau đó, tôi nói:

- Thừa Lạt ma khả kính, bởi sự thể là thế đó, thì tại sao người ta lại sợ chết, vốn chỉ là sự giải thoát khỏi những khổ ải của trần gian?

- Lobsang à, đó là một câu hỏi có lý. Nếu chúng ta có thể nhớ lại những niềm vui của Thế Giới Bên Kia, nhiều người trong chúng ta sẽ không thể chịu đựng nổi những thăng trầm, bất hạnh của trần gian này, và vì thế nỗi sợ cái chết đã được khắc sâu vào trí não. Một số người trong chúng ta không thích đến trường học, không thích kỷ luật, vốn là cần thiết. Tuy vậy, khi ta không lớn và trưởng thành, ta hiểu ra lợi ích của nhà trường. Hẳn sẽ là một sai lầm khi quá sớm rời khỏi nhà trường và hy vọng hoàn thành học vấn của mình. Cũng vậy, phải chăng là một lỗi lầm khi tự kết liễu đời mình trước giờ đã được định bởi số phận.

Tôi suy nghĩ về những lời đó vì trước đây vài hôm có một thầy tu già mù chữ, đầu ốm, đã nhảy xuống từ lầu của một tu viện. Tu sĩ ấy có tâm thái u sầu; ông khước từ mọi sự giúp đỡ. Tôi thầm nghĩ, thầy tu già Jigme ấy chết sướng hơn là sống. Đó là một giải thoát cho ông và cho những người khác.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, thế thì tu sĩ Jigme đã sai khi tự sát?

- Nhà sư ấy đã rất sai lầm. Một người nam hoặc một người nữ phải trải qua một khoảng thời gian nhất định trên trần gian này. Nếu người ta sớm kết thúc đời mình thì người ta hầu như phải quay trở về trần gian ngay. Đó là lý do khiến một số bé sơ sinh chết sau khi sanh được vài tháng. Đó là hồn của những người tự sát, đã đầu thai để bổ sung cho đủ số thời gian mà họ hẳn phải sống trước đó. Tự sát chẳng bao giờ là điều có lý, chẳng bao giờ là điều có thể biện minh; đó là một trọng tội một sự lãng nhục đối với chính mình, đối với Siêu ngã. Sự can đảm đích thực không phải là chết, nhưng là sống, mặc dù bao thử thách, bao đau khổ, chết là dễ, sống... mới là can đảm. Chúng ta hiện diện trên trần gian này là để học hỏi và chúng ta chỉ có thể học hỏi bằng cách sống khoảng thời gian mà chúng ta được cấp cho. Tự sát là điều chẳng bao giờ có lý!

Một lần nữa tôi nghĩ đến tu sĩ Jigme. Thầy tu ấy tự sát khi đã rất cao tuổi, đến nỗi khi đầu thai hẳn sẽ chỉ là một thời gian ngắn.

Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, sự sợ hãi có ích gì? Tại sao nó làm chúng ta phải khổ sở đến thế? Con nhận thấy rằng có những điều con e sợ hơn cả thì cúng chẳng bao giờ xảy ra, vậy mà con vẫn tiếp tục sợ!

Lạt ma bật cười:

- Tất cả chúng ta đều thế đó. Chúng ta sợ cái Bất Khả Tri. Tuy vậy, sự sợ hãi cũng có ích. Nó thúc đẩy chúng ta khi chúng ta có xu hướng buông xuôi. Nó cho ta sức mạnh mà nhờ đó chúng ta có thể tránh những tai hoạ. Nó là một tác nhân kích thích đang củng cố chúng ta, và giúp chúng ta vượt qua xu hướng lười biếng của chính mình. Con sẽ không siêng năng học hành nếu con không sợ thầy cô, hoặc không sợ tỏ ra ngu dốt trước bạn bè.

Các tu sĩ đi vào điện thờ; các chú tiểu lui tới đốt thêm những cây đèn dầu lạc những bình xông trầm. Tôi và thầy Linh hướng ra khỏi điện thờ trong không khí mát lạnh của buổi chiều. Một cơn gió thoảng làm đong đưa những cánh liễu. Từ Potala xa xa

vang đến những tiếng kèn và yếu ớt vọng lại trên những bức tường của Tu viện Lạt ma Sám Ngôn.

(3)

Tu viện Lạt ma Sám Ngôn là một tu viện nhỏ, thu mình ở một nơi rất hẻo lánh. Ở đây, hiếm khi thấy những chú tiểu vô tư chơi đùa. Trên sân ngập nắng của Tu viện, không có bóng những nhóm tín đồ mộ đạo chuyện vãn sau những giờ kinh. Đa số ở đây là những người cao tuổi, và những Lạt ma già: tóc bạc trắng và lưng còng bởi năm tháng chồng chất, đang chậm chạp chuyên chú nhìn vào những công việc của họ. Đây là những NƠI AN TRÚ của những người Có Thiên Nhãn. Tiên báo tương lai nhờ thần cảm, và đoán mệnh là nhiệm vụ được dành cho các Lạt ma cao tuổi nói chung, và cho Sám Ngôn nói riêng. Không một khách tham quan nào được vào nơi này nếu không là khách mời, không một người lữ hành lạc lối nào vào đây để xin nương nhờ. Đây là một nơi mà nhiều người nể sợ và là vùng cấm đối với tất cả những ai không được chính thức mời. Thầy Linh hướng của tôi, Lạt ma Mingyar Dondup không thuộc diện đó. Ngài có thể vào đây bất cứ lúc nào và luôn được niềm nở tiếp đón.

Một khóm cây xanh tươi che chắn Tu viện Lạt ma khỏi những ánh mắt tò mò. Những bức tường bằng đá kiên cố bảo vệ các khu nhà trước những kẻ muốn xâm nhập, trong trường hợp có ai đó dám gây ra sự tức giận của Sám Ngôn nhằm thoả mãn tính thuộc mạch của y. Những căn phòng được trồng coi chu đáo, được dành cho Đức Đạt lai Lạt ma, Đấng Thánh Thiện, vốn thường lui tới Ngôi Đền Tri Thức này. Không khí nơi đây thật êm ả. Người ta có thể cảm nhận sự tĩnh mịch, thư thái, và những con người ở đây đang thực hiện những công việc quan trọng của họ một cách hiền hoà và bình thản.

Đấu khẩu, cãi nhau là điều không khi nào xảy ra ở đây. Cánh cửa đã khéo lại trước những khách không mời mà đến, những kẻ đột nhập ồn ào. Những người tộc Kham lực lưỡng - với chiều cao thường vượt quá hai mét và nặng trên một trăm hai mươi lăm ký - canh giữ Tu Viện Lạt ma. Trên toàn Tây Tạng, những người tộc Kham phục vụ trong ngành cảnh sát, và họ có nhiệm vụ gìn giữ trật tự an ninh trong những cộng đồng đôi khi có đến hàng ngàn tu sĩ. Những tu sĩ - cảnh sát tộc Kham không ngưng dọc ngang đất nước và luôn trong tình trạng cảnh giác. Được trang bị bằng những dùi cui lớn, họ là hình ảnh đáng sợ cho những ai có lương tâm không yên ổn. Dĩ nhiên, bộ áo không làm nên thầy tu. Trong mọi cộng đồng đều có những kẻ bất lương, hung ác, những kẻ lừa dối, và vì thế những người tộc Kham vẫn còn phải bận rộn.

Những công trình kiến trúc của Tu viện Lạt ma này là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của nó. Ở đây không có những nhà cao tầng, không có những thang dài có khắc; Tu Viện này là nơi dành cho những người cao tuổi, không còn sự dẻo dai mềm mại của tuổi trẻ. Những người cao tuổi với xương cốt mỏng manh dễ gãy. Những hành lang ở đây thông nhau, và các tu sĩ cao tuổi nhất được sống ở tầng trệt. Sấm Ngôn cũng sống ở đó, gần Đền Bói Toán. Sống trong những căn phòng xung quanh ngài là những nhà sư cao tuổi nhất và thống thái nhất trong các nhà sư. Ngoài ra, còn có những thủ lĩnh của những người tộc Kham.

Thầy Linh hướng nói với tôi:

- Chúng ta hãy đến gặp Sấm Ngôn. Ngài ấy cho biết ngài rất quan tâm đến con và ngài sẵn sàng dành rộng rãi thời gian để tiếp con.

Lời mời - hay lệnh đó - khiến tôi rất lo lắng; mọi cuộc tiếp xúc mà tôi đã gặp với một chiêm tinh gia hoặc một 'thầy thấu thị' đều cho tôi những tin chẳng lành, những thử thách mới, và sự khẳng định rằng con đường chông gai của tôi còn dài. Tôi chưa hết khổ. Ngoài ra, tôi còn phải thay áo, lựa cái áo tốt nhất của mình, và ngồi im như một con thú bông, trong khi lắng nghe một cụ già dài dòng trút ra một chuỗi điều nhạt nhẽo mà tôi chẳng muốn nghe. Tôi ngược nhìn thầy Linh hướng bằng một ánh mắt hoài nghi. Ngài nhìn tôi, cố nén mỉm cười. Tôi buồn bã thầm nghĩ, rõ ràng là ngài đã đọc được những ý nghĩ của tôi!

Lạt ma Dondup bật cười và nói với tôi:

- Con không cần phải thay áo. Sấm Ngôn không quan tâm đến chuyện đó, ngài ấy biết nhiều điều về con hơn cả chính con!

Mặt tôi thuôn ra. Tôi sẽ được biết gì nữa đây?

Chúng tôi đi dọc theo hành lang dẫn vào nội viên. Liếc nhìn những dãy núi kề cận nhau khiến tôi tưởng chừng chúng đang đè bẹp chúng tôi. Tôi có cảm tưởng mình đang bị dẫn đến nơi hành quyết. Một tu sĩ cảnh vệ bước đến, cau mày. Tấm thân to lớn của anh ta khiến tôi nghĩ đến một quả núi di động. Nhận ra Lạt ma Ming-Yar Dondup, tu sĩ mỉm cười chào đón, kính cẩn nghiêng mình và nói:

- Lạt ma Thánh Thiện, con xin cúi lạy nơi bàn chân hoa sen của ngài. Xin cho con được vinh dự đưa ngài đến gặp đáng Khả Kính Sấm Ngôn.

Tu sĩ cảnh vệ nổi gót chúng tôi.

Đứng gần cửa là hai Lạt ma, Lạt ma chứ không phải những bảo vệ. Thấy chúng tôi đến họ tránh ra để chúng tôi qua.

Một trong hai Lạt ma mỉm cười nói:

- Tôn chủ đang chờ các vị.

Lạt ma kia nói vào:

- Tôn chủ hoan hỉ tiếp các vị.

Chúng tôi bước vào một căn phòng được thắp sáng lờ mờ trong vài giây, tôi chẳng thấy rõ gì, mắt bị loá bởi nắng ở ngoài sân. Dần dần, khi khả năng nhìn đã bình thường trở lại, tôi trông thấy một căn phòng trống, chỉ có hai tấm thảm treo tường và một bình xông trầm nhỏ, đang thả hương ở một góc. Ở giữa phòng, ngồi trên một cái gối đệm đơn giản là một cậu trai còn nhỏ tuổi, trông mảnh khảnh, gầy yếu, và tôi kinh ngạc khi biết đó là Sấm Ngôn chính thức của Tây Tạng. Cái nhìn phát ra từ đôi mắt lồi của cậu hình như đang xuyên thấu tôi. Tôi có cảm tưởng như cậu không nhìn cái thân xác trần tục này của tôi, mà nhìn thấu hồn tôi.

Theo nghi thức truyền thống thầy Linh hướng và tôi cúi rạp mình, rồi đứng dậy và chờ đợi. Cuối cùng, khi sự im lặng bắt đầu trở nên ngọt ngào, Sấm Ngôn nói:

- Mừng ngài Mingyar Dondup, mừng Lobsang đã đến đây!

Sấm Ngôn có giọng nói the thẻ và lạnh lốt, như xuất phát từ một nơi rất xa. Sấm Ngôn và thầy Linh hướng nói chuyện với nhau trong một lát rồi thầy Linh hướng nghiêng mình, quay gót và rời khỏi phòng. Sau một hồi lặng im nhìn tôi, Sấm Ngôn nói:

- Nay Lobsang, hãy cầm lấy cái gối đệm và đến đây ngồi cạnh ta.

Tôi cầm lấy một cái gối đệm vuông vức đặt sát bức tường cuối phòng và ngồi xuống, đối diện với Sấm Ngôn. Sấm Ngôn lẳng lẽ nhìn kỹ tôi một lúc, vẻ trầm ngâm. Khi tôi bắt đầu cảm thấy khó chịu dưới ánh mắt soi mói đó, ngài nói:

- À, con đây là Lobsang Rampa. Trong một giai đoạn khác của kiếp đời, chúng ta đã quen biết nhau. Giờ đây, theo lệnh của Đấng Thánh Thiện, ta phải báo cho con về những thử thách mà con phải gặp trong tương lai, về những khó khăn mà con phải vượt qua.

Tôi thốt lên:

- Ô, thưa ngài! Hẳn trong quá khứ con đã làm những điều xấu xa, khủng khiếp để phải chịu biết bao khổ sở trong cuộc đời này. Nghiệp của con, số phận đã được định trước của con, hình như khắc nghiệt hơn những người khác.

Sấm Ngôn đáp:

- Không phải vậy. Nhiều người đã phạm phải sai lầm khi tin rằng số phận họ phải khổ trong cuộc đời này là để chuộc những tội lỗi mà họ đã phạm trong một kiếp trước. Nếu người nung một kim loại trong lò lửa phải chảnh vì kim loại đã phạm tội và phải bị trừng trị, hay là vì để làm cho nó tốt hơn những tính chất của kim loại đó? Liếc nhìn tôi bằng ánh mắt tinh tường, ngài nói tiếp:

- Dẫn thế nào, thầy Linh hướng của con, Lạt ma Mingyar Dondup, sẽ cho con biết tất cả điều đó. Phần ta, ta chỉ cho con biết về tương lai của con mà thôi.

Sấm Ngôn chạm tay vào cái chuông bạc và trợ lý lặng lẽ đi vào. Bằng những bước chân thật nhẹ, người này tiến đến, đặt xuống ở giữa tôi và Sấm Ngôn một cái bàn rất thấp, rồi đặt lên trên đó một cái bát bằng bạc chạm. Léo sáng trong bát là những thỏi than hồng và chúng bỗng có màu đỏ rực khi tu sĩ - trợ lý đem đưa cái bát đó trong khoảng không trước khi đặt xuống phía trước Sấm Ngôn. Trong khi nói nhỏ một từ mà tôi không hiểu nghĩa, tu sĩ - trợ lý đặt xuống ở phía phải cái bát một hộp bằng gỗ được chạm trổ công phu. Rồi tu sĩ đó lặng lẽ rời khỏi phòng. Tôi ngồi im, cảm thấy không thoải mái, và thầm nghĩ tại sao điều đó lại xảy đến đối với tôi. Mọi người đều cho tôi biết rằng đời tôi sẽ khắc nghiệt biết bao và người ta có vẻ thích thú khi tiên báo cho tôi điều đó. Một cách từ tốn, Sấm Ngôn nghiêng người về phía trước và mở cái hộp. Dùng một cái thìa nhỏ bằng vàng, Sấm Ngôn múc ra một thứ bột mịn và rải lên than hồng.

Căn phòng bị tràn ngập bởi một thứ sa mù màu xanh; tôi cảm thấy chóng mặt, tầm nhìn của tôi mờ mịt. Tôi hình như nghe thấy, từ một khoảng cách vô tận, tiếng đổ của một cái chuông lớn. Âm thanh đó tiến đến, gia tăng cường độ, cho đến khi tôi tưởng chừng đầu mình sắp vỡ tung. Tầm nhìn của tôi ra và tôi chăm chú nhìn cột khói đang không ngưng dân lên từ cái bát. Tôi trông thấy ở giữa cột khói có một hình thể chuyển động, tiến đến tôi và bao phủ tôi, đến nỗi tôi và hình thể đó trở thành một. Từ một điểm mà tôi không thể xác định, phát ra tiếng nói của Sấm Ngôn, vẫn tiếp tục nói bằng thứ âm giọng đơn điệu, nhưng tôi hiểu lời Sấm Ngôn. Và tôi không cần phải nghe. Tôi nhìn thấy tương lai, tôi thấy một cách rõ ràng chẳng khác chi Sấm Ngôn. Bất động ở một điểm trong thời gian, tôi nhìn những sự kiện của đời tôi diễn ra trước mắt như, tôi đang xem một cuốn phim. Thời thơ ấu của tôi, những giai đoạn của đời tôi, sự nghiêm khắc của cha tôi - tất cả những điều đó đều diễn ra trước mắt tôi. Tôi nhận ra mình đang ngồi trong Đại Tu viện Lạt ma ở Chakpori. Một lần nữa, tôi cảm nhận cái rần của những tảng đá của Thiết Sơn khi cơn gió đang quất vào mặt tôi và muồn, bằng một sức mạnh kinh hoàng, đẩy tôi từ mái của tu viện xuống chân núi. Khói chuyển động, và những hình ảnh (mà chúng tôi gọi là 'Biên Niên Bất Biến') tiếp tục diễn ra. Tôi lại thấy buổi lễ thụ giáo của tôi; những nghi lễ thần bí được bao bọc bởi một đám mây khói, bởi lúc đó tôi chưa được khai tâm. Và tôi thấy mình sắp sửa vượt con đường mòn dài, hoang vắng, dẫn đến Trùng Khánh, Trung Hoa.

Có một cỗ máy kỳ lạ đang bay lượn trên không. Nó lao lên rồi bỏ xuống trên những ngọn đồi dốc đứng của Trùng Khánh. Và tôi... Tôi đang cầm lái cỗ máy đó! Sau đó, tôi thấy nhiều phi đội gồm những cỗ máy như thế, với hình Mặt Trời Mọc, biểu tượng của Nhật Bản, in trên cánh của chúng. Từ những cỗ máy đó rơi xuống những vật màu đen. Chúng lao xuống đất và nổ tung thành lửa và khói. Những xác người không toàn thân, bị hất tung lên, máu rơi xuống cùng những mảnh thịt da

Lòng đau xót tâm trí rối bời, tôi thấy diễn ra những hình ảnh khi tôi phải phục vụ chiến tranh. Tôi nhìn thấy đời mình, tôi nhìn thấy những thử thách, và cảm thấy đắng cay.

'Cuốn phim' tiếp tục diễn ra và tôi thấy vòng đời của tôi trước khi phải sống như thế.

Như tôi đã biết người ta có thể tiên đoán những khả năng có thể xảy ra, thực với một chính xác cao. Chỉ có những chi tiết thứ yếu là đôi khi không giống. Những sao tử vi của một người ấn định giới hạn của con người nó có thể trở thành, của điều mà nó có thể chịu đựng, tựa như những tốc độ tối đa và tối thiểu của một động cơ đã được định. Tôi nói, 'Vâng, cuộc đời đang chờ tôi là một cuộc đời khó khăn, khổ nhọc.' Đột nhiên tôi giật nảy mình đến nỗi suýt nhảy dựng ra khỏi cái gối đệm; một bàn tay vừa đặt xuống trên vai tôi. Tôi quay lại và thấy khuôn mặt của Sám Ngôn, và giờ đây đang ngồi phía sau tôi. Ngài bày tỏ một sự thương cảm và một nỗi buồn sâu sắc.

Ngài nói:

- Lobsang à, con là một thầy đồng vĩ đại. Thông thường, đối với những người đang xem những hình ảnh đó thì ta phải giải thích, diễn giải. Đúng như mong đợi của mọi người, Đấng Thánh Thiện đã xét đúng!

Tôi đáp:

- Tất cả những gì con mong ước, đó là cuộc sống yên ổn ở đây. Tại sao con phải mong được sang các nước phương Tây, nơi người ta rao giảng tôn giáo một cách hăng say đến thế... và nỗ lực để đâm sau lưng nhau?

Sám Ngôn nói:

- Nay con, có một nhiệm vụ mà con phải hoàn tất. Con có thể thực hiện nó bất chấp các trở ngại. Chính vì thế mà con phải trải qua một sự huấn luyện khó khăn và đặc biệt.

Tất cả những câu chuyện về các thử thách phải chịu và những nhiệm vụ phải hoàn thành khiến tôi kinh hoàng. Tôi chỉ muốn an bình, thanh thản và thỉnh thoảng có những thú tiêu khiển vô hại.

Sám Ngôn nói tiếp:

- Giờ đây, đã đến lúc con phải quay về với thầy Linh hướng của con, bởi ngài ấy đang chờ con và có nhiều điều để nói với con.

Tôi đứng dậy và nghiêng mình trước khi rời khỏi phòng ở bên ngoài, một tu sĩ - cảnh sát vạm vỡ đang chờ để đưa tôi về với Lạt ma Mingyar Dondup.

Lạt ma nói khi tôi vào phòng ngài:

- À Lobsang, ta mong rằng tất cả những gì con đã thấy không làm con mất tinh thần chứ? (Lạt ma mỉm cười và ra dấu cho tôi ngồi) Nay Lobsang, chúng ta hãy nuôi dưỡng thân xác, rồi sau đó đến linh hồn. (Ngài lắc cái chuông bạc để tu sĩ phục vụ mang trà đến.)

Rõ ràng là tôi đã đến đúng lúc! Theo quy định của các tu viện Lạt ma, các tu sĩ không được nhìn quanh trong khi ăn, phải chăm chú lắng nghe những lời của Người Đọc Kinh Sách. Nhưng ở đây, trong căn phòng của Lạt ma Mingyar Dondup, không có người đứng trên bục cao để lớn tiếng đọc Thánh Thư hầu hướng tâm trí người nghe ra khỏi những điều tầm thường. Cũng chẳng có những giám thị nghiêm khắc, sẵn sàng can thiệp nếu tu sinh vi phạm những quy định của tu viện. Tôi nhìn qua cửa sổ, về những dãy núi Himalaya trải dài đến mất hút và thầm nghĩ chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ không còn được nhìn thấy chúng. Tôi đã thoáng thấy tương lai - tương lai của tôi

- và tôi kinh sợ những điều mà tôi đã không thể phân định một cách rõ ràng, bởi khói hương đã phân nào làm mờ hình ảnh của chúng.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à! Con đã thấy rất nhiều điều, nhưng còn nhiều điều hơn mà con chưa được thấy. Nếu con thấy không có sức để đương đầu với tương lai được dành cho con, thì các Lạt ma chúng ta chấp nhận, dầu rất lấy làm tiếc, sự khước từ của con; và con có thể ở lại Tây Tạng.

Tôi đáp:

- Thưa thầy, có lần ngài đã nói với con rằng con người tiến bước trên một trong những Con Đường của Đời Sống, rồi suy yếu và quay trở lại, thì không phải là con người. Con sẽ tiếp tục tiến bước, dầu biết rằng có bao thử thách đang chờ con.

Thầy Linh hướng mỉm cười và gật đầu nói với vẻ tán thành.

- Rồi con sẽ chiến thắng.

Tôi hỏi:

- Thưa thầy, tại sao khi đến trần gian này, người ta không biết mình đã là ai trong những kiếp trước và mình coi như phải làm gì trong kiếp đời này? Tại sao có cái mà thầy gọi là 'khoa học huyền bí'? Tại sao chúng ta không thể biết hết mọi sự?

Thầy Linh hướng nhướn mày và bật cười:

- Con quá đòi hỏi! Đã vậy, lại còn mất trí nhớ. Mới gần đây thôi, ta đã nói với con rằng, thông thường, chúng ta không nhớ những kiếp trước của mình, vì điều đó chỉ làm tăng thêm gánh nặng của chúng ta trên trần gian này. Như ta đã nói, vòng quay sự sống chuyển động, mang đến sự giàu có cho người này và sự nghèo khó cho người kia. Người ăn mày hôm nay sẽ là ông hoàng trong ngày mai vì không biết mình như thế nào trong những kiếp trước, nên chúng ta lại xuất phát từ số không và không tìm cách để đạt được lợi ích từ những gì chúng ta đã là trong kiếp trước.

Tôi hỏi:

- Còn khoa học huyền bí thì sao? Nếu mọi người có thể nắm giữ tri thức đó, thì nhân loại sẽ hạnh phúc và tiến triển nhanh hơn.

Thầy Linh hướng mỉm cười:

- Không đơn giản đâu! (Ngài lặng im một lúc rồi nói tiếp) Trong con người của chúng ta có những quyền năng, được đặt dưới sự kiểm soát của Siêu Ngã của chúng ta, và những quyền năng đó là vô cùng lớn lao, hơn tất cả những gì mà con người có thể thực hiện trong thế giới vật chất, vật lý. Phương Tây, nói riêng, đã lạm dụng những quyền năng đó, bởi tất cả những gì nó quan tâm đến, là tiền. Phương Tây chỉ có hai câu hỏi ở cửa miệng: Bạn có thể chứng minh điều đó chứ? Điều đó sẽ mang lại gì cho tôi? (Lạt ma Dondup bật cười như một chàng trai trẻ và nói tiếp) Ta luôn cảm thấy thú vị khi nghĩ đến hệ thống phức tạp mà người ta dùng để chuyển một thông điệp 'vô tuyến' qua các đại dương. Cái từ 'vô tuyến' là từ mà người ta phải dùng để nói về vấn đề đó. Nhưng ở đây, tại Tây Tạng, các Lạt ma, sau khi đã được huấn luyện thích hợp, có thể chuyển đi những thông điệp thần giao cách cảm mà không cần phải dùng đến một công cụ nào. Các Lạt ma đi vào thế giới thiên thể, du hành qua không gian và thời gian, tham quan những châu lục và những thế giới khác. Họ có

thể thực hiện thuật bay lên khỏi mặt đất, nhấc lên những khối nặng lớn lao, nhờ vào những quyền năng ít khi được biết. Lobsang à, chẳng phải ai ai cũng là người trong sáng thánh thiện. Chiếc áo cà sa không luôn cho thấy người mặc nó là một người thánh thiện. Có thể có một kẻ ác trong tu viện Lạt ma, cũng như có thể có một vị thánh trong tù.

Tôi bối rối nhìn thầy Linh hướng và hỏi:

- Nhưng nếu mọi người đều nắm giữ tri thức đó, thì họ chắc sẽ làm điều thiện?

Lạt ma buồn bã nhìn tôi:

- Sở dĩ Lạt ma giữ kín kho học huyền bí đó, là nhằm bảo vệ nhân loại. Rất nhiều người chỉ nghĩ đến kiếm tiền và thống trị người khác. Như Sấm Ngôn và những người có thiên nhãn khác đã tiên tri, đất nước chúng ta sau này sẽ bị chiếm đóng và xâm lược về mặt vật chất bởi một thứ tôn giáo lạ lùng, một thứ đạo không quan tâm đến nhu cầu của con người bậc trung, và mục tiêu duy nhất của thứ đạo đó là gia tăng quyền lực của những nhà độc tài, những người sẽ đưa phân nửa Trái đất này vào vòng nô lệ. Nếu bất thành linh con người bậc trung tiếp cận được những tri thức đó, thì nó sẽ phản ứng như sau: Trước tiên, nó hẳn e sợ cái quyền năng mà nó đang nắm giữ. Sau đó, nó thậm nghĩ rằng nó đang có những phương tiện nhằm có thể trở nên giàu có hơn cả những mơ ước điên rồ nhất của nó. Nó đưa tri thức đó vào thực tiễn và tiền đồ của nó. Càng giàu có và hung mạnh, nó càng muốn tăng thêm những điều đó. Một nhà triệu phú thì hẳn không hài lòng với số tiền một triệu; còn muốn nhiều hơn. Người ta nói rằng, ở những người chưa tiến hoá, quyền lực tuyệt đối gây hũ hoá, biến chất. Kho học huyền bí ban cho quyền lực tuyệt đối.

Sáng trí ra, tôi thốt lên:

- Thế thì Tây Tạng sẽ không sao cả! Khoa học huyền bí sẽ không để cho đất nước bị xâm lược.

Nhìn tôi với vẻ cảm thương, thầy Linh hướng buồn bã nói:

- Không phải vậy, Lobsang à. Các Lạt ma không dùng những quyền năng của họ vào những mục đích như thế. Tây Tạng sẽ bị bức hại, hầu như bị xoá sổ, nhưng trong tương lai nước này sẽ vươn dậy, và sẽ lớn lao hơn, thanh khiết hơn. Đất nước này sẽ tẩy rửa những vết nhơ của nó trong lò lửa chiến tranh, như những nơi khác trên toàn thế giới. Con biết không, Lobsang, chiến tranh là chuyện không thể tránh khỏi, bởi nếu không có chiến tranh dân số thế giới sẽ tăng quá mức. Nếu không có chiến tranh, thì sẽ có dịch bệnh. Chiến tranh và dịch bệnh điều chỉnh dân số thế giới và tạo cơ hội cho những cư dân của Trái Đất - và của những thế giới khác - tương tự nhau. Sẽ luôn có chiến tranh, bao lâu người ta chưa tìm thấy một cách thức để ngăn chặn sự gia tăng dân số toàn cầu.

Những tiếng cồng vang lên, cho biết đã đến giờ cử hành lễ phụng vụ buổi chiều.

Thầy Linh hướng đứng dậy và nói với tôi:

- Đi thôi Lobsang. Là những khách mời, chúng ta phải tham dự lễ để tỏ lòng trân trọng những người đã đón tiếp chúng ta.

Rời khỏi phòng, chúng tôi đi ra sân. Những tiếng cồng không ngừng vang lên - ở đây, tiếng cồng kéo dài lên hơn ở tu viện Chakpori. Chúng tôi tiến về Đền Thờ một cách

chậm rãi khiến tôi phải ngạc nhiên. Nhưng sau đó, tôi nhìn quanh và thấy có những vị rất cao tuổi và những người tàn tật đang khập khiễng trên sân, phía sau chúng tôi.

Thầy Linh hướng nói nhỏ với tôi:

- Con hãy đến ngồi cạnh các tu sinh đó, như thế hẳn là nhã nhặn hơn!

Tôi cúi đầu, đi quanh theo những bức tường phía trong của Đền và đến nơi các tu sinh của Tu viện Lạt ma Sám Ngôn đang ngồi. Họ nhìn tôi với vẻ tò mò. Sau đó, khi các thầy Giám thị không để mắt đến, các tu sinh tiến về phía tôi và bao quanh tôi.

Một cậu trai có vẻ thủ lĩnh của nhóm, hỏi tôi:

- Cậu từ đâu đến.

Tôi nói nhỏ nhỏ:

- Từ Chakpori.

Một tu sinh khác hỏi:

- Có phải cậu là kẻ được Đấng Thánh Thiện gửi đến?

Tôi đáp, vẫn nhỏ tiếng:

- Đúng. Tôi đã gặp Sám Ngôn và ngài ấy đã nói ...

Có một giọng nói cục phát ra ngay phía sau tôi:

- Im! Ta không muốn nghe có tiếng nói nào nữa!

Tôi thấy người đàn ông to lớn vạm vỡ đó bỏ đi, và một tu sinh nói:

- À, chó sủa là chó không cắn!

Vào lúc đó, Sám Ngôn và một Tu viện trưởng xuất hiện từ một cửa nhỏ ở cạnh bên, và lễ phụng vụ bắt đầu.

Một lúc sau, chúng tôi ra khỏi Đền. Cùng với những người khác, tôi vào bếp để nhận hạt đại mạch đầy cái túi da của mình và uống trà. Tôi có dịp để trò chuyện: các tu sĩ thuộc mọi đẳng cấp đang ở đó, bàn luận lần cuối trước khi đi ngủ. Tôi về phòng, quần mình trong chiếc áo cà sa và nằm dài để ngủ - Nhưng giấc ngủ không đến. Tôi ngấm nhìn những vùng bóng tối tím thẫm, rải rác bởi những ngọn lửa vàng óng của những cây đèn dầu lạc. Ở xa, Hi-malaya trường cửu hướng lên trời những ngón tay bằng đá của nó, như van xin các vị thần của thế giới này. Trăng chiếu sáng qua những vực núi, mờ rồi tỏ, càng lúc càng cao hơn trên bầu trời. Tối hôm đó, trời không chút gió, những lá cờ cầu kinh rũ dài theo những hàng cột. Chỉ có một vệt mây đang uể oải bình bồng bên trên thành phố Lhasa. Tôi trở mình và chìm vào một giấc ngủ sâu.

Lúc rạng đông, tôi giật mình thức dậy. Tôi đã ngủ quá giấc và sẽ không kịp để tham dự lễ phụng vụ buổi sáng. Tôi vội vã đứng lên, nhanh chóng chỉnh lại áo cà sa và vội vã ra cửa. Tôi chạy dọc theo hành lang vắng người, ào ra sân và chạm trán với một người tộc Kham.

Người này nắm lấy tôi bằng một bàn tay cứng như sắt, và nói nhỏ nhỏ bằng giọng dữ tợn:

- Đi đâu đây?

Tôi đáp:

- Đi lễ sáng. Tôi đã ngủ muộn.

Buông tôi ra, anh ta bật cười:

- À, cậu là một khách mời. Ở đây không có lễ sáng. Về ngủ lại đi.

Tôi thốt lên:

- Không có lễ sáng ư? Nhưng mọi Tu viện Lạt ma khác đều có cả.

Tu sĩ - cảnh vệ này có lẽ đang trong tâm trạng vui, bởi anh ta trả lời tôi một cách lịch thiệp.

- Ở đây có một số người cao tuổi và một số họ bị liệt. Vì lý do đó, chúng tôi miễn cử hành lễ đọc kinh sáng. Cậu hãy về nghỉ ngơi thêm nữa đi.

Anh ta vỗ một cái vào đầu tôi, nhẹ đối với anh ta, nhưng kinh khủng đối với tôi. Rồi anh đẩy tôi về phía hành lang. Tôi chạy về phòng và vài phút sau đó, lại chìm vào giấc ngủ.

Trong ngày, tôi được giới thiệu với Tu viện trưởng và Lạt ma cấp cao. Một hồi lâu, họ hỏi về gia đình của tôi, những ký ức của tôi về các kiếp trước của mình, những quan hệ của tôi với Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của tôi. Cuối cùng, họ chậm rãi đứng dậy và đi ra cửa.

Người sau cùng ra hiệu cho tôi:

- Hãy đến đây.

Hoảng vía, bước đi như trong mê sảng, tôi ngoan ngoãn theo họ. Họ chậm rãi ngang qua ngưỡng cửa và tiến theo hành lang với bước chân kéo lê. Chúng tôi tiến chậm như rùa, ngang qua những cửa phòng để mở, nơi các tu sinh và các chú tiểu tò mò ngược mắt nhìn những người bước rất chậm này. Tôi cảm thấy thẹn khi nghĩ rằng mình là cái đuôi của đoàn người này; dẫn đầu là Tu viện trưởng, khập khiễng với hai cái gậy. Tiếp đến là hai Lạt ma già, lom khom, khô queo. Và sau cùng là tôi, cảm thấy khó khăn khi phải bước chậm đến thế.

Cuối cùng, sau một lúc mà tôi tưởng chừng bất tận, chúng tôi đến một cánh cửa nhỏ lồng khít vào tường. Chúng tôi dừng lại. Tu viện trưởng lấy ra một cái chìa khoá trong khi lẩm bẩm một điều gì đó. Một trong hai vị Lạt ma bước đến để giúp ngài; và rồi cửa được mở ra với một tiếng kèn kẹt. Tu viện trưởng bước vào, rồi đến Lạt ma thứ nhất, và Lạt ma thứ hai. Thấy không ai nói gì mình, tôi vào theo. Vị Lạt ma già đóng cánh cửa lại phía sau tôi. Tôi thấy có một cái bàn trên đó có nhiều đồ vật xưa cũ, lấm bụi: những bộ áo cà sa, cối kinh, những cái bát, những xâu tràng hạt. Ngoài ra, còn có vài cái hộp đựng những lá bùa, và nhiều đồ vật khác mà tôi không thể xác định khi thoáng nhìn qua.

Tu viện trưởng ra lệnh:

- Nào... Đến đây con!

Tôi miễn cưỡng bước đến gần ngài. Ngài nắm lấy cánh tay tôi bằng bàn tay xương xẩu của Ngài. Tôi có cảm tưởng mình đang bị túm lấy bởi một bộ xương khô.

Tu viện trưởng hỏi:

- À, Này con... à ... trong số các đồ vật này ... đâu là những thứ thuộc sở hữu của con trong một trong số những kiếp trước của con? (Ngài dẫn tôi đi dọc theo cái bàn, rồi quay sang nói với tôi) à, nếu con tin rằng một hoặc nhiều đồ vật trong số đó đã thuộc về con ... à ... thì con hãy cầm lấy và trao cho ta.

Ngài ngồi xuống một cách mệt nhọc và có vẻ không quan tâm đến công việc của tôi. Ngài hai bên ngài là hai Lạt ma. Họ không nói với nhau lời nào.

Tôi thầm nghĩ, nếu ba ông lão đây muốn chơi cái trò này theo cách này... thì đồng ý thôi. Tôi sẽ chơi theo ý thích của họ!

Phép đo vía, phách là điều không khó thực hiện. Tôi chậm rãi bước dọc theo cái bàn dài, gương bàn tay ra, lòng bàn tay hướng xuống bên trên các đồ vật. Một số vật đó gây ngứa ở lòng bàn tay của tôi và chút run rẩy chạy dọc theo cánh tay tôi. Tôi cầm lấy một cối kinh, một cái bát mẻ xưa cũ và một xâu tràng hạt. Rồi tôi quay trở lại. Còn duy nhất một vật khác gây ra chứng ngứa và run rẩy đó: một áo cà sa rách nát, sờn mòn. Chiếc áo cà sa màu vàng nghệ của một nhà tu có quyền cao chức trọng; thời gian đã làm áo bạc màu, mủn ra. Tôi cẩn thận cầm lấy cái áo, sợ rằng nó sẽ rã ra trong tay tôi. Sau đó, tôi mang nó đến Tu viện trưởng đặt dưới chân ngài, rồi quay lại để lấy cái cối kinh, cái bát mẻ và xâu tràng hạt. Không một lời, Tu viện trưởng và hai Lạt ma xem xét các đồ vật, so sánh với một số dấu, hoặc một số vết tích bí ẩn nào đó với những dấu có ghi trong một cuốn sách cổ màu đen mà Tu viện trưởng đã lấy ra. Trong một lúc, ba người đó ngồi đối diện với nhau, đầu họ lắc lư trên những cái cổ khô queo, đầu óc họ gần như muốn nổ tung do phải quá đỗi suy nghĩ.

Tu viện trưởng hỗn hển lắm bầm:

- Hừm! Hừm. Đúng là người ấy. Quả là một thể hiện đáng ghi nhận. Này con, hãy quay về với Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của con và ... hừm... nói với ngài ấy là chúng ta sẽ rất hân hạnh được tiếp ngài ấy... Phần con, con không cần phải trở lại đây. Hừm!

Tôi quay gót và lảng nhanh ra khỏi phòng. Tôi cảm thấy sung sướng khi rời xa những cái xác ướp còn sống đó, mà sự dũng dũng do già yếu của họ là rất khác xa so với sự nồng ấm đầy tình người của thầy Linh hướng của tôi. Khi rẽ ở góc hành lang, tôi chạm trán thầy Linh hướng.

Ngài bật cười và nói với tôi:

- Đừng có vẻ sững sốt như thế. Ta cũng đã nhận được thông điệp.

Ngài thân ái vỗ vào vai tôi, rồi vội vã đi gặp Tu viện trưởng và hai Lạt ma. Tôi đi ra sân. Một lúc sau, có tiếng nói phía sau tôi:

- Có phải người ta đang tìm thấy Hiện Thân nơi cậu?

Tôi quay lại và thấy một tu sinh đang nhìn chăm tôi.

Tôi nói:

- Tôi chẳng hiểu họ làm gì. Chỉ biết một điều là họ lôi tôi dọc theo những hành lang để tôi nhận ra những vật dụng mà trước kia tôi đã dùng. Đó là chuyện mà bất cứ ai cũng có thể làm!

Cậu tu sinh bật cười thân thiện:

- Các cậu, những người ở Chakpori, biết chuyện đó, bởi nếu không làm sao các cậu có thể vào được Tu Viện đó. Tôi nghe nói trong kiếp trước cậu là một nhân vật quan trọng. Điều đó hẳn là có thật, bởi đích thân Sấm Ngôn đã dành ra cả nửa tháng để tiếp cậu. (Tu sinh làm ra vẻ rùng mình rồi nói tiếp) Tớ khuyên cậu nên đề phòng.

Trước khi hiểu được chuyện gì xảy ra, cậu sẽ bị ‘nhận biết’ và trở thành Tu viện trưởng. Và thế là cậu không thể chơi đùa với các tu sinh ở Chakpori nữa.

Bóng của thầy Linh hướng xuất hiện nơi cái cửa cuối sân. Ngài bước nhanh về phía chúng tôi. Cậu tu sinh kính cẩn chào ngài. Vị Lạt ma cười và thân ái trao đổi vài câu với tu sinh.

Sau đó, ngài nios với tôi:

Lobsang à, chúng ta phải lên đường thôi. Trời sắp tối, và chúng ta không thể cưỡi ngựa xuyên đêm.

Chúng tôi đến chuồng ngựa, nơi có một tu sĩ chăm sóc ngựa đang chờ cùng với hai con ngựa của chúng tôi. Chẳng chút hào hứng, tôi nhảy lên yên và theo thầy Linh hướng đi theo con đường mòn ngang qua rừng liễu. Người và ngựa lặng lẽ ra đi. Những khi cưỡi ngựa, do phải cố hết sức để vững vàng trên yên, nên tôi không thể nói chuyện. Tôi ngạc nhiên khi biết chúng tôi không quay về Chakpori, nhưng đang trên đường đến Potala. Chậm rãi, đôi ngựa leo lên Con Đường Bạc Thang. Phía dưới chúng tôi, bóng đêm đã phủ mờ thung lũng. Tôi nhảy xuống ngựa và vội vã đi vào Potala để ăn tối. Sau bữa ăn, khi về phòng tôi thấy thầy Linh hướng đang chờ tôi.

Ngài nói:

- Ta cần nói chuyện với con.

Sau khi tôi vâng lời ngồi xuống theo cái chỉ tay của Ngài, ngài nói tiếp:

- Ta nghĩ hẳn con thắc mắc, tại sao con đang gặp phải sự việc thế này?

Với vẻ e dè, tôi đáp:

- Ô! Con cho rằng con đã được xem là một Hiện Thân. Con đã nói chuyện đó với một tu sinh ở Tu Viện Lạt ma Sám Ngôn khi ngài gọi con.

- Đúng vậy. Giờ đây chúng ta có thể thoải mái nói về một số vấn đề. Con sẽ không cần phải tham dự lễ phụng vụ buổi chiều. Hãy ngồi thoải mái lắng nghe ta và đừng thường xuyên ngắt lời ta. Người ta đến trần gian này, đa phần là để học hỏi. Số khác thì ở đây để giúp đỡ những người khốn khổ, hoặc để thực hiện một nhiệm vụ có tầm quan trọng cao (Ngài liếc nhìn để xem tôi có theo sát lời ngài không), rồi nói tiếp: Rất nhiều tôn giáo nói về một địa ngục, nơi để chúng ta phải bị trừng phạt hoặc để chuộc những tội lỗi của chúng ta. Địa ngục là ở đây, trên trần gian này. Đời sống thực của chúng ta là đời sống ở Thế Giới Bên Kia. Chúng ta đến trần gian này để học hỏi, để đền trả những tội đã phạm ở những kiếp trước, hoặc - như ta đã nói với con - cố gắng để hoàn tất một nhiệm vụ chủ yếu. Con có mặt ở trần gian để thi hành nhiệm vụ của con, liên quan đến vàng khí huyền bí bao quanh con người. Các ‘công cụ’ của con sẽ là một sự cảm nhận siêu linh cực nhạy: khả năng, đã được tăng cường đến cực đại, để thấy vàng khí huyền bí bao quanh con người và những gì mà chúng ta có thể học hỏi ở con về tất cả những thuật huyền bí. Đấng Thánh Thiện đã quyết định dành mọi phương tiện để giúp con gia tăng những khả năng và những tài năng của con. Sự chỉ dẫn trực tiếp, những kinh nghiệm thực tiễn, thuật thôi miên, tất cả đều sẽ được áp dụng để khai tâm cho con một cách toàn diện nhất khả dĩ, trong một thời gian ngắn nhất.

Tôi buồn bã thốt lên:

- Ô! Đúng là địa ngục!

Vị Lạt ma vắn lại:

- Nhưng cái địa ngục đó chỉ là một chặng đường để đến một đời sống tốt đẹp hơn. Ở trần gian này, chúng ta có khả năng loại bỏ một số những khuyết điểm hèn hạ nhất của chúng ta. Ở nơi này, trong vài năm lưu lại trên trần gian, chúng ta thanh tẩy những tội lỗi, những tội lỗi hằn sẽ làm chúng ta phải bị hành hạ trong một khoảng thời gian bất tận. Cuộc đời dương thế này chỉ dài trong một chớp mắt so với Thế Giới Bên Kia. Ở phương Tây, nhiều người tin rằng sau khi chết, họ sẽ ngồi chơi đàn hạc trên một đám mây. Số người khác thì tưởng tượng rằng sau khi rời khỏi trần gian này, họ sẽ sống trong một thứ hư vô mang tính thần bí và sẽ vui sướng. (Ngài bật cười và nói tiếp) Phải chi chúng ta có thể làm cho người ta tin rằng đời sống sau cái chết là thực hơn là đời sống trên trần gian này! Ở trần gian này, tất cả chỉ gồm các dao động. Những dao động đó - và tất cả những gì của thế giới - có thể được so sánh với một quãng tám trên bàn phím của chiếc dương cầm. Khi chúng ta đi vào Bên Kia Cái Chết, 'quãng tám' được chuyển vào khoảng âm cao của bàn phím. (Thầy Linh hướng nắm lấy tay tôi, gõ nhẹ nó vào sàn nhà.) Lobsang à, cái này là đá, là những dao động mà chúng ta gọi là đá. (Ngài lại cầm lấy tay tôi và chà những ngón tay của tôi lên áo cà sa tôi) Đây là dao động cho ta biết là vãi len. Nếu đưa mọi thứ lên thang của những dao động, chúng ta vẫn luôn giữ những độ tương đối của sự rắn chắc hoặc mềm mại. Như thế, trong Đời Sống sau Cái Chết, chúng ta có thể sở hữu những đồ vật, y hệt ở thế giới này. Con hiểu rõ những điều ta vẫn nói chứ?

Dĩ nhiên, từ lâu tôi đã biết những điều đó. Lạt ma Dondup ngắt ngang dòng ý tưởng của tôi:

- À, ta rõ đó là những điều mọi người đều biết, và sở dĩ ta nói ra là để làm cho chúng trở nên rõ ràng hơn trong tâm trí của con. Sau này, khi con đến những nước phương Tây, con sẽ gặp không ít khó khăn với những tôn giáo ở đó. Những người đã xem chúng ta là những người dị giáo, ta biết ta đang làm con phát chán khi nói những chuyện dẫu dẫu, nhưng ta đã đến nhiều nước phương Tây, và ta thấy có bổn phận phải báo trước cho con về những gì đang chờ con.

Tôi thâm nghĩ, sao thầy Linh hướng của tôi rườm rà đến thế.

Ở phía ngoài, trong các hành lang, các tu sĩ đang đi về Đền để tham dự buổi tụng kinh chiều. Trên mái tu viện, những người thổi kèn đang nhìn thung lũng và thổi lên những nốt cuối để tôn vinh một ngày dần khuất. Ngài đối diện tôi, thầy Linh hướng của tôi, Lạt ma Mingyar Dondup nói tiếp:

- Vào những buổi đầu của Trái Đất, con người sống thành những nhóm nhỏ, những bộ tộc rất ít người. Sức mạnh là quyền uy duy nhất; những bộ tộc hùng mạnh và hiếu chiến nhất đánh những bộ tộc yếu kém nhất. Vào một thời điểm có tính quyết định, xuất hiện một người hùng mạnh hơn và khôn ngoan hơn những người khác. Ông ta thấy rõ bộ tộc của ông biết tự tổ chức, và nó sẽ thống trị những bộ tộc cạnh tranh với nó. Ông ta thành lập một tôn giáo và đặt ra bộ luật luân lý. 'Hãy giao phối và sinh nhiều con cái', Ông ra lệnh, biết rằng càng có nhiều đứa bé được sinh ra, thì bộ tộc của ông càng gia tăng sức mạnh. 'Hãy kính trọng cha mẹ người,' Ông lại ra

lệnh, biết rằng nếu ông có thể làm cho các đứa con tin rằng chúng phải chịu ơn cha mẹ chúng, thì kỹ cương sẽ dễ dàng được thi hành hơn. ‘Người không được gian dâm’, Ngôn sứ của thời ấy đã nhấn mạnh. Thật ra, ông ta không muốn bộ tộc của ông bị ‘thông dâm’ bởi máu của một thành viên của một bộ tộc khác, bởi trong trường hợp đó, một số người không còn biết mình phải tuân theo quyền hành nào. Theo thời gian, một số thầy tu nhận thấy có một số cá nhân không luôn tuân theo những lời dạy của tôn giáo. Sau nhiều bàn luận và sau khi đã chín chắn suy nghĩ, các thầy tu đặt ra một hệ thưởng và phạt: Trời, Thiên Đàng Vahalla - con có thể gọi thế nào tùy ý - cho những ai biết vâng lời các thầy tu. Lửa địa ngục và sự đọa đày vĩnh viễn là điều dành cho những kẻ bất tuân.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, phải chăng ngài không ưa các tôn giáo có tổ chức của phương Tây?
- Không, không phải vậy. Có những người cảm thấy lạc lõng nếu họ không thể tin hoặc không thể tưởng tượng được rằng có một Cha toàn năng, thông hiểu vô biên, đang nhìn họ, và có một Thiên Thần đang sẵn sàng ghi lại mọi hành động tốt cũng như xấu của họ. Đối với những vi sinh vật đang sống trong cơ thể chúng ta, chúng ta là Thượng Đế; và chúng ta cũng là Thượng Đế đối với những vi sinh vật nhỏ hơn đang sống trong các phân tử. Về vấn đề sự cầu nguyện, này Lobsang, con có nghe thấy chẳng sự cầu nguyện của các tạo vật đang sống trong các phân tử của cơ thể con?

Tôi ngạc nhiên nói:

- Nhưng, ngài đã nói với con rằng sự cầu nguyện là hữu ích.
- Đúng, sự cầu nguyện là hữu ích khi ta cầu với Siêu Ngã của ta, cái phần của chính chúng ta đang ngụ trong một thế giới khác, và đang điều khiển những sợi dây của con rối. Sự cầu nguyện là rất hiện hữu nếu ta tuân thủ những quy luật đơn giản và tự nhiên đưa đến sự cầu nguyện.

Lạt ma Dondup mỉm cười với tôi và nói tiếp:

- Con người chỉ là một hạt cát trong một thế giới đầy biến động. Nó cảm thấy thoải mái, chỉ khi nó tin vào sự an ổn của một thứ ‘vòng tay ôm của mẹ.’ Với những người phương Tây không biết nghệ thuật chết, thì cái ý nghĩ sau cùng, tiếng thốt lên sau cùng của người đó là ‘Mẹ!’ Một người thiếu tự tin, và muốn tạo ra một ấn tượng ngược lại, thì sẽ ngậm một miếng xì gà hoặc một miếng thuốc lá, y như một đứa trẻ mút vú. Các nhà tâm lý học đã đồng thuận cho rằng thói quen hút thuốc chỉ là một sự thoái lui về thời ấu thơ, khi đứa bé tìm nơi người mẹ lương thực và sự vững tin. Tôn giáo là điều làm vững lòng, là điều trợ lực. Am hiểu sự thật về sự sống - và về cái chết - là điều làm vững vàng, trợ lực còn lớn lao hơn. Ở trên Trái Đất này, chúng ta tựa như nước, như hơi nước khi chúng ta đi vào thế giới bên kia, và chúng ta ngưng tụ thành nước khi chúng ta lại trở về trần gian này.

Tôi thốt lên:

- Thưa ngài, ngài cho rằng con cái không buộc phải kính trọng cha mẹ ư?

Lạt ma Dondup nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Ô Lobsang, con cái đương nhiên phải kính trọng cha mẹ... nếu họ đáng để kính trọng. Nhưng những phụ huynh quá thích thống trị thì không được ‘bóp nghẹt’ con

cái họ, và những đứa con, một khi đã trưởng thành thì phải đặt lên hàng đầu chồng hoặc vợ của họ. Phải cấm các phụ huynh, không để họ áp chế, hành hạ con cái, và khi con họ đã trưởng thành, họ không có quyền áp đặt những ý muốn của họ lên chúng. Nếu để cho các phụ huynh tùy tiện, thì họ sẽ gây thiệt hại không những cho họ mà còn cho con cái họ. Đó là tạo ra một món nợ mà họ phải trả trong kiếp sau.

Tôi nghĩ đến song thân của tôi. Cha tôi là một người cứng rắn và nghiêm khắc đối với tôi. Mẹ tôi thì chỉ biết quan tâm đến đời sống xã hội thượng lưu. Rồi tôi nghĩ đến Lạt ma Mingyar Dondup. Đối với tôi, ngài còn hơn là người mẹ và người cha, và ngài là người duy nhất luôn tỏ ra dịu dàng và nhân từ đối với tôi:

Một tu sĩ đưa tin bước vào, kính cẩn nghiêng mình nói:

- Thừa Tôn chủ Dondup, con có nhiệm vụ chuyển đến ngài những lời chào trân trọng của Đấng Thánh Thiện, và xin ngài vui lòng đến gặp đấng ấy. Thừa ngài, ngài có thể đi theo con chứ?

- Thầy Linh hướng đứng dậy và đi theo tu sĩ - đưa tin.

Tôi rời phòng và trèo lên mái tu viện Potala. Ở xa xa, tạo lạc trên một vùng cao hơn, Tu viện Lạt ma Y dước Chakpori in hình trong đêm. Cạnh bên tôi, một lá cờ cầu kinh đang vỗ nhẹ vào cột cờ. Ở một cửa sổ kề cận, tôi thấy một tu sĩ đang không ngừng quay cối kinh, làm phát ra tiếng 'clack - clack' trong sự tĩnh lặng của đêm.

(4)

Bây giờ là mùa Logsar; năm mới của Tây Tạng. Cách đó ít lâu chúng tôi, những tu sinh của Tu viện Lạt ma đã dành thời gian để chú tâm vào việc nắn những bức tượng nhỏ bằng bơ thực vật. Năm ngoái chúng tôi đã không tham gia việc đó, và điều ấy đã gây ra một sự bất bình; những Tu viện Lạt ma khác đã suy ra rằng chúng tôi, những người sống tại Chakpori, đã không có thời gian và không ham thích thực hiện những công việc có tính trẻ con như thế. Nhưng vào năm này, Đấng Thánh Thiện đã ra lệnh cho chúng tôi phải nắn những tượng nhỏ bằng bơ thực vật và tham gia cuộc thi. So với những Tu viện Lạt ma khác thì những nỗ lực của chúng tôi là khá khiêm tốn. Trên một cái bàn bằng gỗ cao sáu mét, rộng chín mét, chúng tôi dùng bơ thực vật có màu để tạo hình những cảnh rút ra từ các Thánh Thư. Những nhân vật do chúng tôi tạo ra có ba chiều và chúng tôi hy vọng rằng trong ánh sáng lung linh của những ngọn đèn dầu lạc, chúng sẽ có cái ảo ảnh của sự chuyển động.

Mỗi năm, Đấng Thánh Thiện và tất cả các Lạt ma cấp cao đều đến thăm khu triển lãm và khen thưởng những người thắng giải. Sau mùa Logsar, bơ thực vật được nấu chảy để dùng làm dầu đốt đèn. Trong khi nắn tượng - một công việc mà tôi đã khá thành thạo - tôi nghĩ đến tất cả những gì mà mình đã học được trong những tháng trước đó. Một số vấn đề tôn giáo vẫn còn làm tôi thắc mắc và tôi nhất định sẽ hỏi thầy Linh hướng khi có dịp, nhưng lúc này thì việc mà tôi phải làm là nắn tượng bằng bơ! Tôi cúi xuống, lấy một khối bơ và thận trọng leo lên giàn giáo để đắp tai của một tượng Phật. Ở bên phải của tôi, hai tu sinh đang dùng những hòn bơ để ném nhau.

Chúng giỡn như hai thằng điên. Không may cho chúng, nghe thấy tiếng cười giỡn, một Thầy Giám thị xuất hiện từ sau cái cột và không nói năng gì, thầy túm lấy hai đứa và ném chúng vào cái thùng gỗ lớn đựng bơ.

Không nhìn nữa, tôi lại tiếp tục công việc. Với bơ trộn với bồ hóng đèn dầu, người ta có thể nặn những cặp lông mày rất giống thật. Thế là, nhân vật được nặn cho ra một ảo ảnh về sự sống. Tôi thầm nghĩ, ‘Đúng là Thế Giới của Ảo Ảnh!’ Tôi xuống giàn giáo, lùi ra sau để nhìn toàn bộ tác phẩm của tôi. Thầy mỹ thuật mỉm cười, tôi là một học trò cứng của thầy, bởi tôi thích nặn tượng và hội họa và tôi siêng năng học tập. Thầy nói bằng giọng thân ái:

- Được lắm, các vị Thần có vẻ sống động.

Khi thầy rảo bước ra xa để chỉ dẫn cho các tu sinh khác, tôi thầm nghĩ: ‘Các Thần có vẻ sống động! Có chẳng các Thần? Tại sao chúng ta nói đến các Thần khi những vị ấy không hề tồn tại? Ta phải hỏi thầy Linh hướng mới được!

Tôi chà hai bàn tay để loại bỏ lớp bơ còn dính. Ở một góc phòng, hai tu sinh bị ném vào thùng ban nãy đang dùng cát mịn để kỳ cọ mình, trông có vẻ buồn cười. Một tu sinh to con vạm vỡ đi ngang qua tôi và nói:

- Ngay cả các Thần cũng phải bật cười khi thấy cảnh đó!

Ngay cả các Thần... Ngay cả các Thần... Ngay cả các Thần. Những từ đó vang vang trong đầu khi tôi rảo bước. Có chẳng các Thần? Tôi đi xuống Đền và tham gia buổi phụng vụ thường lệ.

‘Hãy lắng nghe tiếng nói của Hồn chúng ta, hỡi tất cả anh em đang lang thang lạc lối. Thế giới này là Thế Giới của Ảo Ảnh. Đời sống chỉ là một giấc mộng. Tất cả những ai đã sinh ra thì đều phải chết.’

Cái giọng đều đều của nhà tu tiếp tục đọc lên những câu quen thuộc, những câu giờ đây đang thôi thúc sự thắc mắc của tôi.

‘Nén nhang thứ ba được đốt lên để hướng dẫn một hồn đang lang thang lạc lối’.

Tôi thầm nghĩ, ‘Chẳng phải các Thần sẽ đến để giúp hồn, mà là những hồn ma đồng loại. Tại sao không phải là các Thần? Tại sao ta cầu xin Siêu Ngã của ta, chứ không phải cầu xin một vị Thần?’

Tôi thấy buổi tụng kinh không còn ý nghĩa với tôi. Tôi giật mình khi bị thúc mạnh vào sườn:

- Lobsang à! Lobsang! Có chuyện gì thế? Con đã chết rồi ư? Đứng dậy đi, buổi phụng vụ đã kết thúc!

Tôi đngws dậy và theo những tu sĩ khác ra khỏi Đền.

Vài tiếng sau đó, tôi nói với thầy Linh hướng:

- Thưa Lạt ma khả kính, có chẳng một Thượng Đế? Hay có chẳng những vị Thần?

Ngài nhìn tôi và nói:

- Này Lobsang, chúng ta hãy lên ngồi ở mái tu viện. Chúng ta không thể nói chuyện ở đây. Có quá nhiều người.

Lạt ma Dondup quay gót và tôi đi theo. Chúng tôi đi trong một hành lang, ngang qua khu cửa các Lạt ma, leo lên cái thang có khắc, và lên mái. Trong một lúc, chúng tôi ngắm nhìn cảnh quan đáng yêu, những ngọn núi hùng vĩ, nước lấp lánh của hai dòng

sông Kyi Chu và Kaling Chu, và vùng lau sậy bao quanh. Trải rộng dưới chân chúng tôi là Norbu Linga, Công viên Trân Châu, một mảng cây cỏ xanh tươi, sinh động.

Xua tay, thầy Linh hướng nói:

- Nay Lobsang, phải chăng con tin rằng mọi sự trên đời là do ngẫu nhiên? Có một Thượng Đế là điều đương nhiên!

Chúng tôi lên đến phần trên của mái và ngồi xuống.

Thầy Linh hướng nói:

- Các ý tưởng của con quả là rối rắm. Có một Thượng Đế; có những vị Thần. Bao lâu còn ở trên trần gian này, chúng ta không thể xác định Hình Dạng và Tính Chất của Thượng Đế. Chúng ta đang sống trong cái mà người ta có thể gọi là thế giới ba chiều. Thượng Đế sống trong một thế giới rất xa đến nỗi, trên trái đất này, trí óc con người không thể có một ý niệm đúng, về Ngài, và vì thế con người có xu hướng hợp lý hoá Ngài. Thượng Đế được coi như là một điều gì đó có tính người, có tính siêu nhân nếu con muốn cho là thế, nhưng con người, trong sự kiêu căng của nó, tự cho rằng nó được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế! Con người cũng tin rằng không có sự sống ở những thế giới khác. Nếu những người dân của các thế giới khác có một cơ cấu khác cơ cấu của chúng ta thì sẽ ra sao ý niệm cho rằng chỉ duy nhất có con người là được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế?

Lạt ma Dondup nhìn chăm tôi để biết chắc tôi đã hiểu những giải thích của Ngài. Rồi ngài nói tiếp:

- Mỗi đời sống, mỗi xứ sở của từng thế giới đều có Thần, hay Thiên Thần bản mệnh của nó. Chẳng hạn như Manu là danh xưng mà chúng ta dành cho vị Thần đang coi sóc Trái Đất của chúng ta. Đó là một vị Thần đã tiến hoá cao, một con người mà trong dòng của những đầu thai liên tục, đã thanh tẩy khỏi những nhơ nhuốc tội lỗi, và đã trở thành hoàn toàn tinh khiết. Có một nhóm những Đấng Cấp Cao mà, trong những thời nhiễu nhương, xuống trần gian này để nêu gương cho con người trần tục và giúp họ ra khỏi vũng lầy của những dục vọng thế gian.

Tôi gật đầu. Tôi biết điều đó, và biết rằng Đức Phật, Moise, Đức Kitô và nhiều Đấng khác là thuộc nhóm các Đấng ấy. Tôi cũng biết, theo kinh sách Phật Giáo, Phật tương lai Maitreya, sẽ đến sau năm tỉ sau trăm năm mươi sáu triệu năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Tất cả điều đó, và nhiều phần khác nữa, là thuộc giáo lý của tôn giáo chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi cũng được dạy rằng tất cả những người đức hạnh, từ tâm đều có cơ may để đạt đến toàn thiện, hoàn hảo, dẫu họ thuộc tôn giáo nào. Chúng tôi chưa bao giờ tin rằng chỉ có một giáo phái duy nhất là được 'lên trời' trong khi những giáo phái khác thì bị đày xuống địa ngục, bị đọa đày bởi một lũ quỷ.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Manu của Thế Giới, Đấng Khai tâm vĩ đại, chăm lo mọi vận mệnh trên thế gian này. Có những Manu cấp thấp đang điều khiển vận mệnh của một đất nước. Sau vô số năm, Manu của thế giới sẽ vươn lên cao hơn, sẽ tiến hoá hơn và làm chủ Trái Đất.

Tôi thốt lên:

- À, như thế thì không phải những Manu cấp thấp nào cũng thiện! Manu của những nước này có thể chống nước khác. Manu của nước nọ có thể cho phép người dân nước mình xâm chiếm nước khác.

Lạt ma mỉm cười:

- Lobsang à, con quên rằng địa ngục là ở trần gian này, và chúng ta có mặt ở đây để học hỏi. Chúng ta đến đây để chịu đau khổ, hầu tâm trí chúng ta có thể tiến hoá. Những thử thách, những đau khổ là một bài học. Sự nhân hậu và sự cân nhắc thì không là một bài học. Phải có chiến tranh để người ta chúng tỏ sự can đảm của mình trên chiến trường và được tôi luyện trong khói lửa. Thân bằng xương thịt chẳng là gì cả, con ạ. Nó chỉ là một con rối tạm thời. Hồn, Thần Siêu Ngã, đó là cái duy nhất đáng kể. Trên trần gian, trong sự mù quáng, chúng ta tin rằng chỉ có thân xác là đáng kể. Nỗi sợ phải đau đớn về thể xác làm sai lệch tầm nhìn và sự phán đoán của chúng ta về các sự việc. Chúng ta phải hành động vì lợi ích của Siêu Ngã của chúng ta trong khi giúp đỡ tha nhân. Những đứa con mù quáng tuân theo những chỉ định của cha mẹ độc đoán chuyên quyền của chúng thì góp phần làm tăng thêm gánh nặng Nghiệp chướng của cha mẹ chúng cũng như của chính chúng. Những ai đang tuân theo những chỉ dẫn của một tôn giáo sáo rỗng, không có nét độc đáo thì cũng kèm hãm sự tiến hoá của họ.

Tôi thốt lên:

- Lạt ma đáng kính! Con có thể nêu lên hai nhận xét chứ?

- Được, con cứ nói

- Theo ý ngài thì chúng ta có thể học hỏi một cách dễ dàng hơn nếu bị đặt vào trong những hoàn cảnh khó khăn. Con thì thích được dịu dàng hơn. Con có thể học hỏi theo cách đó.

Lạt ma nhìn tôi với vẻ nghĩ ngợi

- Có thể ư? Liệu con có siêng năng học các Thánh Thư nếu con không sợ các thầy của con? Con có chu toàn công việc trong nhà bếp nếu con không sợ bị phạt vì lười biếng? Có không chứ?

Tôi cúi đầu. Quả thật là tôi đã làm việc trong nhà bếp do phải tuân lệnh; tôi đã học các Thánh Thư vì sợ thi trượt.

Lạt ma Dondup hỏi:

- Còn câu hỏi kia của con?

- À thưa ngài. Tại sao một tôn giáo sáo rỗng có thể gây hại cho sự tiến hoá của chúng ta?

- Ta cho con ví dụ sau đây. Có những người tin rằng điều mà họ làm trong đời này là chẳng quan trọng gì, bởi họ có thể chuộc những lỗi lầm của họ trong kiếp sau. Vì vậy, họ chọn một lối sống thoải mái. Đối với họ, chết chẳng khác chi đi từ phòng này sang phòng khác!

Tôi thầm nghĩ, phần tôi, tôi không sợ chết, nhưng tôi muốn kết thúc công việc của tôi trong vòng một kiếp đời mà thôi, thay vì lười biếng và phải không ngưng trở lại trần gian này. Phải sinh ra trở thành một bé thơ, rồi sau đó phải đi học, tất cả chuyện

đó không làm tôi thích thú! Tôi mong rằng kiếp này là kiếp sau cùng tôi trải qua trên trần gian này.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, ngài có cho rằng người ta cần phải tuân theo một tôn giáo?

- Dĩ nhiên, nếu họ muốn. Bao lâu người ta chưa đạt đến giao đoạn mà họ có thể chấp nhận Siêu Ngã và Manu của Thế Giới, thì sự gia nhập vào một hệ chính thức của tôn giáo là điều có thể mang đến cho họ sự vững lòng. Đó là một kỷ cương thuộc tâm trí và tinh thần, và nó mang đến cho một số người cái ấn tượng rằng mình là thành viên của một đại gia đình được chăm nom bởi một người Cha nhân từ và một người Mẹ đầy lòng trắc ẩn, luôn cầu xin Cha giúp đàn con. Đúng vậy, đối với những người đang ở trong một giai đoạn nhất định của tiến hoá, thì một tôn giáo như thế là tốt đẹp. Nhưng càng nhanh chúng biết Đấng mà họ phải cầu xin chính là Siêu Ngã, thì họ càng tiến hoá hơn. Đôi khi người ta đã hỏi các Lạt ma rằng, tại sao các ngài vẫn còn Tranh Tượng Thánh trong các đền thờ, hoặc tại sao các ngài vẫn còn các đền thờ. Các Lạt ma có thể trả lời rằng những Tranh Tượng Thánh đó nhắc nhở họ rằng họ có thể tiến hoá và trở thành những Hữu Thể Thiêng Liêng ở một cấp cao hơn. Về phần các đền thờ, đó là những nơi mà những con người có tâm linh như nhau có thể tập hợp để giúp nhau đạt đến Siêu Ngã. Bằng sự cầu nguyện, kể cả khi sự cầu nguyện đó không được hướng dẫn một cách thích hợp, người ta có thể đạt đến tỷ lệ dao động cao hơn. Thiêng định, chiêm niệm, là những điều tốt đẹp, dầu trong một Đền Thờ, một chù, hay một nhà thờ.

Tôi suy nghĩ về những điều thầy Linh hướng vừa nói. Ở phía dưới chúng tôi là dòng sông Kaling Chu đang chảy nhanh hơn khi ngang qua dưới cây cầu của Đường Linhkor. Ở phía nam, tôi thấy một nhóm người đang chờ đò bên sông Kyi Chu. Những người lái buồm đã đến vào buổi sáng sớm, mang đến cho thầy Linh hướng một số nhật báo và tạp chí từ Ấn Độ và những nước khác. Lạt ma Mingyar Dondup đã chu du nhiều nơi và ngài thông hiểu tình hình thời sự ở nước ngoài. Những nhật báo và các tạp chí. Một ý nghĩ liên quan đến cuộc nói chuyện giữa tôi và thầy Linh hướng loé lên trong đầu tôi, khiến tôi sửng người. Chuyện đó không liên quan đến một nhật báo mà là một tạp chí, một điều gì đó mà tôi đã thấy, nhưng gì chứ? Tôi bỗng nhớ ra!

Tuy không biết một chữ nào, tôi đã lật từng trang trong một tạp chí nước ngoài để xem hình. Ngón tay trái của tôi dừng lại trên một trang minh họa: Hình một nhân vật có cánh đang bay trên mây, trên một chiến trường dẫm máu. Tôi đã đưa cho thầy Linh hướng xem hình đó và ngài đã đọc và dịch cho tôi phần chú thích.

Tôi thốt lên:

- Thưa Lạt ma đáng kính, sáng nay ngài có cho con biết về một nhân vật ngài gọi là Thiên Thần Mons, mà người khảng định đã trông thấy bên trên một bãi chiến trường. Phải chăng nhân vật đó là một vị Thần?

- Không phải đâu, Lobsang. Rất nhiều người vào lúc tuyệt vọng cầu mong được thấy hình bóng của một vị 'Thánh hoặc một Thiên Thần - như họ gọi thế. Ước mong mãnh liệt đó và những cảm xúc mạnh cố hữu với một bãi chiến trường, mang đến sức

mạnh cho những ý nghĩ, những mong ước và những cầu khẩn của họ. Như thế, theo cách mà ta đã giải thích cho con, những người ấy tạo ra một dạng - ý tưởng tương ứng với những mong ước của họ. Vào lúc xuất hiện đường viền quanh đầu tiên của bóng ma, những lời cầu khẩn và những ý tưởng của những người đã gọi lên nó gia tăng cường độ đến nỗi cái bóng càng có thêm sức mạnh, tính rắn chắc, và tồn tại trong một thời gian có thể nhận thấy được. Ở đây, các Lạt ma cũng làm như thế khi họ tạo ra những dạng - ý tưởng ở Đền Trong. Nhưng ta đi thôi Lobsang, các nghi lễ của mùa Logsar vẫn chưa kết thúc.

Chúng tôi đi xuống hành lang và đến một nơi ồn ào và bận rộn, vốn là cuộc sống đời thường trong làng một tu viện Lạt ma vào mùa lễ hội. Thầy Mỹ thuật đi nhanh trên con đường mòn trơn trượt dẫn đến Phòng Bơ Thực Vật. Tôi khoác vào một cái áo cũ lấm bơ có màu, buộc một sợi thừng nhỏ quanh thân để có thể kéo vật dụng lên, và tôi leo lên giàn giáo. Như Thầy Mỹ Thuật đã phỏng đoán, những bản mỏng bằng gỗ hình thành bộ cốt của một phần cái đầu tượng đã rơi rụng. Tôi cúi xuống để xin một xô bơ thực vật mà dùng dây thừng kéo lên. Tôi làm việc trong nhiều giờ, quán những mảnh gỗ mỏng manh những thanh chống và đắp bơ để giữ cái đầu tượng ở đúng chỗ. Cuối cùng, Thầy Mỹ Thuật, đang chăm chú theo dõi tôi từ phía dưới, nói lời hài lòng. Một cách chậm rãi, với những cử động te cóng, tôi leo xuống giàn giáo. Tôi thở dài nhẹ nhõm khi thay áo và chuẩn nhanh.

Sáng hôm sau, cùng với các tu sinh khác, tôi ra cánh đồng Lhasa, dưới chân Potala, gần làng Sho. Về mặt lý thuyết, chúng tôi có mặt ở đây là để tham dự các đám rước, những trò chơi dân gian, và những cuộc đua. Trên thực tế, chúng tôi đi xênh xang trước những người hành hương khiêm nhường, kính cẩn, đang bước vội trên những con đường miền núi, hầu có thể đến Lhasa vào mùa Logsar. Từ khắp mọi miền của thế giới Phật Giáo, họ đổ về thánh địa này. Những người già hao mòn bởi tuổi tác, những phụ nữ trẻ mang theo con thơ, tất cả đều được thôi thúc bởi niềm tin vững chắc rằng khi hoàn tất Đường Vòng Thiêng của Thành Cổ và của Potala, họ sẽ chuộc những tội lỗi trong quá khứ của họ và đảm bảo được tái sinh hạnh phúc trong kiếp sống trên trần gian. Dọc bên đường Lingkor, có nhiều thầy bói đang ngồi, nhiều người ăn mày già yếu đang xin bố thí bằng giọng than van buồn bã, và những người bán hàng rong, hàng trên vai, len giữa đám đông, vừa đi vừa rao hàng. Chẳng mấy chốc, tôi cảm thấy chán toán bộ cảnh chộn rộn đó, cái đám đông đang khao khát được 'thấy mọi thứ' và những câu hỏi vu vơ của vô số người. Tôi tách khỏi nhóm các tu sinh và chậm rãi đi lên theo con đường mòn của núi, dẫn về nơi tạm trú của tôi trong tu viện Lạt ma.

Trên mái tu viện, nơi tôi thích ngồi, tất cả đều êm ả. Trời nắng ấm. Từ dưới đất, mà giờ đây không thể thấy rõ, dâng lên thứ âm thanh nho nhỏ, mơ hồ của đám đông, một thứ tiếng không rõ khiến tôi đờ đẫn và thiu thiu ngủ. Trong bóng râm, có một cái bóng nổi bật lên và hiện hình ở mút tầm nhìn của tôi. Trong trạng thái chập chờn, tôi lắc đầu và chớp chớp mắt. Khi tôi mở mắt ra, cái bóng vẫn còn đó, rõ nét và dày đặc hơn. Tóc gáy tôi dựng đứng.

Tôi thốt lên:

- Ông không phải là ma! Vậy ông là ai?

Hiện hình đó nhẹ mím cười và đáp:

- Này con, ta không phải là ma. Trước kia, ta cũng đã theo học ở Chakpori, và ta cũng biếng nhác như con hôm nay đây, trên mái tu viện này. Sau đó, ta đã ao ước hơn hết thấy được thoát khỏi mọi dục vọng trần thế. Và ta đã ẩn tu giữa những bức tường của nơi tu hành khổ hạnh đó.

Cái bóng giương cao bàn tay và tôi quay đầu theo hướng cánh tay giương ra.

Bóng nói tiếp:

- Giờ đây, vào mùa Logsar thứ mười một này, qua ngoại cảm, ta đã đạt được điều ta ao ước: tự do được lang thang đây đó tùy thích, trong khi bỏ lại thân xác ta trong một buồng nhỏ của tu viện. Và trong lần thoát xác đầu tiên của ta, ta đã đến đây trước tiên, mục đích một lần nữa được nhìn thấy đám đông đó, được nhìn lại những nơi chốn mà ta mãi ghi nhớ. Tự do, này con, ta đã đạt được tự do!

Rồi cái bóng biến mất như một đám khói nhang bị xua tan bởi ngọn gió.

Những nơi ẩn tu khổ hạnh? Những tu sinh chúng tôi đã nhiều lần nghe nói. Bên trong những nơi khổ tu đó như thế nào? Đó là một câu hỏi mà chúng tôi thường nêu lên. Tại sao những nhà tu ấy chôn sống chính họ trong những căn buồng bằng đá đó? Những căn buồng cheo leo nơi sườn núi? Tôi quyết định nêu lên chuyện đó với thầy Linh hướng của tôi. Rồi tôi chợt nhớ đến một thầy tu già người Hoa sống cách phòng tôi vài mét. Thầy tu già Vũ Tây có một đời sống sôi động; trong vài năm ông đã từng được cử làm thầy tu tại Hoàng Cung, Bắc Kinh. Sau đó, cảm thấy chán ngấy cái kiếp sống đó, ông đã sang Tây Tạng để tìm Đại Giác. Cuối cùng, ông đến Chakpori, nơi các thầy đã nhận ông. Vài năm sau đó, ông vào một nơi ẩn tu khổ hạnh và sống bảy năm ở đó trong cô quạnh. Giờ đây, ông quay về Chakpori để chờ chết. Rồi khỏi nơi đang ngồi, tôi đi xuống và bước vội trong hành lang của tầng dưới. Tôi dừng lại trước một buồng nhỏ và gọi vị thầy tu già.

Bằng một giọng cao và run run, sư cụ lên tiếng:

- Vào đi! Vào đi!

Tôi bước vào và đối diện với sư cụ Vũ Tây, một tu sĩ người Hoa. Cụ đang ngồi xếp bằng tròn và, tuy tuổi đã cao, nhưng lưng thẳng tắp như một cây tre xanh. Cụ có một nước da rất, rất vàng, hai gò má cao, và đôi mắt đen như hạt huyền. Ở cằm của cụ là một chòm râu thưa, và phía trên môi cũng thưa ít chực cọng râu dài. Nơi hai bàn tay da vàng của cụ có những đốm đen, những đặc điểm của tuổi già; những mạch máu ở đó trông như những nhánh nhỏ của cây. Khi tôi bước đến gần cụ, cụ hướng về tôi bằng cái nhìn cận thị, đoán biết đến sự hiện diện của tôi hơn là thấy tôi.

Cụ nói:

- Hừm, xét theo dáng đi thì là một cậu trai. Con cần gì?

- Thưa thầy đáng kính, thầy đã sống một thời gian dài trong một nơi ẩn tu khổ hạnh. Xin thầy cho con biết về đời sống đó.

Sư cụ lẩm bẫm một điều gì đó. Rồi nói:

- Ngồi xuống đi con. Đã lâu rồi ta không nói về quá khứ, tuy ta không ngưng nghĩ về nó. Ta đã chu du nhiều nơi, ta đã đến Ấn Độ. Ở đó, ta đã thấy những nhà ẩn tu giam mình trong những hang động, và một số hình như đã đạt Đại Giác (Sư cụ gặt đầu). Những người dân xứ đó rất lười biếng, thường chỉ thích ngồi suốt ngày dưới bóng cây nói những nơi ẩn tu ở Tây Tạng.

- Thừa sư cụ, con rất mong được nghe sư nói về những nơi ẩn tu ở Tây Tạng.

Sư cụ hỏi bằng giọng yếu ớt:

- Hả? Con nói gì? À, phải, những nơi ẩn tu tại Tây Tạng. Sau đó, ta đã rời Ấn Độ để về Bắc Kinh, quê nhà của ta. Rồi ta cảm thấy buồn chán, bởi chẳng học hỏi được gì. Ta lại cầm gậy và bát, và phải mất rất nhiều tháng trời mới đến được vùng biên giới Tây Tạng.

Tôi thở dài nôn nóng. Sư cụ nói tiếp:

- Cuối cùng, sau khi đã dừng chân ở một số tu viện Lạt ma, trên đường tìm kiếm Đại Giác, ta đến Chakpori. Tu viện trưởng ở đó cho phép ta thường trú, vì ta đã từng học đông y Trung Hoa. Ta chuyên ngành châm cứu. Trong vài năm đó, ta hài lòng với cuộc sống, rồi ta ước vào nơi ẩn tu khổ hạnh.

Tôi nôn nóng. Nếu sư cụ đi quá sâu vào từng chi tiết thì tôi sẽ phải trễ buổi tụng kinh chiều. Một điều không thể bỏ qua. Ngay khi nghĩ đến chuyện đó, tôi nghe có những tiếng cồng đầu tiên. Tôi miễn cưỡng đứng dậy và nói:

- Thừa tôn chủ, con phải đi đây.

Sư cụ bật cười và nói.

- Đừng đi con. Có phải con đang nhận lời chỉ dạy của một Huynh trưởng? Hãy ngồi lại đây. Con được miễn buổi tụng kinh chiều.

- Tôi lại ngồi xuống, biết sư cụ có lý; dẫu sư chỉ là một tu sĩ, chứ không là một Lạt ma, nhưng vì tuổi tác, vì những tri thức và những chuyến du hành của sư, nên người ta đã xem sư như là Huynh trưởng.

Sư cụ lớn tiếng.

- Trà, con ạ, trà! Chúng ta sẽ uống trà, bởi xác thịt là yếu đuối và gánh nặng của năm tháng đang trĩu lên ta. Trà cho người trẻ và cho người già.

Đáp lại lời sư cụ, một tu sĩ chuyên phục vụ các Anh Em cao tuổi, mang trà và hạt đại mạch vào. Chúng tôi trộn món tsampa, và ngồi một cách thoải mái. Sư cụ nói; tôi thì lắng nghe.

- Ngài Tu viện trưởng đã cho phép ta rời khỏi Chak-pori để vào một nơi tu hành khổ hạnh. Ta đã ra đi cùng với một tu sĩ - trợ lý và bắt đầu lên núi. Sau năm ngày đường, ta đến một nơi mà, từ mái của toà nhà chúng ta đang sống đây, có thể nhìn thấy.

Tôi gặt đầu. Tôi biết nơi đó, một kiến trúc đơn độc nằm trên những sườn cao của Himalaya.

Sư cụ nói tiếp:

- Khi ta đến thì chẳng có ai ở đó. Người sau cùng sống ở đó vừa qua đời. Tu sĩ - trợ lý và ta lau dọn nơi cư trú. Ta nhìn lần cuối thung lũng Lhasa; nhìn Potala và Chakpori. Sau đó, ta quay lưng và vào phòng trong. Tu sĩ - trợ lý lấp kín cửa, dùng vữa trét nó lại, và ta ở lại một mình.

Tôi hỏi:

- Nhưng, thưa ngài, ở bên trong, cái phòng đó như thế nào?

Sư cụ gật đầu:

Đó là một kiến trúc bằng đá, với tường rất dày. Nó không có cửa, một khi ta đã vào trong đó, bởi cửa đã bị lấp kín. Ở nơi tường, có một cửa sập, không để lọt một chút ánh nắng nào, và qua cửa đó, người khổ tu nhận lương thực. Có một đường hầm tối om nối liền phòng trong với căn phòng nơi tu sĩ - trợ lý sống. Thế là ta bị chôn chặt giữa những bức tường. Bóng tối dày đặc đến nỗi ta tưởng chừng có thể sờ được. Không chút ánh sáng, không một tiếng động. Ta ngồi trên sàn, bắt đầu thiền định. Thoạt đầu, ta bị ảo giác; ta tưởng chừng trông thấy những đường và những dải lung linh. Rồi ta có cảm giác bị bóp nghẹt, bị bao phủ bởi một thứ mềm và khô. Thời gian không còn tồn tại. Chẳng bao lâu sau ta nghe, trong trí tưởng, những tiếng chuông chùa, tiếng cồng, và tiếng người hát. Rồi ta nắm hai tay, nện tới tấp vào bức tường, cố thoát thân. Ta không còn có thể phân biệt giữa ngày và đêm, bởi mọi sự đều tối đen và thình lạng như nấm mồ. Sau một thời gian, ta lắng dịu và chế ngự sự hoảng loạn của mình.

Tôi có thể mừng tượng được cảnh đó: Sư cụ Vũ Tây - lúc đó còn trẻ - phải sống trong bóng tối và sự thình lạng tuyệt đối.

Sư cụ nói tiếp:

- Cứ mỗi hai ngày, tu sĩ - trợ lý chuyển vào cho ta một ít tsampa qua ngã cửa sập. Tu sĩ ấy đến một cách rất kín đáo đến nỗi chẳng bao giờ nghe thấy tiếng động. Trong lần đầu tiên, do phải sờ soạng, lần mò trong bóng tối, nên ta làm đổ cái bát và không thể nhặt nó lên. Và ta phải chờ thêm hai ngày nữa mới có cái ăn.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, nếu người tu khổ hạnh bị bệnh hoặc chết thì sao?

- À nếu người ấy bị bệnh ... thì chết thôi. Trong hai tuần liền, tu sĩ - trợ lý mang thức ăn đến mỗi hai ngày. Trong khoảng thời gian đó, nếu thức ăn vẫn còn nguyên, thì người ta sẽ đến để phá bức tường và mang xác người khổ tu ra.

- Nhà sư Vũ Tây đã ở trong đó bảy năm.

Tôi hỏi:

- Vậy điều gì xảy ra trong trường hợp của ngài, khi ngài đã hoàn tất khoảng thời gian đã định.

- Ta đã ở đó hai năm. Rồi bảy năm. Khi cái giờ ta rời khỏi căn phòng đá đó gần đến, người ta đào một cái lỗ nhỏ nơi trần căn phòng, nhằm để lọt qua một tia sáng yếu. Cứ hai, ba ngày, người ta khoét rộng thêm cái lỗ đó để ánh sáng vào nhiều hơn đôi chút. Cuối cùng, ta có thể chịu được toàn bộ ánh sáng. Nếu người khổ tu đột ngột bị đưa ra ngoài sáng, thì những con ngươi của ông ta, do đã nở lớn quá lâu trong bóng tối, nên không thể thu nhỏ lại. Khi ta ra khỏi đó, ta xanh xao nhợt nhạt và tóc ta trắng như tuyết. Ta được xoa bóp và thực hiện vài bài thể dục, bởi các cơ của ta, do lâu ngày không hoạt động, nên không còn khả năng chống chọi. Dần dà, ta lấy lại sinh lực và sau đó, ta có thể xuống núi cùng với tu sĩ - trợ lý, để về Chakpori.

Tôi trầm nghĩ về những lời của sư cụ, nghĩ đến những năm dài trong bóng tối, trong tinh lặng tuyệt đối mà sư cụ đã trải qua. Tôi cảm thấy kinh ngạc.

Cuối cùng, tôi hỏi:

- Thưa ngài, ngài đã học được điều gì ở điều đó? Có đáng để phải khổ công đến thế không?

- Đáng chứ, con ạ. Ta đã biết được tính chất của đời sống, lý do tồn tại của bộ não. Ta đã thoát xác và có thể đưa tâm trí ta lên rất cao, ở độ cao mà ngày nay con có thể thực hiện trong thế giới thiên thể.

- Nhưng làm sao ngài có thể biết đó không phải à điều mà ngài đã tưởng tượng? Làm sao ngài biết rằng ngài có đầu óc lạnh mạnh? Làm sao ngài có thể du hành trong thế giới của thiên thể như con?

Sư cụ Vũ Tây bật cười:

- Những thắc mắc, lại những thắc mắc, và luôn là những thắc mắc, y hệt như thói quen mà ta đã có trước đây! Hãy biết rằng, vào lúc đầu, ta đã kinh hoàng, khiếp đảm vô cùng. Ta nguyện rửa cái ngày mà ta đã qui y, cái ngày mà ta đã bước vào căn phòng nhỏ bằng đá đó. Dần dà, ta có thể kiểm soát sự hít - thở của ta và thiên định. Lúc đầu, ta bị ảo giác, có những thị kiến vô nghĩa. Thế rồi một ngày, ta thoát xác, và đối với ta bóng tối không còn là bóng tối. Ta thấy thân xác ta đang trong tư thế thiên định. Ta thấy đôi mắt ta mở to, nhìn chăm, mù loà. Ta thấy vẻ xanh xao nhợt nhạt của làn da của ta, và thân xác gầy nhom của ta. Ta đứng dậy, bước ngang qua mái căn phòng ta, và thấy có một số thay đổi, ta nhìn thấy những người quen và, khi bước vào Đền, ta có thể nói chuyện bằng thần giao cách cảm với một Lạt ma. Lạt ma này khẳng định rằng ta đã được giải thoát. Ta đã chu du rất xa, ở bên kia những biên giới của nước này. Cứ hai ngày, ta lại vào phòng và lại nhập vào xác ta. Ta lại làm cho nó sinh động để nuôi sống nó.

- Nhưng tại sao ngài không thể chu du trong thế giới các thiên thể nếu không có những chuẩn bị đó?

- Một số người trong nhóm chúng ta là những phạm nhân rất tầm thường. Hiếm có những người được ban cho khả năng đặc biệt như con, để thực hiện nhiệm vụ của mình. Con cũng đã chu du xa, trong thế giới của các thiên thể. Những người khác, như ta đây, thì phải chịu sự cô độc và những thử thách trước khi có thể thoát xác. Phần con, con thuộc những người có được đặc ân, những người rất có phước. (Sư cụ thở dài) Thôi, con hãy đi đi! Ta đã nói nhiều rồi. Ta cần nghỉ đây. Thịnh thoảng hãy đến gặp ta. Ta sẽ luôn hoan hỉ tiếp con, dẫu con có nhiều thắc mắc.

Nói nhỏ lời cảm ơn, tôi đứng lên, nghiêng mình và lặng lẽ rời khỏi phòng. Do đắm chìm trong dòng suy tư nên tôi cứ tiến thẳng và chạm trán vào bức tường phía trước. Đưa tay chà cái trán đau nhức, tôi đi dọc hành lang bằng bước chân chậm hơn.

Buổi tụng kinh giữa đêm đã gần kết thúc. Các thầy tu chộn rộn, họ muốn đi ngủ vài tiếng trước khi đến buổi tụng kinh lúc sáng sớm.

Trên bục cao, tu sĩ già đọc Thánh Thư đang gài đánh dấu trang vào giữa hai trang sách, rồi quay người để bước xuống các bậc thang. Buổi lễ phụng vụ kết thúc. Các tu

sinh đong đưa lần cuối những bình xông hương, và có những tiếng thì thầm nhỏ nhỏ của một đám đông sắp tản mác.

Thế rồi, đột nhiên, có một tiếng hét đình tai; một hình dạng bay nhảy trên đầu của những thầy tu đang ngồi, và muốn tóm lấy một thầy tu trẻ đang cầm trên tay hai thẻ nhang. Kinh ngạc, chúng tôi đứng bật dậy. Phía trước chúng tôi, cái bóng loạn thần đó quay cuồng, xoay tít, nước dãi tung toé từ đôi môi méo mó, những tiếng hét khủng khiếp thoát ra từ cổ họng đầy thương tích của nó. Trong một lúc, mọi người như chết sững: các tu sĩ - cảnh vệ cứng người vì kinh ngạc, các thầy chủ lễ đứng thẳng, hai tay giơ cao. Sau đó, các thầy giám thị chuyển sang hành động một cách quyết liệt. Nhào về phía kẻ điên, họ nhanh chóng chống chế và dùng áo cà sa của nó để trùm lại nhằm ngăn chặn những tiếng chửi thề ghê rợn và đáng tởm đang tuôi ra từ miệng nó. Người ta nhấc bổng nó lên và mang ra khỏi Đền. Buổi lễ kết thúc. Chúng tôi vội vã mong ra khỏi Đền để có thể bàn về sự việc vừa chứng kiến.

Đứng cạnh tôi, một tu sĩ trẻ nói:

- Đó là Kenji Tekeuchi, một nhà tu Nhật Bản đã từng đi khắp nơi.

Một tu sĩ khác nói:

- Ông ấy đã đi vòng quanh thế giới.

- Ông đi tìm chân lý và hy vọng người ta sẽ mang đến cho mình mà ông không phải nhọc công để đạt được - tu sĩ thứ ba nói.

Tôi rời khỏi nhóm, đầu óc rối bời. Tại sao người ta trở nên điên khùng, chỉ vì họ đã 'tìm thấy chân lý'? Cái lạnh trong phòng khiến tôi rùng mình. Bao bọc thân bằng áo cà sa, tôi nằm dài để ngủ. Tôi có cảm tưởng như chỉ là vài thoáng chốc, một thời gian khá ngắn, vừa trôi qua kể từ khi tôi ngủ cho đến khi những tiếng cồng vang lên, báo lễ phụng vụ sắp diễn ra. Nhìn ra cửa sổ, tôi thấy những tia nắng đầu tiên của ngày lướt nhẹ trên những dãy núi. Chúng thăm dò bầu trời như những ngón tay khổng lồ, trong khi cố vươn đến các vì sao. Tôi thở dài và đi nhanh ra hành lang để đến đền thờ kéo trẻ.

Muộn hơn trong ngày, sau lễ phụng vụ buổi trưa, khi tôi gặp lại thầy Linh hướng của mình, ngài nói:

- Trông con có vẻ nghĩ ngợi. Con đã thấy thầy tu người Nhật Kenji Tekeuchi khi ông ấy vào trong Đền. Ta muốn cho con biết về ông ấy, bởi sau này con sẽ quen biết ông ta.

Biết cuộc nói chuyện sẽ kéo dài, nên tôi chọn cho mình một thế ngồi thoải mái. Thầy Linh hướng mỉm cười, rồi nói:

- Kenji Tekeuchi là ... một người hay đổi ý. Giờ đây, ông đã trên bảy mươi. Suốt đời, ông ta đã đi nhiều xứ nhằm tìm kiếm cái điều mà ông gọi là 'chân lý'. Chân lý ở trong ông ta, nhưng ông ta không biết. Ông mãi mãi đi tìm. Ông đã không ngừng nghiên cứu các tín ngưỡng, đã đọc nhiều sách của nhiều nước nhằm đạt đến Chân Lý, nổi ám ảnh của ông. Cuối cùng, người ta đã gửi ông ta đến các Lạt ma. Do đọc quá nhiều những điều mâu thuẫn nhau, ông đã làm bản vàng khí huyền bí bao quanh ông. Ông ta không còn tỉnh trí. Trong phần lớn thời gian, ông ta chẳng khác chi một miếng bọt xốp đang hút lấy mọi khoa học, nhưng tiêu hoá kém.

Tôi thốt lên:

- Vậy thì, thưa ngài, ngài chống lại sự nghiên cứu thuộc sách vở?

- Không đâu, Lobsang à. Như mọi người chuộng tư duy, ta lên án những ai lao đầu vào sách vở, vào những bài nghiên cứu về những tục thờ cúng lạ lùng, mạo xưng là khoa học huyền bí. Những người đó đầu độc tâm hồn, ngăn trở mọi tiến hoá cho đến khi họ được loại bỏ khỏi thứ kiến thức sai trái đó và trong trắng trở lại như những đứa trẻ.

Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma đáng kính, tại sao người ta bị điên? Tại sao việc đọc những sách xấu xa đôi khi gây ra những chứng rối loạn tâm thần?

- Đó là một chuyện rất dài. Giờ đây, chúng ta hãy nói đến vấn đề chính yếu. Con hãy kiên nhẫn và lắng nghe! Trên trần gian này, chúng ta là những con rối, những con rối được hình thành bằng những phân tử đang dao động, được bao quanh bởi một điện tích. Siêu Ngã của chúng ta dao động ở một nhịp cao hơn nhiều, và điện tích của nó cũng mạnh hơn nhiều. Có một tương quan có thể xác định giữa nhịp của những dao động của chúng ta và nhịp của Siêu Ngã của chúng ta. Ta có thể so sánh quá trình giao tiếp giữa mỗi người chúng trên Trái Đất này, và Siêu Ngã của chúng ta, xa Trái Đất, với sự gửi đi những làn sóng vô tuyến ngang qua các châu lục và các đại dương, và giúp cho hai người ở hai nước khác nhau có thể liên lạc. Bộ não của chúng ta cũng tựa như một máy thu sóng vô tuyến bởi nó nhận những thông điệp 'tần số cao', những lệnh và những chỉ dẫn của Siêu Ngã, và biến chúng thành những xung lực thuộc tầng số thấp vốn kiểm soát những hành động của chúng ta. Não là một bộ máy điện - cơ - hoá giúp chúng ta trở nên hữu ích trên Trái Đất này. Những phản ứng hoá học khiến não hoạt động lệch lạc, có thể bằng cách ngăn chặn phần nào một thông điệp, bởi hiếm khi, ở cõi trần này, chúng ta nhận được chính xác một thông điệp được 'phát sóng' bởi Siêu Ngã. Tinh thần chỉ có khả năng trong một hoạt động có giới hạn, nếu nó không nhờ đến Siêu Ngã. Tinh thần có thể nhận một số trách nhiệm, có thể hình thành một số ý kiến, và cố lấp cái hố giữa những điều kiện 'lý tưởng' của Siêu Ngã và những hoàn cảnh khó nhọc của đời sống trần thế.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, phương Tây có chấp nhận thuyết điện não chẳng?

- Họ đã chấp nhận. Trong một bệnh viện người ta đã ghi lại những sóng điện của người bệnh là phát hiện có một số rối loạn tâm thần làm phát ra những sóng não đặc trưng. Như thế, những sóng đó giúp xác định một người có mắc bệnh tâm thần hay không. Thường khi, một chứng bệnh thuộc cơ thể truyền tới não một số chất hoá học, làm hư hại hệ sóng - não của nó và tạo ra những triệu chứng của sự sa sút tâm thần.

Tôi hỏi:

- Phải chăng tu sĩ Nhật Bản đó đã hoàn toàn mất trí?

- Nào, chúng ta hãy đến gặp ông ấy. Lúc này, ông đang trong giai đoạn tỉnh táo?

Lạt ma Mingyar Dondup đứng dậy và bước vội ra khỏi phòng. Tôi đi theo ngài. Ngài tiến theo hành lang xuống một cầu thang để đến một chái xa của Tu viện Lạt ma,

khu điều dưỡng của các tu sĩ. Trong một căn buồng nhỏ hướng về Khati Linga, thầy tu Nhật Bản đang ngồi, nhìn vào khoảng không một cách buồn bã. Thấy Lạt ma Dondup đến, ông đứng dậy, chấp tay và kính cẩn cúi chào.

Lạt ma Dondup nói:

- Huynh hãy ngồi đó đi. Tôi dẫn theo đây một người trẻ để cậu này có thể nghe những lời của huynh. Cậu này đang đặc biệt huấn luyện theo lệnh của Đấng Thánh Thiện.

Lạt ma Dondup cúi chào và rời khỏi phòng. Nhà tu Nhật Bản nhìn chăm tôi một lúc, rồi ra hiệu cho tôi ngồi. Tôi chọn một khoảng cách để ngồi xuống, sợ rằng ông ta có thể đột ngột lên cơn!

Ông nói:

- Nay con, đừng có nhồi nhét đầu óc bằng những sách vở viết về huyền bí học. Đó là một môn nặng nề và khó tiêu, và kiềm hãm sự tiến hoá tâm linh của con. Ta đã nghiên cứu nhiều tôn giáo. Điều đó đã đầu độc ta, làm sai lạc sự xét đoán của ta, khiến ta tin rằng ta là người được Tuyển Chọn. Giờ đây, đầu óc ta bị loạn; nhiều khi ta không thể làm chủ nó và không còn hành động theo Siêu Ngã của ta.

Tôi thốt lên:

- Nhưng thưa ngài, làm sao có thể học hỏi khi người ta không đọc sách? Sách vở có gì xấu?

- Nay con, dĩ nhiên ta có quyền đọc sách, nhưng hãy cẩn thận chọn sách để đọc. Hãy đọc những gì con biết chắc mình có thể hiểu rõ. Hiểm nguy không nằm trong chữ viết, nhưng từ những tư tưởng có thể xuất phát từ những chữ đó. Chúng ta không thể ăn bất cứ thứ gì. Cũng vậy, chúng ta không nên đọc những điều mâu thuẫn, những sách vở hứa hẹn những quyền năng huyền bí. Không khó khăn gì để tạo ra một Dạng - ý tưởng mà ta không thể chế ngự. Đó là điều ta đã thực hiện và Dạng thể đó có thể tác hại chúng ta.

Tôi hỏi:

- Phải chăng ngài đã đến nhiều nơi trên thế giới?

Nhà tu Nhật Bản nhìn tôi, đôi mắt ánh lên niềm vui:

- Ta được sinh ra trong một làng nhỏ ở Nhật, và khi lớn lên, vừa đủ tuổi, thì ta đi tu. Trong nhiều năm, ta nghiên cứu các tôn giáo và những nghi lễ huyền bí. Rồi bề trên của ta bảo ta hãy ra đi, chu du ở các xứ bên kia Đại dương. Trong năm năm, ta đi từ xứ này sang xứ khác, không ngừng học hỏi, nghiên cứu. Bằng những ý tưởng của ta, ta có thể tạo ra những quyền năng mà ta không còn có thể chế ngự. Đó là những quyền năng sinh động trong thế giới các thiên thể, và đôi khi gây hại cho Sợi Thừng Bạc của ta. Sau này, hẳn ta có thể nói cho con biết nhiều điều hơn. Nhưng lúc này thì ta đang suy yếu bởi cơn rối loạn vừa qua, và ta cần phải nghỉ ngơi. Con có thể đến gặp ta lần khác, nếu được thầy Linh hướng của con cho phép.

Tôi cúi chào nhà sư và rút lui. Thấy tôi đi ra, một tu sĩ - y sĩ vội vã vào buồng nhà sư Nhật. Tôi ưu tư nhìn quanh, nhìn những vị sư già đang nằm đó, trên phần đất này của Chakpori. Rồi, nghe theo một tiếng gọi khẩn qua thần giao cách cảm, tôi vội vã quay về để gặp thầy Linh hướng của tôi.

(5)

Tôi đi nhanh theo các hành lang, và khi vội rẽ vào một hành lang khác, tôi bị tóm lấy bởi một nhà sư già. Sư cụ lay tôi và nói:

- Đừng có vội như thế. Đó không phải là tâm thế của một Phật tử đích thực!

Rồi, khi nhìn kỹ tôi hơn, sư cụ nhận ra tôi là đệ tử của Lạt ma Mingyar Dondup. Sư cụ lẩm bẩm một điều gì đó, buông tôi ra và vội vã bỏ đi. Tôi tiếp tục đi theo hướng của mình, nhưng với tốc độ chậm hơn. Khi vào phòng thầy Linh hướng, tôi đột ngột khựng lại. Hai Tu viện trưởng cấp cao đang ở đó. Đầu óc tôi chao đảo, chẳng hiểu lần này mình đã phạm phải điều gì đây? ‘Tội lỗi’ nào của tôi đã bị phát hiện? các Tu viện trưởng không đến để chờ các tiểu chúng sinh, trừ khi để báo cho chúng biết những tin chẳng lành.

Hai cẳng chân tôi run rẩy và tôi cố nặn óc để nhớ xem mình có làm một việc gì đó khiến bị trục xuất khỏi Chakpori. Một trong hai Tu viện trưởng nhìn tôi và mỉm cười với vẻ thân thiện của một núi băng trôi. Người kia thì hướng về tôi khuôn mặt có vẻ như được tạc trong đá Himalaya.

Thầy Linh hướng bật cười:

- Hẳn con đang áy náy lương tâm. À! Các thầy Tu viện trưởng đây cũng là những nhà ngoại cảm!

Vị có bộ mặt dễ sợ hơn cả trong hai Tu viện trưởng nhìn chăm tôi, và nói với tôi bằng giọng khiến tôi nghĩ đến một trận lở đá:

- Nay Lobsang Rampa, Đấng Thánh Thiện đã cho tiến hành một cuộc điều tra và qua đó ngài quyết định rằng con được xác nhận là Hiện Thân ngày nay của ...

Choáng váng, tôi không thể nghe rõ những lời tiếp theo của vị ấy, và chỉ loáng thoáng nghe được lời cuối:

... và do đó, phẩm tước Ngài Tu viện trưởng sẽ được trao cho con trong một buổi lễ mà ngày giờ và nơi chốn sẽ được quyết định sau.

Hai Tu viện trưởng kính cẩn chào Lạt ma Mingyar Dondup và sau đó chào tôi, cũng kính cẩn không kém. Họ ra khỏi phòng, mang theo một cuốn sách, và dần dần tiếng bước chân của họ mất hút. Sững sờ, tôi nhìn theo họ, tiếng cười thân thiện và bàn tay xiết nhẹ vai tôi đưa tôi trở về hiện tại:

Thầy Linh hướng nói:

- Giờ đây, con đã biết lý do của sự chộn rộn đó. Những kiểm tra chỉ giúp các Lạt ma xác định điều mà họ đã biết. Ta và con hãy mừng sự kiện này. Sau đó, ta sẽ cho con biết một số tin đáng lưu ý.

Thầy Linh hướng đưa tôi sang một phòng khác, nơi đã dọn sẵn một bữa ăn với những món Ấn.

Tôi thích thú ngồi xuống và thưởng thức!

Sau đó, khi tôi đã ăn uống no nê, thầy Linh hướng và tôi trở về phòng.

Ngài nói:

- Đấng Thánh Thiện cho phép ta nói với con về Hang Động của Người Xưa.

Ngài liếc nhìn tôi và nói tiếp, giọng thì thầm:

- Trong vài ngày nữa, các Lạt ma sẽ cử một đoàn đến đó.

Tôi cảm thấy mơ hồ xúc động và có một cảm giác không thể hiểu nổi rằng, có thể tôi sắp quay về 'quê nhà', ở một nơi mà trước kia tôi đã biết. Thầy Linh hướng chăm chú nhìn tôi. Ngài gật đầu khi tôi ngược mắt lên:

- Nay Lobsang, cũng như con, ta đã qua một huấn luyện đặc biệt, và ta đã có những khả năng đặc biệt. Thầy của ta là người đã từ lâu rời bỏ cõi trần này, và cái Vỏ Ốc trống rỗng giờ đây đang được đặt ở Sảnh các Ảnh Tượng Vàng. Trong một thời gian dài, ta đã theo thầy ta đi nhiều nơi trên thế giới. Phần con, Lobsang, con sẽ phải một mình đi đây đó. Bây giờ, ta sẽ kể con nghe về sự phát hiện Hang Động của Người Xưa.

Tôi liếm môi; đó là điều từ lâu tôi mong được biết. Cũng như trong mọi cộng đồng, trong một tu viện Lạt ma, những lời đồn thường được lan truyền một cách kín đáo. Chỉ là những lời đồn, thể thôi. Nhưng lần này thì khác, và tôi tin vào những lời đồn mà tôi đã nghe.

Thầy Linh hướng nói:

- Đạo đó, ta là một Lạt ma rất trẻ. Cùng với thầy, ta và ba Lạt ma trẻ thăm dò một số những dãy núi xa nhất. Vài tuần trước đó, cả nhóm ta đã nghe có một tiếng nổ cực kỳ dữ dội, tiếp đến là một trận đá vùi. Đoàn ta đến đó để tìm hiểu. Trong nhiều ngày, chúng ta đã tìm kiếm quanh chân một chỏm núi cao. Vào sáng sớm ngày thứ

năm, thầy ta thức dậy, nhưng ngài có vẻ không tỉnh, ngài hình như đang trong trạng thái nhập đồng. Ta và các Lạt ma kia nói với ngài, nhưng ngài không trả lời. Ta quá sợ, e rằng ngài bị bệnh và không biết làm sao để dìu ngài vượt qua biết bao cây số để về nơi an toàn. Một cách khó nhọc, như thể đang bị kiềm kẹp bởi một quyền năng lạ lùng nào đó, ngài đứng dậy, rồi té ngã, và lại gượng dậy. Ngài lão đảo bước đi, giật giật, như một người bị thôi miên.

Ta và các Lạt ma đi theo ngài, lo âu, run sợ. Nhóm người chúng ta leo lên một bề mặt lởm chởm đá, và những trận mưa của những hòn đá nhỏ đổ xuống ở dưới chân chúng ta. Cuối cùng, chúng ta lên đến được đỉnh núi và mắt ta là một thung lũng nhỏ, hầu như bị lấp đầy bởi những tảng đá rất lớn. Rõ ràng là đã xảy ra một trận lở núi ở nơi đó. Hẳn một vết nứt nào đó đã rộng ra, hoặc một trận động đất đã làm lở cái phần đó của thành núi. Lấp lánh dưới nắng trời là những vết chém rất lớn trong đá. Không còn những điểm để bám, rêu và địa y đóng đưa một cách thâm nảo. Ta quay mặt đi - Chẳng có gì ở đó để ta quan tâm, chẳng có gì ngoài những dấu vết của một trận lở núi.

‘Ta bắt đầu leo xuống, nhưng dừng lại ngay sau đó, vì ta nghe có tiếng thì thầm gọi tên ta: ‘Mingyar!’ Một trong các Lạt ma trẻ đồng hành với ta chỉ tay về Thầy ta. Ngài đang leo xuống thành núi, vẫn còn bị thúc đẩy bởi một sức mạnh lạ lùng.’

Tôi lắng nghe. Thầy Linh hướng của tôi lặng im một lúc, uống một ngụm nước và nói tiếp:

- Ta và các Lạt ma trẻ khiếp đảm nhìn thầy. Ngài từ từ tiến xuống thung lũng nhỏ, đầy đá tảng. Chẳng chút thích thú, chúng tôi theo ngài, thận trọng để khỏi phải trượt chân trên vùng đất đá sứt lở này. Xuống đến đáy thung lũng, thầy ta không chút do dự. Ngài thận trọng len qua giữa những khối đá đồ sộ và sau đó, leo lên sườn dốc bên đó bằng cách sử dụng những cái chống mà ta không thể trông thấy hình dáng, tuy ta chỉ cách phía sau ngài có vài mét. Ta và các Lạt ma miễn cưỡng theo ngài bởi chẳng có một lựa chọn nào khác. Chẳng thể quay về Tu viện Lạt ma và nói rằng đã bị bề trên bỏ rơi, vì sợ phải theo ngài ấy. Chẳng thể nào. Nhưng, leo lên sườn dốc này là quá gian nan nguy hiểm. Ta leo lên, rất thận trọng. Đá cứng và không khí loãng đi. Chẳng bao lâu sau, ta thở khàn, hai phổi đau nhức khiến ta có cảm giác người đang khô đét. Ta nằm dài, hỏn hển trên một nền đá hẹp, cách thung lũng khoảng một trăm năm mươi mét. Khi ta ngẩng đầu lên, trước khi tiếp tục leo, ta thấy chiếc áo cà sa màu vangf của thầy ta khuất sau một tảng đá nhô ra, ở phía xa, trên ta. Ta bấu tay vào một thành đá và tiếp tục leo lên. Theo sau ta là các Lạt ma đồng hành, cũng lo sợ không kém ta. Giờ đây, nhóm ta đã ra khỏi nơi có thể trú ẩn của thung lũng hẹp và gió dữ dội quất vào những chiếc áo cà sa. Những viên đá nhỏ đổ xuống như mưa trên chúng ta và khiến rất khó để tiến tới.

Thầy Linh hướng của tôi dừng lại một lúc, uống thêm một ngụm nước, và nhìn xem tôi có đang nghe hay không. Rồi ngài tiếp:

- Cuối cùng, trong khi lần mò, ta phát hiện một cái gờ dưới các ngón tay của ta. Ta bám chặt lấy và lớn tiếng báo cho những người kia biết là ta đã đến một nơi mà cả nhóm có thể nghỉ ngơi. Ta leo lên cái gờ đó. Cái gờ đó đổ ra phía sau theo một triền

dốc thoải, và hoàn toàn không thể trông thấy từ phía kia của dãy núi. Thoạt nhìn, cái gờ đó hình như rộng ba mét. Không cố nhìn thêm, ta quì xuống để lần lượt giúp những người đồng hành với ta leo lên. Chẳng mấy chốc, ta và các Lạt ma đã ngồi bên nhau, run run trong gió sau bao nỗ lực. Rõ ràng là trận lở đá đã làm lộ phần nhô ra này và nhìn một cách chăm chú hơn - tôi tưởng chừng trông thấy một kẽ nứt hẹp trong vách núi. Phải chăng là một kẽ nứt? Nhìn từ nơi ta ngồi, thì đó có lẽ là một cái bóng đen, hoặc một đốm đen của địa y. Cả nhóm chúng ta tiến đến phía đó. Đó là một kẽ nứt rộng khoảng tám mươi centimet, cao một mét năm mươi. Chẳng thấy dấu vết của Thầy ta.

Tôi có thể dễ dàng hình dung cảnh tượng đó. Nhưng chưa phải lúc. Bây giờ là lúc tôi phải lắng nghe.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Ta lùi lại để xem, phải chăng Thầy ta đã leo lên phía trên. Nhưng ta không thấy Ngài. Ta lo âu liếc nhìn vào phía trong kẽ nứt. Trong đó tối đen như trong hầm mộ. Ta cúi gập người và tiến vào, từng centimet một. Sau khi vượt qua một quãng hai mét, ta rẽ theo một góc nhọn. Rồi một góc khác, và lại rẽ theo một góc thứ ba. Nếu không tê cứng người vì khiếp đảm, hẳn ta đã thét lên vì kinh ngạc, bởi ở đây tràn ngập ánh sáng, một thứ ánh sáng bạc, sáng hơn ánh bạc của trăng Rằm. Một thứ ánh sáng mà ta chưa từng thấy. Hang động nơi ta đứng trông rất rộng, và nóc của nó bị che khuất bởi bóng tối. Một trong các đồng hành của ta đẩy nhẹ ta sang một bên để thấy rõ hơn, và đến lượt người này cũng bị người kia đẩy nhẹ sang một bên. Chẳng mấy chốc, cả nhóm nhỏ của ta có thể nhìn toàn cảnh và lặng im, kinh hãi chiêm ngưỡng cảnh tượng hư ảo dị thường trước mắt. Nếu ở đây một mình, không có ai bên cạnh, người ta hẳn tưởng mình mất trí.

Hang động trông tựa như một sảnh đường mênh mê, dài bất tận, như thể toàn bộ quả núi bị khoét rỗng. Ánh sáng tỏa ra từ những quả cầu hình như được treo từ những vùng tối của nóc hang động. Chất đóng ở đó là cỗ máy lạ lùng, những thứ máy móc mà nhóm ta không thể tưởng tượng nổi. Ta kinh ngạc nhận thấy có một số máy móc được bọc bằng một thứ thủy tinh trong veo.

‘Vào lúc đó, ta và các Lạt ma trẻ đã quên mất thầy của ta, khi ngài đột ngột xuất hiện, cả nhóm ta đều giật mình! Ngài bật cười khi nhìn thấy những đôi mắt trố ra và những bộ mặt kinh hoàng của nhóm ta. Cả nhóm đi quanh những cỗ máy lạ thường đó. Chúng chẳng có nghĩa gì đối với ta; chúng chỉ là một tập hợp của những kim loại được lắp ráp, với hình dạng kỳ lạ. Thầy của ta đến gần một panô đen, khá rộng, có vẻ như được chèn khít vào một trong những bức tường của hang động. Khi ngài sắp sờ vào bề mặt thì panô mở ra. Ta và các Lạt ma trẻ hầu như tin rằng đây là một nơi mê hoặc, hoặc cả nhóm đang bị ảo giác tập thể. Thầy ta nhảy ngược ra sau, khiếp đảm. Một Lạt ma trẻ bạo tợn giương tay, và panô lại mở ra. Một lực không thể cưỡng nổi đẩy cả nhóm ta về phía trước. Vô phương cưỡng lại, cả nhóm bị buộc phải - ta không biết bằng cách nào - vượt qua cái ngưỡng. Ở trong này tối u, tựa như trong buồng của một tu sĩ. Dưới tác động của một sức lôi kéo không thể cưỡng nổi, nhóm ta ngang qua một đoạn khoảng nhiều mét, rồi chúng ta ngồi xuống sàn. Trong vài

phút, cả nhóm ngồi im đó, run rẩy vì sợ. Vì chẳng thấy gì xảy ra, chúng ta an tâm đôi chút và thế là chúng ta nghe vang lên một loạt những tiếng clic clic, như thể có người đang chạm vào hoặc cạo kim loại.

‘Một cách chậm rãi, hầu như không thể cảm nhận, một thứ ánh sáng mờ mờ, như sương khói, xuất hiện từ cảnh tối tăm, phía trước cả nhóm. Thoạt đầu, đó chỉ là một mầm sáng màu xanh - hồng, cứ như thể một bóng ma đang hiện hình trước mắt mọi người. Nó trải dài ra và gia tăng cường độ, và chúng ta có thể phân biệt những đường viền quanh những cỗ máy lạ thường đang chất đống nơi cái sảnh rộng lớn này, ngoại trừ ở chính giữa nơi cả nhóm đang ngồi. Ánh sáng co rúm vào chính nó, quay cuồng, yếu đi, trở nên sáng hơn, rồi vẽ thành một hình cầu. Ta có một ấn tượng lạ lùng, không thể giải thích, như thể đó là một cỗ máy rất xưa cũ đang từ từ chuyển động trở lại, sau một thời gian vô tận. Thực sự bị mê hoặc, cả nhóm ngồi co rúm trên sàn. Có một điều gì đó xảy ra trong đầu ta, như thể các Lạt ma có tài ngoại cảm đã chơi một trò gây ấn tượng mạnh. Rồi ấn tượng đó đổi khác và trở nên rõ ràng như tiếng người.’

Thầy Linh hướng của tôi đằng hắng, uống một ngụm trà, rồi nói tiếp:

- Trong quả cầu lung linh đó, ta thấy có những hình ảnh, thoạt đầu mờ mờ và chẳng bao lâu sau, sáng tỏ, và không còn là những hình ảnh nào. Cả nhóm đều thấy ở đó những sự kiện có thật.

Không đành được, tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma đáng kính, ngài đã thấy gì?

Lạt ma Dondup nghiêng người để rót thêm trà. Tiếng cồng vang lên báo giờ tụng kinh chiều, nhưng ngài Lạt ma vẫn ngồi yên. Khi tu sĩ cuối cùng trong số các thầy tu ngang qua một cách vội vã trong hành lang, Lạt ma thở dài. Ngài nói:

- Để ta kể tiếp câu chuyện. Sau đây là điều mà cả nhóm ta đã thấy và nghe, và đó cũng là điều mà con sẽ thấy và nghe trong một tương lai khá gần. Cách nay nhiều ngàn năm, một nền văn minh phát triển cao đã tồn tại trên trái đất này. Những người của nền văn minh đó có thể bay trên những cỗ máy không bị tác động bởi trọng lực; họ có thể tạo ra những cái máy có thể in những ý tưởng vào tâm trí những người khác - những ý tưởng xuất hiện dưới dạng những hình ảnh. Họ biết phân hạt nhân nguyên tử nặng thành những hạt nhân nhẹ, và cuối cùng họ cho nổ một quả bom huỷ diệt thế giới. Nhấn chìm một số lục địa xuống biển, và làm trồi lên những lục địa khác. Rất nhiều người phải chết và đó là lý do khiến nhiều tôn giáo đều nói đến Hồng Thủy.

Những lời của ngài Lạt ma không gây ấn tượng cho tôi. Tôi nói:

- Thưa ngài, chúng ta có thể thấy những hình ảnh đó trong Biên Niên Bất Biến. Tại sao phải khổ công lên những ngọn núi hiểm trở, chỉ đơn giản để xem điều mà ta có thể trông thấy trước mắt, ở ngay đây?

- Nay Lobsang, đúng là chúng ta có thể thấy mọi chuyện trong thế giới thiên thể và trong Biên Niên Bất Biến bởi chúng thuật lại mọi sự kiện trong quá khứ. Chúng ta có thể thấy, nhưng không thể sờ mó. Du hành trong thế giới thiên thể, chúng ta đến những nơi xa xôi và chúng ta quay về, nhưng chúng ta không thể chạm đến bất cứ

gì. Chúng ta không thể mang theo một áo để thay hoặc mang về một cành hoa. Cũng vậy đối với Biên Niên Bất Biến, chúng ta thấy mọi sự nhưng không thể xem chi tiết những cỗ máy lạ lùng được chôn cất trong hang núi đó. Chúng ta sẽ đến đó để xem các cỗ máy.

Tôi thốt lên:

Lạ lùng là chỉ duy nhất ở nước ta mới có những thứ máy móc đó!

Thầy Linh hướng đáp:

- Ôi! Con lầm rồi. Ở Ai Cập cũng có những nơi tương tự. Ngoài ra còn có một phòng khác có chứa những máy móc tương tự ở tại một xứ mà người ta gọi là Nam Mỹ. Ta đã thấy chúng và ta biết chúng ở đâu. Những căn phòng bí mật đó đã được giữ kín bởi tổ tiên chúng ta, hầu những đồ vật do họ tạo ra có thể được phát hiện bởi một thế hệ sau này, vào thời gian đã định. Trận lở đá bất ngờ đó đã để lộ lối vào Phòng Tây Tạng, nhưng một khi đã vào trong đó, nhóm của ta đã nhận thấy còn có nhiều phòng bí mật khác. Chẳng bao lâu nữa, nhóm bảy người của ta - kể cả con - sẽ quay lại Hang Động của Người Xưa.

Trong nhiều ngày, tôi sống trong nôn nóng. Tôi được dặn phải giữ kín chuyến đi, sao cho những người khác nghĩ rằng chúng tôi đi núi là để tìm những cây thuốc. Ngay cả trong một thành phố heo hút như Lhasa đây, cũng có những người chỉ biết tìm cách làm giàu; những thương nhân đến từ nước ngoài muốn biết nơi chúng tôi chôn giấu vàng và nữ trang. Vì vậy, chúng tôi phải tuyệt đối kín miệng.

Khoảng hai tuần sau lần nói chuyện với Lạt ma Mingyar Dondup, chúng tôi đã sẵn sàng để lên đường, sẵn sàng để vượt qua những vực thẳm, những đèo cao.

Một cách chậm chạp, chúng tôi xuống theo con đường mòn xuất phát từ Chakpori. Chúng tôi ngang qua công viên Kasshya Linga để đến bến đò ngang, nơi người đưa đò đang chờ bên con đò làm bằng da bò Tây Tạng căng cứng. Đoàn gồm bảy người chúng tôi phải mất khá lâu mới qua hết bên kia con sông Kyi Chu. Sau khi đã tập hợp đầy đủ ở bờ bên kia, chúng tôi tiến theo hướng Tây - Nam, trên vai mỗi người là cái ba lô con, trong đó có lương thực, một áo cà sa, một sợi thừng và vài vật dụng bằng kim loại. Chúng tôi đi cho đến khi chiều xuống, khi bóng tối lan dần khiến sự di chuyển trên con đường mòn đầy lá trở nên khó nhọc. Rồi chúng tôi dừng chân, ăn một bữa tsampa, và chọn chỗ để qua đêm sau những tảng đá lớn nhằm tránh gió. Gối đầu lên chiếc áo cà sa mang theo, tôi ngủ ngay sau đó. Nhiều thầy tu Tây Tạng, khi đã lên hàng Lạt ma, thì ngủ ngồi theo như quy định. Số người khác, kể cả tôi, thì có thói quen nằm dài để ngủ, nhưng chúng tôi phải tuân theo quy định là ngủ nằm nghiêng người sang phải. Hình ảnh sau cùng mà tôi mang theo trước khi chìm vào giấc ngủ là hình ảnh Lạt ma Mingyar Dondup ngồi như một tượng đá trên nền trời đen thẳm.

Chúng tôi thức dậy lúc tờ mờ sáng, điểm tâm đôi chút, rồi vác ba lô lên vai, chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Chúng tôi đi suốt ngày, và cả ngày hôm sau. Sau khi vượt qua những núi đâm ngang, chúng tôi tiến vào những dãy núi được kể lại. Chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi phải nối với nhau bằng một sợi dây an toàn để leo núi và đưa người nhẹ cân nhất nhóm - là tôi! - vượt qua những khe nứt sâu hiểm trở để móc

những sợi thừng vào những chỏm núi cao lờm chờm đá, hầu giúp cho những người nặng cân hơn cả trong nhóm không phải khó khăn để vượt qua. Chúng tôi tiếp tục leo lên. Cuối cùng, khi chúng tôi đang đứng dưới một sườn núi dốc đứng và phẳng, hầu như không có điểm để tựa chân hoặc bám tay, thầy Linh hướng của tôi nói:

- Chúng ta sẽ leo lên bức tường cao bằng đá này, sau đó tiến xuống và vượt qua một thung lũng nhỏ mà chúng ta sẽ thấy, để đến Hang Động.

Chúng tôi đi quanh phía dưới sườn đá, tìm kiếm một điểm tựa. Rõ ràng là những trận lở đá, xảy ra qua năm tháng, đã lấp kín những gờ, những kẽ nứt. Sau khi đã mất gần một ngày trời, chúng tôi phát hiện ra một khe đá hẹp. Chúng tôi dùng hai tay và hai chân để leo lên theo kiểu thợ thông ống khói. Sau đó, chúng tôi tựa lưng và mặt bên kia khe đá hẹp đó. Nghẹt thở trong không khí loãng của độ cao, chúng tôi lên đến đỉnh núi và nhìn về sườn bên kia. Thung lũng trải dài dưới chân chúng tôi. Chúng tôi chăm chú quan sát bức tường đá chạy dọc bên kia thung lũng, nhưng không thấy có một hang động, một kẽ nứt nào trên bề mặt trơn phẳng của đá. Thung lũng bị lấp bởi những tảng đá rất lớn, và càng tệ hơn, chày ngang qua giữa thung lũng là một dòng thác dữ dội.

Chúng tôi thận trọng tiến xuống thung lũng và đến gần dòng thác; ở đây có những tảng đá to tạo ra một lối đi bấp bênh cho những ai có thể nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác. Là người nhỏ con nhất nên tôi không có cặp giò đủ dài để nhảy, vì thế người ta phải giúp tôi vượt thác bằng dây thừng. Sau khi vượt thác, chúng tôi khổ sở len qua giữa những tảng đá để tiến. Chúng tôi ngang qua thung lũng và tiến đến gần chướng ngại cuối cùng, một mặt tường đá.

Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của tôi, chỉ tay về một vết xước còn mới trên đá.

Ngài nói:

- Nhìn kìa! Một trận lở đá gần đây đã làm sụp đổ phần đá nhô ra mà chúng ta đã leo qua lúc đầu.

Chúng tôi lùi lại để có thể nhìn toàn bộ vách đá. Gờ vách thứ nhất cách mặt đất khoảng ba mét sáu mươi, và không còn một lối nào khác. Lạt ma to cao và vạm vỡ nhất trong nhóm giương hai tay, lưng tựa vào thành đá, tiếp đó người nhẹ cân hơn cả trong số các Lạt ma leo lên vai người đang giương tay, và đến lượt vị này cũng áp thẳng lưng vào vách đá. Cuối cùng, người ta nâng tôi lên, để tôi có thể leo lên vai người đứng phía trên. Với sợi thừng quanh lưng, tôi leo lên gờ vách đá.

Ở phía dưới, các nhà tu lớn tiếng khuyên tôi điều này điều nọ trong khi tôi vẫn leo lên chậm chậm và điếng người vì sợ, càng lúc càng cao hơn, để quần đầu sợi thừng vào một chỏm đá. Tôi ngồi xổm trên mép gờ các vách đá; lần lượt sáu Lạt ma leo dây thừng, ngang qua tôi và tiếp tục tiến lên cao. Vị Lạt ma sau cùng tháo sợi thừng, quần phần nào quanh mình và tiến theo những người kia. Chẳng bao lâu sau đó, tôi thấy đầu sợi thừng đong đưa trước mặt tôi, và có tiếng gọi lớn, bảo tôi hãy buộc sợi thừng quanh lưng để người ta kéo tôi lên. Lên đến bên trên, tôi ngồi nghỉ. Rồi sợi thừng được lấy lên. Cuối cùng, tôi được kéo đến gờ bên trên, nơi những người đồng

hành với tôi đang chờ. Là những nhà sư nhân từ và nhã nhặn, họ chờ tôi để tất cả chúng tôi có thể cùng lúc đi vào hang. Lòng tốt của họ khiến tôi cảm thấy ấm lòng.

Một số người trong nhóm họ lẩm bẩm:

Giờ đây, sau khi đã kéo vật lành lên rồi, thì chúng ta có thể tiếp tục!

Tôi vặn lại:

- Đúng, nhưng người nhỏ con nhất là người phải trèo lên trước tiên, bởi nếu không hẳn các vị không đến được nơi này!

Mọi người đều bật cười và hướng mắt về kẽ nứt sâu ở một nơi rất khuất.

Tôi kinh ngạc nhìn kẽ nứt. Thoạt đầu, tôi không thể nhận thấy lối vào; trước mắt tôi chỉ là một vùng tối, tựa như một suối nước đã khô, hoặc một đốm địa y. Rồi, sau khi vượt qua gờ vách đá, tôi thấy quả thật có một đường nứt nơi vách đá. Một Lạt ma cao lớn nắm lấy vai tôi, đẩy tôi vào khe nứt đó và nói bằng giọng thân thiện:

- Hãy là người đầu tiên vào đó. Cậu có thể xua đuổi đám ma đá và bảo vệ chúng tôi.

Thế là tôi, thành viên nhỏ nhất và kém quan trọng nhất của đoàn, là người đầu tiên vào Hang Động của Người Xưa. Tôi lên vào, đi quanh theo những góc vách đá. Tôi nghe có tiếng bước chân phía sau, những người đồng hành với tôi dò dẫm tiến vào. Đột nhiên, ánh sáng toé ra, và tôi hầu như cứng người vì khiếp đảm. Tôi đứng im, áp sát tường, và ngắm nhìn cảnh tượng huyền hoặc trước mắt.

Hang Động có vẻ rộng lớn gấp đôi không gian bên trong của Đại Thánh Đường ở Lhasa. Trái với Đại Thánh Đường, luôn chìm trong thứ ánh sáng mờ dịu mà những cây đèn dầu lạc cổ xua đi, hang động này tràn ngập thứ ánh sáng hơn đêm trăng rằm không mây. Không hẳn thế; có thể nói là sáng hơn nhiều. Tôi ngược nhìn những quả cầu, nơi toé ra thứ ánh sáng đó. Các Lạt ma ép sát bên tôi, và cũng như tôi, họ hướng mắt trước tiên vào nguồn ánh sáng.

Thầy Linh hướng nói:

- Các tu viện cổ cho biết rằng vào buổi chiều, hang động này được chiếu sáng hơn bây giờ nhiều. Qua nhiều ngàn năm, những ngọn đèn đó càng lúc càng yếu dần.

Trong một lúc lâu, cả nhóm chúng tôi lặng im và bất động, như thể sợ làm thức giấc những người đã ngủ ở đây từ biết bao năm. Rồi, bị thúc đẩy bởi cùng một xung lực, chúng tôi tiến bước trên sàn bằng đá để đến xem cỗ máy đặt gần chúng tôi nhất. Chúng tôi đứng quanh nó, không dám chạm tay vào nhưng rất muốn biết công dụng của nó. Mờ xỉn bởi thời gian, tuy vậy nó có vẻ sẵn sàng để chuyển động ngay nếu người ta biết sử dụng nó. Một số máy móc khác thu hút sự chú ý của chúng tôi, nhưng chúng tôi cũng chẳng hiểu đó là máy gì. Tôi tiến đến một cái bục vuông vức, khoảng một mét, đặt trên sàn và được bao quanh bởi một lan can. Cái mà tôi tưởng chừng là một ống dài bằng kim loại gập lại đó xuất phát từ một cỗ máy kề cận và các bục được nối liền với đầu kia của cái ống đó. Lơ đãng, tôi bước lên cái bục, thăm nghĩ chẳng hiểu nó có công dụng gì. Và tôi sẽ suýt chết giấc vì khiếp đảm: cái bục chuyển động và cất lên cao.

Quá kinh hoàng, tôi bám lấy lan can.

Cả sáu Lạt ma đều kinh ngạc hướng mắt lên phía tôi. Cái ống đã giương ra và kéo cái bục về một quả cầu trong những quả cầu phát sáng. Hoảng hốt, tôi nhìn qua lan can.

Lúc này, tôi đã cách mặt đất khoảng chục mét và cái bực vẫn tiếp tục lên cao. Tôi khiếp đảm khi nghĩ rằng nguồn sáng từ quả cầu sẽ đốt cháy tôi tựa như một cánh bướm đêm lao vào ngọn đèn dầu. Có một tiếng ‘clic’ và cái bực dừng lại. Ánh sáng tỏ ra cách mặt tôi vài centimet. Tôi rụt rè đưa tay ra: quả cầu lạnh như đá.

Lấy lại phần nào bình tĩnh, tôi nhìn quanh. Ngay lúc đó, một ý nghĩ đáng sợ loé lên trong đầu tôi: Làm thế nào tôi có thể xuống đây? Tôi nhảy dựng, tìm cách thoát thân, nhưng vô ích. Tôi toan vươn đến cái ống dài, hy vọng có thể bám lấy và tuột xuống, nhưng nó ở ngoài tầm với của tôi. Khi tôi bắt đầu tuyệt vọng thì cái bực lại một lần nữa chuyển động và bắt đầu hạ xuống. Không chờ nó chạm đất, tôi nhảy xuống! Tôi không còn nguy cơ bị bốc lên một lần nữa!

Sát bức tường trong cùng là một pho tượng lớn, mà vừa nhìn thấy nó, tôi đã rùng mình từ đầu đến chân. Đó là pho tượng một con mèo ngồi xồm, nhưng đầu và hai vai nó là đầu và hai vai của một người đàn bà. Đôi mắt của nó trong, sống động; bộ mặt có vẻ tinh nghịch, tức cười, và theo tôi xét thì khá đáng gờm. Quì gối trên sàn, một trong các Lạt ma chăm chú xem những dấu khắc vạch kỳ lạ ở đó.

Rồi Lạt ma thốt lên:

- Xem này, những hình nét này cho biết những con mèo và những con người đang trò chuyện. Hẳn điều này nói về linh hồn rời khỏi xác và lang thang trong các địa ngục.

Nhiệt thành đi theo con đường khoa học, Lạt ma gập mình trên những hình ảnh được chạm khắc trên sàn - ngài gọi chúng là ‘những chữ tượng hình’ - và ngài mong chúng tôi chia sẻ sự hăng say của ngài. Lạt ma này là một người rất tiến bộ, ngài đã không mấy khó khăn để học nhiều từ ngữ. Các Lạt ma khác thì đang xem những cỗ máy kỳ lạ và cố khám phá công dụng của chúng. Đột nhiên, một tiếng thét vang lên khiến chúng tôi phải quay nhìn. Vị Lạt ma cao gầy đang đứng gần bức tường trong cùng, và khuôn mặt của ngài hình như đang bị mắc kẹt trong một cái hộp bằng kim loại mờ xỉn. Ngài đứng đó, đầu cúi thấp, khuôn mặt hoàn toàn bị che khuất. Hai trong số các Lạt ma chạy ào đến và kéo ngài ra phía sau. Ngài tức giận thốt lên một tiếng chửi và nhào về phía cái hộp.

Tôi nói:

- Lạ lùng quá! Ở nơi này, ngay cả những Lạt ma điềm tĩnh và thông thái cũng trở nên mất trí.

Cuối cùng, vị Lạt ma cao gầy tránh sang một bên và một Lạt ma khác thay vào chỗ ngài. Theo như tôi biết, các Lạt ma đã trông thấy trong cái hộp đó những máy móc di động. Cuối cùng, thương cảm tôi, thầy Linh hướng nhắc tôi lên để tôi có thể tận mắt nhìn thấy. Như tôi đã được chỉ dẫn, khi tôi đặt hai bàn tay lên một cái nắm, tôi thấy bên trong cái hộp những con người và những cỗ máy y hệt như những thứ đang có trong sảnh đường này. Có những người đang vận hành chúng, tôi nhận thấy rằng cái bực mà ban nãy đã đưa tôi lên quả cầu phát sáng, có thể được điều khiển tùy ý, và nó là một loại ‘thang’ di động. Theo tôi, hầu hết những máy móc ở đây đều trong tình trạng có thể sử dụng như những máy móc mà, vài năm sau đó, tôi đã thấy trong các viện bảo tàng khoa học ở nhiều nơi trên thế giới.

Chúng tôi tiến đến cái pano mà Lạt ma Mingyar Dondup đã cho tôi biết. Khi chúng tôi đến gần, pano mở ra cùng với tiếng ken két vang vang trong tĩnh lặng của hang động khiến chúng tôi rùng mình. Ở phía trong là tối đen dày đặc khiến chúng tôi có cảm tưởng bị bao bọc bởi một cơn lốc xoáy của những đám mây đen. Những bàn chân của chúng tôi được dẫn dắt bởi những mấp mô nhỏ của sàn. Chúng tôi tiến bước một cách khó nhọc và khi những mấp mô không còn, chúng tôi ngồi xuống. Và lúc đó, chúng tôi nghe thấy một loạt những tiếng clic clic, như thứ tiếng động của kim loại đang cọ vào nhau, và hầu như một cách khó nhận thấy, có một ánh sáng len qua bóng tối và tan biến. Chúng tôi nhìn quanh và thấy có những cỗ máy khác, cũng lạ thường như những cỗ máy trước đây. Ngoài ra, cũng có những pho tượng và những hình vẽ khắc trên kim loại. Đột nhiên, ánh sáng tập trung lại và hình thành một quả cầu chói lọi, ở chính giữa sảnh đường. Những màu sắc nhấp nháy, không rõ lý do, và những dải ánh sáng, cũng hoàn toàn vô nghĩa, xoay tít quanh quả cầu. Những hình ảnh hiện ra, ban đầu mơ hồ và lộn xộn, rồi trở nên rõ ràng, trông như thật và có ba chiều. Chúng tôi trở mắt nhìn...

Đó là thế giới của ngày xưa ngày xưa, vào thời kỳ mà rái đất còn non trẻ. Những dãy núi đã từng sống ở những nơi mà ngày nay là những đại dương. Khí hậu ngày xưa ấy nóng hơn và những sinh vật lạ lùng đi lại trên đồng. Cái thế giới đó đang trên đà phát triển khoa học. Có những cỗ máy lạ thường bay cách mặt đất vài centimet, bay cao đến nhiều kilomet trong không gian. Những đèn thờ đồ sộ với những nóc đèn hướng lên trời, như thách thức những đám mây. Người và thú nói chuyện với nhau bằng thần giao cách cảm. Nhưng mọi sự đều hoàn toàn tốt đẹp; có sự tranh chấp giữa các nhà chính trị. Thế giới bị chia thành hai phe, phe này thèm muốn lãnh thổ của phe kia. Sự ngờ vực và sợ hãi là những đám mây đen đang trĩu nặng trên loài người. Các thầy tư tế của cả hai phe tuyên bố rằng chỉ có mình họ là những người được các vị thần yêu quý. Trong những hình ảnh đang diễn ra trước mắt, chúng tôi thấy các tư tế nói oang oảng và đề ra phương pháp cứu rỗi của họ. Những người đứng đầu của mỗi giáo phái giảng dạy rằng tiêu diệt kẻ thù là một nghĩa vụ thiêng liêng. Và, đồng thời họ rao giảng rằng mọi người đều là huynh đệ. Tính phi luân lý của huynh đệ tương tàn là điều mà họ không nghĩ đến.

Chúng tôi được chứng kiến những cuộc chiến khủng khiếp mà hầu hết các nạn nhân đều là dân thường. Các binh lính, được che chắn bởi binh giáp của họ, nói chung được an toàn. Những người già, đàn bà và trẻ con, những người không trực tiếp chiến đấu, là những người phải khốn khổ. Chúng tôi thấy những nhà khoa học đang làm việc trong các phòng thí nghiệm, tìm cách chế tạo những vũ khí có tính sát thương hơn, những quả bom ngày càng lớn hơn, với sức công phá mạnh hơn. Một chuỗi hình ảnh cho thấy một nhóm người đang đề ra những kế hoạch mà họ gọi là 'Buồng du hành thời gian' (điều mà chúng tôi gọi là 'Hang Động của Người Xưa') nơi họ có thể lưu lại cho những thế hệ mai sau những mẫu máy móc của họ, và một hồ sơ đầy đủ về văn hoá và những thiếu sót của họ. Trước mắt chúng tôi là vô số những máy móc, máy đào, đang đào bới. Vô số người đang lắp đặt những máy móc, thiết

bị. Chúng tôi thấy họ lấp đặt những quả cầu với ánh sáng lạnh, những chất phóng xạ tạo ra ánh sáng trong hàng triệu năm.

Chúng tôi nhận thấy rằng chúng tôi đã có thể hiểu ngôn ngữ - sự giải thích bật ra trong tâm trí chúng tôi - bởi nó đã được truyền bằng thần giao cách cảm. Những căn phòng như căn phòng này, hay còn có thể gọi là 'Buồng du hành thời gian' hiện đang ẩn mình dưới những lớp cát của Ai Cập, dưới một kim tự tháp tại Nam Mỹ, và một nơi nào đó tại Siberia. Mỗi nơi đó đều được đánh dấu bởi một biểu tượng của thời gian: Nhân sư, vốn không có nguồn gốc từ Ai Cập, và chúng tôi được giải thích lý do khiến nó có hình dáng đó. Vào những thời rất xa xưa, người và thú trò chuyện với nhau và cùng nhau làm việc. Mèo là con thú hoàn hảo hơn cả về sức mạnh và trí tuệ. Con người cũng là một động vật; chính vì thế mà những người xưa đã thể hiện một con mèo với vóc lớn nhằm nói lên quyền lực và sự chịu đựng, và trên thân mèo họ đã ghép vào cặp vú cái đầu của một người đàn bà. Cái đầu để gợi đến trí tuệ và lý trí của con người, và bộ ngực để nhấn mạnh rằng Con Người và Loài Vật có thể đạt được từ nhau lương thực thuộc tinh thần và tâm trí.

Chúng tôi thấy những đại dương mà ở đó những thành phố lớn bành bồng tiến từ xứ này sang xứ khác. Bay lượn lững lờ trên trời là những cỗ máy rất rộng lớn, có thể lơ lững, bất động trong không gian và trong nháy mắt chuyển động thần tốc. Xe cộ chạy cách mặt đất vài centimet, như được treo lơ lững trong không gian bằng một kỹ thuật mà chúng tôi không thể xác định. Những cây cầu bắc qua những thành phố, với những sợi cáp có vẻ như là những những con đường. Ngay lúc đó có một tia chớp như một vạch dài chói lọi trên bầu trời, và một trong những cây cầu lớn nhất đổ sụp trong một đồng dây cáp, xà nhỏ và những thanh sắt. Một tia sét nữa và một phần lớn của thành phố biến mất giữa một đám hơi khí nóng sáng. Bành bồng bên trên những đống nát là một đám mây hình nấm lạ thường, ghê rợn, cao nhiều kilomet.

Những hình ảnh đó tan biến và chúng tôi lại thấy nhóm người đã hoàn chỉnh 'Buồng du hành thời gian'. Họ quyết định đã đến lúc phải đóng kín lại những buồng đó. Chúng tôi tham dự các nghi thức niêm phong đó, chứng kiến cảnh đặt 'Những ký ức đóng hộp' vào cỗ máy. Chúng tôi nghe bài diễn văn từ biệt, nói với chúng tôi, 'Người dân của tương lai' rằng có lẽ nhân loại sẽ đi đến chỗ tự huỷ diệt. Rồi tiếng nói đó tiếp tục: 'Trong những đường ngầm này có chứa các tư liệu ghi lại những thành tựu và những sai lầm của chúng ta, với hy vọng chúng sẽ có ích cho đời sau, những người sẽ có trí tuệ để phát triển chúng và hiểu chúng'.

Giọng nói qua thần giao cách cảm im bật, màn ảnh tối đi. Chúng tôi lặng im, hoảng vía vì những gì đã thấy. Một lúc sau, cường độ ánh sáng lại tăng lên và chúng tôi nhận thấy ánh sáng đó phát ra từ những bức tường của sảnh đường.

Chúng tôi đứng dậy và nhìn quanh. Cũng vậy, sảnh này chứa đầy máy móc, và ở đây cũng có nhiều mô hình các thành phố và cầu, tất cả đều được tạc bằng đá hoặc bằng một thứ kim loại mà chúng tôi không thể xác định. Một số những mô hình đó được bao bọc bởi một chất trong suốt, mà chúng tôi không rõ xuất xứ. Đó không phải thủy tinh, nhưng là chất liệu mà chúng tôi không rõ. Chỉ biết một điều là thứ vật liệu trong suốt đó khiến chúng tôi không thể chạm tay vào một số mô hình đó. Ngay lúc đó,

chúng tôi bỗng giật mình: một con mắt nhấp nháy, đỏ au và hung ác đang quan sát chúng tôi. Khi tôi chực bỏ chạy thì thầy Linh hướng bước đến bên cỗ máy có con mắt đỏ đó. Ngài xem xét, chạm vào các tay gạt và con mắt đó biến mất. Thay vào chỗ con mắt đó là một màn hình nhỏ, với hình ảnh của một gian phòng khác, dẫn vào sảnh chính. Và bộ não của chúng tôi nhận thông điệp: ‘Khi tiến về phía trước, hãy vào căn phòng nơi các người sẽ thấy có những vật liệu cần thiết để niêm kín mọi lối mà các người đã ngang qua để vào đây. Nếu các người chưa đạt mức tiến hoá để có thể vận hành những máy móc của chúng ta, thì hãy niêm kín các hang này để giữ nó nguyên vẹn cho những ai sẽ đến muộn hơn sau này!’

Lặng lẽ, chúng tôi tiến vào gian phòng thứ ba. Cửa phòng mở ra khi chúng tôi đến gần. Phòng chứa nhiều cái hộp bằng kim loại, đã niêm phong, và một cái máy ‘những dạng - tư tưởng’. Cái máy này chỉ cho chúng tôi biết cách mở những cái hộp và đóng lại lối vào Hang Động. Chúng tôi ngồi trên sàn và nói về điều mà chúng tôi vừa trông thấy.

Một Lạt ma thốt lên:

- Thật tuyệt diệu! Tuyệt diệu!

Với chút bạo dạn, tôi nói:

- Chẳng có gì là tuyệt diệu cả. Chúng ta có thể thấy tất cả điều đó trong Biên Niên Bất Biến.

Tại sao chúng ta không xem những hình ảnh của sự tiếp diễn của các thời đại? Như thế, chúng ta sẽ biết điều gì đã xảy ra sau khi hang động này đã đóng lại.

Các Lạt ma hướng về Lạt ma Mingyar Dondup, trưởng nhóm với vẻ muốn biết. Ngài gạt nhẹ đầu và nói:

- Đôi khi cậu Lobsang đây cũng tỏ ra có chút thông minh! Giờ đây, chúng ta hãy đặt mình vào tâm thế nghi lễ, và xem điều gì sẽ xảy ra, bởi tôi cũng nôn nóng muốn biết như các vị.

Chúng tôi ngồi thành một vòng tròn, mỗi người hướng vào nội tâm mình và kết hợp các ngón tay của chúng tôi theo một cách thích hợp. Thầy Linh hướng bắt đầu những bài hít thở theo nghi thức và chúng tôi thực hành theo. Dần dần, chúng tôi mất hẳn ý thức về sự tồn tại của cái - tôi trên trần gian này, và chúng tôi chỉ còn là một với Đại Dương Thời Gian. Mọi sự kiện xảy ra có thể được nhìn thấy bởi những người có khả năng đi vào thế giới thiên thể một cách có ý thức và trở về một cách có ý thức, mang theo những tri thức đã đạt được. Như thế, người ta có thể thấy, như thể mình là người đã tham gia, bất kỳ cảnh tượng nào của lịch sử, dẫu nó đã xảy ra vào một thời rất xa xưa.

Tôi nhớ lần đầu khi được xem Biên Niên Bất Biến. Thầy Linh hướng đã nói với tôi điều đó và tôi đã hỏi ngài: ‘Nhưng điều đó là gì? Nó diễn ra như thế nào? Làm sao người ta có thể tiếp cận với quá khứ, với những sự kiện đã chìm khuất?’

‘Và thầy Linh hướng đã nói với tôi, này Lobsang, con có trí nhớ, phải không? Con có thể nhớ lại những điều đã xảy ra hôm qua, và những ngày trước đó. Với đôi chút rèn luyện, con có thể nhớ lại những điều đã xảy ra trong đời con, và nếu được rèn luyện đầy đủ, con có thể nhớ lại ngay cả lúc con được sinh ra. Con cũng có thể có khả năng

mà ta gọi là ‘ký ức tuyệt đối’, và nhờ đó những ký ức của con sẽ đưa con về những quãng thời gian trước khi con chào đời. BIÊN NIÊN BẤT BIẾN chỉ là ‘ký ức của toàn bộ vũ trụ’. Tất cả những gì đã xảy ra trên Trái Đất này đều có thể được ‘nhớ lại’, y hệt như con nhớ lại những sự kiện trong đời con. Ở đây, pháp thuật không giữ một vai trò nào. Nhưng để sau này rồi chúng ta sẽ nói đến chuyện đó và chuyện thôi miên, một vấn đề liên quan trực tiếp đến thắc mắc của con.’

Do mọi người trong nhóm đều đã được luyện, nên chúng tôi có thể dễ dàng xác định thời điểm mà Cổ Máy ngưng gửi đến cho chúng tôi những hình ảnh của quá khứ. Chúng tôi thấy một đám rước gồm những người nam và người nữ - có lẽ đó là những chức sắc của thời bấy giờ - ra khỏi Hang Động. Các vết nứt và những kẽ sâu đã được bịt kín, các nhân vật quan trọng và những người thợ đang rời xa. Những cỗ máy mất hút ở phía xa, và trong nhiều tháng trời, sự thịnh lặng ngự trị trên chốn này. Chúng tôi thấy một tư tế cao lớn đang đứng trên những bậc thang của một kim tự tháp đồ sộ, lớn tiếng cổ vũ đám thính giả hãy chiến đấu. Những hình ảnh được in trên những Cuộn Thư của Thời Gian tiếp tục trải ra, đổi khác và chúng tôi thấy các thủ lĩnh đang gào thét ở phần lãnh thổ của phe đối nghịch. Thời gian vẫn trôi qua. Chúng tôi thấy những vệt khói trắng trên nền trời xanh. Rồi bầu trời nhuộm đỏ. Toàn bộ thế giới sửng sốt bởi một sự rung chuyển. Tuy chỉ là những khán giả, nhưng chúng tôi cảm thấy choáng váng. Sự tăm tối đổ xuống trên trần gian. Những đám mây đen, bị xuyên thủng bởi những ngọn lửa đỏ rực, lặn xuống trên khắp thế giới. Các thành phố thành linh bốc cháy và tan biến.

Những đại dương hung hãn tràn vào đất liền. Một cơn sóng thần cao hơn cả toà nhà cao nhất quét sạch mọi thứ trên đường đi của nó và ồ ạt tiến chiếm các lục địa. Đỉnh của sóng thần lồi theo những mảnh vỡ của một nền văn minh đang hấp hối. Trái Đất run rẩy và gào lên; những vực thẳm rộng lớn há ra và khép lại như hàm há hốc của một người khổng lồ. Những dãy núi đó chuyển động nhấp nhô như những cành liễu trong cơn bão. Rồi chúng chìm xuống biển. Toàn bộ bề mặt của Trái Đất phải chịu những thay đổi liên miên, phải không ngưng chuyển động. Hàng triệu người phải mất mạng. Số ít sống sót gào thét trong khi chạy về những dãy núi, những dãy núi vừa trôi lên. Số khác, trên những con tàu, chẳng biết do đâu, đã thoát khỏi tai hoạ, và đến được những cao nguyên. Tại đó, họ tìm nơi ẩn trú. Trái Đất đã dừng lại, rồi sau đó quay theo chiều ngược với chuyển động quay bình thường của nó. Trong nháy mắt, các khu rừng biến mất thành những đồng tro tàn. Bề mặt của Trái Đất trông điêu tàn, bình địa, cháy đen, bị huỷ hoại. Dưới đáy của vực thẳm, hoặc bên trong những đường tuôn chảy dung nham của những núi lửa đã tắt, là một nhóm người đang co quắp, rơi xuống một chất dẫn trắng xoá, có vị dễ chịu và có giá trị dinh dưỡng.

Trong nhiều thế kỷ, Trái Đất lại một lần nữa đổi khác; biển biến thành đất liền và đất liền biến thành biển. Những vách đá đứng ở bờ biển bao quanh một bình nguyên thấp nứt ra, đổ sụp, và nước tràn vào để tạo thành vùng biển mà ngày nay ta gọi là Địa Trung Hải. Trong một biển gần đó, một chỗ lõm dưới đáy biển đã toác ra, nước tuôn xuống, để lại vùng cát trắng khô mà ngày nay là sa mạc Sahara. Lang thang đây

đó trên bề mặt Trái Đất là những bộ lạc dã man, và dưới những ánh lửa trại, họ kể cho nhau những cổ tích - Hồng Thủy, Lục Địa Atlantide, Vùng đất của Những Linh Hồn Lang Thang. Họ cũng kể về cái ngày mà mặt trời đã dừng lại.

Hang Động Người Xưa bị vùi lấp trong lớp bùn của một thế giới đã bị nhận chìm phân nửa. Nó yên nghỉ trong lòng sâu của Trái Đất. Theo thời gian, những thác nước cuốn trôi đất bùn trong những tàn tích, và cho các tảng đá một lần nữa có cơ hội để được sừng sững dưới mặt trời. Cuối cùng, bị nung bởi mặt trời và làm lạnh bởi một cơn mưa đá, bề mặt đá cứng phải nứt ra với một tiếng nổ như sấm, và nhờ thế, để lại cho chúng ta một lối vào.

Chúng tôi vươn vai, duỗi tay chân, và đứng dậy một cách khó nhọc. Thử thách mà chúng tôi vừa trải qua khiến chúng tôi kiệt sức. Giờ đây, chúng tôi cần phải ăn, ngủ để ngày mai tiếp tục xem xét Hang Động, hầu có được những phát hiện mới. Sau đó, khi đã hoàn tất nhiệm vụ, chúng tôi sẽ bịt kín lối vào, theo như đã được chỉ dẫn. Hang Động lại một lần nữa được an nghỉ trong yên bình cho đến khi những người có thiện chí và trí tuệ cao quay lại. Tôi đến gần lối vào và ngắm cảnh vật trên đầu, nhìn những tảng đá đã vỡ ra, và thầm nghĩ, một người Thời Xưa sẽ nghĩ gì nếu ông ta có thể ra khỏi nắm mồ của ông và đứng cạnh tôi.

Quay vào trong Hang Động, tôi cảm thấy kinh ngạc trước sự tương phản, một Lạt ma đang nhóm lửa bằng một hòn đá lửa, bụi nhùi như nấm và phân bò khô mà chúng tôi mang theo để nấu nước uống trà và nấu stam-pa. Quanh chúng tôi là những cỗ máy và những đồ vật của một thời quá vãng. Phần chúng tôi - những người của thời Hiện Đại - chúng tôi đang đun nước bằng lửa phân bò khô, giữa những thứ máy móc đáng ngưỡng phục, vượt quá sự hiểu biết của chúng tôi. Tôi thở dài và hướng những ý nghĩ của mình về trà và stampa.

(6)

Buổi tụng kinh sáng vừa kết thúc; chúng tôi bước vội về lớp học, xô đẩy và chen lấn để không phải là đứa sau cùng vào lớp. Sở dĩ chúng tôi xô đẩy nhau như thế chẳng phải vì ham học, nhưng vì thầy của lớp này có thói quen đáng sợ là tặng cho trò nào vào sau cùng một - cú gậy! Mừng thay, tôi là người đầu tiên vào được lớp, và thích thú khi thấy nụ cười hài lòng của Thầy. Đứng ở cửa, Thầy ra hiệu cho những cậu học trò khác phải vội lên, và bạt tai những trò kéo lê đằng sau. Cuối cùng, chúng tôi ngồi xuống, bắt chéo chân, trên những chiếc đệm rơm. Theo tập quán, học trò chúng tôi ngồi quay lưng về phía Thầy, trong khi Thầy không ngưng đi lui tới phía sau chúng tôi, đến nỗi chúng tôi không thể biết Thầy đang ở đâu, và vì thế chúng tôi buộc phải chăm chỉ.

Bằng một giọng đều đều, Thầy bắt đầu:

- Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu lý do khiến mọi tôn giáo đều có nhiều điểm giống nhau. Chúng ta đã ghi nhận rằng câu chuyện về Hồng Thủy là điều có thể tìm thấy trong mọi tôn giáo trên thế giới. Giờ đây, chúng ta hãy hướng sự chú ý về chủ đề Thánh Mẫu Đồng Trinh. Ngay cả một điều thiên cận cũng có thể biết rằng Mẫu Dolma, Thánh Mẫu Đồng Trinh của chúng ta, Thánh Mẫu Từ Bi, là tương đồng Thánh Mẫu Đồng Trinh bên Kitô giáo.

Những bước chân nhanh dừng lại trước cửa lớp học. Một tu sĩ - đưa tin bước vào và kính cẩn nghiêng mình chào Thầy.

Tu sĩ nói nho nhỏ:

- Xin kính chào Thầy. Ngài Mingyar Dondup gửi lời chào Thầy và xin phép cho trò Lobsang Rampa được nghỉ học ngay. Có chuyện khẩn cấp.

Cau mày, Thầy quay sang nói với tôi:

- Này con! Con được nghỉ học. Hãy đi đi!

Tôi bật đứng dậy, cúi chào Thầy và chạy theo người đưa tin đang bước vội.

Tôi hỏn hển hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Tôi không biết nữa. Ngài Lạt ma Mingyar Dondup đã mang theo túi giải phẫu, và ngựa đã sẵn sàng.

Chúng tôi tiếp tục bước nhanh.

Khi tôi gặp thầy Linh hướng, ngài cười và nói:

- À! Lobsang! Con có thể nhanh đến thế ư. Chúng ta sẽ đến làng Sho, nơi người ta đang cần sự giúp đỡ của chúng ta.

Thầy Linh hướng lên ngựa và ra hiệu cho tôi làm theo. Đối với tôi, việc leo lên yên ngựa là không dễ; ngựa có vẻ không hợp với tôi. Khi tôi đến gần nó, nó tránh sang một bên. Tôi vòng sang bên kia, và nhảy lên trước khi nó kịp biết chuyện gì đã xảy ra! Rồi tôi bám chặt nó như một cây địa y bám vào vách núi. Hí lên một tiếng, con ngựa của tôi quay vòng ngược lại và theo con ngựa đang đưa thầy Linh hướng tiến trên con đường mòn. Con ngựa của tôi có thói quen đáng ngại là thích dừng lại ở những nơi có dốc đứng hiểm trở nhất, thích nhìn xuống những vực thẳm, thích cúi đầu và nhảy nhót theo kiểu múa bụng. Tôi cho rằng nó có chất khôì hài đen, và nó biết rõ nó gây ấn tượng mạnh cho tôi thế nào. Chúng tôi đổ xuống theo con đường mòn, ngang qua Pargo Kaling, hay còn gọi là Cửa Tây, và cuối cùng đến làng Sho, thầy Linh hướng dẫn tôi quanh co qua những con phố và dừng lại trước một toà nhà lớn mà tôi biết đó là nhà tù. Lính gác chạy ra và dẫn ngựa chúng tôi. Tay xác rương nhỏ của thầy Linh hướng, tôi đi vào cái nơi buồn thảm này. Quả thật là một nơi đáng ghê rợn. Tôi có thể cảm nhận sự sợ hãi, trông thấy những dạng - ý tưởng ác hại của các phạm nhân. Không khí nơi này khiến tôi dựng tóc gáy.

Theo thầy Linh hướng, tôi vào một phòng khá rộng, tràn ngập ánh sáng từ các cửa sổ. Đứng ở đó là nhiều lính canh. Và chờ để tiếp đón Lạt ma Dondup là một quan chức của thị trấn Sho. Tôi nhìn quanh trong khi Lạt ma Dondup nói chuyện với quan chức đó, và thầm nghĩ, đây là nơi các phạm nhân bị xét xử và kết án. Những bức tường của phòng này chứa đầy sách và hồ sơ. Ở một góc phòng, trên sàn nhà, có một người, trông tựa một đồng gì đó, đang rên. Tôi hướng mắt về phía đó, và ngay lúc đó, tôi nghe quan chức nói với thầy Linh hướng:

- Thưa Lạt ma, đó là một người nước ngoài. Chúng tôi nghĩ y là gián điệp. Y đã tìm cách leo lên Núi Thiêng, hẳn để xâm nhập vào Potala. Y đã trượt chân và té ngã. Có lẽ từ độ cao ba mươi mét. Tình trạng của y trông khá tệ.

Thầy Linh hướng bước đến. Tôi theo sau. Một lính canh kéo sang một bên những tấm chắn và chúng tôi trông thấy y, một người không xuất thân từ xứ sở này. Y có vẻ gầy và cho ta cái ấn tượng là y vốn là một người rất nhanh nhẹn. Nhưng giờ đây, y đang rên vì đau đốn, mặt đẫm mồ hôi và làn da tái nhợt.

Rõ là người này đang bị thương nặng. Lạt ma Dondup nhìn y bằng ánh mắt trầm ẩn. Ngài nói:

- Gián điệp, sát nhân... dấu là gì đi nữa, thì chúng ta cũng phải cứu người này.

Thầy Linh hướng quì xuống cạnh người đàn ông, đặt hai bàn tay lên thái dương y và nhìn thẳng vào mắt y. Sau vài giây, y có vẻ thanh thản, hai mắt hơi khép lại, và đôi môi thoáng mỉm cười. Tôi cảm thấy buồn nôn khi nhìn chúng. Hai cẳng chân hình như đã bị gãy hoàn toàn. Xương xuyên thủng quần ông ta. Bằng một con dao bén, thầy Linh hướng cắt những ống quần của nạn nhân. Những người đứng quanh thốt lên một tiếng khi thấy xương của nạn nhân đã bị gãy từ bàn chân đến đùi. Thầy Linh hướng nấn nhẹ vào những chỗ đó. Do trong tình trạng bị thôi miên nên nạn nhân không chút phản ứng. Những xương đùi của y kêu rào rào như những bao cát không đầy.

Thầy Linh hướng nói:

- Xương đã bị gãy quá nhiều nơi nên không thể gắn lại. Hai cẳng chân có vẻ đã bị dập nát, chúng ta buộc phải cắt cụt.

Quan chức nói:

- Thừa ngài Lạt ma khả kính, ngài có thể buộc y thú nhận những điều y đã làm ở đó? Chúng tôi e rằng y là một tên sát nhân.

Lạt ma Dondup đáp:

- Trước tiên, chúng ta cần phải cắt cụt chân y để cứu sống y. Rồi sau đó chúng ta sẽ hỏi y.

Một lần nữa, ngài Lạt ma cúi xuống trên nạn nhân. Và lại nhìn vào mắt y. Y có vẻ thư thái và hình như đã chìm vào giấc ngủ sâu.

Tôi đã mở ra những cái túi và đổ nước thuốc khử trùng chung cất từ thảo dược vào một cái bát. Ngài Lạt ma ngâm hai bàn tay vào bát. Ở một cái bát khác, tôi đã để sẵn những dụng cụ giải phẫu.

Theo lệnh ngài, tôi lau những vết thương và hai cẳng chân của nạn nhân. Khi chạm vào chúng, tôi có cảm giác lạ lùng, cứ như mọi thứ đã rời rã, vỡ vụn. Da thịt đã nhuốm một màu xanh, và các mạch máu lộ ra như những sợi thừng màu đen. Theo lời chỉ dẫn của ngài, tôi buộc những dải băng đã khử trùng lên hai đùi nạn nhân, phần nối liền với thân. Rồi đẩy một cái que vào cái vòng để căng dải băng, tôi xoay tròn cái que cho đến khi sức ép của dải băng chặn đứng sự lưu thông máu vào đùi. Một cách thật nhanh, Lạt ma Dondup cầm lấy con dao và rạch một đường chữ V. Ở đỉnh V, ngài cưa xương đùi - hay đúng hơn là phần còn lại của xương đùi - rồi ngài kéo hai mảnh của phần V xuống hầu cho đầu khúc xương được bảo vệ bởi lớp thịt. Tôi trao ngài một sợi chỉ 'giải phẫu lấy ra từ thịt bò Tây Tạng, và ngài khâu hai phần của chữ V lại. Chậm và thận trọng, tôi nối lỏng sợi dây buộc và sẵn sàng để xiết lại nếu thấy máu tuôn ra ở mồm chân cụt. Những điểm nối không bị bung, không thấy có giọt máu nào tuôn ra. Ở phía sau chúng tôi, một lính canh nôn thốc, mặt tái xanh và ngã xuống bất tỉnh.

Lạt ma Dondup cẩn thận băng bó mồm chân cụt và rửa hai tay trong dung dịch khử trùng. Tôi hướng sang cẳng chân kia, chân trái. Tôi đẩy cái que vào cái vòng để căng

dải băng, xoay tròn cái que để chặn dòng máu đang chảy dồn vào chân này. Chẳng bao lâu sau đó, phần chân bị cắt này đã được đặt cạnh phần đã bị cắt trước đó. Lạt ma Dondup quay sang một lính canh và dặn anh ta hãy mang hai khúc chân đó đi và bọc chúng trong khăn vải.

Rồi ngài nói:

- Hãy trao người này và hai khúc chân đó cho phái bộ, bởi nếu không người ta sẽ bảo rằng chúng ta đã tra tấn người này. Ta sẽ xin Đấng Thánh Thiện cho phép được trả người này về với người dân của y. Dẫu công tác của y là gì chẳng nữa, thì nó cũng thất bại như bao mưu toan khác.

Quan chức nói:

- Nhưng, thưa Lạt ma khả kính, chúng ta phải buộc người này khai ra công tác của y và lý do y công tác.

Lạt ma Dondup không nói gì. Ngài quay về phía người bị nạn đang chìm trong thôi miên đó, và nhìn sâu vào đôi mắt, gờ đây đã mở cửa y.

Ngài hỏi:

- Trước đây anh làm gì?

Nạn nhân kê lên và nhìn quanh. Ngài Lạt ma lại hỏi?

- Ý đồ của anh là gì? Có phải anh định ám sát một chức sắc cao cấp ở Potala?

Nước dãi chảy ra nơi môi nạn nhân và anh miễn cưỡng gật đầu.

Lạt ma ra lệnh:

- Nói đi! Gật đầu thôi, không đủ.

Một cách chậm rãi, khó nhọc, y nói ra sự thật. Y là một tên giết mướn, được thuê để gây ra những xáo trộn tại một đất nước hiền hoà. Y đã thất bại, như bao kẻ khác, vì không hiểu rõ những biện pháp bảo vệ an ninh của xứ này! Khi tôi nghĩ ngợi về những điều đó, Lạt ma đứng dậy.

Ngài nói:

- Lobsang à, ta đi gặp Đấng Thánh Thiện đây. Con hãy ở lại đây để trông chừng người này.

Nạn nhân thốt lên tiếng cầu nài, rồi hỏi bằng giọng yếu ớt:

- Các người sẽ giết tôi ư?

Tôi nói:

- Không. Chúng tôi không giết ai cả.

Tôi thấm nước lên môi y và lau trán y. Chẳng mấy chốc, y bình tĩnh trở lại. Tôi nghĩ rằng y đã ngủ thiếp đi sau khi đã chịu bao đau đớn.

Với vẻ có phần bức bối, viên quan chức nhìn cảnh đó. Hẳn ông ta thầm nghĩ các nhà tu đã mất trí khi cố công cứu sống một tên sát nhân có tầm cỡ. Nhiều giờ trôi qua. Tốp lính canh ra đi, và một tốp khác đến. Tôi cảm thấy đói. Cuối cùng, tôi nghe có những tiếng bước chân quen, và Lạt ma Dondup bước vào. Ngài đến ngay bên nạn nhân để xem xét tình trạng, xem các mòm chân có chảy máu hay không. Sau đó, ngài đứng dậy và nói với viên quan chức:

- Với những quyền hạn do Đấng Thánh Thiện trao cho, ta ra lệnh cho con hãy mang đến đây hai cái cáng để chuyển người này và hai cẳng của y về Phái Bộ Nước Ngoài. (Ngài quay sang tôi) Con hãy đi theo họ, rồi báo cho ta biết sự việc.

Nhiệm vụ đó chẳng làm cho tôi thích thú chút nào; tôi phải coi sóc một tên sát nhân ... và cái bụng của tôi cồn cào vì đói. Trong khi người ta bận đi tìm hai cái cáng, tôi vội vã đi về căn phòng nơi tôi đã thấy các chức sắc uống trà! Bằng giọng của người có quyền, tôi yêu cầu - và đạt được - một phần ăn rất đầy đủ. Rồi, ăn vội stampa, tôi quay lại chỗ cũ.

Sau khi tôi vào phòng thì đến lượt những người đang mang theo hai cái cáng thô sơ, làm bằng những tấm vải buộc vào những cái sào. Họ lặng lẽ, vẻ mặt âm u, cúi kính. Họ hậm hực khi cầm lên hai cẳng chân và đặt chúng lên trên một cái cáng. Sau đó, họ đặt nhẹ nạn nhân lên cái cáng kia, dưới ánh mắt chăm chú của Lạt ma Dondup. Tiếp đến, họ đắp lên mình nạn nhân một tấm chăn, buộc chặt vào dưới cáng để nạn nhân khỏi bị té ngã.

Quay sang viên quan chức, Lạt ma Dondup nói:

- Anh hãy đi cùng với những người này, và nói với Phái Bộ rằng anh trao trả cho họ người của họ. Phần con Lobsang, con hãy đi theo đoàn này rồi về báo cáo sự việc cho ta.

Nói xong, Lạt ma Dondup từ biệt và mọi người rời khỏi phòng. Ở bên ngoài, trời mát lạnh. Chúng tôi đi xuống từ Mani Lhakhang; đi đầu là những người khiêng cái cáng có hai cẳng chân, theo sau là cẳng nạn nhân. Đi cuối là viên quan chức và tôi. Chúng tôi rẽ phải, ngang qua hai công viên và trực chỉ Phái Bộ.

Chẳng bao lâu sau, chúng tôi thấy dòng Phúc Giang đang lấp lánh phía trước, hắt lên những hàng cây những đốm sáng linh động, và chúng tôi đến bên bức tường bao quanh Phái Bộ. Miệng lẩm bẩm, những người khiêng cáng đặt cẳng xuống, duỗi giãn cơ bắp và nhìn bức tường của Phái Bộ với vẻ tò mò. Những người của Phái Bộ này rất hung ác đối với những ai toan đột nhập vào trong đó. Người ta kể rằng có những bé trai đã bị thiệt mạng 'do tai nạn', vì đã lèn vào trong đó. Và bây giờ, đến lượt chúng tôi phải vào trong! Những người khiêng cáng nhỏ nước bọt vào tay, khom người, và nhắc cẳng lên. Tiếp tục con đường, chúng tôi rẽ trái Đường Lingkor, và vào phần đất của Phái Bộ. Xuất hiện ở cửa Phái Bộ là những vẻ mặt cau có. Viên quan chức Tây Tạng nói với họ:

- Tôi hân hạnh mang trả về cho quý vị một trong số những người đã toan xâm nhập Thánh Địa.

Một số lính gác cau mày, nắm lấy hai cái cáng và vội vàng đưa nạn nhân cùng với hai cẳng chân vào trong toà nhà. Số khác thì chĩa súng về phía chúng tôi, ra hiệu cho chúng tôi phải đi xa ngay. Chúng tôi rút lui theo con đường mòn. Sau đó, tôi nép mình sau một gốc cây, trong khi những người khác vẫn tiếp tục rời xa. Tôi nghe có tiếng la hét và tiếng gào rú đau đớn. Nhìn quanh, tôi không thấy một lính canh nào; tất cả bọn chúng đều đã vào trong toà nhà Phái Bộ. Bị thôi thúc bởi một điều gì đó không thể hiểu nổi, tôi rời khỏi nơi ẩn núp, và chạy thật êm đến bên cửa sổ của toà nhà. Tôi thấy nạn nhân được đặt trên sàn; một tên lính canh ngồi trên ngực y, và

trên hai cánh tay y là hai lính canh khác. Rồi đột nhiên, có một lính canh bật đứng dậy, rút súng ngắn bắn thẳng vào đầu nạn nhân, giữa hai mắt.

Có tiếng gãy của một nhánh cây ở phía sau tôi. Trong chớp mắt, tôi quì xuống và quay lại. Một lính canh khác đã xuất hiện và chĩa mũi súng vào nơi mà vừa mới đây, cái đầu tôi đã ló ra. Tôi chạy thật nhanh, từ gốc cây này sang gốc cây khác. Đạn rít lên qua những cành cây thấp, và phía sau tôi là hững tiếng bước chân lùng sục, vội vã. Lợi thế đang ở phía tôi, bởi tôi nhanh nhẹn hơn và gã lính canh phải dừng lại nhiều lần để ngắm bắn. Tôi lao về phía cuối vườn, bởi cổng chính đã bị chặn giữ, và trèo lên một cành cây để có thể buông người xuống phía bên kia bức tường. Vài giây sau đó, tôi đã ra đến đường và bắt kịp những người đồng hành với tôi lúc nãy. Sau khi nghe tôi kể lại sự việc, họ càng bước nhanh hơn, không muốn dây dưa vào chuyện chẳng lành.

Khi đến làng Sho, tôi chia tay họ. Sau khi nhìn lại quãng đường đã qua với một ánh mắt lo âu, tôi bước vội về hướng con đường mòn dẫn về Chakpori. Ngồi bên lề đường, một sư cụ gọi tôi:

- Chuyện gì thế Lobsang? Trông con cứ như bị ma đuổi!

Tôi tiếp tục chạy và mệt đứt hơi khi về đến phòng Lạt ma Dondup, thầy Linh hướng của tôi. Tôi ngồi im một lúc, cố lấy lại sức.

Cuối cùng, tôi nói:

- Thưa ngài, họ đã giết người ấy. Họ đã bắn ông ấy!

Tôi kể lại toàn bộ câu chuyện cho thầy Linh hướng. Ngài lặng im một lúc. Và sau đó nói với tôi:

- Này Lobsang, trong cuộc đời con, con sẽ chứng kiến nhiều cảnh bạo lực, vì thế con không nên xem sự kiện đó là quá bi thảm. Ngày nay, người ta thường giết những kẻ thất bại, những gián điệp bị lộ, để khỏi bị vương bận.

Ngồi đối diện với thầy Linh hướng, cảm thấy lắng dịu bởi sự hiện diện thanh tịnh của ngài, tôi nghĩ đến một vấn đề khác đã làm tôi thắc mắc.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, thuật thôi miên tác động như thế nào?

Ngài nhìn tôi và mỉm cười:

- Lần cuối con ăn là vào lúc nào?

Đột nhiên, tôi thấy đói cồn cào. Tôi buồn bã nói:

- Cách nay khoảng mười hai tiếng rồi.

- Vậy thì hãy ăn đã, rồi sau đó chúng ta sẽ nói về thuật thôi miên.

Ra hiệu cho tôi im tiếng, Lạt ma Dondup ngồi trong thế thiền định. Tôi bắt được thông điệp mà ngài đang gửi cho các tu sĩ phục vụ qua thần giao cách cảm: xin thức ăn và trà. Tôi cũng bắt được thông điệp mà ngài đang gửi cho ai đó ở Potala, một người đang vội vã đến gặp Đấng Thánh Thiện để báo cáo chi tiết sự việc. Sau đó, sự 'nắm bắt thông tin' của tôi đã bị ngưng lại do tu sĩ phục vụ mang thức ăn và trà vào!... Sau khi đã ăn no nê, tôi ngồi tựa lưng vào ghế. Tôi đã ăn đến mức phải cảm thấy hơi khó chịu. Tôi đã trải qua một ngày cam go; tôi đã phải chịu đói trong nhiều giờ, nhưng phải chăng tôi đã vừa ăn quá độ?

Thầy Linh hướng mỉm cười:

- Đúng đấy, Lobsang, con đã ăn quá nhiều. Ta hy vọng con có thể đuổi theo kịp những giải thích của ta về thuật thôi miên. Tội nghiệp Lobsang, con đã phải trải qua một ngày cam go. Giờ đây, con hãy đi nghỉ, và ngày mai chúng ta sẽ nói đến chuyện đó.

Lạt ma Dondup đứng dậy và rời khỏi phòng. Tôi theo ngài ra đến hành lang, chân tôi lảo đảo, hầu như không còn đứng vững. Tôi chỉ muốn ngủ mà thôi! Tôi vào phòng mình, quần áo cà sa quanh thân và chìm vào giấc ngủ. Trong giấc ngủ, tôi gặp nhiều ác mộng; những người nước ngoài không cảnh đang rượt đuổi tôi giữa những lùm cây, trong khi những người có vũ trang khác không ngưng nhảy lên tôi để làm tôi gục ngã.

‘Bùm!’ Đầu tôi bị động xuống đất. Một trong số những lính canh liên tục đá vào đầu tôi. ‘Bùm!’ Đầu tôi lại bị động nữa. Tôi mơ hồ mở mắt và thấy một tu sinh đang đánh vào đầu tôi để đánh thức tôi.

Thấy tôi mở mắt, tu sinh thốt lên:

- Lobsang! Tớ tưởng cậu đã chết. Cậu đã ngủ suốt đêm, bỏ cả những giờ lễ phụng vụ, và may cho cậu là nhờ có Lạt ma Mingyar Dondup, nên cậu mới thoát khỏi Thầy Giám thị.

Tôi tỉnh táo lại, qua những cửa sổ, tôi thấy ánh bình minh đang chiếu lên những đỉnh cao của Himalaya, và soi sáng những vùng cao nhất của thung lũng, làm lấp lánh những mái thấp vàng của Sera xa xa, và đỉnh Pargo Kal-ing. Hôm qua, tôi đã đến làng Sho. À! Đó không là một giấc mơ. Hôm nay, à hôm nay, tôi muốn bỏ một vài buổi học để được nghe những lời dạy của thầy Linh hướng về thuật thôi miên. Sau khi ăn sáng xong, tôi đi về lớp học, không phải để học các tiết đã được trích ra từ một trăm lẻ tám Thánh Thư, nhưng để giải thích lý do tôi xin nghỉ học. Tôi nói khi. Thấy thầy giáo sắp bước vào lớp:

- Thưa Thầy, hôm nay con phải phục vụ Lạt ma Mingyar Dondup. Xin Thầy cho con được nghỉ học. Thầy đáp bằng một giọng hiền từ hiếm thấy:

- Được con. Ta đã gặp ngài Lạt ma, thầy Linh hướng của con, và ngài đã cho ta biết những tiến bộ của con khi được ta dạy dỗ. Ta hài lòng, ta rất hài lòng.

Tôi ngạc nhiên khi thấy thầy vươn tay, vuốt vai tôi, trước khi thầy vào lớp. Thắc mắc không biết chuyện gì đã xảy ra. Tôi đi về khu dành cho các Lạt ma.

Tôi tiếp tục đi. Chẳng nghĩ ngợi gì nữa. Khi ngang qua một cánh cửa hé mở, tôi thốt lên, ‘Ồ!’ và đột ngột dừng lại. ‘Quả hồ đào ngâm dấm!’ Thứ đó đang tỏa ra một mùi nồng. Lặng lẽ lùi lại, tôi liếc nhìn vào phòng. Một sư cụ đang nhìn chằm chằm sàn nhà bằng đá, lẩm bẩm những điều gì đó không phải là những lời kinh, và đang tiếc hũ hồ đào ngâm dấm từ Ấn Độ mà không biết bằng cách nào, sư cụ đã có được.

Tôi lễ phép hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, con có thể giúp ngài?

Với bộ mặt hung dữ, sư cụ nhìn tôi và trả lời bằng một câu khiến tôi phải vắt giò lên cổ mà chạy dọc theo hành lang.

Tôi thầm nghĩ, ‘Tất cả những lời ấy chỉ vì trái hồ đào!’

Khi đến gần cửa phòng Lạt ma Dondup, tôi nghe tiếng ngài từ bên trong nói ra:

- Vào đi! Ta tưởng. Con đang ngủ chứ.

- Thưa ngài, con đến để xin ngài chỉ dạy. Con nôn nóng muốn biết tính chất của thuật thôi miên.

Thầy Linh hướng đáp lại:

- Này Lobsang, con còn phải học nhiều điều. Trước tiên, con cần phải biết những điều cơ bản của thuật thôi miên. Nếu không, con sẽ không biết chính xác điều con làm. Hãy ngồi xuống đi con.

Tôi ngồi xếp bằng trên sàn. Thầy Linh hướng ngồi đối diện tôi. Ngài im lặng một lúc, như thể đang đắm chìm trong suy tư. Rồi ngài nói:

- Giờ đây, hẳn con đã biết rằng mọi sự đều là dao động, là dạng năng lượng xuất hiện trong các hạt nhất định, và do đó trong các vật thể lớn hơn vì chúng chứa các hạt nhân. Cơ thể gồm có nhiều chất hoá học. Một số trong các chất đó được dòng máu đưa lên não. Hẳn con biết rằng não là bộ phận được tẩm tưới nhiều nhất bởi máu và những thành phần hoá học có trong máu. Những thành tố đó - kali, mangan, cacbon, và nhiều chất khác - tạo thành mô não. Sự tương tác của các chất đó tạo ra sự dao động đặc biệt mà chúng ta gọi là 'dòng điện'. Khi ta tư duy, ta khởi phát một phản ứng dây chuyền với kết quả là tạo ra dòng điện đó, từ đó là những 'sóng não'.

Tôi suy nghĩ về điều vừa nghe; tôi không thể hiểu. Nếu trong não tôi có 'những dòng điện', thế thì tại sao tôi không bị sốc? Tôi còn nhớ có lần đã gặp một thiếu niên thả diều trong cơn giông, và tia sét đã giáng xuống theo dây diều, biến thiếu niên thành một đồng thít cháy đen! Và bản thân tôi cũng có lần gặp trường hợp đó, nhưng chỉ là rất nhẹ so với tia sét đã đốt cháy thiếu niên đó. Vậy mà cũng đủ làm thân tôi bị đánh dạt ra xa đến bốn mét.

Tôi thốt lên:

- Thưa Lạt ma khả kính, làm sao người ta có thể có điện năng trong não chứ? Sự đau đớn sẽ làm người ta điên mất!

Thầy Linh hướng bật cười:

- Lobsang à, cú sốc mà con đã nhập vào cái hôm con bị sét đánh đã cho con một ý tưởng không chính xác về điện năng. Điện năng trong não là ở mức rất thấp, nhưng máy móc tinh vi có thể đo được nó và ghi nhận những biến đổi khi một cá nhân đang suy nghĩ hoặc có một nỗ lực thuộc thể chất. Chiều nay, chúng ta sẽ đến Potala. Ở đó, Đấng Thánh Thiện có một cái máy và chúng ta sẽ dễ dàng hơn để bàn về vấn đề này. Giờ đây, con có thể đi chơi đây đó, và quay lại gặp ta vào đúng ngọ.

Tôi đứng dậy, cúi chào thầy Linh hướng và ra khỏi phòng.

Tôi lang thang đây đó trong hai tiếng và leo lên mái tu viện để nhìn các nhà sư đi lại phía dưới. Sau đó, tôi về phòng, thay áo cà sa và đi ăn. Khi sắp đến giờ ngọ, tôi đến trình diện thầy Linh hướng. Gặp tôi, ngài nói ngay:

- Hãy theo ta!

Ngài rời khỏi phòng và tôi theo ngài. Ra đến sân, tôi thấy những người chăm sóc ngựa đang đứng cạnh hai con ngựa thân nhỏ dành cho chúng tôi. Lạt ma Dondup nhảy lên yên và chậm rãi tiến xuống con đường mòn của núi. Tôi được giúp leo lên

ngựa và theo Lạt ma xuống núi. Đến chân Thiết Sơn, chúng tôi vào làng Sho, và ở đây tôi phải chờ ngài Lạt ma xuống ngựa để đi mua một vài món đồ. Sau đó, lại leo lên ngựa, chúng ta tiến lên những bậc thang rộng để đưa đến Potala. Rồi chúng tôi trao ngựa cho những người coi sóc đang chờ chúng tôi. Tôi thích thú khi theo thầy Linh hướng vào căn phòng của ngài. Tôi càng thấy thích thú hơn khi biết mình sẽ ở lại đây một hoặc hai ngày.

Sắp đến giờ lễ phụng vụ tại đền thờ. Theo tôi nghĩ, ở đây, tại Potala này, những buổi lễ phụng vụ được cử hành rất long trọng và trang nghiêm, và sau một ngày với khá nhiều cảm xúc và mệt mỏi, tôi phải cố hết sức để không phải phạm một lỗi lầm nào trong khi tham dự lễ. Sau buổi lễ, tôi biết mình được dành cho một căn phòng nhỏ cạnh phòng Lạt ma Dondup. Tôi vào phòng, ngồi xuống, biết rằng giờ này Lạt ma Dondup đang bàn chuyện quốc sự với một chức sắc cao cấp vừa về từ Ấn Độ.

Quả là thích thú khi nhìn qua cửa sổ và ngắm thành phố Lhasa từ xa. Một cảnh quan đẹp vô song: những hồ nước bao quanh bởi những hàng liễu, những tia vàng óng ánh của Jo Kang và đoàn người hành hương đang chuyển động, thốt lên những lời cầu khẩn ở chân núi thiêng, với hi vọng được nhìn thấy Đấng Thánh Thiện. Đoàn người bán hàng, dài như vô tận, dẫn theo những con thú của họ, chậm rãi ngang qua, như một đám rước ngoạn ngoèo, trước Pargo Kaling. Tôi ngắm nghĩ một lúc về những hàng hoá mang đến từ phương xa của họ, và rồi dòng ý tưởng của tôi bị cắt đứt bởi những bước chân nhẹ phía sau tôi.

Thầy Linh hướng nói sau khi vào phòng:

- Bây giờ, chúng ta uống trà và sau đó bàn tiếp về vấn đề của chúng ta.

Tôi theo thầy Linh hướng vào phòng ngài, nơi đã được dọn một bữa ăn khác với những bữa dành cho một tu sĩ nghèo khổ. Dĩ nhiên là có trà, nhưng còn có bánh kẹo mang về từ Ấn Độ. Tôi rất thích những thứ đó. Thông thường, các tu sĩ không nói chuyện trong khi ăn; bởi nói chuyện bị xem như một sự thiếu tôn trọng đối với thực phẩm. Sau khi ăn xong, tôi và thầy Linh hướng đi đến những căn phòng nơi Đức Dalai Lạt ma cất giữ rất nhiều máy móc lạ lùng có nguồn gốc từ những xứ xa. Chúng tôi nhìn quanh một lúc, và Lạt ma Dondup chỉ cho tôi thấy những đồ vật kỳ lạ. Ngài giải thích công dụng của chúng. Cuối cùng, ngài dừng lại ở một góc phòng và nói:

- Nhìn này, Lobsang!

Tôi đến gần và chẳng chút ấn tượng trước điều tôi thấy.

Trước mặt tôi, trên một cái bàn nhỏ, là một cái chậu bằng đất nung. Ở bên trong nó có hai sợi dây nhỏ tí. Ở đầu mỗi sợi dây đó có một quả cầu làm bằng một chất trông như lõi cây liễu.

Đáp lại nhận xét của tôi, thầy Linh hướng nói:

Đúng là lõi cây. Lobsang à, đối với con, điện năng là một thứ gì đó gây ra sốc. Nhưng còn có một thứ khác, hay là sự biểu hiện, mà chúng ta gọi là tĩnh điện. Giờ đây, con hãy xem!

Lạt ma Dondup lấy lên từ bàn một cái que lấp lánh, dài khoảng ba mươi centimet. Ngài chà mạnh cái que đó lên áo cà sa của ngài, rồi đưa nó đến gần cái chậu đất

nung. Tôi ngạc nhiên khi thấy hai quả cầu tách xa nhau... và giữ nguyên vị trí ngay cả khi Lạt ma Dondup đưa cái que ra xa.

Lạt ma Dondup nói:

- Hãy tiếp tục nhìn đi!

Đúng là tôi đang nhìn. Sau vài phút, hai quả cầu từ từ hạ xuống theo trọng lực, và chẳng mấy chốc, thẳng xuống theo phương thẳng đứng như trước kia.

Trao cho tôi cái que, Lạt ma Dondup nói:

- Bây giờ đến lượt con.

Tôi thốt lên:

- Con không chạm đến đâu!

Bật cười trước vẻ khiếp đảm của tôi, Lạt ma Dondup dịu dàng nói:

- Hãy làm đi Lobsang. Ta chưa từng gây hại cho con.

Tôi ngần ngại cầm lấy cái que đáng sợ đó và miễn cưỡng chà nó vào áo cà sa của tôi. Tôi chẳng cảm thấy gì, không sốc cũng chẳng có cảm giác châm chích. Tôi đưa cái que về phía cái chậu. Tuyệt vời, tuyệt vời quá! Những quả cầu lại bay lên, tách xa nhau.

Lạt ma Dondup nói:

- Như con biết đó, điện năng luân lưu, tuy vậy con không cảm thấy gì. Điện năng cũng luân lưu như thế. Hãy theo ta.

Ngài Lạt ma dẫn tôi sang một cái bàn khác, nơi có một trong những thứ máy móc lạ lùng nhất. Đó là một cái bánh xe mà trên bề mặt của nó có vô số những tấm kim loại. Hai ống kim loại được gắn theo cách mỗi chùm dây điện xuất phát từ mỗi ống tiếp nối với hai trong những tấm kim loại. Những sợi dây điện xuất phát từ các ống đó được kết nối với hai quả cầu kim loại cách nhau khoảng ba mươi centimet. Tôi chẳng thể hiểu công dụng của máy này là gì.

Tôi trầm nghĩ, 'Ồ quỉ quái!'

Như để trả lời tôi, Lạt ma Dondup nắm lấy một cái chuỗi ló ra từ sau bánh xe và quay mạnh với thứ tiếng ầm ầm dữ dội, bánh xe chuyển động và phát ra những tia chớp. Các quả cầu bằng kim loại loé ra thứ ánh sáng xanh trông như cái lưỡi lớn. Với cái mùi kỳ lạ đang thấm đẫm không khí, người ta có thể cho rằng cái máy đang bốc cháy. Tôi không thể nán ná lâu hơn ở đây; rõ ràng là không tốt cho tôi. Tôi chui xuống cái bàn lớn nhất và cố bò về phía cửa phòng, ở khá xa tôi.

Những tiếng rít và tiếng xèo xèo ngưng lại. Thay cho chúng là một thứ âm thanh khác. Tôi dừng lại và khiếp sợ nghe ngóng: phải chăng là tiếng cười, cái quái gì! Từ nơi ẩn núp, tôi lo sợ liếc nhìn. Lạt ma Dondup đang gập người, cười nghiêng ngả. Mặt ngài đỏ au. Ngài có vẻ đang khó khăn để lấy hơi.

Cuối cùng, Ngài nói:

-Ồ! Lobsang! Đây là lần đầu tiên ta thấy có người khiếp sợ cái máy Wimshurst. Những cái máy này đã được sử dụng ở nhiều nước để chứng minh về những tính năng của điện.

Tôi ra khỏi chỗ núp, cảm thấy mình hơi lố bịch. Tôi nhìn gần hơn cái máy lạ lùng.

Ngài Lạt ma nói:

- Lobsang à, ta sẽ cầm hai sợi dây đó, và con sẽ quay maniven, càng nhanh càng tốt. Con sẽ thấy ta bị bao quanh bởi những tia chớp, nhưng ta không hề gì. Hãy thử đi. Có thể con sẽ có dịp để cười ta!

Ngài cầm lấy hai sợi dây, mỗi tay một sợi, và ra hiệu cho tôi bắt đầu. Tôi nắm tay quay và quay thật nhanh. Tôi hoảng sợ hét lên khi thấy những dải ánh sáng tím rạch ngang khuôn mặt ngài Lạt ma, trong khi ngài vẫn bình thản. Có mùi khét lại một lần nữa bốc lên.

Lạt ma Dondup nói:

- Đó là ozone, một loại khó vô hại.

Cuối cùng, tôi nghe theo ngài để cầm lấy hai sợi trong khi ngài quay maniven. Những tiếng rít và tiếng xèo xèo nghe có vẻ đáng sợ, nhưng về cảm giác thì tôi chỉ cảm thấy ... như một làn gió thoảng! Ngài Lạt ma lấy ra từ một cái hộp nhiều món đồ bằng thủy tinh, và kết nối chúng vào cái máy bằng một sợi dây. Khi ngài quay maniven, tôi thấy một ngọn lửa sáng phụt lên từ bên trong một lọ thủy tinh và trong những lọ khác là một thập tự và những hình thể khác nhau bằng kim loại bị bao quanh bởi lửa đỏ rực. Nhưng tôi không hề bị điện giật. Với sự trợ giúp của cái máy Wimshurst, thầy Linh hướng đã chứng minh cho tôi bằng cách nào một người không có khả năng thấu thị có thể nhận ra vàng khí huyền bí bao quanh một con người. Nhưng chúng ta sẽ đề cập đến vấn đề này sau.

Sau một thời gian, do ánh sáng yếu dần nên chúng tôi phải ngưng những cuộc thử nghiệm và quay về phòng Lạt ma Dondup. Chúng tôi còn phải tham gia lễ phụng vụ buổi chiều, bởi ở Tây Tạng, cuộc sống của chúng tôi có vẻ như được định trong phạm vi của những lễ nghi tôn giáo. Sau buổi lễ, tôi và thầy Linh hướng lại quay về phòng của ngài. Và, như thường lệ, chúng tôi ngồi xếp bằng trên sàn, giữa chúng tôi là một cái bàn nhỏ, cao khoảng ba mươi lăm centimet.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, giờ đây chúng ta phải bàn đến thuật thôi miên. Nhưng trước tiên, ta cần phải giải thích về cách thức vận hành của não con người. Ta đã chứng minh cho con thấy rằng một dòng điện có thể ngang qua một con người mà không gây hại hoặc làm cho người đó có chút khó chịu nào. Giờ đây, ta muốn con ghi nhớ điều này; khi một cá nhân tư duy, người này phát ra một dòng điện, chúng ta không cần thiết phải biết bằng cách nào cá nhân kích thích những sợi cơ và gây ra một phản ứng; điều mà chúng ta quan tâm lúc này là dòng điện - những sóng não đã được đo và ghi lại với một độ chính xác cao bởi y học phương Tây.

Tôi quan tâm đến giải thích của thầy Linh hướng, bởi tôi đã hiểu về sức mạnh của tư tưởng. Tôi nhớ lại cái ống hình trụ bằng giấy da có đục những lỗ một cách thô thiển mà thỉnh thoảng tôi đã dùng tại Tu viện Lạt ma. Tôi đã làm cho nó xoay, chỉ bằng sức mạnh của tư tưởng.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang! Con đang lơ đãng.

- Xin Thầy tha lỗi cho con. Con chỉ đang nghĩ đến những sóng não, một điều không thể phủ nhận, và con nhớ đến cái ống hình trụ mà Thầy đã cho con xem cách nay vài tháng.

Nhìn tôi, thầy Linh hướng nói:

- Con là một thực thể, một cá nhân, và con có những ý tưởng riêng của con. Con có thể nghĩ đến việc thực hiện một hành động nào đó, nhắc xâu tràng hạt này lên, chẳng hạn. Chỉ việc nghĩ đến hành động thôi, thì các hợp chất hoá học trong não con cũng khởi phát một sóng điện chuẩn bị cho các cơ của con hành động. Nếu một lực điện năng mạnh phát ra trong não con, thì con không thể thực hiện ý định nhắc xâu tràng hạt này lên. Quả là dễ hiểu, nếu ta làm cho con tin chắc rằng con không thể nhắc xâu tràng hạt này lên, thì não của con - thoát khỏi sự kiểm soát tức thời của con - sẽ gửi đi một sóng trái hướng với sóng đầu tiên và con sẽ không thể thực hiện hành động mà con đã định.

Tôi nhìn thầy Linh hướng, tôi không hiểu rõ giải thích của ngài, và tôi thầm nghĩ, làm sao tôi có thể tạo một ảnh hưởng nào đó trên lượng điện năng do não tôi phát ra? Tôi suy nghĩ và lưỡng lự không biết có nên nói với Thầy những thắc mắc của tôi. Nhưng không đợi tôi nói, ngài đã đoán ra và vội vã giúp tôi yên tâm:

- Lobsang à, ta có thể khẳng định với con rằng, tất cả những điều con nói đã được chứng minh qua các sự việc, và ở một nước phương Tây, người ta có thể cho thấy điều đó bằng một cái máy có thể ghi lại ba sóng não cơ bản. Nhưng ở đây chúng ta không có thứ máy đó và chúng ta không thể bàn đến vấn đề đó. Não phát ra điện năng, phát ra những sóng, hiện tượng dao động có tính lan truyền, và khi con quyết định giơ tay lên, thì chỉ sự việc con lấy quyết định không thôi cũng đủ để làm cho não con phát ra những sóng đó. Nếu ta có thể đưa vào não con một điện tích âm, thì con sẽ không thể thực hiện thật tốt cái ý định ban đầu của con. Nói khác hơn, con đã bị thôi miên!

Tôi bắt đầu hiểu, tôi đã thấy cái máy Wimshurst, và nhờ có nó mà tôi có thể chứng kiến những cuộc thí nghiệm. Tôi đã thấy bằng cách nào người ta có thể làm thay đổi tính đối cực của một dòng điện và đưa nó về hướng ngược lại.

Tôi thốt lên:

- Thưa thầy khả kính, làm sao người ta có thể đưa một dòng điện vào não chứ? Ngài không thể lấy lên phần trên của hộp sọ của con để đưa điện năng nào... vậy thì, bằng cách nào?

Thầy Linh hướng nói:

- Không cần phải mở hộp sọ của con, bởi ta đâu cần phải tạo ra một dòng điện để đưa vào cơ thể của con. Điều ta phải làm là đề ra những những gợi ý thích hợp, và những gợi ý đó làm cho con tin chắc về tính xác thực của những tuyên bố hoặc những gợi ý của ta, và chính con - không có một kiểm soát có chủ ý nào của con - sẽ phát ra cái dòng điện âm đó.

Ngài nhìn tôi một lúc rồi nói:

- Nhưng ta không thích thối miên bất cứ ai trái với ý muốn của ta, trừ trường hợp cần thiết thuộc y học hoặc giải phẫu. Ta tin rằng với sự hợp tác của con, chúng ta có thể trải nghiệm đôi chút về thuật thối miên.

Tôi thích thú thốt lên:

- Vâng, vâng! Con rất thích chuyện đó!

Thầy Linh hướng mỉm cười trước sự hăng hái của tôi.

- Nay Lobsang, con hãy kể ra một hành động mà, thông thường, con làm một cách miễn cưỡng! Sở dĩ ta hỏi. Con là vì ta muốn, bằng thuật thối miên, buộc con phải làm một điều mà thông thường con không thích làm, để cho con biết rằng như thế con hành động dưới một ảnh hưởng độc lập của ý chí của con.

Tôi suy nghĩ một lúc, không biết phải trả lời sao: có nhiều điều mà tôi đã làm một cách miễn cưỡng!

Thầy Linh hướng nói:

- Có phải con không thích đọc cái đoạn khá gay go của tập thứ năm của kinh Kangyur? Ta cho rằng con e sợ một số từ của đoạn đó làm lộ con người con và cũng cho thấy rằng con không chuyên cần kho học môn đó theo như mong đợi của thầy giáo của con!

Những lời đó khiến tôi bối rối, đỏ mặt vì hổ thẹn. Đó là sự thật. Trong kinh thư đó có một đoạn đặc biệt khó hiểu, làm đầu óc tôi rối rắm, dầu tôi tự nhủ phải đọc nó vì lợi ích khoa học. Tôi cảm thấy sợ phải đọc nó.

Thầy Linh hướng mỉm cười và nói:

- Cuốn kinh được để ở đàng kia, gần cửa sổ. Con hãy mang nó đến đây, mở nó ra ở trang có đoạn đó và đọc lớn tiếng. Nếu con không tuân lời, làm hỏng cuộc thí nghiệm ... à, thì sẽ rất hay ho.

Miễn cưỡng tuân theo, tôi cầm lấy cuốn kinh và lật những trang sách. Ở Tây Tạng của chúng tôi, những trang sách có khổ lớn hơn và dày hơn những trang sách của phương Tây. Tôi chậm rãi lật những trang, tìm cách kéo dài thời gian. Cuối cùng, tôi tìm thấy đoạn văn cần tìm. Thú thật, điều đó khiến tôi buồn nôn, bởi tôi không quên những lời quở trách nặng nề mà một thầy giáo đã dành cho tôi về đề tài này.

Tôi ngồi đó, trước mặt là cuốn kinh, và tuy cố hết sức, tôi không thể đọc được một chữ. Điều đó có vẻ lạ lùng, nhưng sự thật là một thầy giáo thiếu thông cảm đã quở mắng tôi đến nỗi tôi cảm thấy thù ghét những đoạn kinh đó.

Thầy Linh hướng nhìn tôi - chỉ nhìn thôi. Lúc đó, tôi cảm tưởng có một điều gì đó đã khởi phát trong đầu mình, và tôi ngạc nhiên thấy rằng tôi đang đọc, không chỉ 'đọc', nhưng đọc một cách dễ dàng, trôi chảy, không một chút vấp vấp. Đọc đến cuối đoạn, tôi có một cảm giác không thể diễn tả. Tôi bỏ cuốn kinh xuống, bước đến giữa phòng, và chống ngược đầu xuống đất trong tư thế tròng chuối ngược.

Tôi thầm nghĩ, 'Phải chăng tôi đã mất trí! thầy Linh hướng sẽ nghĩ sao về hành vi lộ bịch này của tôi?'

Sau đó, tôi chợt nghĩ rằng chính thầy Linh hướng - qua tác động của ngài - đã buộc tôi phải tròng cây chuối ngược như thế. Tôi buông hai chân xuống, đứng bật dậy và thấy thầy Linh hướng mỉm cười một cách hiền từ.

Ngài nói:

L

- Lobsang à, quả thật là rất dễ để tác động đến một ai đó. Chẳng khó khăn gì khi ta đã nắm vững những nguyên tắc cơ bản. Ta chỉ đơn giản nghĩ đến một số điều, và con đã nắm bắt những ý tưởng của ta qua thần giao cách cảm; vì thế mà con đã phản ứng đúng như ta đã đoán trước. Như vậy, ta đã gây ra một số dao động trong sự vận hành bình thường của não bộ của con và chúng ta đã đưa đến những kết quả lý thú đó.

- Thưa Lạt ma khả kính, có nên kết luận rằng nếu ta có thể truyền một dòng điện vào não của một cá nhân, thì ta có thể buộc cá nhân đó phải tuân theo những ý đồ của ta?

Không, không nên đi đến kết luận đó. Ngược lại, chúng ta phải nghĩ rằng nếu ta có thể thuyết phục một cá nhân hành động theo một cách nào đó, và nếu hành động đó không đi ngược với niềm tin sâu sắc của cá nhân đó, thì anh ta chắc chắn sẽ hành động, chỉ đơn giản là vì những sóng não của anh ta đã được làm thay đổi, và dấu ý định ban đầu của anh ta là gì chẳng nữa, anh ta cũng sẽ phản ứng theo những gợi ý của người thôi miên.

"Trong hầu hết những trường hợp, khi một người nhận những gợi ý của người thôi miên, thì người thôi miên không có một tác động thực sự nào khác đối với đối tượng và ông ta chỉ gợi ý đối tượng mà thôi. Nhờ vào một số mẹo nhỏ, người thôi miên có thể buộc đối tượng của ông hành động theo một hướng ngược lại với hướng mà đối tượng muốn theo. Dĩ nhiên, con và ta có những khả năng khác với người thôi miên đó. Con có thể ngay tức khắc thôi miên một người, kể cả trái với ý muốn của người đó. Cái khả năng đó đã được ban cho con do tính chất đặc biệt của đời con, do những thử thách lớn lao mà con sẽ phải chịu, và nhiệm vụ đặc biệt mà con phải thực hiện. (Ngài chăm chú nhìn tôi để xem tôi có hiểu rõ những giải thích của ngài. Hài lòng, ngài nói tiếp). Sau này, con sẽ học được nhiều điều hơn về thuật thôi miên, và con sẽ biết cách để nhanh chóng thôi miên một đối tượng. Mặt khác, hãy biết rằng những khả năng ngoại cảm của con đã tăng lên, vì khi con ở nước ngoài, xa xứ này, con sẽ phải không ngưng liên lạc với các Lạt ma chúng ta, và cách nhanh nhất và an toàn nhất để đạt kết quả là thần giao cách cảm".

Những lời đó khiến tôi buồn man mác. Hình như tôi luôn phải học hỏi những điều mới và càng học, tôi càng ít có thời gian giải trí. Tôi có cảm tưởng mình đang được giao càng lúc càng nhiều việc hơn để phải thực hiện.

Tôi nói:

- Nhưng, thưa Lạt ma khả kính, thần giao cách cảm vận hành như thế nào? Hình như giữa con và người chẳng có một trao đổi gì, vậy mà ngài hầu như đọc được hầu hết những ý nghĩ của con, nhất là những khi con thầm mong ngài không biết chúng!

Thầy Linh hướng bật cười:

- Thần giao cách cảm là một hiện tượng rất đơn giản. Ta chỉ cần làm chủ những sóng não, thế thôi. Con có thể xét vấn đề đó như sau: khi con tư duy, não con phát ra những dòng điện và chúng biến chuyển theo những thay đổi của những ý tưởng của

con. Thông thường, những dòng điện đó làm chuyển động một cơ bắp, để con có thể nhấc lên hoặc hạ xuống một cánh tay hoặc chân; hoặc con có thể nghĩ đến một đối tượng nào đó, ở một khoảng cách nào đó, và năng lượng tâm trí của con được lan toả ra, hay nói cách khác hơn sức mạnh năng lượng của não con toả ra mọi hướng. Nếu có một phương pháp giúp con tập trung tư tưởng, thì phương pháp đó hướng đến một cường độ lớn lao hơn rất nhiều, về cái điều được quan tâm.

Tôi bỗng nhớ đến một thử nghiệm nho nhỏ mà thầy Linh hướng đã hướng dẫn tôi trước kia. Lúc đó, chúng tôi cũng đã ở trên Potala này. Trong bóng tối của đêm, thầy Linh hướng đã thắp một cây nến nhỏ, toả ra một thứ ánh sáng heo hút. Nhưng sau đó, ngài đặt một kính lúp trước ngọn lửa ở đó, và khi chọn một khoảng cách thích hợp giữa cái lúp và cây nến, ngài có thể phóng chiếu lên tường một hình ảnh sinh động hơn về ngọn lửa. Để cho chứng minh đó được hấp dẫn hơn, thầy Linh hướng đặt phía sau cây nến một mặt phẳng sáng và mặt phẳng đó đã tập trung ánh sáng khiến cho hình ảnh trên tường trở nên càng lớn hơn. Tôi nhắc lại thử nghiệm đó và ngài nói:

- Hoàn toàn chính xác. Nhờ vào một số cách thức, người ta có thể tập trung tư tưởng và gửi nó đến một hướng đã được định trước. Thật vậy, mỗi con người đều có một cái mà chúng ta có thể gọi là sóng cá nhân; nói khác hơn, lượng năng lượng của sóng cơ bản phát ra từ não của một cá nhân, dẫu là thể nào, thì cũng phải tuân theo một trật tự của những dao động chính xác, và nếu ta có thể xác định nhịp của những dao động phát ra từ sóng não cơ bản của một người khác và đưa những dao động của ta hoà hợp với những dao động của người đó, thì ta sẽ chẳng khó khăn gì khi gửi cho người đó một thông điệp của ta qua thần giao cách cảm, dẫu người đó có ở xa đến mấy.

(thầy Linh hướng nhìn tôi và nói tiếp) Lobsang à, con phải hiểu rằng, đối với thần giao cách cảm thì ảnh hưởng không là gì cả; thần giao cách cảm có thể nối liền các đại dương, và kể cả các thế giới!

Tôi thú thật với thầy Linh hướng rằng tôi e mình không có tài trong thuật thần giao cách cảm. Tôi mừng tượng mình đang trò chuyện qua thần giao cách cảm với bạn bè trong các tu viện Lạt ma, và cả ở những vùng đất rất xa.

Một lần nữa, thầy Linh hướng lại cắt đứt dòng ý tưởng của tôi.

- Sau này, chúng ta sẽ nghiên cứu về thần giao cách cảm. Chúng ta sẽ nghiên cứu về thấu thị bởi, trong lĩnh vực đó, con sẽ có những khả năng siêu nhiên, và nếu con am hiểu cơ chế, thì mọi việc sẽ trở nên dễ dàng với con. Vấn đề đó có liên quan đến các sóng não và Biên Niên Bất Biến. Nhưng đã tối rồi, chúng ta phải ngưng cuộc nói chuyện ở đây để đi ngủ, hầu nhờ những giờ nghỉ trong đêm, chúng ta sẽ khoẻ hơn và sẵn sàng cho lễ phụng vụ buổi sáng.

Thầy Linh hướng đứng dậy và tôi bước theo. Tôi kính cẩn chào ngài, bày tỏ sự trân trọng đối với vị Lạt ma khả kính đã tỏ ra rất nhân từ với tôi.

Ngài Lạt ma mỉm cười; ngài bước một bước về phía trước, và tôi cảm thấy trên vai mình cái ấm của bàn tay ngài đang siết nhẹ. Rồi ngài vỗ nhẹ vai tôi:

- Chúc con ngủ ngon, Lobsang. Chúng ta không nên nấn ná, bởi nếu không chúng ta không thể thức dậy đúng lúc cho lễ phụng vụ sáng.

Sau khi trở về phòng, tôi đứng một lúc bên cửa sổ, thả mình vào ngọn gió mát lạnh của đêm.

Tôi ngắm những ánh đèn của thành phố Lhasa và nghĩ đến những điều mình đã học, nghĩ đến những điều mình sẽ phải học. Rõ ràng là càng học thì tôi càng cần phải học nhiều hơn, và tôi thầm nghĩ, mọi chuyện rồi sẽ kết thúc như thế nào. Tôi thở dài, quần chặt hơn cái áo cà sa quanh người và nằm dài trên nền đất lạnh để ngủ.

(7)

Gió lạnh thổi về từ núi. Không khí trĩu nặng bởi bụi và những hạt đá nhỏ, có vẻ như đang nhắm thẳng vào những tấm thân run rẩy của chúng tôi. Những con ngựa già, với trải nghiệm của chúng, cúi thấp đầu để đương cự với gió, hầu giữ cho bộ lông của chúng không bị xù, làm mất thân nhiệt. Chúng tôi rẽ ở góc Kundu Ling và tiến vào Mani Lhakhang. Một cơn lốc cực mạnh lùa vào dưới áo cà sa của một trong những người đồng hành với tôi và nhấc bổng người này lên cao. Cậu ta kinh hãi hét lớn. Chúng tôi ngẩng đầu, miệng há hốc vì kinh ngạc. Cậu ta hình như đang bị cơn lốc đưa về phía thành phố Lhasa. Với hai cánh tay giương ra và cái áo cà sa quay quay, xoay tít, cậu ấy có vẻ như một người khổng lồ. Sau đó, cơn lốc tạm lắng và cậu ấy rơi như một hòn đá xuống sông Kaling Chu! Chúng tôi vội vã tiến về phía đó, sợ rằng cậu ấy sẽ chết đuối! Khi chúng tôi đến bờ sông, cậu bạn ấy - tên là Yulgye - đang bị bõm trong dòng sông, nước ngập đến đầu gối. Cơn lốc lại rú lên, gia tăng cường độ; nó quay tít và ném trả cậu ta vào những cánh tay của chúng tôi. Điều lạ lùng là Yulgye chỉ bị ướt đôi chút, trừ phần đầu gối xuống chân. Chúng tôi lại vội vã lên đường, quần chặt áo cà sa quanh thân, sợ bị lốc thổi bay lên!

Chúng tôi dọc theo Mani Lhakhang. Thật khó để di chuyển. Gió gào thét, đẩy chúng tôi về phía trước; và quan tâm duy nhất của chúng tôi là giữ cho thân được thẳng đứng! Trong làng Sho, một nhóm các bà thuộc hàng quyền quý đang tìm nơi ẩn trú. Tôi luôn cảm thấy thích thú khi cố đoán nhân dạng của con người đang che giấu mình sau cái mặt nạ bằng da đó. Khuôn mặt càng được tô vẽ trên lớp da trông trẻ, thì người phụ nữ mang nó càng già. Tây Tạng là một vùng đất khắc nghiệt, nơi những cơn gió gào thét, ném mạnh ra những thác đá và cát lấy từ những dãy núi. Ở nước này, đàn ông và đàn bà thường mang mặt nạ bằng da để đề phòng giông bão. Những mặt nạ đó gồm có ba khe hở - hai cho hai mắt và một khe để thở - luôn biểu hiện cho quan điểm của từng người mang nó.

Cố át tiếng gió hú, Timon lớn tiếng:

- Chúng ta hãy ngang qua Phố Hàng Quán!

Yulgye thốt lên:

- Một giờ thôi. Những lúc có bão như thế này, thì họ đã đóng cửa hết. Nếu không, lốc sẽ cuốn đi mọi thứ.

Chúng tôi tiếp tục đi, gia tăng tốc độ. Để vượt qua cầu Lam Ngọc, chúng tôi phải bám vào nhau bởi gió quá mạnh. Liếc nhìn ra sau, chúng tôi thấy một đám mây đen đang đe dọa nhấn chìm Potala và Thiếc Sơn vào vùng tối. Đó là một đám mây gồm những hạt của bụi và những sỏi đá đã mòn, được bóc ra từ Himalaya trường cửu.

Biết rằng đám mây đen đó sẽ bắt kịp nếu chúng tôi chậm trễ, chúng tôi vội vã băng qua nhà Doring, ngay bên ngoài Vòng Cung Bên Trong bao bọc Jo Kang rộng lớn. Trong tiếng gào thét, cơn bão ồa đến, quất xối xả lên những cái đầu và những khuôn mặt trần của chúng tôi. Theo bản năng, Timon đưa tay lên che mắt. Gió thốc vào áo cà sa của cậu ta, kéo áo lên đến đầu, khiến cậu ta trông như một quả chuối bị lột vỏ, ngay trước Thánh Đường của Lahssa!

Gió ném vào chúng tôi những cành cây và đá, làm bầm tím những cẳng chân của chúng tôi. Trời tối sầm, và sau đó, trở nên tối như đêm đen. Đấy Timon, đang tìm cách níu kéo cái áo cà sa quay tít trên đầu, tiến về phía trước, chúng tôi lao đảo đi vào Thánh Điện. Ở đây là sự an bình đang ngự trị, một sự an bình sâu lắng, mang lại sự yên lòng. Chính tại nơi này mà, từ khoảng một ngàn ba trăm năm nay, các tín hữu đá đến cầu nguyện. Vật liệu được dùng để xây công trình này cũng toát ra sự thánh thiện. Sàn bằng đá của Thánh Điện đã hao mòn và còn in hằn nhiều dấu vết của vô số thế hệ của những người hành hương đã bước ngang qua. Không khí nơi đây có vẻ sinh động; qua nhiều thế kỷ, quá nhiều nhang trầm đã được đốt lên làm cho nơi này có vẻ đang mang một sự sống của riêng nó.

- Nổi bật trong cảnh mãi mãi tranh tối tranh sáng này là những cột và xà gồ bị nhuộm đen bởi thời gian. Trong ánh sáng của những ngọn đèn dầu và nến, ánh lấp lánh của những lớp vàng son không đủ xua đi bóng tối. Những ngọn núi lửa nhỏ chập chờn khiến ta có cảm tưởng rằng những cái bóng của các tượng Thần đang vụng về nhảy múa trên các bức tường của Thánh Điện. Các nam thần nô đùa nhảy nhót với các nữ thần trong trò đùa bất tận của ánh sáng và bóng tối trong khi đám rước không dứt của những người hành hương ngang qua trước những cây đèn.

Những điểm sáng muôn màu toé ra từ những trân châu xếp thành chõng. Kim cương, hoàng ngọc, ngọc thạch, hồng ngọc và bích ngọc, mỗi thứ phát ra một ánh sáng khác nhau, tạo thành một bức tranh luôn mãi thay đổi, một kính vạn hoa của những màu sắc. Những tấm lưới thép già giữ những trân châu đó khỏi những bàn tay tham lam. Đây đó, trong cảnh tranh tối tranh sáng lung linh, phía sau bức màn sắt, loé sáng những cặp mắt đỏ, cho biết rằng những con mèo của Đền đang không ngưng canh giữ. Không thể bị biến chất, không sợ người cũng chẳng sợ thú, những con mèo đó di chuyển lặng lẽ trên những chân êm như nhung của chúng. Những cái chân êm đó của loài thú thiêng che giấu những vuốt sắc bén như lưỡi dao cạo, sẵn sàng giương ra nếu bị chọc giận. Có một trí năng cấp cao, những con thú đó chỉ cần nhìn ai đó là có thể biết những ý đồ của họ. Chỉ cần một cử động đáng ngờ đối với những trân châu mà chúng đang canh giữ, là chúng biến ngay thành loài quỷ. Tấn công theo từng cặp, một con nhảy vào cổ tên trộm, trong khi con kia thộp lấy tay phải của y, và chỉ có cái chết mới làm chúng nhả ra, trừ khi các tu sĩ - trợ lý nhanh chóng giải thoát nạn nhân của chúng. Chúng là những chú mèo đen tuyền, với đôi mắt xanh mà khi gặp ánh sáng thì ánh lên màu đỏ. Ở những nước khác, người ta gọi chúng là mèo 'xiêm'. Ở xứ này, ở Tây Tạng lạnh giá, tất cả chúng đều có bộ lông đen. Ở các xứ nhiệt đới, chúng có lông trắng, đó là điều tôi nghe nói.

Chúng tôi đi một vòng trong Đền và đến nghiêng mình trước các Thánh Tượng thép vàng. Ở bên ngoài, bão đang hoành hành, quét sạch mọi thứ không được dãn buộc chắc chắn, và đe dọa những ai, vì gặp chuyện khẩn cấp, phải ra đi trong mưa bão. Nhưng bên trong Đền, sự im lặng chỉ bị phá vỡ bởi những tiếng 'lúp xúp' của vô số bước chân đang thực hiện chu trình vòng cung tại Thánh Điện, và tiếng 'clack, clack' không ngưng của những cối kinh. Chúng tôi không nghe thấy những tiếng 'clack, clack' đó. Ngày nối ngày, đêm nối đêm, những cối kinh quay quay cùng với những tiếng 'clack - clack - clack - clack' đã, cuối cùng, trở thành một phần đời sống chúng tôi; chúng tôi không nghe thấy chúng tựa như không nghe thấy tiếng đập của con tim hoặc tiếng thở của chúng tôi.

Nhưng còn có một thứ tiếng khác: tiếng mèo gừ vang vang và tiếng lách cách phát ra từ tấm màn thép do chú mèo già đang cọ đầu vào để nhắc nhở tôi rằng chú và tôi vốn là bạn cũ. Tôi thọc ngón tay vào một khe của bức màn và cào nhẹ vào đầu chú mèo. Một cách dịu dàng, chú mèo cấn nhẹ ngón tay tôi, rồi sau đó là liếm, như một dấu hiệu chứng tỏ sự niềm nở chào đón tôi. Thế rồi, nó nghe có một chuyển động đáng ngờ ở cuối Đền và nhanh chóng vụt đi để bảo vệ tài sản 'của nó'.

Timon nói nhỏ:

- Tớ tiếc rằng chúng ta đã không ghé vào các hàng quán.

Yulgye thì thầm đáp:

- Đồ ngốc. Hàng quán đều đóng cửa những khi có bão.

Đột ngột xuất hiện từ một vùng tối, một thầy Giám thị gào lên:

- Im ngay!

Tiếp đến, ông giáng cho Timon một cú khiến cậu ta lão đảo và ngã lẳng ra đất. Một nhà sư gần đó liếc nhìn cảnh tượng bằng ánh mắt không tán thành. Cao gần hai mét, thầy Giám thị sừng sững trước mặt chúng tôi như một quả núi. Ông nói tiếp:

- Nếu còn gây chút ồn ào nào nữa thì ta sẽ bẻ gãy tay tụi bây và vứt cho chó! Giờ đây, hãy im ngay!

Sau khi liếc nhìn chúng tôi, ông ta quay gót và biến mất vào vùng tối. Timon thận trọng đứng dậy, cố không gây một tiếng động nào. Chúng tôi cởi dép có quai ra và rón rén bước về phía cửa. Bên ngoài, bão vẫn dữ dội; từ đỉnh các ngọn núi tuôn xuống những thác tuyết chói lọi. Nhưng, thấp hơn phía dưới, từ Potala và Chakpori, là những dòng thác đen của đá và bụi. Dọc theo Con Đường Thiên, những cột bụi lớn ủa về Thành phố Lhasa. Trong cơn dữ dội đó, chúng tôi suýt nữa bị nhắc bổng lên và ném qua bức tường của tu viện Tsang kung. Chúng tôi rùng mình và bước vội về nơi trú ẩn. Khi đến nơi, chúng tôi tựa lưng vào tường, mệt đứt hơi.

Timon nói, giọng đầy hy vọng:

- Tớ muốn yểm... Thầy Giám thị đó! Lobsang à, thầy Linh hướng của cậu hẳn có thể làm được chuyện đó. Cậu có thể thuyết phục ngài ấy biến giám thị đó ... thành heo! Tôi lắc đầu:

- Lạt ma Mingyar Dondup không làm hại bất cứ một sinh linh nào. Tuy vậy, hẳn là điều tốt nếu lão giám thị đó bị biến thành một thứ gì đó. Lão ấy là một tay hung bạo! Cơn bão lẳng dụi. Tiếng gió rít quanh mái nhà không còn dữ dội nữa. Những hòn sỏi bị bão cuốn theo rơi xuống trên những con đường và lớp đắp trên những mái nhà. Và bụi cũng bớt len vào áo cà sa của chúng tôi. Tây Tạng là một vùng rất cao và không được che chắn. Những trận gió tụ lại sau những dãy núi, bị cuốn hút vào những hẻm vực, và sự dữ dội của chúng đôi khi có thể xô những người đi đường xuống vực sâu. Những loạt gió gầm thét dọc theo những hành lang của các tu viện Lạt ma, quét đi bụi bặm và rác rưởi trước khi đổ về thung lũng và những vùng đất thấp.

Những tiếng gào thét và náo động lẳng dụi. Đám mây đen cuối cùng ngang qua, để lại một vòm trời có màu tím trong vắt. Ánh sáng rạng rỡ của mặt trời sau sự âm u tăm tối của cơn bão khiến chúng tôi chói mắt. Những cánh cửa được thận trọng mở ra, phát ra những tiếng ken két của bản lề; những cái đầu ló ra và người ta đánh giá những thiệt hại trong ngày. Nhà của cụ bà Raks, gần chúng tôi, có các cửa sổ trước và sau nhà bị thổi tung. Ở Tây Tạng, kính của các cửa được làm bằng giấy dầu. Ở Lhasa, kính là thứ hiếm hoi, nhưng giấy làm từ cây cối và cây liễu thì giá rẻ.

Chúng tôi tiếp tục đi về tu viện Chakpori của mình và dừng lại mỗi khi thấy có điều gì gây chú ý.

Timon nói:

- Này Lobsang, giờ này các hàng quán sắp mở cửa lại! Hãy ghé lại đó đi, không mất nhiều giờ đâu!

Nói xong, Timon rẽ phải và bước vội. Sau một thoáng do dự, Yulyge và tôi đi theo. Đến phố hàng quán, chúng tôi tròn xoe mắt nhìn quanh. Biết bao hàng hoá hấp dẫn được bày bán ở đây! Cái mùi thơm đằm của trà, nhiều loại nhang trầm được đưa đến từ Ấn Độ và Trung Quốc. Nữ trang và các món đồ được làm từ nước Đức xa xôi,

và có vẻ lạ lùng đến nỗi chúng tôi không thể đoán được chúng dùng vào việc gì. Xa hơn đôi chút, chúng tôi đến một cửa hàng bán bánh, kẹo, mứt và nhiều thứ ngon ngọt khác. Chúng tôi ngắm nhìn những thứ đó với chút buồn bã. Những tu sinh nghèo như chúng tôi thì chẳng có lấy một xu dính túi, nhưng rửa mắt như thế này thì chẳng tốn kém gì. Huých tôi, Yulgye nói nhỏ:

- Này Lobsang, cái gã to cao đó có phải là chú Tzu mà cậu đã biết ngày ấy?

Tôi quay lại và nhìn theo ngón tay chỉ của Yulgye. Đúng là chú Tzu, người đã dạy cho tôi nhiều điều, với bao thô lỗ. Không nghĩ ngợi, tôi đi về phía người đó, nụ cười trên môi:

Tôi nói:

- Chú Tzu! Chú là...

- Tụi mày xéo đi, đừng có làm phiền một công dân lương thiện đang thực hiện những công việc mà ông chủ đã giao. Tao sẽ không cho tụi mày một xu!

Ông ta đột ngột quay gót và bỏ đi.

Nước mắt tôi lưng tròng và tôi sợ các bạn đồng hành của tôi sẽ trêu chọc tôi. Không, tôi không có quyền khóc, nhưng chú Tzu đã mắng đuổi tôi, đã làm ra vẻ không biết tôi. Chú Tzu là người đã được giao nhiệm vụ dạy dỗ tôi từ khi tôi chào đời! Tôi còn nhớ cách thức mà chú ấy đã dạy tôi cười con ngựa Nakkim, cách chú ấy dạy tôi môn đấu vật. Giờ đây chú ấy quay lưng lại với tôi, khinh bỉ tôi. Tôi buồn rầu, cúi đầu nhìn xuống đất. Đứng cạnh tôi là hai bạn đồng hành, cũng lặng lẽ và buồn bã như tôi - cảm giác bị xem thường. Thế rồi có một chuyển động khiến tôi chú ý; một người Ấn cao tuổi, đầu đội khăn đóng, chậm rãi bước về phía chúng tôi.

Ông nói bằng tiếng Tây Tạng pha lẫn giọng nước ngoài:

- Tôi đã thấy mọi chuyện, nhưng xin cậu đừng xét đoán tệ người đàn ông đó. Một số người trong chúng ta đã quên thời thơ ấu của họ, nhưng tôi thì không. Hãy theo tôi.

Ông ta dẫn chúng tôi vào cửa hàng mà chúng tôi vừa đứng ngắm.

Ông nói với người chủ cửa hàng:

- Hãy để cho những người trẻ này chọn theo sở thích của họ.

Rụt rè, mọi người chúng tôi chọn một trong những thứ bánh kẹo ngọt ngào mà mình thích, và chào từ biệt ông người Ấn tốt bụng với lòng biết ơn.

Ông thốt lên:

- Không, không! Một món không đủ đâu. Các cậu hãy chọn một người hai món đi!

Chúng tôi tuân theo, và ông ta vui vẻ trả tiền cho chủ tiệm bánh.

Tôi nói:

- Cầu xin Đức Phật ban phúc cho ngài và phù hộ ngài! Cầu mong cho ngài được niềm vui!

Ông ta hiền từ miêng cười, hơi nghiêng mình chào chúng tôi, và quay đi để tiếp tục công việc mua sắm của ông.

Chúng tôi chậm rãi trở về tu viện trong khi thưởng thức những thứ bánh kẹo đặc biệt ngon ngọt, bởi chúng tôi đã được ban cho một cách thật rộng lòng.

Trên đường đi, tôi thầm nghĩ, cha tôi là người đầu tiên đã làm ngơ, như không biết tôi, trên những bậc thang lên Potala, và giờ đây Tzu cũng như thế!

Yulgye phá vỡ sự im lặng:

- Lobsang à, chúng ta đang sống trong một thế giới kỳ cục. Giờ đây, chúng ta còn trẻ, và chúng ta thường bị xem thường. Nhưng khi chúng ta đã trở thành Lạt ma, thì những người 'Đầu đen' sẽ đến cầu xin chúng ta!

Ở Tây tạng, người ta gọi những người thế tục là những người 'Đầu đen', bởi họ có tóc trên đầu, trong khi các tu sĩ thì đương nhiên phải cạo đầu.

Chiều hôm đó, tôi tham dự lễ phụng vụ một cách rất chăm chú; tôi đã quyết phải chuyên cần để có thể, càng nhanh càng tốt, trở thành một Lạt ma và vĩnh vang giữa những người đầu đen đó, những người mà tôi sẽ khi bĩ xua đuổi họ, khi họ cầu xin tôi giúp đỡ. Do quá chăm chú trong buổi lễ phụng vụ nên tôi đã khiến một thầy giám thị phải để ý. Ông ta nhìn tôi với vẻ nghi ngờ, có lẽ do ông thầm nghĩ rằng một sự sùng mộ như thế của tôi là một điều lạ thường! Sau giờ lễ, tôi vội vã về phòng, biết rằng ngày mai tôi sẽ có rất nhiều việc phải làm với Lạt ma Mingyar Dondup. Trong một lúc, tôi liên tục trở mình, không thể ngủ. Tôi nghĩ đến quá khứ, đến những thử thách mà tôi đã chịu.

Buổi sáng, tôi thức dậy, ăn điểm tâm và chuẩn bị đi về khu dành cho các Lạt ma. Khi tôi rời khỏi phòng, một nhà sư to cao, mặc cà sa có vá, túm lấy cánh tay tôi và nói:

- Này, sáng nay cậu phải làm việc ở nhà bếp, và có nhiệm vụ chùi rửa những thớt cối xay.

Tôi đáp:

- Nhưng Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của tôi, đang chờ tôi.

Và tôi muốn chuồn nhanh.

Nhà sư nói:

- Không. Cậu phải theo tôi. Tôi không cần biết người đang chờ cậu là ai. Tôi đã bảo là cậu phải làm việc ở nhà bếp.

Nhà sư vịn cánh tay tôi đến nỗi tôi không còn cách nào để thoát. Tôi miễn cưỡng đi theo sư, chẳng thể làm gì khác.

Ở Tây Tạng, chúng tôi làm mọi việc, kể trước người sau luân phiên, làm những việc chân tay, thấp hèn. Có người nói, 'Điều đó dạy ta sự nhún nhường, khiêm tốn!' người khác thì nói, 'Điều đó ngăn không để cho một người trẻ tưởng rằng mình hơn những người khác!' người thứ ba nói rằng, 'Điều đó xoá bỏ những phân biệt giai cấp!' những tu sinh trẻ, những chú tiểu, và những nhà sư đã phải làm công việc được chỉ định, dẫu đó là việc gì, bởi nội quy, kỷ cương là thế.

Dĩ nhiên, trong tu viện có một bộ phận giúp việc gồm những tu sĩ cấp thấp, nhưng những người mới vào tu, chưa phát nguyện, và các tu sĩ thuộc mọi cấp đều phải luân phiên, đảm trách những công việc thấp hèn nhất và trái ý nhất. Điều đó là phần không thể thiếu trong sự rèn luyện chúng tôi, nhưng sở dĩ chúng tôi rất sợ những công việc lao dịch đó là vì những 'tảng lữ dòng tu' - tất cả những người cấp thấp đó - đối xử với chúng tôi như thể chúng tôi là nô lệ, bởi họ biết rằng chúng tôi không thể than vãn. Than vãn ư? Sự khắc nghiệt của thử thách là điều đã được quy định!

Tôi và nhà sư đi dọc theo hành lang bằng đá, xuống chiếc thang làm bằng gỗ với những thanh ngang. Sau đó, chúng tôi vào những gian bếp rộng lớn.

Nhà sư nói:

- Nào! Cậu hãy chùi rửa những đường rãnh của thớt.

Cầm lấy một cái ống kim loại lớn có đầu nhọn, tôi leo lên một thớt cối xay đại mạch lớn và bắt đầu loại đi những mảnh vụn đại mạch còn sót lại trong những rãnh. Công việc của tôi là làm cho thớt cối xay được sạch và trơn tru. Nhà sư vẫn đứng đó và đang xỉa răng.

Từ ngưỡng cửa gian bếp, có giọng nói lớn:

- Ê! Lobsang Rampa. Lobsang Rampa có đây không? Lạt ma khả kính Mingyar Dondup muốn gặp cậu ấy ngay.

Bật dậy và nhảy xuống sàn, tôi nói lớn:

- Tôi đây!

Nhà sư động mạnh nắm tay lên đỉnh đầu tôi, làm tôi té ngã. Sư gầm lên:

- Ta đã bảo người ở đây làm và làm việc. Nếu ai đó cần người thì họ hãy đích thân đến tìm.

Túm lấy cổ tôi, sư ném tôi vào mặt thớt bằng đá. Đầu tôi chạm mạnh vào một cạnh thớt và tất cả các tinh tú trên trời bốc cháy trong đầu tôi. Tôi chìm vào hư không rộng lớn và tối đen. Lạ lùng là, tôi có cảm tưởng như người ta đang nhắc tôi lên - theo tư thế nằm - và sau đó tôi đứng dậy. Ở một nơi nào đó, có tiếng cồng trầm ấm đang gõ nhịp theo những tích tắc của đời sống, 'bong-bong-bong' và ở tiếng gõ sau cùng, tôi có cảm tưởng bị một tia sét xanh giáng vào đầu. Thế là trần gian trở nên sáng chói trong một ánh sáng vàng, và tôi có thể trông thấy các đồ vật với một độ rõ nét lạ thường. Tôi thầm nghĩ, 'À, thế là ta đã thoát xác! Quả là một cảm giác kỳ lạ!'

Tôi đã quen với những cuộc du hành vào thế giới thuộc các thiên thể. Tôi đã đi đây đó nhiều nơi trên Trái Đất này, và cũng đã ghé đến nhiều thành phố lớn. Nhưng đây là lần đầu tôi 'nhảy ra khỏi thân xác tôi'. Đứng gần cái thớt cối xay to lớn, tôi ngao ngán nhìn cái hình bóng nhỏ bé, ốm yếu, trong chiếc áo cà sa rách vá, đang nằm trên đá. Tôi nhìn xuống và lững lờ quan sát cách thức mà thân thuộc các thiên thể của tôi đã kết nối với cái hình bóng đáng thương đó bằng một sợi thừng trắng xanh đang nhấp nhô và dao động, hết loé sáng rồi lại mờ nhạt. Rồi tôi nhìn gần hơn cơ thể của tôi đang nằm dài trên đá và kinh hoàng thấy rằng thái dương trái của tôi đang có một vết thương há miệng tuôn ra một dòng máu đỏ sẫm, chảy xuống trên những rãnh của đá, và lẫn lộn với những mảnh vụn đại mạch mà tôi chưa nạo vét khỏi thớt cối xay.

Có một tiếng động làm tôi chú ý và khi quay nhìn tôi thấy thầy Linh hướng đang vào gian bếp, mặt tái nhợt vì tức giận. Ngài dừng lại trước Nhà sư - bếp trưởng - người đã đối xử với tôi một cách tàn bạo. Họ không nói với nhau lời nào; không một lời. Một sự im lặng chết chóc đang bao trùm. Lạt ma Dondup quắc mắt nhìn nhà sư, như giáng xuống sư một tia sét, và nhà sư, với một tiếng thở tương tự như âm thanh của quả bóng xì hơi, té ngã xuống sàn nhà bằng đá. Không buồn nhìn nhà sư, Lạt ma

Dondup quay sang hình thể trần gian của tôi, một cơ thể đang nằm dài trên thớt đá tròn đó, hít thở khó khăn.

Tôi nhìn quanh, thực sự mê hồn khi nghĩ rằng giờ đây tôi có thể thoát xác để đi những quãng ngắn. Thực hiện ‘những chuyến du hành dài’ trong thế giới thuộc các thiên thể là điều không đáng kể. Tôi đã luôn có thể thực hiện, nhưng cái cảm giác tách ra khỏi chính mình, nhìn cái vỏ bọc bằng đất sét của tôi, là một trải nghiệm mới lạ.

Không quan tâm đến những gì đang xảy ra quanh tôi, tôi để mình buông trôi... và tôi bỗng bình ngang qua trần bếp. ‘Ồ! Tôi thốt lên khi ngang qua lớp đá để hiện diện ở phòng bên trên. Ở đây có một nhóm Lạt ma đang ngồi, trong trạng thái thiền định sâu. Tôi chú ý đến một loại mô hình thế giới được đặt trước mặt họ - một quả cầu được vẽ lên những châu lục, những vùng đất, những đại dương, và quả cầu đó đã được cố định ở một góc tương ứng với độ nghiêng của Trái Đất trong không gian. Tôi không nấn ná lâu, bởi tôi thấy điều đó rất giống với một bài học địa lý. Tôi tiếp tục du hành lên những tầng cao hơn, ngang qua một loạt những trần của các phòng, và cuối cùng đến phòng của các Ngôi Mộ. Quanh tôi là những bức tường lớn thếp vàng, chống đỡ những ngôi mộ của những Hoá Thân của Đức Dalai Lạt ma trong các thế kỷ trước. Tôi dừng lại đó một lúc, trong sự tôn kính chiêm ngưỡng. Sau đó, tôi lướt vào những đám mây, và thấy, dưới chân tôi là Potala huy hoàng với lớp dát vàng rực rỡ, với màu đỏ rực và màu trà, và những bức tường trắng ngời của nó, như thể hoà tan vào đá của núi.

Khi hơi quay đầu về phía phải, tôi có thể trông thấy làng Sho và, ở bên kia, là thành phố Lhasa trên những dãy núi xanh. Trong khi lên cao hơn, tôi thấy những không gian vô tận của đất nước xinh đẹp của tôi.

Tôi cảm thấy đột ngột bị giật mạnh và kéo ra sau. Tôi không ngưng bị lôi xuống, lại ngang qua Potala, những sàn nhà biến thành những trần nhà, lại những sàn nhà, và cuối cùng đến nơi sau cùng của tôi, cạnh tấm thân của tôi đang nằm trong gian bếp. Lạt ma Mingyar Dondup đang dịu dàng rửa vết thương nơi thái dương của tôi và lấy ra những mảnh cứng còn vương ở đó.

Tôi kinh ngạc thảm nhủ, ‘Trời đất quỷ thần, phải chăng cái đầu của tôi cứng đến nỗi nó làm vỡ hoặc làm mẻ đá?’ Lúc đó, tôi thấy rằng mình đã nứt xương, và trong số những mảnh mà thầy Linh hướng lấy ra từ đầu tôi, có khá nhiều mảnh vụn - những mảnh đá, những mảnh đại mạch. Tôi quan tâm nhìn cảnh tượng và, thú thật rằng, tôi cảm thấy đôi chút thích thú vì, trong khi tôi nằm đó trong thân xác bằng xương bằng thịt của tôi, tôi chẳng cảm thấy chút đau đớn khó chịu nào: tôi đang bình yên.

Sau khi làm sạch vết thương, Lạt ma Dondup đặt một cao dán, một miếng gạc gồm các thảo dược, lên đầu tôi và buộc lại bằng những sợi dây lụa. Rồi ra hiệu cho hai tu sĩ đang chờ đó với cái cẳng, ngài bảo họ cẩn thận nâng tôi lên.

Các tu sĩ nhẹ nhàng đặt tôi lên cẳng và khiêng tôi đi, theo sau là Lạt ma Dondup.

Tôi ngạc nhiên nhìn quanh: ánh sáng đã mờ dịu, phải chăng tôi đã ngất đi quá lâu, đến nỗi giờ đây, một ngày đã sắp tàn? Trước khi tìm ra câu trả lời, tôi phát hiện rằng

bản thân tôi cũng đã ‘mờ đi’, cái ánh sáng vàng và xanh thuộc tâm linh cũng giảm cường độ. Tôi cảm thấy muốn nghỉ ngơi, rất muốn ngủ mà không còn lo sợ gì nữa.

Tôi ngất đi một lúc. Sau đó, đầu tôi bị xuyên phá bởi những cơn đau nhức nhối, đi kèm với những ánh sáng đỏ, xanh, lục và vàng, dữ dội đến nỗi tôi có cảm giác mình sắp điên mất. Một bàn tay mát dịu đặt lên trán tôi, và tôi nghe một giọng nói hiền từ:

- Lobsang à, không sao cả. Mọi sự đều ổn, hãy ngủ đi.

Thế giới biến thành một cái gối êm ả, êm như lông thiên nga, và tôi thích thú ngả đầu. Tôi lại bất tỉnh. Hồn tôi vươn đến những không gian giữa các vì sao trong khi thân xác bị tổn thương của tôi chìm trong giấc ngủ.

Khi tôi tỉnh lại thì nhiều giờ đã trôi qua. Tôi mở mắt và thấy thầy Linh hướng đang ngồi bên tôi và đang giữ hai bàn tay tôi trong tay ngài. Trông thấy nắng chiều, tôi yếu ớt mỉm cười. Thầy Linh hướng mỉm cười đáp lại tôi. Ngài buông hai tay tôi ra và lấy ở cái bàn nhỏ kế bên cái tách có chứa một thứ nước trà mùi thơm dễ chịu. Đưa cái tách lên môi tôi, ngài nói:

- Uống đi con. Thứ nước này giúp con mau hồi phục.

Tôi uống, và sự sống lại tuôn vào tôi, một cách mãnh liệt đến nỗi tôi muốn ngồi dậy. Do quá gắng sức, nên tôi có cảm giác bị nện một cú như búa bổ vào đầu, tôi thấy những đốm sáng, những chòm sao sáng và thoi không gắng gượng nữa.

Những cái bóng của buổi chiều đang đổ dài; từ phía dưới khối nhà dâng lên tiếng ốc tù và; lễ tụng kinh chiều sắp bắt đầu.

Thầy Linh hướng nói với tôi:

- Lobsang à, ta phải để con ở đây trong nửa tiếng, bởi Đấng Thánh Thiện muốn gặp ta. Nhưng con đừng lo, các bạn Timon và Yulgye của con sẽ ở lại đây để trông coi con khi ta vắng mặt, và sẽ gọi ta nếu có gì không ổn.

Ngài thương mến siết tay tôi, đứng dậy và rời khỏi phòng.

Timon và Yulgye xuất hiện: những khuôn mặt thân quen giờ đây có vẻ hoảng hốt, kinh hãi. Họ ngồi xuống cạnh tôi và Timon thốt lên:

- Lobsang à, vì cậu mà bếp trưởng đã bị xử nặng!

Yulgye nói:

- Ông ấy đã bị đuổi khỏi tu viện Lạt ma vì ngược đãi người khác. Ông đã bị áp giải ra đến tận cửa tu viện.

Cả hai rùng mình vì cảm xúc và Timon nói tiếp:

- Lobsang à, tớ tưởng cậu không sống nổi. Cậu đổ máu như một con bò Tây Tạng bị thọc huyết!

Nhìn họ, tôi không dần được mỉm cười; giọng nói của họ cho thấy họ đã xúc động đến thế nào bởi bất cứ sự cố nào phá vỡ sự đơn điệu của đời sống trong một tu viện Lạt ma. Và tôi không trách họ; bản thân tôi cũng thế, không là tôi. Tôi mỉm cười với họ, sau đó tôi cảm thấy mình chìm vào một trạng thái đờ đẫn. Tôi nhắm mắt để nghỉ ngơi đôi chút và lại bất tỉnh.

Trong nhiều ngày - có thể bảy hoặc tám ngày tất cả - tôi nằm suốt, và thầy Linh hướng của tôi, Lạt ma Mingyar Dondup, là y tá của tôi. Sở dĩ tôi còn sống là nhờ ngài,

bởi đời sống trong một tu viện Lạt ma tất nhiên là không dụi dàng, và dễ dàng. Nhưng ngay cả khi ngài Lạt ma không là một người đầy nhân từ, thì người ta cũng có nhiều lý do để giữ cho tôi sống. Như tôi đã nói, tôi phải thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt, và tôi cho rằng, những thử thách mà tôi phải chịu trong thời niên thiếu là nhằm giúp tôi cương nghị hơn, giúp tôi miễn nhiễm trước sự đau khổ, bởi tất cả những lời tiên đoán mà tôi đã nghe cho biết rằng tôi sẽ có một cuộc đời gian lao và đau khổ.

Nhưng mọi sự đau chỉ là đau khổ. Với tình trạng sức khoẻ ngày càng khá hơn, tôi càng có nhiều dịp để nói chuyện với thầy Linh hướng của tôi. Chúng tôi nói với nhau rất nhiều chuyện, khi này là những vấn đề tầm thường, khi nọ là những vấn đề khá bất ngờ. Chúng tôi dành nhiều thời gian để bàn đến nhiều phương diện của khoa học huyền bí, và tôi nhớ đã có lần nói với ngài:

- Thưa Lạt ma khả kính, hẳn là tuyệt vời khi được là nhân viên thư viện, và như thế có thể nắm giữ tri thức của thế giới. Nếu không có những lời tiên đoán khủng khiếp đó về tương lai của con, thì con sẽ là một nhân viên thư viện.

Lạt ma Dondup mỉm cười với tôi:

- Người Trung Hoa có câu: ‘Một hình ảnh thì còn hơn cả ngàn lời’, nhưng ta khẳng định với con không có một lượng sách vở và hình ảnh nào có thể thay thế những tri thức thực tiễn và thực nghiệm.

Tôi nhìn ngài Lạt ma để xem có phải ngài đang nói một cách nghiêm túc hay không, và tôi nghĩ đến nhà sư Nhật Bản, người đã trong gần bảy mươi năm nghiên cứu nhiều sách vở mà không thể đưa vào thực hành và tiêu hoá những gì sư đã học.

Đoán được ý nghĩ của tôi, Lạt ma Dondup nói:

- Sư cụ ấy không điên. Sư đã bị bội thực tâm trí do đọc sách quá nhiều nhưng chẳng thể hấp thụ. Sư tưởng rằng mình là một người vĩ đại, một người có tính tâm linh cao. Sư ấy chỉ là một kẻ khờ dại, chẳng lừa bịp ai, trong khi tự lừa dối chính mình. (Ngài Lạt ma thở dài buồn bã và nói tiếp) Về mặt tinh thần, sư ấy đã phá sản trong khi biết tất cả nhưng chẳng biết gì. Quả là nguy hiểm khi đọc mọi thứ, không phân biệt thứ gì, và không hỏi ý kiến ai về vấn đề mình đang đọc. Sư ấy đã theo mọi tôn giáo lớn nhưng chẳng hiểu tôn giá nào. Tuy vậy, sư đã tự cho rằng mình là người tiến bộ nhất thế giới.

Tôi nói:

- Thưa Lạt ma khả kính, nếu sách vở độc hại như thế thì tại sao phải có chúng?

Lạt ma Dondup nhìn tôi một lúc bằng ánh mắt không biểu lộ gì. Tôi thầm nghĩ, ‘À, thì ra ngài bị bất ngờ!’ Rồi ngài lại mỉm cười và nói:

- Nhưng, Lobsang à, câu trả lời là quá rõ! Hãy đọc, đọc mãi, nhưng đừng để bất cứ cuốn sách nào làm sai lạc khả năng xét đoán và phân biệt của con. Vai trò của cuốn sách là giáo dục, giảng dạy hoặc kể cả giúp ta giải trí. Sách không phải là người thầy mà ta phải mù quáng tuân theo. Một người có trí tuệ thì không để mình trở thành nô lệ bởi một cuốn sách hoặc những lời của người khác.

Tôi gật đầu. Đúng vậy, tất cả những điều đó đối với tôi có vẻ logic. Vậy thì, tại sao phải quan tâm đến sách?

Trả lời cho thắc mắc âm thầm của tôi, Lạt ma Dondup nói:

- Tại sao sư, Lobsang? Nhưng tại vì phải có sách, nên điều đó tùy thuộc ở ta! Các thư viện trên toàn thế giới này chứa đựng hầu hết tri thức của nhân loại, nhưng chỉ có đũa ngọc mới cho rằng nhân loại là nô lệ của sách. Thật ra, sách có đó là để hướng dẫn nhân loại, để hỗ trợ, để giúp người ta tra cứu. Vì vậy, nếu ta không thể tiêu hoá sách vở, thì cũng có thể gây hại, bởi chúng đẩy ta đến chỗ tin rằng ta cao cấp hơn con người mà ta đang là, và dẫn ta theo những con đường ngoằn ngoèo, những con đường mà ta không có khả năng theo đến cùng, do không đủ tri thức.

Tôi nhấn mạnh:

- Thừa Lạt ma khả kính, sách có ích gì?

- Con không thể đi khắp thế giới để tìm kiếm các bậc thầy và được chỉ dạy, nhưng cuốn sách có thể mang đến cho con những điều được giảng dạy tại nhà. Con không bị buộc phải tin tất cả những gì con đọc; con cần phải viện đến óc xét đoán của chính con, và sử dụng những lời minh triết trong sách như một hướng dẫn giúp con khám phá minh triết của chính con. Ta có thể khẳng định rằng, một người chưa sẵn sàng để nghiên cứu một đề tài thì có thể gây ra một sai lầm đáng kể nếu người đó đọc một cuốn sách về cùng đề tài đang quan tâm và cố nâng mình lên trên tình trạng thuộc nghiệp chướng của mình bằng cách bám vào những lời và những tác phẩm của người khác. Cũng có thể người đọc sách là một người không mấy tiến hoá và, trong trường hợp này, anh ta nghiên cứu những điều mà, không phù hợp với anh ta, và như thế kìm hãm sự tiến hoá của anh ta thay vì tăng tốc nó. Nhà sư người Nhật là một điển hình.

Lạt ma Dondup gõ chuông để xin trà, một thứ không thể thiếu trong cuộc bàn luận của chúng tôi. Sau khi tu sĩ phục vụ mang trà đến, ngài Lạt ma nói tiếp:

- Lobsang à, con đã có một cuộc đời khá tầm thường, vì thế mà các Lạt ma chúng ta đã cố giảng dạy cho con; chúng ta đã gia tăng những khả năng ngoại cảm của con bằng mọi phương pháp có thể. Giờ đây, ta báo cho con biết rằng, nhờ vào khả năng ngoại cảm liên kết với thuật thấu thị, con sẽ nghiên cứu một số tác phẩm vĩ đại của thế giới - những danh tác văn học - và con sẽ nghiên cứu trong khi không biết thứ ngôn ngữ mà chúng được viết ra.

Tôi há hốc miệng. Làm sao tôi có thể nghiên cứu một tác phẩm viết bằng một thứ tiếng mà tôi không biết? Tôi thắc mắc, nhưng ngay sau đó, thầy Linh hướng cho tôi câu trả lời:

- Khi những khả năng ngoại cảm và thấu thị của con được tăng cường, thì con sẽ có thể nắm bắt nội dung của một cuốn sách nhờ ở những người vừa đọc nó xong hoặc đang đọc nó. Đó là một trong những ứng dụng ít được biết đến nhất của thuật ngoại cảm, và dĩ nhiên nó phải được liên kết với thuật thấu thị. Ở những nơi khác trên thế giới, người ta không luôn có thể bước vào một thư viện, hoặc một phòng đọc sách, trừ khi họ có thể chứng minh rằng họ là những sinh viên đang tìm tư liệu để nghiên cứu. Con thì sẽ không phải khổ sở với quy định đó. Con sẽ có thể du hành trong thế giới thuộc các thiên thể và nghiên cứu. Điều đó sẽ là một trợ giúp lớn lao cho mỗi ngày của đời con, cho đến khi con rời khỏi trần gian này.

Thầy Linh hướng cho tôi biết về những ứng dụng của khoa học huyền bí. Sử dụng sai trái những khả năng thuộc khoa học huyền bí hoặc toán thống trị người khác bằng những phương pháp thuộc khoa học huyền bí, là điều sẽ mang đến cho người thực hiện một sự trừng phạt khủng khiếp. Những quyền năng bí truyền và siêu hình? Những nhận thức thuộc ngoại cảm, phải được dùng để phục vụ cái thiện, để giúp đỡ tha nhân, để gia tăng tri thức của nhân loại.

Tôi thốt lên:

- Nhưng, thưa Lạt ma khả kính, ta phải nghĩ sao về những người thoát xác do gặp phải một kích động nào đó, do tác động của ý chí họ? Khi họ thoát xác và có nguy cơ phải chết vì khiếp đảm, thì liệu có thể làm gì để ngăn không cho họ gặp phải loại trải nghiệm đó?

Thầy Linh hướng mỉm cười buồn bã:

- Quả thật là có khá nhiều người đọc sách và toan thử nghiệm những phương pháp khoa học huyền bí mà không có một thầy có khả năng ở cạnh họ. Có nhiều người đã xuất thần dưới tác động của rượu mạnh, một chất kích thích, hoặc trong khi lao vào một hoạt động tai hại nào đó đối với tâm trí, và sau đó họ lâm vào trạng thái hoảng loạn. Con sẽ có một cách để làm cho đời mình hữu ích: trong đời con, con có thể cảnh báo cho những ai đang tìm kiếm biết rằng, trong lĩnh vực khoa học huyền bí, điều duy nhất phải e sợ đó là sự sợ hãi. Sự sợ hãi để mặc cho những ý nghĩ không mong đợi thao túng, đưa vào con những điều tai hại, và để cho chúng thống trị con, xâm chiếm con, và con, con phải không ngừng lặp đi lặp lại rằng điều đáng gờm là chính sự sợ hãi. Chính sự sợ hãi gây ra chiến tranh, tạo ra những bất hoà, khiến con người chống lại con người. Sự sợ hãi chính là kẻ thù, và nếu chúng ta dứt khoát đẩy lùi nó thì, hãy tin ta, chúng ta sẽ chẳng còn gì để phải sợ.

Sợ hãi ư? Cuộc bàn luận về sự sợ hãi này có liên quan đến gì? Tôi ngược mắt nhìn thầy Linh hướng và nghĩ rằng ngài sẽ đoán được thắc mắc của mình qua ánh mắt của tôi. Hoặc ngài có thể đọc được ý nghĩ của tôi qua thần giao cách cảm. Ngài đột ngột nói:

- Con thắc mắc về sự sợ hãi ư? À, con còn trẻ và còn ngây thơ!

‘Không quá ngây thơ như ngài nghĩ đâu!’, tôi thâm nghĩ.

Ngài Lạt ma mỉm cười như thể thích thú với sự dí dỏm của tôi, tuy không nói ra nhưng ý nghĩ của tôi. Rồi ngài nói tiếp:

- Sự sợ hãi là một điều có thật, rõ ràng, hiển nhiên. Hẳn con đã nghe nói về những kẻ nghiện rượu và bị ngộ độc. Những người đã trông thấy những sinh vật lạ lùng. Một số họ khẳng định đã trông thấy những con voi màu xanh lục có sọc hồng, hoặc thấy những sinh vật lạ lùng hơn thế. Và ta muốn nói với con rằng những sinh vật mà những tay nghiện rượu đã trông thấy và được cho là những ảo ảnh là thực sự có thật.

Tôi vẫn thắc mắc về sự sợ hãi. Dĩ nhiên, tôi đã biết sự sợ hãi về mặt thể lý. Tôi nhớ đến cái ngày mà tôi đã phải bất động trước tu viện Lạt ma Chakpori, trong khi tôi phải chịu thử thách về khả năng chịu đựng, trước khi được nhận vào tu viện để trở thành một tu sinh cấp thấp nhất. Tôi quay sang thầy Linh hướng và hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, toàn bộ sự sợ hãi đó có nghĩa gì? Con đã từ nghe nói về những tạo vật sinh sống trong thế giới cấp thấp thuộc các thiên thể, nhưng trong chuyến du hành của con vào thế giới đó, con chưa từng gặp một tạo vật nào khiến con phải sợ hãi.

Thầy Linh hướng im lặng một lúc, rồi như thể đột ngột có một quyết định, ngài đứng dậy và nói:

- Hãy theo ta!

Tôi đứng dậy. Chúng tôi đi vào một hành lang bằng đá và rẽ phải, rồi rẽ trái và lại rẽ phải. Tiếp tục đi, chúng tôi đến một căn phòng không có ánh sáng. Tôi có cảm tưởng như đang tiến vào vùng của những bóng tối. Thầy Linh hướng đi trước tôi. Ngài đốt lên cây đèn dầu đặt gần cửa. Rồi, ra hiệu cho tôi nằm dài xuống, ngài nói:

- Giờ đây, con đã đủ khôn lớn để có thể biết về những thực thể của thế giới cấp thấp thuộc thiên thể. Ta sẵn sàng để giúp con nhìn thấy những tạo vật đó và giữ sao để chúng không làm hại con, bởi người ta chỉ có thể đối diện chúng sau khi đã tu luyện và được bảo vệ một cách thích đáng. Ta sẽ tắt ngọn đèn này. Con hãy thanh thản nghỉ ngơi, và để mình bình bồng trôi nổi ra khỏi thân xác con - trôi đi bất cứ đâu, không bờ, không bến - tựa như một cơn gió thoảng.

Ngài thổi đèn và đóng cửa lại. Căn phòng giờ đây chìm trong tối tăm. Tôi không thể đoán được ngài Lạt ma đang ở đâu, nhưng tôi cảm thấy cạnh tôi có sự hiện diện mang lại sự an ổn của ngài.

Đối với tôi, những chuyến du hành vào thế giới thuộc các thiên thể chẳng là điều mới lạ. Từ khi chào đời, tôi đã được ban cho khả năng di chuyển trong thế giới thiên thể, và sau những chuyến du hành đó, tôi vẫn có thể nhớ mọi chuyện. Giờ đây, nằm dài trên sàn, đầu đặt trên vật áo cà sa, tôi khoan tay và chân, thiền định về quá trình qua đó người ta thoát xác, một quá trình rất đơn giản đối với những người đã thụ pháp. Chẳng bao lâu sau đó, tôi cảm thấy một cái giật nảy nhẹ cho biết rằng thân thuộc thiên thể đang tách khỏi thân thể lý, và ngay cả khi xảy ra cái giật nảy đó, tôi bị tràn ngập bởi ánh sáng. Tôi có cảm tưởng như mình đang bình bồng ở đầu sợi Dây Thường Bạc của tôi. Phía trên tôi là bóng tối dày đặc, bóng tối của căn phòng, nơi không chút ánh sáng mà tôi vừa rời khỏi. Tôi nhìn quanh, nhưng toàn bộ điều này chẳng khác gì những chuyến du hành mà tôi đã thực hiện trước đây. Tôi muốn bay lên ngọn Thiếc Sơn và ngay tức khắc, tôi không còn ở trong căn phòng nữa. Tôi bình bồng bên trên ngọn núi, khoảng một trăm mét phía trên. Đột nhiên, tôi không còn ý thức về Potala, về Thiếc Sơn, về Tây Tạng, về thung lũng Lhasa. Tôi cảm thấy mình bị rối loạn trong sự nhận thức đơn giản và trực tiếp. Sợi Thường Bạc của tôi rung lên dữ dội, và tôi khiếp đảm khi thấy rằng lớp sa mù màu xanh bạc luôn toả ra từ sợi thường đã có một màu vàng lục như nhuốc.

Đột nhiên, tôi có cảm tưởng như mình bị kéo một cách thô bạo xuống dưới, như thể những kẻ điên rồ thù nghịch đang cố đưa tôi trở vào trong thân xác tôi. Theo bản năng, tôi nhìn xuống và điều tôi thấy khiến tôi ngất đi.

Quanh tôi, hay đúng hơn là phía dưới tôi, sinh sôi những tạo vật quá ghê tởm và quá kỳ dị, tưởng chừng như chúng đã thoát ra từ cơn ác mộng của một kẻ nát rượu. Một trong những tạo vật đó, tạo vật khủng khiếp nhất, tiến về phía tôi bằng một chuyển động ngoằn ngoèo, cứ như thể một con sên khổng lồ đang đội một cái đầu người ghê rợn, nhưng những màu sắc của nó thì chẳng giống con người chút nào. Con sên đó có cái mặt đỏ, mũi và hai tai màu lục, và đôi mắt nó có vẻ đang xoay tròn trong hốc mắt. Ngoài con sên đó, tôi còn trông thấy những tạo vật khác, ghê tởm và quái dị hơn. Một số thì không thể tả được, nhưng tất cả hình như có chung cái đặc trưng đó của con người: sự tàn bạo, ác độc. Chúng tiến đến tôi để cho tôi một trận nhừ tử, toan giết lấy Sợi Thừng Bạc của tôi. Tôi rùng mình khi nhìn chúng và thầm nghĩ: ‘Sự sợ hãi! Sự sợ hãi là thế đó! À, những thứ đòi bọ đó chẳng thể làm gì được ta! Ta được che chắn để không bị chúng tấn công!’ và ngay khi tôi loé lên cái ý nghĩ đó, những loài kỳ dị đó biến mất, không còn tồn tại. Sợi Thừng thanh khí nối liền với thân thể lý của tôi lại ngời sáng và có lại những màu sắc bình thường. Tôi cảm thấy sảng khoái, được giải thoát, và hiểu rằng sau khi đã chịu đựng và vượt qua thử thách đó, tôi sẽ chẳng còn sợ gì nữa về những gì có thể xảy ra trong thế giới thuộc các thiên thể. Và, một cách dứt khoát, trải nghiệm đó đã dạy cho tôi rằng những điều mà ta sợ chỉ có thể gây hại cho ta nếu, do chính nỗi sợ đó của ta, ta để cho nó có thể hại ta.

Một cú giật mạnh vào Sợi Thừng Bạc của tôi khiến tôi chú ý. Không chút ngập ngừng, không chút sợ hãi, tôi nhìn xuống. Và tôi thấy có một ánh sáng yếu ớt. Thầy Linh hướng của tôi, Lạt ma Mingyar Dondup, đã đốt lên cây đèn dầu nhỏ, và thân thể lý của tôi kéo về nó thân thiên thể của tôi. Một cách nhẹ nhàng, tôi bình bồng ngang qua mái tu viện Chakpori; tôi hạ xuống theo thế nằm ngang trên cái vỏ bằng xương bằng thịt của tôi, rất, rất chậm rãi, thân thiên thể và thân thể lý hoà vào nhau và hợp thành một. Cái thân mà giờ đây là ‘Tôi’ rùng mình và tôi ngồi dậy. Thầy Linh hướng mỉm cười triu mến nhìn tôi.

Ngài nói:

- Lobsang à, con giỏi lắm, con đã có thể thoát khỏi! Ta muốn cho con biết một đēief: con đã trải qua thử thách đầu tiên này một cách tốt đẹp hơn cả ta ngày trước. Ta hãnh diện vì con!

Vì vẫn còn thắc mắc về sự sợ hãi, nên tôi hỏi:

- Thừa Lạt ma khả kính, điều gì thực sự làm người ta sợ?

Với vẻ trang nghiêm, hầu như u buồn, thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, con đã có một cuộc đời dễ chịu và con chẳng có gì để phải sợ, do đó con không sợ gì cả. Nhưng có những tên tội phạm, những tên làm hại người khác, thì khi họ ở một mình, lương tâm cắn rứt họ. Những tạo vật của thế giới cấp thấp thuộc thiên thể sống bằng sự sợ hãi của người khác; thực phẩm của chúng là những người có lương tâm không yên ổn, những người tạo ra những dạng- ý tưởng ác hại. Có thể, một ngày nào đó, con sẽ bước vào thánh đường hoặc một ngôi đền rất cổ xưa, đã được xây dựng từ lâu đời. Con sẽ thấy rằng những bức tường của thánh đường hoặc ngôi đền đó phát ra những sóng tốt lành vì mọi ý tưởng tốt đẹp đều đã

xuất hiện ở đó. Nhưng nếu con tham quan một nhà tù cổ xưa, nơi rất nhiều người đã phải khốn khổ vì bị ngược đãi, thì con sẽ có một ấn tượng khác hẳn. Như thế, ta có thể cho rằng những người sống trong các ngôi nhà tạo ra những dạng ý tưởng và chúng thấm đẫm những bức tường; vì vậy, một ngôi nhà ‘tốt lành’ thì sở hữu những dạng - ý tưởng tốt đẹp, phát ra từ những điều bổ ích; còn những nơi dành cho cái ác thì lan toả những ảnh hưởng ác hại. Như vậy, rõ ràng là những ý tưởng xấu xa chỉ có thể phát sinh từ một ngôi nhà đã có cái ác; và những người thấu thị, khi họ đang trong trạng thái thuộc thể giới thiên thể, có thể nhìn thấy và cảm nhận những ý tưởng và những dạng ý tưởng đó.

Sau khi suy nghĩ một lúc, thầy Linh hướng nói tiếp:

- Như con đã biết sau này, có những trường hợp mà các nhà tu, hoặc những người khác, tin rằng họ cao cấp hơn con người thực sự đang là của họ; và thế là họ đã xây dựng một dạng - ý tưởng và sau một thời gian, nó đã ảnh hưởng đến tầm nhìn của họ về các sự việc. Ta còn nhớ một điển hình thuộc loại đó; đó là trường hợp một sư cụ người Miến Điện - ta cần nói thêm rằng vị sư này khá đốt nát - thuộc cấp thấp và không có trí tuệ; nhưng các Lạt ma chúng ta nương nịnh sư mọi sự vì sư thuộc Tu Hội của chúng ta. Cũng như hầu hết những người thuộc Tu Hội, sư cụ đó có một cuộc sống đơn độc, nhưng thay vì dành thời gian để thiền định và suy niệm - hoặc dành cho những hoạt động có ích khác - sư cụ đã nghĩ rằng mình là một nhân vật có thể lực của Miến Điện. Sư cụ quên rằng sư chỉ là một tu sĩ hèn mọn đang khởi bước trên con đường đến giác ngộ. Trong hiu quạnh của căn buồng của mình, sư tưởng tượng rằng sư là một hoàng thân vĩ đại, có vô số của cải và đất đai. Trong buổi đầu, đó là một thứ giải trí vô hại, và vô ích. Chẳng ai nghĩ đến chuyện chê trách sư về những điều hão huyền đó bởi, như ta đã nói với con, sư ấy không đủ trí tuệ và trí thức để có thể thực sự dấn thân vào những nhiệm vụ thuộc tâm linh. Theo năm tháng, nhà sư ấy, cứ mỗi lần ở một mình, lại trở thành một hoàng thân vĩ đại. Cái ảo tưởng đó làm sai lạc tầm nhìn của sư về thực tế, tác động đến cách sống của sư và, theo thời gian, nhà sư tầm thường đó lu mờ đi để nhường chỗ cho ngài hoàng thân ngạo mạn. Cuối cùng, nhà sư đáng thương ấy dứt khoát tin rằng sư đích thực là một hoàng thân Miến Điện. Một hôm, sư nói với một tu viện trưởng như thế ngài ấy là một nông nô trên lãnh địa của hoàng thân. Khổ nỗi, tu viện trưởng không là một người dễ dãi, có tính khoan dung như một số Lạt ma chúng ta, vì thế phản ứng của ngài đã khiến ông hoàng - dõm đó bị sốc, và rối loạn tâm trí. Nhưng phần con Lobsang, con không phải lo sợ về điểm đó; con là một người ổn định, cân bằng và can đảm. Con chỉ nên nhớ điều này: sự sợ hãi gặm mòn tâm hồn. Những ảo tưởng vô vọng và vô ích hướng chúng ta đến con đường sai lạc, đến nỗi, sau nhiều năm, những hão huyền trở thành thực, trong khi những thực tế tan biến để tái xuất hiện sau nhiều lần đầu thai. Con hãy vững bước trên con Đường. Đừng để cho những dục vọng hoặc những tưởng tượng vô bổ làm lu mờ hoặc bóp méo tầm nhìn của con về các sự việc. Thế giới này là thế giới của ảo ảnh, nhưng đối với những người trong chúng ta, những người có thể nhìn thẳng vào sự thật, thì ảo ảnh có thể trở thành thực tế khi chúng ta rời khỏi thế gian này.

Tôi suy nghĩ về những lời của thầy Linh hướng. Thú thật rằng tôi đã biết về nhà sư tưởng mình là hoàng thân đó, bởi tôi đã đọc chuyện đó trong một cuốn sách trong thư viện Lạt ma.

Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, quyền năng thuộc khoa học huyền bí được dùng để làm gì? Nhìn thẳng vào mắt tôi, ngài Lạt ma nói:

- Dùng để làm gì ư! Dễ hiểu thôi, Lobsang! Chúng ta có quyền được giúp đỡ những ai cần được giúp đỡ. Chúng ta không có quyền giúp đỡ những ai không muốn chúng ta giúp đỡ, hoặc những ai không sẵn lòng nhận sự giúp đỡ. Chúng ta không sử dụng quyền lực hoặc những khả năng thuộc khoa học huyền bí để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc với hy vọng được lợi hoặc được tưởng thưởng. Mục đích của quyền năng huyền bí, sự vươn đến cái thiện của chúng ta, là tăng tốc và hỗ trợ toàn bộ thế giới, không chỉ là thế giới của loài người, mà còn thế giới của tự nhiên, của động vật - của mọi thứ.

Ở Đền thờ kề cận, lễ phụng vụ đã bắt đầu, và chúng tôi ngưng nói chuyện để tỏ lòng kính trọng đối với các vị Thần đang được thờ phụng. Chúng tôi lặng im ngồi cạnh ngọn đèn dầu leo lét.

(8)

Quả là dễ chịu khi nằm dài trên cỏ, dưới chân tu viện Pargo Kaling. Ở phía trên, sau lưng tôi, là những khối đá cổ vươn thẳng lên trời, và nhìn từ nơi tôi đang nằm đây, các đỉnh của toà nhà kiến trúc như thể đang vượt ve những đám mây. Cái đỉnh đó được gọi là 'Nụ Sen', tượng trưng cho thần trí, trong khi những chiếc 'lá' chống đỡ Nụ tượng trưng cho không khí. Về phần tôi, tôi đang tựa lưng trên một khối đá tượng trưng cho "Kiếp Đời". Ngoài tầm nhìn của tôi - khi tôi đang nằm như thế - là sừng sững 'Những Bậc Thang của Sự Hoàn Thiện.'

Quả là dễ chịu khi nhõn nhơ ở đây và nhìn những thương lái đến từ Ấn Độ, Trung Quốc và Miến Điện đang đi ngang qua. Một số các tay buôn đó đi bộ, dẫn theo một đoàn ngựa thồ trĩu nặng hàng hoá từ phương xa. Số khác, có lẽ giàu có hơn hoặc chỉ đơn giản là do một mối, thì ngồi trên ngựa và nhìn quanh. Tôi thầm nghĩ, những cái giỏ mây của họ chứa những thứ hàng hoá gì, và bất chợt, tôi giật mình: chính vì lẽ đó mà tôi có mặt ở đây! Tôi ở đây để quan sát khí huyền bí bao quanh con người, và quan sát càng nhiều càng tốt. Tôi ở đây để 'đoán', dựa vào vàng khí huyền bí và

thuật ngoại cảm, những con người đó đang làm gì, đang nghĩ gì, và những ý định của họ là gì.

Ở bên kia đường có một gã mù ăn xin đang ngồi. Áo quần rách bươm, lấm bụi đường, gã xin bố thí bằng một giọng rên rỉ, than van. Một số khá đông khách thương hồ vớt những đồng xu cho gã ăn xin, thích thú nhìn gã mò mẫm tìm. Gã ăn xin có thể định vị những đồng xu qua âm thanh mà chúng phát ra khi chạm đất hoặc vào một hòn đá. Thỉnh thoảng, nhưng rất ít khi, gã không thể tìm được đồng xu; thế là ngồi bố thí lượm lên và lại vớt xuống. Trong khi nghĩ đến gã ăn xin, tôi nhìn về phía gã, và sự ngạc nhiên làm tôi bật dậy. Vàng khí huyền bí của gã! Lúc này, tôi đã không buồn quan tâm đến. Và giờ đây, khi chú tâm nhìn, tôi nhận thấy gã đó không hề mù. Tôi thấy gã là người giàu, có tiền và có của để một nơi an toàn, và gã giả bộ mù loà khôn khéo vì đối với gã, ăn xin là cách thuận lợi nhất để kiếm tiền. Không, không thể! Chắc tôi đã nhầm; tôi đã quá tin ở những khả năng quan sát của tôi. Có lẽ những khả năng đó đã suy giảm. Ý nghĩ đó làm tôi lo sợ, và tôi đứng dậy để đi tìm những lời giải thích ở thầy Linh hướng của mình, đang ở Kundu Ling, phía trước.

Vài tuần trước đây, tôi đã trải qua một cuộc “giải phẫu” nhằm mở rộng hơn ‘Con Mắt Thứ Ba’ của tôi. Từ khi chào đời, tôi đã có những khả năng thấu thị khác thường, khả năng nhìn thấy ‘khí huyền bí’ bao quanh thân con người, thú vật, và cây cỏ. Cuộc giải phẫu đau đớn đó đã giúp tôi tăng cường những khả năng của mình, vượt quá sự mong đợi của Lạt ma Mingyar Dondup. Giờ đây, tôi được huấn luyện một cách triệt để; tất cả những giờ canh thức của tôi, tôi đều dành để nghiên cứu khoa học huyền bí. Tôi cảm thấy mình bị đè bẹp bởi những lực rất mạnh trong khi Lạt ma này hoặc Lạt ma nọ ‘nhồi nhét’ vào tôi những kiến thức qua thần giao cách cảm, hoặc qua những phương pháp lạ lùng khác mà tôi phải quyết chí học hỏi đúng theo quá trình. Cần gì phải làm những bài tập khi người ta có thể học bằng thần giao cách cảm! Cần gì phải hỏi về những ý định của một người khác khi ta có thể nhìn thấy chúng nơi khí huyền bí bao quanh người đó? Tuy vậy, gã mù ăn xin đó khiến tôi nghi ngờ!

Tôi gọi lớn khi ngang qua đường:

- Lạt ma khả kính, ngài đang ở đâu?

Tôi chạy nhanh vào công viên, nhanh đến nỗi suýt vấp té.

Ngồi thanh thản trên một thân cây bị đốn, thầy Linh hướng mỉm cười và nói với tôi:

- À! Trông con có vẻ sững sờ vì con vừa phát hiện rằng ‘một người mù’ cũng có đôi mắt sáng như con.

Mệt đứt hơi, tôi thốt lên:

- Vâng, đó là một kẻ bịp bợm, lừa đảo, bởi y đã đánh cắp những người có lòng tốt, y đáng bị cho đi tù.

Bật cười khi thấy khuôn mặt đỏ tía và tức giận của tôi, ngài Lạt ma nói:

- Nhưng Lobsang, tại sao con lại bực tức đến thế? Người đó bán những dịch vụ của y, tựa như người bán các cối kinh thế thôi. Người ta cho gã những đồng xu, hầu họ có thể nghĩ rằng họ rộng lượng, hầu họ có cảm tượng rằng họ nhân từ. Điều

đó, trong một thời gian, tăng tốc nhịp của những dao động phân tử của họ, nâng cao tính tâm linh của họ, đưa họ đến gần các Thần. Bồ thí là điều có lợi cho họ. Về tiền họ cho ư? Chẳng đáng gì. Họ không thiếu tiền.

Bực tức, tôi thốt lên:

- Nhưng gã ấy không mù! Y là một tên trộm.

Thầy Linh hướng nói:

- Nay Lobsang người ấy không làm hại ai cả. Người ấy chỉ bán những dịch vụ do y cung ứng. Sau này, khi sang phương Tây, con sẽ thấy những người được gọi là những nhà qunarg cáo có những khẳng định trái với sự thật, và những khẳng định đó gây hại cho sức khỏe con người, cho những bé sơ sinh, và biến những cá nhân tương đối lành mạnh về tinh thần thành những kẻ điên loạn.

Lạt ma Dondup vỗ nhẹ vào gốc cây bị đốn và ra hiệu cho tôi ngồi xuống cạnh ngài. Tôi tuân theo và nên gót chân vào lớp vỏ cây.

Ngài nói tiếp:

- Con phải học cách sử dụng cùng lúc vàng khí huyền bí và thuật thần giao cách cảm. Nếu con sử dụng thuật này mà không có thuật nọ, thì con có nguy cơ tiến đến những kết luận sai thực tế, như trong trường hợp người mù đó. Để giải quyết mọi vấn đề, ta cần phải sử dụng mọi khả năng của ta, mọi khả năng mà ta được ban cho. Chiều nay, ta phải vắng mặt, và Đại Lạt ma - y sĩ Chinrobnobo, của bệnh viện Menzekang, sẽ đến nói chuyện với con.

Bằng giọng buồn, tôi thốt lên:

- Thưa ngài, ngài ấy không bao giờ nói chuyện với con, cũng chẳng bao giờ quan tâm đến con.

- Điều đó sẽ thay đổi ... bằng cách này hay cách khác ... vào chiều nay.

Tôi thầm nghĩ, 'Bằng cách này hay cách khác!' Đối với tôi, lời đó có vẻ rất đáng ngài.

Tôi và thầy Linh hướng quay về Thiếc Sơn, và chúng tôi dừng lại một lúc để một lần nữa ngắm những tượng điêu khắc có màu sắc, được đục trong đá, rất cổ xưa nhưng cũng vẫn rất sinh động. Sau đó chúng tôi leo lên con đường mòn dốc đứng, lồm chồm đá sỏi.

Ngài Lạt ma nói:

- Lobsang à, đời sống tựa như con đường mòn này. Đời sống tiến theo một con đường khổ nhục, đầy sỏi đá, khó khăn và chạp bầy, nhưng nếu kiên trì, thì ta sẽ lên đến đỉnh.

Khi lên phía trên, chúng tôi nghe có tiếng cồng báo giờ lễ phụng vụ tại Đền và chúng tôi mỗi người mỗi ngã, thầy Linh hướng đến cạnh các Lạt ma và tôi đến cạnh các bạn bè cùng lớp. Sau giờ lễ phụng vụ và sau khi tôi đã ăn đôi chút, một tu sinh trẻ đến gặp tôi, vẻ khá sợ sệt.

Tu sinh rụt rè nói:

- Cậu Lobsang à, Ngài Đại Lạt ma y-sĩ Chinrobnobo muốn gặp cậu ngay tức khắc tại trường Y.

Tôi vượt lại áo cà sa cho ngay ngắn, hít thở sâu vài cái để làm dịu thần kinh và đi về trường Y.

‘À! ‘Một giọng nói trầm và khoẻ cất lên, giọng nói khiến người ta nghĩ đến tiếng tù và của Đền. Tôi nghiêng mình kính cẩn chào ngài Lạt ma. Ngài là một người to cao, tráng kiện với đôi vai rộng. Tôi có cảm tưởng với hai bàn tay to khoẻ đó, ngài có thể làm lìa cái đầu của một người ra khỏi cổ và vút nó xuống sườn núi. Nhưng, trái với điều tôi nghĩ, ngài mời tôi ngồi với một sự cởi mở, thân tình.

Bằng một giọng lớn và trầm, tương tự như tiếng sấm trong núi xa, ngài nói:

- Nay con, ta đã nghe nói nhiều về con. Thầy Linh hướng của con, Lạt ma Mingyar Dondup, khẳng định rằng con là một đứa đầy năng khiếu, và có những khả năng siêu nhiên lạ lùng. Đó là điều chúng ta sẽ xét đến.

Ngồi đối diện ngài Lạt ma, tôi run sợ. Ngài hỏi:

- Con thấy ta ư? Vậy, con thấy gì?

Càng run sợ hơn, tôi nói ra ý tưởng đầu tiên đã ngang qua tâm trí tôi:

- Thưa Lạt ma-y sĩ khả kính, tôi thấy một người rất to lớn và rất khoẻ mạnh, đến nỗi khi vào đây con tưởng đó là một quả núi.

Tiếng cười của ngài Lạt ma tạo ra một sự chuyển động trong không khí, ngài ra lệnh:

- Nay con, hãy nhìn ta, hãy nhìn vàng khí huyền bí bao quanh ta và cho biết con thấy gì. Hãy cho ta biết ý kiến của con.

Tôi nhìn ngài Lạt ma-y sĩ, nhưng không nhìn chăm, bởi điều đó có thể làm yếu đi vàng khí huyền bí của một người có mặc quần áo. Nói đúng hơn, tôi nhìn về phía ngài mà thôi.

Tôi nói:

- Thưa ngài, trước tiên con thấy đường viền quanh thân thể lý của ngài, một cách mơ hồ, như thân đó đang trong tình trạng không mặc quần áo. Sau đó, con nhận ra một thứ ánh sáng xanh yếu ớt, thật gần của ngài, có màu của khói củi tươi, điều đó cho biết ngài đã làm việc quá vất vả, ngài đã có những đêm dài mất ngủ, trong thời gian gần đây, và năng lượng thanh khí của ngài xuống thấp.

Đại Lạt ma-y sĩ giương mắt nhìn tôi và gật đầu với vẻ hài lòng.

- Nói tiếp đi!

- Thưa ngài! Vàng khí huyền bí của ngài toả ra khoảng ba mét từ ngài, ở mỗi bên. Những màu sắc của nó chồng lên nhau cùng lúc theo chiều dọc và chiều ngang, con thấy có màu vàng, dấu chỉ của tính tâm linh cao. Lúc này, ngài đang ngạc nhiên khi thấy một thiếu niên ở tuổi con có thể nói cho ngài biết nhiều điều, và ngài đang nghĩ rằng dấu sao thầy Linh hướng của con, Lạt ma Mingyar Dondup, cũng không phải là người kém hiểu biết. Ngài nghĩ rằng sẽ phải xin lỗi Lạt ma Dondup do ngài đã bày tỏ nghi ngờ về những khả năng của con.

Đại Lạt ma-y sĩ bật cười. Ngài thích thú thốt lên.

- Con nói đúng! Con nói đúng! Hãy nói tiếp đi!

- Thưa ngài, gần đây ngài đã bị một tai nạn và bị chấn thương ở gan. Chấn thương đó khiến ngài cảm thấy đau những khi ngài cười quá lớn. Và ngài nghĩ đến việc phải dùng đến thảo dược tatura, và xoa bóp. Ngài nghĩ rằng hẳn là do sự định đoạt của số phận khi mà, trong số sau ngàn loại thảo dược, chỉ có thảo dược tatura là khan hiếm.

Ngài Lạt ma-y sĩ ngưng cười và nhìn tôi bằng một vẻ trân trọng không che giấu. Tôi nói tiếp:

- Thưa ngài, ngoài ra vàng khí huyền bí bao quanh của ngài còn cho thấy chẳng bao lâu nữa, ngài sẽ là Tu viện trưởng - y sĩ chính yếu của Tây Tạng.

Ngài Lạt ma-y sĩ nhìn tôi với vẻ lo âu. Ngài nói:

- Con có một khả năng lớn lao... con sẽ tiến xa. Nhưng đừng bao giờ lạm dụng nó, đừng bao giờ. Điều đó có thể nguy hiểm. Giờ đây, chúng ta hãy vừa uống trà vừa bàn đến vấn đề vàng khí huyền bí bao quanh con người.

Ngài Lạt ma cầm lấy cái chuông nhỏ bằng bạc và lắc mạnh. Vài giây sau, một tu sĩ trẻ vội vã mang trà đến. Trong khi ngồi đây, tôi thầm nghĩ, tất cả những Lạt ma cấp cao đó đều được dành cho những căn phòng có vị trí rất đẹp của tu viện. Ở phía dưới chân, tôi có thể trông thấy những công viên rộng lớn của Lhasa, và ở tầm cánh tay giương ra của tôi là những ngọn núi Dodpal và Khatj, xa hơn về phía trái là ngọn Chorten của khu vực chúng tôi, và ngọn Kesar Lhakhang, sừng sững như một lính canh. Ở phía bên kia đường, xa hơn về hướng bắc, là nơi ưa thích của tôi; ngự trị trên cảnh quan đó là Pargo Kaling (cửa Tây) với cái bóng đơn độc của nó.

Tôi hỏi:

- Thưa ngài, điều gì tạo ra vàng khí huyền bí bao quanh con người?

- Như thầy Linh hướng, Lạt ma Mingyar Dondup, đã nói với con, não con người nhận những thông điệp từ Siêu Ngã. Những dòng điện phát sinh trong não. Toàn bộ sự sống là dạng năng lượng xuất hiện trong các hạt nhất định, là điện năng. Khí huyền bí bao quanh con người là một trong những biểu hiện của nó. Chung quanh đầu con người là, như con đã biết, một quầng sáng, vàng hào quang. Những bức tranh cổ về một vị thánh hoặc vị thần thì luôn có vàng hào quang đó ở sau đầu ngài.

- Thưa Lạt ma khả kính, không mấy người có thể trông thấy khí huyền bí và vàng hào quang. Tại sao vậy?

- Một số người không nhìn nhận có vàng khí huyền bí, và họ không thể trông thấy chúng. Họ quên rằng, họ cũng chẳng thể trông thấy không khí, vậy mà nếu không có không khí, họ chẳng thể tồn tại! Một số người - số rất ít - nhận ra vàng khí huyền bí. Số khác thì không. Một số cá nhân có thể nghe được những tần số cao hơn hoặc thấp hơn mà những người khác không thể nghe thấy. Điều đó chẳng liên quan gì đến mức độ tâm linh của người quan sát, cũng như việc biết đi cà kheo không liên quan gì đến những phẩm chất đạo đức của một con người. (Ngài mỉm cười và nói tiếp) Trước kia, ta đi cà kheo rất giỏi, chẳng kém gì con. Giờ đây, do ta vạm vỡ ra, nên không còn có thể.

Tôi mỉm cười khi thầm nghĩ, để đi cà kheo, ngài Lạt ma này hẳn phải dùng những thân cây cỡ lớn.

Đại Lạt ma-y sĩ nói:

- Khi các Lạt ma chúng ta giải phẫu để khai mở CON MẮT THỨ BA của con, chúng ta đã nhận thấy rằng một số phần của thủy trán của con không giống với những thủy trán thông thường và chúng ta kết luận, về mặt thể lý, con được sinh ra để trở thành một nhà thấu thị và nhà ngoại cảm. Đó là một trong những lý do khiến con đã được và sẽ được rèn luyện một cách rất chu đáo. (Ngài nhìn tôi với vẻ hài lòng và nói tiếp) Con sẽ ở lại Trường Y này trong vài ngày. Các Lạt ma chúng ta sẽ kiểm tra con để xem liệu có thể tăng cường những khả năng của con và dạy cho con nhiều điều hơn.

Tôi nghe thấy nơi ngưỡng cửa có tiếng ho nho nhỏ: thầy Linh hướng của tôi đi vào phòng. Tôi đứng bật dậy và kính cẩn chào ngài; Lạt ma Chinrobnobo cũng đứng dậy chào ngài. Thầy Linh hướng mỉm cười.

Ngài nói với Lạt ma Chinrobnobo:

- Tôi đã nhận thông điệp qua thần giao cách cảm của tôn huynh. Và tôi gấp rút đến đây hầu được nghe tôn huynh xác nhận về những đánh giá cao của tôi về cậu bạn trẻ của tôi đây.

Thầy Linh hướng mỉm cười với tôi và ngồi xuống:

- Lạt ma Chinrobnobo cũng mỉm cười. Ngài nói:

- Tôn huynh khả kính, tôi xin nghiêng mình trước sự hiểu cao học rộng của tôn huynh, và xin nhận cậu trai này để đưa cậu trải qua một vài xét khảo. Tôn huynh là người có nhiều tài năng, nhưng có lẽ đây là lần đầu tôn huynh tìm được một thiếu niên như cậu này.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, cả hai Lạt ma đều bật cười, và đưa tay ra phía sau, Lạt ma Chinrobnobo lấy ra, tôi không biết từ đâu, ba hủ đựng quả hồ đào ngâm dấm. Có lẽ do cái vẻ ngốc nghếch của tôi, nên hai Lạt ma quay sang nhìn tôi, và càng cười nhiều hơn.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, con không sử dụng khả năng ngoại cảm của con. Bởi nếu con sử dụng, hẳn con biết Lạt ma khả kính đây và ta đã mắc phải cái tội đánh cược. Ta và ngài đây đã cược rằng nếu con xác nhận những khẳng định của ta, thì ngài Lạt ma-y sĩ sẽ cho con ba hủ đựng quả hồ đào ngâm dấm, và nếu con không tỏ ra có khả năng, thì ta sẽ phải đi xa và thực hiện một số công việc y học cho ngài đây.

Lạt ma mỉm cười với tôi, thầy Linh hướng nói tiếp:

- Dĩ nhiên, ta sẽ thực hiện chuyến đi đó và con sẽ theo ta. Nhưng trước tiên, chúng ta cần phải sắp xếp mọi việc cái đã. (Ngài chỉ tay về ba cái hủ) Khi rời phòng này, con hãy nhớ mang theo chúng. Đó là chiến lợi phẩm của con, và con là kẻ chiến thắng.

Tôi thấy mình hoàn toàn đáng cười, rõ ràng là tôi không thể sử dụng những khả năng ngoại cảm của tôi đối với hai Lạt ma cao cấp đó. Và lại, tôi không dám nghĩ đến chuyện sử dụng những khả năng đó đối với hai ngài. Tôi yêu mến thầy Linh hướng của tôi, và tôi rất kính trọng tri thức và sự minh triết của Đại Lạt ma-y sĩ

Chinrobnobo. Quả là hỗn láo và là một chứng cứ của sự thiếu giáo dục khi nghe lén cuộc nói chuyện của họ, đều là qua thuật ngoại cảm.

Lạt ma-y sĩ Chinrobnobo quay sang tôi và nói:

- Những tình cảm của con rất cao đẹp. Ta thực sự sung sướng khi được đón con. Các Lạt ma chúng ta sẽ giúp con tiến bộ.

Thầy Linh hướng nói với tôi:

- Lobsang à, giờ đây con sẽ ở lại trong khu này, có thể trong một tuần, và con sẽ được chỉ dạy nhiều điều về vàng khí huyền bí. (Đọc được ánh mắt của tôi, ngài nói tiếp) 'Ồ! Con cho rằng đã biết tất cả về vấn đề đó. Con có thể trông thấy vàng khí huyền bí và đọc được ý nghĩa của nó, nhưng giờ đây còn cần phải học biết những 'lý do' và những 'cách thức' liên quan đến vàng khí huyền bí, và con cần phải biết về mức độ giới hạn của tầm nhìn về con người được dùng làm đối tượng quan sát. Giờ thì ta phải đi đây. Hẹn gặp con ngày mai.

Thầy Linh hướng đứng dậy và, dĩ nhiên, chúng tôi cũng đứng dậy theo. Ngài cáo từ và rời khỏi phòng.

Lạt ma Chinrobnobo quay sang tôi và nói:

- Lobsang à, con không nên quá lo sợ. Hãy yên tâm đi, chẳng có gì để phải sợ. Các Lạt ma chúng ta chỉ đơn giản tìm cách giúp con và tăng tốc sự tiến hoá của con. Trước tiên, ta hãy nói đôi chút về vàng khí huyền bí bao quanh con người. Dĩ nhiên, con có thể nhìn thấy rất rõ vàng khí huyền bí đó, và con có thể diễn giải nó, nhưng hãy mừng tượng rằng con không có cái khả năng đặc biệt đó, không có năng khiếu trời cho đó. Con hãy đặt con vào vị trí của chín mươi chín phần trăm, hoặc hơn nữa, của dân số thế giới.

Một lần nữa, ngài Lạt ma lại lắc cái chuông nhỏ bằng bạc, và một lần nữa tu sĩ - phục vụ mang trà vào. Một điều khá thú vị cần phải nói là ở đây, tại Tây Tạng, đôi khi mỗi ngày chúng tôi uống đến khoảng sau chục tách trà. Tây Tạng là một xứ lạnh, và trà nóng giúp chúng tôi ấm người; ngoài ra, chúng tôi không thể mua các loại thức uống ở ngoài, bởi chúng không được bày bán như ở các nước phương Tây. Chúng tôi chỉ có hai thứ, trà và tsampa, trừ khi có người hảo tâm mang về từ nước ngoài, như Ấn Độ chẳng hạn, chứ không thể tìm thấy tại Tây Tạng.

Tôi và Lạt ma Chinrobnobo ngồi xuống. Ngài nói tiếp:

- Chúng ta đã bàn về nguồn gốc của vàng khí huyền bí. Đó là lực lượng trọng yếu của cơ thể con người. Ta giả sử rằng, ngay lúc này, con không thể nhìn thấy vàng khí huyền bí, con chẳng biết gì về vấn đề đó, bởi chỉ xuất phát từ giả thuyết đó, ta mới có thể nói cho con biết về những gì mà một người phàm có thể thấy và không thấy.

Tôi cúi đầu để chứng tỏ tôi hiểu lời ngài. Tất nhiên, tôi bẩm sinh có khả năng nhận biết khí huyền bí và những hiện tượng tương tự, và những khả năng đó được tăng cường sau khi tôi được phẫu thuật 'Con Mắt Thứ Ba'. Trước kia, tôi thường cho rằng tôi đã nhìn thấy, bởi tôi nghĩ rằng những người khác cũng có khả năng nhìn như tôi. Và tôi còn nhớ, một hôm, tôi đã nói cho người đàn ông đó vẫn còn sống - người mà lão Tzu và tôi đã phát hiện nằm bên lề đường. Lão Tzu bảo rằng tôi đã làm, rằng

người đàn ông đó đã chết. Và tôi đã thốt lên, ‘Nhưng, bác Tzu à, những ánh sáng của ông ấy chưa tắt!’ May thay, một loạt gió đã cuốn đi lời tôi, và lão Tzu chẳng hiểu tôi nói gì. Song do bị thôi thúc trong lòng, lão Tzu đã nhìn kỹ người đàn ông đó, và phát hiện ông ta vẫn còn sống! Nhưng tôi không đề cập đến điều tôi biết.

- Lobsang à, những người phạm mắt tục, nam và nữ, thì không thể thấy vàng khí huyền bí bao quanh con người... Một số người tin chắc rằng không hề có vàng khí huyền bí đó. Hẳn những người đó cũng có thể cho rằng không hề có không khí, bởi họ không nhìn thấy nó. (Ngài Lạt ma nhìn tôi để xem tôi có lắng nghe không. Hài lòng bởi sự chăm chú của tôi, ngài gật đầu và nói tiếp).

Bao lâu còn sống trong một thân thể, thì thân thể toả ra một vàng khí huyền bí, mà những ai có khả năng, có tư chất, có năng khiếu trời cho, đều có thể nhận thấy. Nay Lobsang, ta phải cho con biết rằng, để có thể nhìn rõ vàng khí huyền bí của một đối phương, thì đối tượng đó cần phải hoàn toàn trần truồng. Sau này, ta sẽ giải thích cho con hiểu lý do. Để diễn giải một cách thông thường về vàng khí huyền bí ta chỉ cần nhìn cá nhân đó khi họ đang trong tình trạng thông thường, nghĩa là có mặc quần áo. Nhưng nếu con muốn xem xét vàng khí huyền bí để tiến hành một thử nghiệm y học, thì đối tượng của con phải cởi bỏ hết quần áo. Lớp thanh khí bao bọc hoàn toàn cơ thể và lớp đó trải ra quanh thân ở một khoảng cách từ 0cm30 đến 8 hoặc 10 centimet. Đó là một lớp mù màu xanh, tuy cái từ ‘lớp mù’ không mấy thích hợp, bởi người ta có thể nhìn ngang qua một cách rõ ràng. Cái lớp vỏ bao bằng thanh khí đó là một sự toát ra hoàn toàn mang tính động vật, nó chủ yếu là phát sinh từ sức sống mạnh mẽ thuộc động vật của cơ thể, đến nỗi vàng khí huyền bí của một người hoàn toàn khoẻ mạnh có thể toả ra từ 8 đến 10 centimet từ cơ thể. Lobsang à, chỉ những ai có năng khiếu nhất mới có thể nhận ra cái lớp kia, bởi giữa vỏ bao thanh khí và vàng khí huyền bí là một dải băng khác, rộng khoảng 7cm5, và cần phải có những khả năng dị thường mới có thể nhận ra những màu sắc của dải băng đó. Thú nhận rằng ta chỉ thấy ở đó sự trống rỗng.

Sự thú nhận đó của ngài Lạt ma làm tôi thích thú, bởi tôi có thể nhận ra mọi màu sắc của không gian đó. Và tôi nói ngay cho ngài Lạt ma biết:

Lạt ma Chinrobnobo nói:

- Đúng vậy, Lobsang! Ta biết con có thể nhìn thấy dải băng đó, bởi con đặc biệt có năng khiếu trong lĩnh vực đó, nhưng ta giả vờ cho rằng con không thể nhìn thấy vàng khí huyền bí, vì ta phải dành cho con mọi giải thích cần thiết.

Ngài Lạt ma nhìn tôi bằng ánh mắt quở trách, có lẽ vì tôi đã ngắt lời ngài. Một lúc, sau khi ngài nhận thấy rằng tôi đã đủ nhận thức để không ngắt lời ngài nữa, ngài nói tiếp:

- Vậy thì, trước tiên là một lớp thanh khí. Sau đó là cái vùng mà đại đa số trong chúng ta chẳng thấy gì khác hơn là cái vẻ của một không gian trống rỗng. Ở ngoài vùng đó là vàng khí huyền bí, như ta gọi, vàng khí huyền bí không phụ thuộc nhiều vào sức sống mạnh mẽ mang tính động vật, mà phụ thuộc vào sức sống mạnh mẽ thuộc tinh thần. Nó gồm có những dải băng xoay tròn và những đường rạch có tất cả những màu sắc của quang phổ - nói khác hơn, nó có rất nhiều những màu sắc mà

mắt người không thể nhận ra, bởi vàng khí huyền bí được nhận biết bởi những giác quan khác, chứ không bởi thị giác. Mỗi cơ quan của cơ thể con người phát ra chùm ánh sáng của riêng nó, chùm tia sáng của nó, và chùm đó biến đổi theo ý nghĩ của cá nhân. Những dấu chỉ đó có một cách rất rõ nét và rất nhiều trong vùng thanh khí và trong không gian trải rộng ở bên kia, và khi cơ thể con người được nhìn trong toàn bộ sự trần trụi của nó, thì vàng khí huyền bí có vẻ làm rõ thêm những triệu chứng của sức khỏe và bệnh tật của nó; do vậy, những ai trong chúng ta có khả năng thấu thị thích hợp, thì có thể chuẩn đoán tình trạng sức khỏe của một cá nhân. (Tôi đã biết tất cả điều đó, và đối với tôi đó chỉ là trò con nít, và tôi đã có những kinh nghiệm thuộc loại đó từ sau lần phẫu thuật ‘Con Mắt Thứ Ba’. Tôi biết có những nhóm Lạt ma-y sĩ khám bệnh khi người bệnh hoàn toàn trần trụi và giúp họ lành bệnh. Tôi cho rằng tôi sẽ được đào tạo để có thể trị bệnh như các Lạt ma đó. Lạt ma Chinrobnobo nói tiếp) giờ đây, con sẽ được chỉ dạy một cách đặc biệt, rất chuyên sâu, và khi sang phương Tây, ta hy vọng và tin rằng con sẽ chế tạo một cái máy mà nhờ đó những người không có một khả năng huyền bí nào cũng có thể nhận ra vàng khí huyền bí bao quanh con người. Khi trông thấy vàng khí huyền bí, các bác sĩ sẽ phát hiện điều gì đang không ổn nơi một người bệnh và có thể chữa lành bệnh. Bằng cách nào ư? Chúng ta sẽ bàn đến chuyện đó sau. Ta biết rằng tất cả những điều đó nghe chán ngắt, rằng con đã biết khá nhiều điều, nhưng vì có một khả năng thấu thị bẩm sinh, nên có lẽ con không hề nghĩ đến quá trình có tính máy móc của khả năng đó, và đó là một sự thiếu sót cần phải lấp đầy bởi nếu ta am hiểu một vấn đề một cách nửa vời, thì ta chỉ được chỉ dạy phân nửa và chỉ hữu ích lưng chừng. Và con, con sẽ là một người rất hữu ích. Nhưng Lobsang à, chúng ta hãy ngưng cuộc nói chuyện ở đây. Con hãy về phòng con. Người ta đã dành cho con một phòng ở đây. Con có thể nghỉ ngơi và suy nghĩ về mọi vấn đề mà chúng ta đã nói qua. Trong tuần này, con được miễn những lễ phụng vụ, đó là lệnh của Đấng Thánh Thiện. Mọi năng lượng, mọi nỗ lực của con phải được hướng đến mục đích là học tường tận những môn mà ta và những bạn đồng sự của ta sẽ giảng dạy cho con.

Ngài Lạt ma đứng dậy và tôi đứng theo. Một lần nữa, ngài cầm lấy cái chuông nhỏ bằng bạc và lắc mạnh. Tu sĩ-phục vụ chạy vào. Ngài Lạt ma nói:

- Cậu hãy chu đáo với Lobsang Rampa đây. Như cậu đã biết, đây là một vị khách có hạng. Hãy tiếp đãi vị khách này như một tu sĩ cấp cao.

Lạt ma Chinrobnobo quay sang tôi và nghiêng mình chào; tôi vội vã đáp lễ. Sau đó, tu sĩ-phục vụ ra hiệu cho tôi đi theo.

Đột nhiên, Lạt ma Chinrobnobo nói lớn:

- Khoan đã! Con đã quên những hủ hồ đào!

Tôi vội vã trở vào phòng, cầm lấy những cái hủ quý giá rồi lại theo tu sĩ-phục vụ.

Chúng tôi dọc theo một hành lang hẹp, và tu sĩ-phục vụ đưa tôi vào một căn phòng với cửa sổ nhìn về bên bờ sông Phúc Giang.

Tu sĩ-phục vụ nói với tôi:

- Thưa thầy, đây là cái chuông nhỏ. Nếu cần gì, thầy cứ gọi. Tôi sẵn sàng phục vụ Thầy.

Tu sĩ quay gót và rời khỏi phòng. Tôi đến bên cửa sổ. Cảnh quan Thung Lũng Thiêng làm tôi mê hoặc, khi con đò bằng da bò Tây Tạng rời bến và người đưa đò dùng sào để chống giữa dòng nước. Ở bờ bên kia có khoảng ba hoặc bốn người, mà xét theo lối ăn mặc của họ, hẳn là những quan chức. Điều đó càng được khẳng định hơn, xét theo cái cách khúm núm của người đưa đò. Trong vài phút, tôi nhìn cảnh tượng đó và, đột nhiên, tôi cảm thấy rất mệt. Tôi ngồi ngay xuống và, trước khi kịp hiểu điều gì đó xảy ra cho tôi, tôi ngã ngửa người trong trạng thái mê ngủ.

Nhiều giờ trôi qua trong những tiếng lách cách của các cối kinh. Rồi đột nhiên, tôi bật dậy, run rẩy vì khiếp đảm. Giờ lễ phụng vụ! Tôi đã trễ giờ lễ! Nghiêng đầu sang một bên, tôi lắng nghe ở một nơi nào đó, có tiếng tụng kinh. Tôi đã hiểu ra... tôi đứng dậy và chạy về phía cửa. Cái cửa không còn đó! Thật dữ dội, thân tôi va vào bức tường đá, và tôi ngã dài. Một tia sáng màu trắng-xanh toé lên trong óc tôi khi đầu tôi va vào đá, nhưng tôi tỉnh trí ngay và vội vã đứng dậy. Hoảng sợ khi nghĩ rằng mình trễ giờ lễ, tôi chạy lòng vòng trong phòng, nhưng phòng không có cửa. Tệ hơn nữa... phòng cũng chẳng có cửa sổ.

Trong tầm tối, có một giọng nói:

- Lobsang! Thầy bệnh ư?

Như một gáo nước lạnh, giọng nói của tu sĩ phục vụ đưa tôi về thực tại.

Cả thẹn, tôi nói:

- À! Tôi tưởng tôi trễ giờ lễ phụng vụ. Tôi quên rằng tôi đã được miễn.

Có tiếng cười được dẫn lại, và cái giọng đó nói tiếp:

- Đêm nay tối quá, phải thắp đèn mới được.

Chút ánh sáng loé lên ở ngưỡng cửa, ở nơi không ngờ nhất, và tu sĩ phục vụ đi về phía tôi.

Tu sĩ nói:

Tôi nghe những tiếng ầm ầm như thể cả một đàn bò Tây Tạng bị xô và chạy vào đây.

Nụ cười của tu sĩ-phục vụ xua đi mọi sự thiếu tế nhị của lời nói vừa rồi. Tôi ngồi xuống và tu sĩ rời khỏi phòng, mang theo cây đèn. Đằng sau ô vuông có phần ít tối hơn của cửa sổ, tôi thấy một sao băng đang ngang qua không gian vô tận. Tôi nằm nghiêng và chìm vào giấc ngủ.

Buổi điểm tâm gồm có tsampa và trà. Đó là món bổ dưỡng, tái tạo sức khoẻ, nhưng không mấy ngon miệng. Sau đó, tu sĩ-phục vụ đến gần và nói với tôi:

- Nếu đã sẵn sàng, xin thầy hãy theo tôi:

Tôi đứng dậy và theo tu sĩ rời khỏi phòng.

Lần này, chúng tôi theo một con đường khác, và đi vào khu mà tôi không hề biết của tu viện Chakpori. Chúng tôi xuống những cầu thang dài bất tận, và tôi nghĩ rằng chúng tôi đang tiến sâu vào làng Thiếc Sơn. Thứ ánh sáng duy nhất ở đây là ánh sáng từ hai cây đèn dầu chúng tôi mang theo. Cuối cùng, tu sĩ-phục vụ dừng lại và chỉ tay về phía trước.

- Thầy hãy tiếp tục đi thẳng về phía trước và vào căn phòng bên trái.

Tôi gật đầu chào từ biệt tu sĩ. Tu sĩ quay gót và đi ngược trở ra.

Tôi tiếp tục đi và thầm nghĩ điều gì đang chờ tôi nữa đây. Phía trước tôi là căn phòng bên trái. Điều trước tiên khiến tôi chú ý là một cái cối kinh nằm ở giữa phòng. Tôi chỉ kịp liếc nhìn nó - tuy vậy, tôi có thể nhận thấy đó là một cối kinh quái đản - bởi có giọng gọi tên tôi:

- À, Lobsang, chúng ta rất vui khi thấy con ở đây.

Tôi ngược mắt nhìn thấy thầy Linh hướng của tôi, đứng giữa, và hai bên ngài là Đại Lạt ma-y sĩ Chinrobnobo và một Lạt ma người Ấn tên là Marfata. Lạt ma Marfata trước đây đã học ngành y ở phương Tây, và đã trải qua một thời gian tại Đại Học Heidelberg của Đức. Giờ đây, ngài là một tu sĩ Phật giáo, một Lạt ma.

Lạt ma người Ấn nhìn tôi bằng con mắt nhìn tinh, sắc bén, đến nỗi tôi có cảm tưởng ngài đang xem xét lớp vải của chiếc áo cà sa của tôi. Ngài hình như đang nhìn xuyên thấu tôi. Song, ngày hôm ấy, lương tâm tôi hoàn toàn yên ổn nên tôi có thể chịu được cái nhìn đó. Xét cho cùng, tại sao tôi phải nhìn xuống chứ? Tôi xứng đáng, bởi tôi là đệ tử của Lạt ma Mingyar Dondup và Đại Lạt ma-y sĩ Chinrobnobo. Đôi môi nghiêm khắc của Lạt ma Marfata nhếch lên một nụ cười khiến tôi có cảm tưởng ngài đang rất đau đớn. Ngài cúi đầu và quay sang thầy Linh hướng của tôi:

- Vâng, tôi tin rằng cậu trai này là đúng như tôn huynh đã mô tả.

Thầy Linh hướng mỉm cười... nhưng với một sự tự nhiên và tự phát khiến ta ấm lòng.

Lạt ma Chinrobnobo nói:

- Nay Lobsang, sở dĩ chúng ta đưa con vào căn phòng bí mật này là vì muốn cho con xem một số điều, và trao đổi quan điểm với con. Ta và thầy Linh hướng của con đã kiểm tra con và hài lòng về những khả năng của con, những khả năng ấy sẽ phát triển. Ngài Marfata, đồng liêu người Ấn của ta đây, không tin rằng ở Tây Tạng lại có người kỳ tài đến thế. Ta và Lạt ma Dondup mong rằng con sẽ xác nhận những khẳng định của chúng ta.

Tôi nhìn Lạt ma người Ấn và thầm nghĩ: 'Đây là một người có đánh giá cao về chính mình.'

Tôi quay sang Lạt ma Chinrobnobo và nói:

- Thừa Lạt ma, Đấng Thánh Thiện đã rộng lượng cho con được yết kiến ngài trong một số dịp, và ngài đã yêu cầu con không cung cấp những bằng chứng bởi vì, ngài đã nói rằng, bằng chứng chỉ là một biện pháp tạm thời của một đầu óc lười nhác. Những người đòi hỏi bằng chứng là những người không có khả năng chấp nhận sự thật từ những bằng chứng đó, ngay cả khi nó được chứng minh một cách hiển nhiên.

Lạt ma y sĩ cười vang, và thầy Linh hướng cũng cười; họ nhìn Lạt ma Marfata trong khi Lạt ma này nhìn chăm tôi một cách chê bai.

Lạt ma người Ấn nói:

- Nay con, con nói hay, nhưng nói thì chẳng thể chứng tỏ gì, như con đã tự nhận biết. Giờ đây, con hãy cho ta biết, con thấy gì ở ta?

Câu hỏi đó làm tôi bối rối, bởi tôi thấy nơi con người đó nhiều điều làm tôi không thích.

Tôi đáp:

- Thưa ngài, nếu con nói ra điều con thấy thì con e rằng sẽ xúc phạm ngài và ngài sẽ xem con là đứa vô lễ.

Thầy Linh hướng gạt đầu tỏ ý tán thành, trong khi Lạt ma y sĩ cười rộng miệng.

Lạt ma người Ấn nói:

- Nay con, hãy cho ta biết con thấy gì nào, bởi ta không có thời gian để nói những chuyện vô bổ.

Tôi nhìn Lạt ma người Ấn một lúc, và sự mãnh liệt của cái nhìn của tôi khiến Lạt ma phải bối rối, rồi tôi nói:

- Thưa ngài khả kính, ngài đã ra lệnh cho con phải nói ra một cách trung thực, và theo con hiểu thầy Linh hướng của con và Lạt ma-y sĩ đây cũng muốn thế. Thưa ngài, đây là lần đầu tiên con được thấy ngài, tuy vậy vàng khí huyền bí và những ý tưởng của ngài cho phép con khẳng định rằng: ngài là người đã chu du nhiều nơi và đã vượt qua các đại dương của Trái Đất này. Ngài đã đến một hòn đảo nhỏ, con không biết tên, mà cư dân ở đó đều là những người Da Trắng. Ở gần hòn đảo nhỏ có một hòn đảo nhỏ nữa, như một chú ngựa non kề mẹ. Ngài đã rất thù ghét những người Da Trắng đó, và họ cũng muốn chống lại ngài, vì một sự kiện liên quan đến... (Đến đây, tôi do dự, vì hình ảnh rất tối; hẳn là một chuyện mà tôi không thể hiểu. Tuy nhiên, với một nỗ lực lớn, tôi nói tiếp) ... liên quan đến một thành phố Ấn Độ mà theo con nghĩ là Calcutta, và liên quan đến một hốc đen, nơi những cư dân của hòn đảo đó đã ở trong một tình thế rất tệ. Họ đã cho rằng ngài hẳn đã giúp họ tránh được những rắc rối đó thay vì gây ra cho họ.

Đại Lạt ma-y sĩ bật cười. Điều đó làm tôi thích thú, bởi nó cho thấy tôi đang đi đúng đường. Thầy Linh hướng vẫn bình thản, nhưng Lạt ma người Ấn thì thốt lên tiếng càu nhàu. Tôi nói tiếp:

- Sau đó, ngài đã sang một nước khác và con có thể đọc rõ trong tâm trí ngài cái tên Heidelbeng. Ở nước đó, ngài đã theo học ngành y và theo những phương pháp thực hành dã man, hung bạo. Ngài đã cắt bỏ, đã cưa và cắt cụt. Ngài không áp dụng những phương pháp được dùng tại Tây Tạng. Nói tóm lại, người ta đã cho ngài một tờ giấy lớn với nhiều con dấu được đóng lên đó. Cũng dựa theo vàng khí huyền bí của ngài, con thấy ngài đang bị bệnh. (Tôi hít một hơi sâu để dự phòng cho những lời đáp trả mà tôi sẽ nhận.) Căn bệnh của ngài là không thuốc chữa. Đó là chứng bệnh mà những tế bào của cơ thể bị rối loạn và phát triển như cỏ dại, không theo quá trình thông thường, nhưng gia tăng và tấn công những cơ quan trọng yếu của cơ thể. Cuộc sống của ngài sẽ kết thúc trên trần gian này do bản chất của những ý nghĩ của ngài là chỉ thấy cái ác trong tâm trí của đồng loại.

Trong một lúc - tưởng chừng cả thế kỷ - mọi người đều im lặng. Sau đó, Lạt ma Chinrobnobo nói:

- Lobsang à, con có lý. Rất có lý!

Lạt ma người Ấn nói:

- Cậu trai này hẳn được ai đó chỉ dẫn.

Thầy Linh hướng lên tiếng:

- Thưa ngài, không ai trong chúng tôi từng nói đến trường hợp của ngài.

Lobsang đây vừa cho chúng tôi biết nhiều điều mà chúng tôi không hề biết, bởi chúng tôi không quan sát vàng khí huyền bí của ngài cũng như tâm trí ngài, do ngài không yêu cầu chúng tôi. Nhưng, điều mà chúng tôi quan tâm là biết rằng Lobsang có cái khả năng đó và chúng tôi giúp cậu ấy phát triển nó hơn. Đây là nơi và là lúc không được dùng để tranh cãi. Chúng ta cần phải thực hiện một công việc nghiêm túc. Này Lobsang, hãy theo ta!

Thầy Linh hướng đứng dậy và dẫn tôi đến một Cối Kinh lớn. Tôi nhìn cái cỗ máy quái đản đó và biết nó không phải là một Cối Kinh. Đó là một cỗ máy cao khoảng một mét hai mươi và rộng một mét năm mươi. Ở hai bên nó có hai cửa sổ nhỏ, và tôi thấy chúng được lồng kính. Phía trước cỗ máy, đặt lệch tâm, là hai cửa sổ lớn hơn. Ở hông bên kia là một cái cán lớn. Đối với tôi, cái máy này là cả một bí ẩn, bởi tôi không biết nó được dùng làm gì.

Lạt ma Chinrobnobo nói với tôi:

- Nhờ vào cái máy này mà những người không có khả năng thấu thị có thể trông thấy vàng khí huyền bí. Lạt ma Marfata đến đây để được các Lạt ma chúng ta khám bệnh và ngài không muốn chúng ta tiết lộ bệnh của ngài. Chúng ta đưa ngài ấy đến đây để ngài được chuẩn đoán nhờ vào cái máy này. Nếu đồng ý thì ngài ấy sẽ cởi áo cà sa hầu con có thể nhìn và cho biết bệnh tình của ngài. Sau đó, ta sẽ vận hành cái máy này để xem sự chuẩn đoán của con và cái máy có khác nhau không.

Thầy Linh hướng chỉ tay về một điểm trên bức tường âm u. Lạt ma người Ấn đến đứng trước cái điểm đó, cởi bỏ áo cà sa và quần. Ngài áp sát vào tường, bắt động, trần truồng, với tấm thân màu tượng đồng.

Thầy Linh hướng ra lệnh cho tôi:

- Này Lobsang, con hãy nhìn kỹ ngài Lạt ma ấy và cho chúng ta biết con thấy gì.

Tôi nhìn Lạt ma người Ấn. Tôi không nhìn thẳng mà nhìn nghiêng. Tôi như thể không làm cho thích hợp tầm nhìn của tôi, bởi đó là cách tốt nhất để nhìn vàng khí huyền bí. Nói khác hơn, tôi không sử dụng tầm nhìn thông thường bằng hai mắt của tôi, nhưng tôi sử dụng riêng biệt mỗi mắt. Đó là điều khó giải thích, nhưng điều đó chủ yếu là nhìn một mắt về phía trái và một mắt về phía phải, và là một cách thức - một cái mẹo - mà hầu hết mọi người đều có thể học.

Tôi nhìn kỹ Lạt ma người Ấn: vàng khí huyền bí của ngài lấp lánh và dao động. Tôi thấy ngài là một người đáng chú ý, có những khả năng tri thức cao nhưng, khổ nỗi, toàn bộ tầm nhìn của ngài về thế giới của ngài đã bị sai lệch do trạng thái bệnh hoạn bí ẩn mà ngài mang trong người. Trong khi xem xét ngài, tôi lớn tiếng nói lên những ý nghĩ của tôi, một cách chính xác, không thêm không bớt. Tôi không nhận thấy rằng thầy Linh hướng và Lạt ma-y sĩ đang rất quan tâm đến những lời của tôi.

Tôi nói:

- Rõ ràng, chứng bệnh này là hậu quả của nhiều căng thẳng đã tác động đến cơ thể. Lạt ma người Ấn đã gặp phải nhiều ức chế, và nhiều thăng trầm. Đó là những điều gây hại cho sức khỏe, và làm rối loạn các tế bào đã tìm cách thoát khỏi sự kiểm soát của Siêu Ngã. Chính vì thế mà ngài đang đau ở đây (Tôi chỉ vào vùng gan của ngài), và vì tính tình ngài hay cáu gắt, nên cứ mỗi lần ngài tức giận, thì chứng bệnh lại trầm trọng thêm. Xét theo vàng khí huyền bí của ngài, thì có thể kết luận rằng nếu ngài trầm tĩnh hơn, thanh thản và hiền từ hơn, như Lạt ma Mingyar Dondup đây, thì ngài sẽ sống lâu hơn ở trần gian này, và hoàn thành công việc của ngài ở một mức độ rộng lớn hơn mà sẽ không phải đầu thai ở cõi này.

Một lần nữa, sự thình lểng phủ xuống, và tôi hài lòng khi thấy Lạt ma người Ấn gật đầu như thể hoàn toàn đồng ý về sự chuẩn đoán của tôi. Lạt ma Chinrobnobo quay sang cỗ máy kỳ quái và nhìn vào những cửa sổ nhỏ. Thầy Linh hướng cầm lấy cái cán của máy và quay càng lúc càng nhanh hơn cho đến khi, nghe theo lời Lạt ma Chinrobnobo, ngài giữ ổn định tốc độ. Lạt ma Chinrobnobo xem xét cỗ máy trong một lúc, rồi lại đứng lên. Không nói năng gì, thầy Linh hướng thay chỗ Lạt ma Chinrobnobo, trong khi Lạt ma này thay ngài quay cái máy.

Sau khi đã xem xét, họ đến gần nhau và trao đổi qua thần giao cách cảm. Tôi không tìm cách nắm bắt những ý nghĩ của họ, bởi làm như thế là vô lễ. Cuối cùng, họ quay sang Lạt ma người Ấn và nói:

- Tất cả những gì Lobsang Rampa đã nói với ngài là chính xác. Chúng tôi đã kỹ lưỡng xem xét vàng khí huyền bí của ngài và nghĩ rằng ngài đang bị ung thư gan. Chúng tôi cho rằng sở dĩ như thế là vì ngài có tính tình thuộc mật đen, nguyên nhân gây sự u sầu, gây bệnh tương. Nhưng nếu ngài chọn một cuộc sống thanh thản, thì chúng tôi tin rằng ngài sẽ sống thêm một số năm và qua đó ngài có thể hoàn tất công việc của ngài. Chúng tôi sẵn sàng thực hiện những điều cần thiết để ngài được phép ở lại tu viện Chakpori này, nếu ngài muốn.

Lạt ma người Ấn bàn bạc một lúc, rồi ngài ra hiệu cho Lạt ma Chinrobnobo, và hai người rời khỏi phòng. Vỗ vai tôi, thầy Linh hướng nói:

- Con giỏi lắm, Lobsang. Giờ đây, ta sẽ cho con xem cái máy này.

Ngài đến bên cái máy lạ lùng đó, và nâng cái nắp của một bên máy lên. Toàn bộ cái máy đang chuyển động và, ở bên trong, tôi thấy một loạt những cánh tay đang toả ra từ một trục chính. Ở đầu mút những cánh tay đó là những lăng kính bằng thủy tinh màu đỏ hồng ngọc, xanh, vàng và trắng. Khi quay cái cán, những cu roa kết hợp cái cán với trục truyền vào các cánh tay một chuyển động quay, và tôi nhận thấy mỗi lăng kính lần lượt được đưa vào tầm mà ta có thể thấy qua hai thị kính. Sau khi giải thích cách thức vận hành của máy, thầy Linh hướng nói thêm:

- Dĩ nhiên, đây là một hệ thống rất thô thiển, rất sơ khai. Sở dĩ nó được dùng là để thử nghiệm với hy vọng một ngày nào đó, chúng ta sẽ tạo ra một cái máy nhỏ gọn hơn. Lobsang à, con sẽ chẳng bao giờ cần dùng nó, nhưng mấy ai có được khả năng thiên phú như con để có thể nhìn thấy một cách rõ ràng vàng khí huyền bí. Sau này, ta sẽ giải thích cho con chi tiết về sự vận hành của máy, nhưng hãy hiểu rằng đây là một nguyên lý thuộc bộ hoà tần, nơi những lăng kính màu, trong khi quay

nhanh làm gián đoạn tuyến thị giác và như thế phá huỷ hình ảnh bình thường của cơ thể con người, và tăng cường những tia sáng yếu hơn vầng khí huyền bí nhiều.

Thầy Linh hướng đẩy cái nắp lại và quay sang một cái máy khác, đặt trên một cái bàn, nơi một góc phòng. Ngài đến gần cái bàn đó khi Lạt ma Chinrobnobo vào phòng và đến bên chúng tôi.

Lạt ma Chinrobnobo nói với thầy Linh hướng:

- À! Chư tôn sắp kiểm tra khả năng ngoại cảm của cậu này? Tôi phải xem mới được!

Chỉ vào một cái ống hình trụ kỳ lạ có vẻ được làm bằng giấy thô, thầy Linh hướng nói với tôi:

- Nay Lobsang, cái này là một thứ giấy dày, thô. Người ta đã đục thủng vô số lỗ ở đây, và những cái miệng lỗ đã làm giấy nhô ra. Sau đó, các Lạt ma chúng ta đã gấp tờ giấy này sao cho những cái miệng đó nằm ở ngoài, và tờ giấy được cuộn tròn thành một ống hình trụ. Ống này được đặt trên đầu nhọn của một cái kim dính với một cái bệ nhỏ. Như vậy, cái ống hình trụ được đặt trên một cái bệ mà nó không phải chịu cùng một sự ma sát nào. Giờ đây, hãy nhìn xem!

Thầy Linh hướng ngồi xuống và đặt hai tay ở hai bên ống hình trụ, không chạm đến, nhưng cách nó từ hai đến ba centimet, các ngón tay giương thẳng. Chẳng bao lâu sau, cái ống bắt đầu quay và tôi kinh ngạc khi thấy nó càng lúc càng quay nhanh hơn. Thầy Linh hướng đưa tay dừng nó lại. Sau đó, ngài đặt hai bàn tay theo hướng ngược lại, để cho các ngón tay của ngài - thay vì chìa ra ngoài như trước - giờ đây hướng vào thân của ngài. Vậy là cái ống hình trụ lại quay, nhưng theo chiều ngược lại!

Tôi nói:

- Ngài đang thổi vào cái ống!

Lạt ma Chinrobnobo đáp:

- Đó là điều mọi người đều nói, nhưng họ đã lầm.

Ngài đi về một hốc được xây trong tường ở cuối phòng, và mang đến một tấm kính rất dày, và cẩn thận trao cho thầy Linh hướng. Thầy Linh hướng đưa tay dừng cái ống đang quay và ngồi xuống trong khi Lạt ma Chinrobnobo đặt tấm kính giữa thầy Linh hướng và cái ống hình trụ.

Lạt ma Chinrobnobo nói:

- Hãy quyết liệt nghĩ đến chuyển động quay.

Đó hẳn là điều thầy Linh hướng đang thực hiện, bởi cái ống hình trụ bắt đầu quay. Tấm kính ngăn không cho thầy Linh hướng hoặc bất cứ ai truyền cho cái ống một chuyển động quay bằng cách thổi vào nó.

Thầy Linh hướng lại dừng cái ống, và quay sang tôi, ngài nói:

- Bây giờ, đến lượt con!

Ngài rời khỏi ghế, và tôi ngồi vào chỗ ngài.

Tôi đặt hai bàn tay theo như thầy Linh hướng đã làm. Lạt ma Chinrobnobo giữ tấm kính ở phía trước tôi để hơi thở của tôi không thể tác động đến sự quay của ống

hình trụ. Tôi cảm thấy mình lố bịch, bởi chẳng có gì xảy ra. Cái ống hình trụ vẫn đứng yên.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à! Hãy nghĩ đến việc làm cho nó quay!

Tôi tuân theo, và ngay tức khắc, cái ống bắt đầu quay. Tôi muốn bỏ chạy: tôi nghĩ rằng cái ống đang bị mê hoặc. Rồi lý trí (một chút mà tôi có) đã thắng và tôi vẫn ngồi yên, không bỏ chạy.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, cái hệ thống này được chuyển động bởi lực của vàng khí huyền bí của con người. Con đã nghĩ đến việc làm cho nó quay, và vàng khí huyền bí của con đã chuyển cho nó một chuyển động quay. Có thể con sẽ muốn biết một cái máy như loại này có được đưa vào thử nghiệm tại các nước lớn trên thế giới hay không. Những nhà bác học uyên bác nhất đã tìm cách giải thích sự vận hành của nó, nhưng vì những người phương Tây không tin vào lực thanh khí, nên họ bịa ra những giải thích còn lạ lùng hơn cả lực thanh khí!

Đại Lạt ma-y sĩ nói:

- Mingyar Dondup à, tôi rất đói bụng. Tôi cho rằng đã đến lúc chúng ta nên về phòng để nghỉ ngơi và ăn uống. Chúng ta không nên lạm dụng những khả năng cũng như sức chịu đựng của cậu trai này, bởi sau này, những tư chất của cậu ấy sẽ phải chịu những thử thách cam go.

Chúng tôi rời phòng, nơi các ngọn đèn được tắt, và đi theo hành lang đá dẫn về khu nhà chính của Chakpori. Chẳng bao lâu sau, cùng với thầy Linh hướng, tôi bước vào một căn phòng. Tôi mừng rỡ trước bữa ăn sẽ tái tạo sinh lực cho tôi.

Thầy Linh hướng nói với tôi:

- Ăn ngon miệng, Lobsang, bởi ta sẽ gặp con trong ngày để bàn với con về những vấn đề khác.

Sau bữa ăn, tôi nghỉ ngơi trong phòng mình khoảng một hoặc hai tiếng, trong khi nhìn ra cửa sổ: sở thích của tôi là được nhìn từ nơi rất cao những sinh hoạt của trần gian này; tôi thích nhìn những thương lái chậm rãi ngang qua Cửa Tây, như một đám rước ngoằn ngoèo, mỗi bước chân của họ cho thấy họ mừng biết bao khi kết thúc một cuộc hành trình dài và gian nan qua những hẻm của vực núi. Một hôm, các thương lái đã cho tôi biết về toàn cảnh tuyệt đẹp mà người ta có thể chiêm ngưỡng từ một điểm của một đèo cao, nơi mà, khi đến từ biên giới Ấn, người ta có thể ngắm, qua một khe mở giữa những ngọn núi, Thành Cổ Thiêng, với những mái nhà lấp lánh của nó, và ở sườn các ngọn núi là những bức tường trắng của 'Đống gạo', một từ được chọn rất đúng bởi sự trắng xoá của nó lan toả tràn đầy trên những sườn núi, và toàn bộ khiến người ta nghĩ đến một đống gạo. Tôi thích nhìn người đưa đò ngang qua sông Phúc Giang.

Một lát sau, tôi lại có mặt trong căn phòng rộng lớn đó, cùng với thầy Linh hướng và Lạt ma-y sĩ Chinrobnobo. Lạt ma-y sĩ nói với tôi:

- Này Lobsang! Hãy luôn nhớ rằng, nếu con muốn khám phá một người bệnh và làm thuyên giảm cơn đau của họ, thì người bệnh - dẫu nam hay nữ - phải cởi bỏ hết quần áo.

Đỏ mặt, tôi đáp:

- Thưa Lạt ma khả kính, con thấy chẳng có lý do gì để buộc ai đó phải cởi bỏ quần áo trong cái không khí lạnh giá khắc nghiệt này, bởi con có thể thấy rõ vàng khí huyền bí của một người có mặc quần áo.Ồ! Thưa Lạt ma khả kính, làm sao con có thể yêu cầu một phụ nữ cởi bỏ quần áo cơ chứ?

Cái ý nghĩ đó khiến tôi tròn xoe mắt vì khiếp đảm. Hẳn bộ mặt tôi trông rất hài, bởi cả thầy Linh hướng, lẫn Lạt ma-y sĩ đều bật cười. Cả hai phải ngồi xuống để phá lên cười. Còn tôi, đứng trước mặt họ, tôi cảm thấy mình hoàn toàn lố bịch, nhưng tôi cũng rất thắc mắc, bởi tôi có thể thấy rõ vàng khí huyền bí - không chút khó khăn - và tôi không hiểu vì lý do gì tôi phải thực hiện theo một cách khác.

Lạt ma-y sĩ nói:

- Lobsang à! Con là một nhà thấu thị rất có tài, nhưng có một số điều con không thể trông thấy. Con đã cho chúng ta thấy một trong những khả năng nổi trội của con liên quan đến vàng khí huyền bí, nhưng hẳn con đã không thể chuẩn đoán chứng ung thư gan nơi Lạt ma người Ấn nếu ngài ấy không cởi hết quần áo.

Tôi suy nghĩ về những lời đó và phải thâm nhìn nhận rằng ngài có lý. Tôi đã nhìn Lạt ma người Ấn khi ngài ấy đang mặc cà sa, và tôi phát hiện ra nhiều điều về tính tình và thái độ của ngài, nhưng tôi không nhận ra chứng bệnh của ngài.

Tôi gật đầu:

- Thưa Lạt ma-y sĩ khả kính, ngài hoàn toàn có lý. Con mong được ngài hướng dẫn nhiều hơn trong lĩnh vực này.

Thầy Linh hướng nói với tôi:

- Khi nhìn vàng khí huyền bí của một người, thì con chỉ muốn thấy vàng khí huyền bí đó, con không quan tâm đến những ý tưởng của con cừu mà len của nó đã được dệt thành áo. Vàng khí huyền bí luôn bị ảnh hưởng bởi người đang giao thoa với nó bằng tia trực tiếp của họ. Ở đây, chúng ta có một tấm kính; nếu ta thổi lên nó thì làn hơi của ta ảnh hưởng đến điều con thấy qua tấm kính này. Mặt khác, tuy đây là một tấm kính trong suốt, nó làm thay đổi ánh sáng, hay đúng hơn là màu sắc của ánh sáng mà con sẽ thấy khi nhìn qua tấm kính. Cũng vậy, nếu con nhìn qua một tấm kính màu, cường độ của tất cả những dao động mà con nhận được từ một vật sẽ bị biến đổi bởi tác động của tấm kính màu. Do vậy, vàng khí huyền bí của một người đang mặc quần áo bị biến đổi tùy theo lượng thanh khí có trong quần áo hoặc trang sức.

Tôi suy nghĩ về những lời đó và nhìn nhận rằng chúng chứa đựng một phần lớn sự thật.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Ngoài ra: mỗi cơ quan của cơ thể phóng chiếu hình ảnh của nó - tình trạng khoẻ mạnh hoặc bệnh tật của nó - trong thanh khí, và trong vàng khí vô hình khi nó được loại bỏ khỏi ảnh hưởng của quần áo, sẽ làm rằng thêm cái ấn tượng mà ta nhận

được. Rõ ràng là nếu con muốn giúp đỡ một người khoẻ mạnh hoặc bệnh tật, con phải xem xét người đó trong tình trạng họ hoàn toàn trần truồng. (Ngài mỉm cười và nói tiếp) Và, nếu trời lạnh, thì con phải đưa người bệnh tật đến một nơi ấm hơn.

- Thưa Lạt ma khả kính, cách nay không lâu, ngài có nói với con rằng ngài đang nghiên cứu một cái máy sẽ giúp ngài chữa lành bệnh nhờ vàng khí huyền bí.

Thầy Linh hướng gật đầu:

- Đúng vậy, Lobsang. Bệnh tật chỉ là một sự lủng củng, thiếu hài hoà trong sự dao động của cơ thể. Khi nhịp điệu của những dao động tế bào của một cơ quan cơ thể bị rối loạn, cơ quan đó được xem là bị bệnh. Nếu ta có thể thấy ở mức độ nào những dao động của một cơ quan của cơ thể đang bị tách rời khỏi mức bình thường, thì ta có thể chữa lành cơ quan đó bằng cách tái lập nhịp dao động của nó theo đúng như nó nguyên trạng. Trong trường hợp một bệnh nhân tâm thần, thì não nhận thông điệp từ Siêu Ngã, nhưng nó không thể hiểu nghĩa một cách chính xác, và thái độ của nó biểu hiện ra khác hẳn với thái độ của người được xem là bình thường. Như vậy, nếu một người không thể lý luận hoặc hành động một cách bình thường, thì người đó bị cho là mắc bệnh tâm thần. Khi đo lường sự trệch hướng - sự kích thích không đầy đủ - chúng ta có thể giúp người bệnh tái lập sự cân bằng. Những dao động có thể thấp hơn mức bình thường, điều đó đưa đến một sự 'kém - kích thích', hoặc bị kích thích ở mức cao, do đó người bệnh bị mất trí. Một điều không thể phủ nhận là nhờ vào vàng khí huyền bí, ta có thể trị bệnh.

Lạt ma-y sĩ ngắt lời thầy Linh hướng.

- Thưa tôn chủ, Lạt ma Marfata đã bàn với tôi về vấn đề đó, và ngài ấy đã nói rằng ở một số nơi tại Ấn Độ - một số tu viện Lạt ma hẻo lánh - các Lạt ma sử dụng một máy có điện áp rất cao, được gọi là ... Máy phát điện Graaf. Máy đó phát ra một dòng điện áp cực kỳ cao với cường độ cực kỳ thấp. Khi được ứng dụng vào cơ thể con người theo một cách nhất định, nó sẽ làm gia tăng đáng kể cường độ của vàng khí huyền bí, đến nỗi người không có khả năng thấu thị cũng có thể nhìn thấy rõ nó. Tôi được biết rằng, trong những điều kiện đó, người ta có thể chụp ảnh vàng khí huyền bí.

Gật đầu, thầy Linh hướng nói:

- Vàng, người ta cũng có thể nhìn thấy vàng khí huyền bí của con người nhờ vào một thứ thuốc nhuộm đặc biệt, một chất lỏng mà người ta đưa vào giữa hai tấm kính. Bằng cách chọn một hệ thống chiếu sáng và một hậu cảnh thích hợp, và trong khi nhìn một thân thể con người trần truồng, qua những tấm kính đó, thì nhiều người có thể trông thấy vàng khí huyền bí.

Không dần được, tôi nói xen vào:

- Nhưng, thưa ngài, tại sao người ta phải cần dùng đến những thứ đó? Tại sao người ta không thể nhìn thấy vàng khí huyền bí theo cách của con?

Cả hai Lạt ma bật cười. Lần này, họ thấy không cần phải giải thích sự khác biệt của sự rèn luyện mà tôi đã trải qua với sự không được chỉ dẫn của một người bình thường.

Lạt ma-y sĩ nói tiếp:

- Vào lúc này, chúng ta đang dò dẫm trong bóng tối. Chúng ta tìm cách chữa trị những người bệnh bằng các phương pháp gia truyền, dựa vào kinh nghiệm, bằng cách sử dụng các thảo dược, thuốc viên, thuốc nước. Chúng ta chẳng khác gì những người mù đang cố tìm kiếm cây kim rơi xuống đất. Ta mong rằng sẽ có một cái máy nhỏ, được thiết kế sao cho, nhờ nó, một người không có khả năng thấu thị có thể nhìn thấy vàng khí huyền bí, nhận mọi lỗi khuyết bất bình thường của nó, và như thế có thể chữa trị sự thiếu hài hoà hoặc khiếm khuyết, vốn thực sự là nguồn gốc của bệnh tật.

Những ngày còn lại trong tuần này, thầy Linh hướng và Lạt ma-y sĩ truyền thụ cho tôi qua thần giao cách cảm và thuật thôi miên; những khả năng của tôi được tăng cường, và chúng tôi bàn luận rất lâu với nhau về những cách thức tối ưu để nhìn thấy vàng khí huyền bí, và thiết kế một cái máy giúp nhìn thấy vàng khí đó. Rồi, vào đêm cuối của tuần đó, tôi quay về căn phòng nhỏ của tôi tại tu viện Lạt ma Chakpori. Tôi nhìn ra cửa sổ và nghĩ rằng, ngày mai tôi sẽ trở về nhà ngủ lớn, nơi tôi sẽ ngủ cạnh nhiều tu sinh khác.

Thung lũng lấp lánh những ánh đèn. Những tia nắng cuối của một ngày tràn ngập phần lờm chờm đá chung quanh thung lũng và đang ve vuốt những mái nhà vàng óng, như những ngón tay rực lửa tuôn xuống những cơn mưa ánh sáng. Những màu xanh, vàng, đỏ và lục thu hút mắt nhìn và chúng càng lúc càng mờ nhạt đi. Chẳng mấy chốc, thung lũng có vẻ như được xếp vào trong những lớp nhung màu tím xanh - đen hầu như có thể sờ được. Qua cửa sổ, tôi có thể ngửi thấy hương của những cây liễu và những cây cỏ trong vườn, ở phía dưới, và một cơn gió thoảng mang đến cho khứu giác của tôi mùi hương nồng hơn của phấn hoa và những nụ hoa đang hé nở.

Mặt trời đã khuất hẳn, không còn ve vuốt cái rìa lờm chờm đá của thung lũng, và những ngón tay rực sáng của nó giương thẳng lên nền trời đã tối sẫm, phản chiếu màu xanh, đỏ trên những đám mây thấp. Dần dần, đêm phủ xuống khi mặt trời càng lúc càng lún sâu hơn phía sau chân trời. Chẳng bao lâu sau, những điểm sáng mọc lên trên bầu trời tím, đốm sáng của sao Thổ, sao Kim, và sao Hoả. Cuối cùng là sự xuất hiện của con trăng cỡi cái mặt rỗ hoa của nó. Một đám mây nhỏ như len ngang qua nó, khiến tôi nghĩ đến một phụ nữ đang kéo chiếc áo về để che thân sau khi được chuẩn đoán qua vàng khí huyền bí. Tôi quay mặt đi và quyết tâm làm tất cả những gì có thể để góp phần đạt được tiến bộ trong sự hiểu biết về vàng khí huyền bí của con người, nhằm làm vơi đi những đau khổ của hàng triệu người. Tôi nằm dài trên sàn đá và nhanh chóng chìm vào giấc ngủ.

(9)

Thình lạng vô vùng. Quang đây là một không khí tập trung cao độ. Từng lúc lâu trôi lên tiếng lao xao, hầu như không nghe thấy, và ngay sau đó là một sự im lặng chết chóc. Tôi nhìn quanh là những cái bóng bất động, mặc áo cà sa có những nếp gấp dài. Họ ngồi trên sàn trong tư thế cứng nhắc. Tất cả đều đang chú tâm đến công việc của họ. Họ tập trung toàn bộ sự chú ý đến những hoạt động thuộc ngoại giới. Và, thật sự là, có một số trong họ đang quan tâm nhiều hơn đến những sinh hoạt ở thế giới bên kia, bên kia thế giới của chúng ta. Tôi hướng mắt đến một trong những cái bóng tôn nghiêm đó, rồi sang cái bóng khác. Ở nơi này là một tu viện trưởng cấp cao, đến từ một vùng xa. Ở nơi nọ là một Lạt ma ăn mặc nghèo khổ, xuống từ vùng núi. Một cách máy móc, tôi đẩy lùi một trong những cái bàn thấp, để được rộng chỗ. Sự thình lạng đang trĩu nặng. Đó là một sự thình lạng sinh động mà sự hiện diện của biết bao người trong căn phòng này khiến nó trở thành một điều không thể giải thích.

Ầm! Sự thình lạng đột ngột bị phá vỡ. Tôi nhảy nhồm và xoay người. Một nhân viên thư viện ngã dài trên sàn, vẻ sửng sốt, và chung quanh ông ta, những cuốn sách có gáy bằng gỗ vẫn phát ra những tiếng lộp độp. Khi bước vào đây, với đôi tay trĩu nặng sách, ông ấy không trông thấy cái bàn mà tôi đã dời lúc nãy. Và vì cái bàn chỉ cao năm mươi centimet, nên nó đã làm ông vấp phải và đổ ập lên ông.

Những bàn tay sùng mộ vội thu nhặt những cuốn sách và phủi bụi chúng. Ở Tây Tạng, sách luôn được trân trọng. Sách là nơi tập hợp kiến thức khoa học, và luôn

phải tránh cho chúng khỏi bị hư hại hoặc rách nát. Vào lúc này, điều mà người ta quan tâm đến là những cuốn sách đó, chứ không phải con người. Tôi đặt cái bàn về chỗ cũ. May thay, chẳng ai trách tôi một tiếng về sự việc đã xảy ra! Tu sĩ bị té ngã đưa tay xoa đầu, cố hiểu điều gì đã xảy ra. Rồi gật gù với vẻ ngạc nhiên, tu sĩ quay gót và ra khỏi phòng. Chẳng mấy chốc, sự thinh lặng lại phủ xuống, và các Lạt ma lại tiếp tục đọc sách trong Thư Viện.

Do đã bị thương ở đầu trong khi giúp việc tại nhà bếp, nên tôi được miễn làm việc ở đó. Giờ đây, những công việc ‘thứ yếu’ của tôi là vào Thư Viện, lau chùi những bìa cứng của sách, và quét dọn. Các sách Tây Tạng có khổ lớn và nặng. Những bìa sách bằng gỗ thường được trang trí bằng những chạm khắc rất phức tạp để nói lên cái tựa sách, và đôi khi có kèm theo một hình ảnh. Quả là một công việc không nhẹ nhàng khi đưa những cuốn sách từ các ngăn của Thư Viện xuống và lặng lẽ đưa chúng về cái bàn của tôi, lau chùi rồi trả về chỗ cũ. Quản thủ Thư Viện là một người rất tỉ mỉ; ông cẩn thận xem xét từng pho sách để xem nó có thực sự được lau chùi sạch không. Những tạp chí và báo nước ngoài được giữ giữa những tấm bìa bằng gỗ. Tôi đặc biệt thích xem chúng, tuy không đọc được một chữ. Nhiều tờ trong số báo đó, đã cũ từ nhiều tháng trước, có những hình ảnh minh họa, và tôi tranh thủ để xem chúng, mặc cho quản thủ Thư Viện cố công ngăn tôi. Tôi bị mê hoặc bởi những minh họa có hình những chiếc xe có bánh. Dĩ nhiên, trên toàn Tây Tạng không hề có loại xe cộ nào có bánh xe, và những lời Sấm của nước tôi chỉ rõ rằng ngày nào những cái bánh xe tiến vào Tây Tạng, thì sẽ là ‘Sự khởi đầu của thời kỳ chung cuộc’.

Bị mê hoặc, tôi nhìn những minh họa. Trong một tạp chí, tôi thấy những ảnh - cả một loạt - mô tả quá trình in ra tạp chí này. Có những máy móc đồ sộ với những ống hình trụ to lớn và những bánh xe răng cưa rất lớn. Trên những hình ảnh đó là những người đang điên cuồng làm việc, và tôi thầm nghĩ, ở Tây Tạng này thì các sự việc khác hẳn biết bao. Ở đây, chúng tôi có sự kiêu hãnh của người thợ thủ công, sự hãnh diện khi công việc được hoàn thành tốt đẹp. Người thợ thủ công Tây Tạng không có cái cốt cách của một thương nhân. Tôi lại một lần nữa xem những trang của tạp chí và nghĩ đến cách thức mà người dân của nước tôi thực hiện các công việc.

Sách của nước ta được in ở làng Sho. Các tu sĩ đã khắc chữ Tây Tạng lên những tấm gỗ quý. Nhằm đảm bảo một sự chính xác tuyệt đối, không thiếu sót một chi tiết nhỏ nào, họ làm việc một cách chậm rãi. Khi những nhà chạm khắc hoàn tất một tấm ván in, nó được trao cho những người đánh bóng để loại bỏ mọi sần sùi, mọi khiếm khuyết. Sau đó, đến lượt những nghệ nhân khác xem xét bản văn để đảm bảo sự chính xác của nó, không để cho một lỗi nào lọt vào sách. Thời gian không quan trọng; chỉ có sự chính xác là đáng kể.

Sau khi các mộc bản đã được khắc, nhẵn bóng, và kiểm tra, chúng được chuyển sang các tu sĩ thợ in. Hãy đặt chúng lên trên một ghế dài, sau đó trét mực lên những chữ đã khắc. Dĩ nhiên, tất cả những thứ đó đều đã được khắc ngược, để sau khi in, bản văn luôn ở mặt phải. Sau khi một lần nữa kiểm tra bản khắc gỗ để đảm bảo nó đã được trét mực đầy đủ, người ta nhanh chóng trải ra một tờ giấy,

tương tự như giấy cói của người Ai Cập, trên bề mặt có mực. Một cách nhẹ nhàng, bằng một động tác tiến dần, người ta ấn xuống mặt sau tờ giấy, và sau đó nó được tách ra khỏi bản khắc gỗ bằng một động tác nhanh. Ngay tức khắc, các tu sĩ thanh tra cầm lấy trang giấy và kiểm tra rất kỹ. Nếu phát hiện một lỗi - bất cứ lỗi gì - thì họ không tẩy cũng chẳng đốt nó, nhưng xếp nó lại thành tập và đóng gói lại.

Ở Tây Tạng, những chữ đã in lên giấy được xem như là những gì linh thiêng; quả là một xúc phạm đối với khoa học khi huỷ hoại hoặc làm rách nát một tờ giấy có in những văn bản chỉ dạy về khoa học hoặc tôn giáo. Chính vì vậy mà, theo dòng thời gian, Tây Tạng đã tích lũy, từ tập này sang tập khác những tờ giấy in có đôi chút thiếu hoàn hảo.

Nếu tờ giấy đã in được xét là đáng hài lòng, thì các thợ in được lệnh tiếp tục. Tôi thường nhìn những người đó làm việc, và trong chương trình học của tôi, phải thực hiện những công việc tương tự như họ. Tôi phải khắc chữ ngược, phải đánh bóng để loại bỏ những sần sùi, và dưới sự giám sát chặt chẽ, tôi trét mực lên những chữ đó, và sau đó in ra những cuốn sách.

Ở Tây Tạng, sách không được đóng như ở Tây phương, sách Tây Tạng dài và rất hẹp, bởi dòng chữ in. Sau khi in, mọi tờ sách đều phải được dàn trải ra một cách cẩn thận và sau một thời gian - chúng tôi không vội - những tờ sách khô ráo. Một khi đã khô ráo, thật khô ráo, chúng được tập hợp lại. Trên một tấm gỗ làm nền có buộc hai sợi cua roa, người ta xếp theo thứ tự những trang sách, rồi đặt lên trên những trang sách được xếp chồng đó tấm gỗ để làm bìa. Tấm gỗ này được chạm khắc công phu, đôi khi có những cảnh được rút ra từ văn bản, và dĩ nhiên, tựa của cuốn sách cũng được khắc lên bìa. Hai sợi cua roa của tấm gỗ phía dưới được buộc vào cái bìa gỗ phía trên và người ta ép mạnh để cho các trang sách trở thành một khối gọn gàng. Sau đó, những sách có giá trị được bao bọc trong vải lụa và niêm phong, nhằm chỉ những ai có quyền mở nó mới có thể gây xáo trộn sự an bình được dành cho tác phẩm đã được tạo ra với biết bao chăm chút công phu.

Tôi nhận thấy rằng những minh họa của các sách phương Tây thường trình bày những phụ nữ ăn mặc khá hở hang, và tôi thầm nghĩ hẳn những nước đó có khí hậu rất nóng, nếu không tại sao họ có thể đi dạo chơi với thứ trang phục nhẹ nhàng đến thế? Trên một số hình ảnh, tôi thấy những người nằm sõng soài, hình như đã chết, và đứng phía trước họ là một người có vẻ hung dữ, tay cầm một ống bằng kim loại, còn nhả khói. Tôi chẳng thể hiểu rõ mục đích của sự việc đó bởi - xét theo những cảm nghĩ của riêng tôi - thì trò tiêu khiển chính của các cư dân của thế giới phương Tây là giết nhau. Kể đến là những người đàn ông to cao, ăn mặc lạ lùng, đang bao quanh và chìa những vật bằng kim loại vào tay của người cầm ống kim loại đang nhả khói.

Người phụ nữ ăn mặc hở hang chẳng làm tôi bối rối, và không gợi lên cho tôi một quan tâm đặc biệt nào, bởi những tín đồ Phật giáo và những người theo đạo Hindu, những người dân phương Đông nói chung, đều biết rằng tình dục là một yếu tố cần thiết của đời sống con người. Có thể là, bao lâu con người còn có cái vỏ bằng xác thịt của nó, thì những quan hệ tình dục là hình thái cao nhất của sự ngây ngất,

sung sướng cực độ mà nó có thể cảm nhận. Chính vì lẽ đó mà nhiều tranh tôn giáo chúng tôi trình bày một người nam và một người nữ - thường được xem là một nam thần và một nữ thần - đang ôm nhau trong tư thế thắm thiết nhất. Chúng tôi biết rất rõ những thực tế của đời sống và của sự sinh sản, nên chúng tôi không cần phải che đậy những thực tế đó, đến nỗi đôi khi hình ảnh được trình bày trên tranh có một sự chính xác đến mức như thật. Nhưng đối với chúng tôi, điều đó chẳng có gì là khiêu dâm, đồi trụy. Đó chỉ là cách thức thích hợp nhất để cho thấy rằng sự hoà hợp của nam và nữ tạo ra một số cảm giác cá biệt, và cho ta hiểu rằng sự hoà hợp của những linh hồn tạo ra một niềm vui mãnh liệt hơn nhiều nhưng, lẽ dĩ nhiên, sự hoà hợp đó không diễn ra ở trần gian này.

Những cuộc nói chuyện của tôi với thương lái ở Lhasa, cũng như ở làng Sho, và với những người nghỉ chân bên đường, gần Cửa Tây, đã cho tôi biết một điều đáng kinh ngạc là ở những người phương Tây, việc phô bày thân thể mình trước mắt người khác là điều sỗ sàng, không đứng đắn. Tôi không thể hiểu nổi điều đó, bởi thực tế cơ bản của đời sống, đó là phải có hai giới. Tôi còn nhớ một cuộc nói chuyện của tôi với một lão thương nhân xuôi ngược giữa Kalimpong (Ấn Độ) và Lhasa. Từ khá lâu, tôi đã có thói quen đón ông ấy ở Cửa Tây để chúc mừng khi ông, một lần nữa, vào nước chúng tôi. Vào những dịp đó, chúng tôi thường nói chuyện với nhau một lúc. Tôi cho ông biết những tin mới nhất từ Lhasa, còn ông ta kể cho tôi nghe về thế giới bên ngoài. Ông thường mang đến sách và tạp chí cho thầy Linh hướng của tôi, và nhiệm vụ của tôi là nhận và mang về cho thầy. Một hôm, lão thương nhân đó nói với tôi:

- Tôi đã nhiều lần nói với cậu về những người phương Tây, nhưng tôi vẫn chưa thể hiểu được họ. Đặc biệt là, tôi chẳng hiểu gì về một trong những khẳng định của họ. Họ nói rằng, con người được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế, vậy mà họ sợ phô bày thân thể của họ, thứ mà họ khẳng định là giống với hình ảnh của Thượng Đế. Phải chăng ta suy ra rằng họ hổ thẹn vì mang hình dáng thiêng liêng?

Lão thương nhân nhìn tôi với vẻ thắc mắc, và dĩ nhiên tôi lặng im, chẳng biết phải trả lời sao. Con người được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế. Vậy, nếu Thượng Đế cực kỳ hoàn hảo - và ngài tất nhiên là thế - thì con người chẳng có gì phải xấu hổ khi phô bày hình ảnh của Thượng Đế. Về phần chúng tôi, chúng tôi không hổ thẹn về thân thể của mình. Chúng tôi biết rằng, nếu không có giới tính, thì chủng loài sẽ không thể tồn tại. Chúng tôi biết rằng tình dục, trong những hoàn cảnh và khung cảnh thích hợp, sẽ làm gia tăng tính tâm linh của người nam và người nữ.

Tôi cũng kinh ngạc khi biết rằng có những cặp vợ chồng, đã kết hôn từ nhiều năm, nhưng không hề trông thấy thân thể trần truồng của nhau. Người ta cho tôi biết rằng, những người đó chỉ 'làm tình' sau khi đã đóng cửa, tắt đèn. Tôi nghĩ, người đã kể cho tôi nghe chuyện đó hẳn xem tôi là một đứa vô học, ngu ngốc, để có thể biết những điều đang thực sự diễn ra trên thế giới. Sau một trong những cuộc nói chuyện đó, tôi quyết định hỏi thầy Linh hướng của tôi về tình dục ở thế giới phương Tây. Và, tôi đã rời khỏi Cửa Tây, băng qua đường và theo lối mòn hẹp và nguy hiểm mà chúng tôi, những trai trẻ của Chakpori, đã chọn thay cho con đường thông

thường để lên tu viện. Đây là một lối mòn rất cheo leo, nguy hiểm, mà ngay cả một người dân miền núi cũng phải e sợ. Lối mòn này thường làm chúng tôi khiếm đảm, và chúng tôi tự hứa không dẫn ai theo. Việc leo lên lối mòn này buộc chúng tôi phải bám hai tay hai chân trên những cạnh đá và đường núi và lơ lửng trong khoảng không. Nói tóm lại, chúng tôi phải liên tục lặp đi lặp lại những động tác mà chỉ những kẻ điên rồ mới dám thực hiện. Cuối cùng, tôi lên đến đỉnh và vào tu viện Chakpori bằng một con đường bị các giám thị tuyệt đối cấm. Tôi có mặt ở Nội viện, mệt hơn nhiều so với con đường thông thường để lên đây. Nhưng tôi cảm thấy hài lòng vì đã thảo mãn sự thách đố của chính mình.

Sau khi phủi bụi cát sỏi dính áo cà sa, tôi đi vào toà nhà để tìm thầy Linh hướng. Khi rẽ ở hành lang, tôi thấy ngài đang đi về hướng ngược lại, và tôi gọi lớn: 'Lạt ma khả kính!' Ngài dừng bước, quay lại và đi về phía tôi. Không một Lạt ma nào khác ở Chakpori này hẳn làm như thế, nhưng vì thầy Linh hướng luôn đối xử với mọi người, lớn cũng như nhỏ, một cách bình đẳng và ngài đã nói rằng, trên trần gian này, không phải cái vẻ bề ngoài là đáng kể, mà quan trọng là cái bên trong - cái đang điều khiển cơ thể. Thầy Linh hướng của tôi là hiện thân một đáng cao trọng, đã được dễ dàng nhận biết khi ngài đầu thai trên cõi trần này. Tôi nhớ mãi bài học mà ngài đã dạy cho tôi khi luôn tỏ ra khiêm nhường và tôn trọng những cảm nghĩ của người không chỉ 'không uyên bác' như ngài, nhưng còn, nói thẳng ra là, hoàn toàn kém xa ngài.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à! Ta thấy con leo lên lối mòn nguy hiểm đó, và nếu ta là thầy Giám thị, thì ta sẽ cho con một trận nên thân. Nhưng, khi còn trẻ, ta cũng đã từng leo lên cái lối mòn đó, và ta luôn cảm thấy đôi chút rung mình khi thấy những người khác làm điều mà ta không còn có thể làm. À, tại sao con phải vội như thế?

Ngước mắt nhìn ngài, tôi nói:

- Thưa Lạt ma khả kính, người ta đã kể cho con nghe những chuyện kinh khủng về những người phương Tây và con cảm thấy bối rối, do không biết người ta đã trêu con hay là những điều kinh khủng mà họ nói đó là có thật.

- Hãy theo ta. Ta trở về phòng để thiền định, nhưng trước tiên chúng ta hãy nói chuyện cái đã.

Chúng tôi đi về phòng Lạt ma, căn phòng nhìn ra công viên Trân Châu. Khi vào phòng, thay vì ngồi xuống, thầy Linh hướng rung chuông để xin trà. Rồi, cùng với tôi, ngài đến bên cửa sổ để ngắm cảnh quan tuyệt đẹp. Có thể nói, đó là một trong những cảnh quan đẹp nhất thế giới. Ở phía dưới, gần bên trái, là khi vườn cây cối xanh tươi được gọi là Norbu Linga, hay công viên Trân Châu. Dòng nước trong vắt lấp lánh giữa những cây xanh, và ngôi đền nhỏ của Đấng Thánh Thiện ngồi sáng dưới nắng trời. Có ai đó đang đi trên con đường nhỏ lát đá ở khoảng cách thưa, để dòng nước có thể trôi chảy và cá tự do tung tăng. Tôi nhận ra người đó là một trong những quan chức cấp cao của chính phủ.

Để trả lời cho thắc mắc không nói ra của tôi, thầy Linh hướng nói:

- Ông ấy đi yết kiến Đấng Thánh Thiện!

Chúng tôi đứng một lúc bên cửa sổ, bởi thật dễ chịu khi nhìn công viên mà ở bên kia đường là dòng Phúc Giang lấp lánh, đang vui mừng nhảy múa, như muốn chào hỏi cái ngày đẹp trời này. Chúng tôi cũng có thể trông thấy bên đò, một trong những nơi ưa thích của tôi. Đối với tôi, đó là một nguồn vui bất tận và ngạc nhiên thích thú khi nhìn người đưa đò leo lên con đò bằng da bò Tây Tạng và vui vẻ chèo sang bờ bên kia.

Ở phía dưới, giữa chúng tôi và Norbu Linga, những người hành hương đang tiến một cách chậm rãi trên đường Lingko. Không để ý mấy đến tu viện Chakpori, họ không ngưng nhìn vào công viên Trân Châu với hy vọng được thấy điều gì đó đáng kể, bởi những người hành hương rất thích lại đó có lẽ biết trước rằng Đấng Thánh Thiện sẽ có mặt ở Norbu Linga. Ở nơi này, tôi cũng có thể trông thấy Kashya Linga, một công viên nhỏ, cây cối xanh um, cạnh Đường Bờ Hồ. Có một con đường hỏ nối đường Lingkor vào Kyi Chu; đó là con đường được các lữ khách đi lại nhiều: những người muốn qua sông bằng đò. Số người khác thì dùng con đường này để đến vườn Lạt ma, ở bên kia Đường Bến Đò.

Tu-sĩ phục vụ mang trà và bánh ngọt vào.

Thầy Linh hướng nói với tôi:

- Nay Lobsang, chúng ta hãy ăn đôi chút, bởi chúng ta không nên bàn luận với cái bụng đói, trừ khi ta có cái đầu trống rỗng!

Ngài ngồi xuống trên một cái gối cứng, mà ở Tây Tạng của chúng tôi được dùng thay cho ghế, bởi chúng tôi ngồi bắt chéo chân trên sàn. Chúng tôi ăn trong sự im lặng tương đối. Ở Tây Tạng, nhất là ở những tu viện, quả là không phải phép khi nói chuyện hoặc gây tiếng động trong khi ăn. Các tu sĩ, khi ít người, thì ăn trong thinh lặng, nhưng khi là một nhóm đông, thì có một người đọc lớn những đoạn trích trong các Thánh Thư. Người đọc đứng ở một chỗ cao, nơi ông có thể nhìn, không chỉ cuốn sách của ông, mà còn có thể thấy toàn bộ các tu sĩ và nhận ra đâu là những người đang quá chú tâm đến cái ăn hơn là những lời kinh. Trong những bữa ăn đông người đó, các Thầy Giám thị cũng có mặt để đảm bảo ngoài người đọc ra, tất cả đều phải giữ im lặng. Nhưng lúc này, chỉ có tôi và thầy Linh hướng, chúng tôi nói chuyện này sang chuyện khác, biết rằng một số những tập tục xưa cũ, chẳng hạn như giữ im lặng trong khi ăn, là có ích cho kỷ luật, khi có đông người ăn, nhưng chúng là quá mức cần thiết khi chỉ có hai người, như trường hợp của chúng tôi.

Vào cuối bữa ăn, thầy Linh hướng nói:

- Giờ đây, sau khi đã ăn xong, con hãy cho ta biết điều gì đang làm con lo nghĩ?

- Thừa Lạt ma khả kính, vừa rồi, khi con đang đứng ở Cửa Tây, có một thương nhân đã cho con biết những điều lạ lùng về người Tây phương. Theo ông thì người Tây phương cho rằng những tranh thờ của chúng ta là tục tĩu. Ông ấy đã nói về những tập tục tình dục của họ và con thắc mắc phải chăng ông đã xem thường con, cho con là một thằng ngốc.

Thầy Linh hướng nhìn tôi, suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Lobsang à, để bàn về vấn đề đó, chúng ta cần phải có thời gian. Nhưng lúc này, đã sắp đến giờ lễ phụng vụ. Vậy trước tiên chúng ta hãy xét đến một khía cạnh của vấn đề. Con đồng ý chứ?

Do có quá nhiều thắc mắc, nên tôi gật đầu ngay. Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Tất cả những điều đó có nguồn gốc từ tôn giáo. Tôn giáo phương Tây khác với tôn giáo phương Đông. Chúng ta sẽ xem xét chúng và xem chúng có những liên quan nào đến vấn đề đang làm chúng ta quan tâm. Lobsang à, chúng ta phải có một đối chiếu giữa một - trong những tôn giáo của phương Tây và tôn giáo thuộc Phật giáo của chúng ta. Qua những gì đã học, hẳn con biết rằng những lời dạy của Đức Phật đã phần nào bị biến đổi theo thời gian. Trong nhiều năm và nhiều thế kỷ đã trôi qua kể từ khi Đức Thích Ca rời khỏi cõi trần này và trở thành Phật, thì những lời dạy của Ngài đã phải chịu những biến đổi. Một số người trong chúng ta cho rằng chúng không thể tốt hơn. Số khác nghĩ rằng chúng đã được đưa lên tầm của tư tưởng hiện đại. (Thầy Linh hướng nhìn tôi để biết chắc tôi đang nghe lời ngài nói với một sự chăm chú cần có, để xem tôi có hiểu những lời ngài không. Rồi ngài gật đầu và nói tiếp) Chúng ta đã có Đấng Khai Tâm Vĩ Đại mà chúng ta gọi là Đức Phật Thích Ca. Những người theo đạo Cơ Đốc cũng có Đấng Khai Tâm Vĩ Đại của họ. Đấng Khai Tâm đó đã để lại những lời giảng dạy. Truyền thuyết, những tư liệu và các Thánh Kinh của người Cơ Đốc giáo cho biết rằng Đấng Khai Tâm Vĩ Đại đó đã tìm thấy Chân Lý cho một tôn giáo phù hợp với tâm tính và tinh thần của người phương Tây. Nhưng khi Đấng Khai Tâm Vĩ Đại đó rời khỏi trái đất này, thì một số bất đồng đã xảy ra trong giáo hội Cơ Đốc. Sáu mươi năm sau cái chết của ngài ấy, một hội nghị được triệu tập tại thành phố Constantinople. Từ đó, giáo lý Cơ Đốc giáo, niềm tin Cơ Đốc giáo phải chịu cải cách. Rất có thể là một số thầy tu của thời ấy đã cho rằng việc đưa vào giáo lý một vài hình phạt sẽ giúp họ chế ngự những thành phần ngoan cố trong giáo hội của họ.

Thầy Linh hướng một lần nữa nhìn tôi để xem tôi có chăm chú nghe hay không. Và một lần nữa, tôi cho ngài thấy rằng tôi không những lắng nghe, mà còn rất quan tâm là đang khác. Ngài nói tiếp:

- Những người tham dự hội nghị Constantinople năm 60 đó không chút ưa thích nữ giới. Phần đông những người đàn ông đó xem tình dục như là một thứ ô uế, bẩn thỉu, như một điều gì đó phải làm trong trường hợp tuyệt đối cần thiết, và chỉ nhằm mục đích sinh sản để truyền nòi giống. Bản thân họ, họ không có mấy cảm nhận về những nhu cầu tình dục, có lẽ do họ có những nhu cầu khác, có lẽ một số người trong số ấy có những nhu cầu về tâm linh, ta không thể rõ. Điều mà ta biết, đó là vào năm 60, họ ban hành giáo lệnh quy định tình dục là điều xấu xa, là sản phẩm của ma quỷ. Họ ban hành giáo lệnh rằng các trẻ thơ được sinh ra trong tình trạng có tội. (Ngài im lặng một lúc, rồi nói tiếp). Hãy hiểu rõ điều đó, Lobsang à, có thể sau này, khi con sống giữa những người Tây phương, con sẽ có nhiều thông tin hoặc nhiều cảm nghĩ hơn về tôn giáo đó, và chúng sẽ làm thay đổi quan điểm mà ta vừa nói với con.

Khi thầy Linh hướng vừa dứt lời, thì những tiếng tù và và tiếng kèn của Đền Thờ vang lên. Dâng lên quanh chúng tôi là tiếng xì xầm nhỏ của những người đang chuẩn bị đi lễ phụng vụ. Tôi và thầy Linh hướng đứng dậy, chải áo cà sa trước khi đi về Đền. Ở cửa Đền, trước khi rời tôi, thầy Linh hướng nói:

- Sau buổi lễ, con hãy trở lại phòng ta, để chúng ta bàn tiếp chuyện đó.

Tôi vào Đền và đến ngồi cạnh các bạn của tôi. Ngôi đền cổ trông rất đẹp với không khí sùng mộ của nó, những đám mây khói hương đang nhẹ nhàng bành bồng và giữ cho chúng tôi được kết nối với những hữu thể đang sống ở những bình diện khác. Khói hương không chỉ là hương thơm dễ chịu, một thứ gì đó đang ‘tẩy uế’ một nơi linh thiêng, nhưng còn là một lực sinh động, đến nỗi nếu ta biết chọn một loại nhang đặc biệt, thì ta có thể thực sự làm chủ nhịp điệu của những dao động. Chiều hôm đó, trong Đền, khói hương bành bồng và tạo cho nơi này một không khí êm ái, gợi nhớ những ngày thuở trước. Từ chỗ tôi, những tu sinh trẻ của nhóm, tôi nhìn cảnh tranh tối tranh sáng trong Đền. Tiếng trầm trầm ngâm nga tụng kinh của các Lạt ma cao tuổi thỉnh thoảng được kèm theo những tiếng ngân của những cái chuông nhỏ bằng bạc. Chiều hôm đó, ở giữa các tu sĩ có một nhà sư người Nhật. Sư ấy đã đi khắp nước chúng tôi, sau khi đã ghé lại Ấn Độ một thời gian. Sư ấy là một nhân cách lớn của đất nước ông ta, và sư đã mang theo những cái trống bằng gỗ - thứ trống giữ một vai trò rất quan trọng trong tôn giáo Nhật Bản. Sự đa tài của nhà sư đó cùng với âm nhạc mà sư thổi lên từ những cái trống khiến tôi ngưỡng phục. Tôi không ngờ việc gõ vào một cái hộp gỗ có thể tạo ra âm thanh du dương đến thế; ngoài những tiếng trống đó, sư còn có những bộ phách có gắn cái chuông nhỏ, và các Lạt ma đệm theo những tiếng gõ của sư bằng cách lắc những cái chuông nhỏ bằng bạc. Cuối cùng, tiếng tù và lớn của Đền rúc lên vào đúng lúc, và tôi có cảm tưởng toàn bộ ngôi Đền dao động; những bức tường của Đền như nhảy múa, lấp lánh và khói hương, ở những đáy sâu xa xăm, như đang hình thành những khuôn mặt của những Lạt ma đã quá vắng từ rất lâu. Lễ phụng vụ kết thúc, và, như đã định, tôi vội vã đi gặp thầy Linh hướng.

Bằng một giọng tươi vui, ngài nói:

- À, con không để mất thời giờ. Ta tưởng con đã đi ăn nhẹ rồi chứ.

- Thưa Lạt ma khả kính, con nôn nóng muốn biết về những tập tục tình dục của người phương Tây, bởi những gì mà các thương lái và những người khác đã nói khiến con kinh ngạc.

Thầy Linh hướng bật cười:

- Tình dục là một vấn đề mà mọi người đều quan tâm! Xét cho cùng, nó là điều ngăn không để cho trái đất này giảm dân số.

Tôi nói:

- Thưa Lạt ma khả kính, ngài đã khẳng định rằng tình dục được xếp vào hàng thứ hai sau những lực lớn đang chi phối thế giới. Như thế nghĩa là gì? Nếu tình dục là điều rất cần thiết để giữ cho trái đất này không giảm dân số, thì tại sao nó không là lực quan trọng hơn hết thảy?

- Lobsang à, cái lực quan trọng nhất trên trần gian này không phải là tình dục mà là trí tưởng tượng, bởi nếu không có nó, bản năng tình dục hẳn sẽ không tồn tại. Nếu thiếu trí tưởng tượng thì người nam sẽ không quan tâm đến người nữ. Nếu không có trí tưởng tượng, thì hẳn sẽ không có các nhà văn, các nghệ sĩ, sẽ chẳng có gì là tốt đẹp, là có tính xây dựng.

Tôi hỏi:

- Nhưng, thưa Lạt ma khả kính, ngài nói rằng trí tưởng tượng là cần thiết đối với tình dục? Trong trường hợp đó, trí tưởng tượng giữ vai trò gì nơi những loài thú?

- Lobsang à, trí tưởng tượng là một khả năng mà thú vật cũng có. Nhiều người cho rằng thú vật không có tâm trí, không có trí tuệ, nhưng ta đây, với lớp tuổi này, ta có thể khẳng định điều ngược lại. (thầy Linh hướng nhìn tôi, và giương ngón trỏ, ngài nói tiếp) Con là đứa đã nói rằng con yêu thương những chú mèo ở Đền, vậy con có cho là chúng không có trí tưởng tượng? Con thường dừng lại để vuốt ve, để nói chuyện với chúng. Nếu con đã có lần bày tỏ tình cảm của con cho chúng, thì chúng sẽ chờ con ghé lại lần thứ hai và lần thứ ba. Nếu đó là những phản ứng không hề có chút tình cảm, mà chỉ đơn giản là những cơ chế của não, thì chú mèo sẽ không chờ con ngay từ lần thứ hai hoặc lần thứ ba; nhưng nó sẽ chờ đến khi nó đạt được một thói quen. Lobsang à, mọi loài vật đều có trí tưởng tượng. Con trông tưởng tượng sự thích thú khi mà nó ở cạnh con cái - và ngược lại - và thế là diễn ra điều không thể tránh khỏi.

Tôi suy nghĩ về những gì mình vừa nghe và kết luận rằng thầy Linh hướng của tôi hoàn toàn có lý. Tôi đã từng thấy những con chim nhỏ - những chú gà con - đập cánh tương tự như những thiếu nữ chớp hàng mi! Tôi đã từng quan sát những con chim mái, và chúng có vẻ ưu tư biết bao khi chờ bạn đời của chúng trở về sau cuộc săn mồi không dứt. Tôi đã chứng kiến niềm vui sướng biết bao của một con mái khi đón con trống trở về. Giờ đây, khi nghĩ về điều đó, tôi thấy rõ ràng các loài thú không thiếu trí tưởng tượng, và tôi hiểu ra lý do khiến thầy Linh hướng khẳng định rằng trí tưởng tượng chính là cái lực chủ yếu của thế giới này.

Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, có một thương nhân đã nói với con rằng, người ta càng quan tâm nhiều đến thuật huyền bí, thì càng khinh chê tình dục. Điều đó có thật không, hay thương nhân ấy chỉ muốn trêu con!

Thầy Linh hướng buồn bã gật đầu:

- Hoàn toàn đúng khi cho rằng một số đông những người say mê thuật huyền bí là rất ghét những chuyện tình dục, và sở dĩ như thế là vì một lý do đặc biệt: như con đã nghe nói, những người có tài nhất trong các thuật huyền bí không là những con người bình thường, theo nghĩa là họ mắc phải một bệnh tật thuộc thể lý. Người ta có thể mắc phải một bệnh nan y, chẳng hạn như bệnh ung thư, hoặc một chứng bệnh thuộc loại đó. Người ta có thể mắc phải những chứng rối loạn thần kinh nào đó: đó là một chứng bệnh thuộc gia tăng nhận thức thuộc siêu hình. (Hơi cau mày, ngài nói tiếp) Đối với nhiều người, bản năng tình dục là một tác nhân kích thích mãnh liệt. Một số người, vì lý do này nọ, cố thăng hoa bản năng đó, và họ hướng đến những

điều thuộc tinh thần. Khi một người nam, hoặc người nữ, đã từ bỏ một điều gì đó để hướng sang một điều khác, thì họ sẽ chống lại điều mà họ từ bỏ một cách không khoan nhượng. Chẳng ai mãnh liệt chống lại tác hại do rượu gây ra cho bằng kẻ nghiện rượu đã từ bỏ rượu! Cũng vậy, người nam và người nữ đã từ bỏ thú vui xác thịt (có thể họ không tìm thấy sự thoả mãn hoặc làm cho thoả mãn) để hướng về những thuật huyền bí, và toàn bộ năng lượng mà họ đã bỏ ra trong đời sống tình dục, từ nay được dành cho các thuật huyền bí. Không may thay, những người đó thường đánh mất khả năng nhận biết sự chùng mực. Họ lớn tiếng cho rằng người ta chỉ có thể tiến hoá khi từ bỏ mọi sinh hoạt tình dục. Chẳng có gì phi lý và ngược đời hơn quan điểm đó, bởi một số người uyên bác nhất của trần gian này có một đời sống bình thường, và điều đó không ngăn họ đạt được những tiến bộ lớn về mặt siêu hình.

Khi thầy Linh hướng đang nói đến đó, đại Lạt ma-y sĩ Chinrobnobo bước vào phòng. Chúng tôi chào ngài và ngài ngồi xuống cạnh chúng tôi.

Thầy Linh hướng nói:

- Tôi đang nói với Lobsang một số vấn đề liên quan đến tình dục và khoa học huyền bí.

Lạt ma Chinrobnobo đáp:

- À, đạo gầy đây, tôi đã nghĩ có nên giải thích cho cậu ấy những vấn đề đó.

Thầy Linh hướng tiếp tục nói với tôi:

- Rõ ràng là những ai có một đời sống tình dục bình thường - và đó là điều nên theo - thì gia tăng sức mạnh tinh thần của họ. (Nhìn thẳng vào tôi, ngài nói) Lobsang à, hãy nhớ rằng, sự giao hợp đó là điều chỉ được phép đối với những người đang yêu nhau, với những người được gắn kết bởi những tương hợp tinh thần. Điều bất chính, đáng chê trách, đó là tình trạng dĩ điểm. Ngoài ra, ta phải tuân thủ nguyên tắc một vợ một chồng, và cưỡng lại những cám dỗ khiến ta đi sai đường.

Lạt ma Chinrobnobo nói:

- Tôn sư khả kính, còn một vấn đề nữa mà Ngài nên nói với cậu ấy, đó là vấn đề kiểm soát sinh sản. Bây giờ, tôi xin dành vấn đề đó cho ngài.

Lạt ma Chinrobnobo đứng dậy, cúi chào và ra khỏi phòng. Thầy Linh hướng chờ một lúc rồi hỏi tôi:

- Con có chán cuộc nói chuyện này?

- Không, thưa Ngài. Con mong muốn biết nhiều hơn về lĩnh vực đó, bởi con chẳng biết chút gì.

- Vậy thì, hãy hiểu rằng, trong những buổi đầu của sự sống trên trái đất này, các dân tộc đã chia thành những gia đình. Ban đầu, các gia đình không có đông người, nhưng theo thời gian chúng phát triển. Và, điều không thể tránh khỏi là, giữa những con người với nhau, càng lúc càng có nhiều bất hoà và gây gổ. Các gia đình chiến đấu chống nhau. Những kẻ chiến thắng tiêu diệt những kẻ chiến bại và bắt về những phụ nữ. Càng lúc càng thấy rõ là gia đình nào càng đông người - từ đó người ta gọi là bộ tộc - thì càng hùng mạnh và có khả năng tự bảo vệ trước những tấn công đột ngột của những gia đình khác. (Ngài liếc nhìn tôi bằng một ánh mắt buồn bã và

nói tiếp) Theo dòng thời gian và các thế kỷ, các bộ tộc lớn mạnh dần. Một số người đã được phong chức giáo sĩ, nhưng đó là những giáo sĩ nắm giữ một quyền lực chính trị nhất định, và họ hướng về tương lai! Họ quyết định ban hành một chỉ dụ có tính thiêng liêng - mà họ gọi là giới luật của Thượng đế - có ích cho toàn thể bộ tộc. Họ dạy rằng người ta phải sinh con đẻ cái cho nhiều. Vào những thời ấy, điều đó là tối cần thiết, bởi nếu các thành viên của một bộ tộc không 'sinh sôi nảy nở', thì bộ tộc sẽ suy yếu và có nguy cơ diệt vong. Do vậy, các giáo sĩ ra lệnh cho người dân họ sinh sản cho nhiều là nhằm bảo vệ tương lai của bộ tộc mình. Nhưng, đã nhiều thế kỷ trôi qua kể từ dạo ấy, và rõ ràng là dân số thế giới đã gia tăng theo một nhịp độ mà trái đất đã trở nên quá đông dân: những tài nguyên của nó không còn đủ để nuôi những cư dân của nó. Cần phải có những biện pháp để chữa trị tình trạng đó.

Tôi cảm thấy thích thú với những giải thích của thầy Linh hướng và tôi hài lòng khi biết rằng những người bạn của tôi ở Pargo Kaling - những thương lái đến từ phương xa - đã không dối tôi.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Ngay cả hiện nay, vẫn có một số tôn giáo cho rằng việc hạn chế sinh sản là điều không nên. Nhưng, nếu nghiên cứu lịch sử nhân loại, thì ta thấy rằng hầu hết những cuộc chiến tranh đều có nguồn gốc ở điểm kẻ xâm lược đã thiếu không gian sinh tồn. Một đất nước mà ở đó dân số đang gia tăng một cách nhanh chóng thì hẳn biết rằng, nếu cứ tiếp tục như thế, sẽ không đủ lương thực, cũng không đủ công ăn việc làm cho người dân. Thế là nó lao vào chiến tranh trong khi tuyên bố rằng nó cần không gian sinh tồn!

- Thưa Lạt ma khả kính, Ngài có giải pháp nào cho vấn đề đó?

Thầy Linh hướng đáp:

- Lobsang à, vấn đề đó sẽ dễ dàng được giải quyết nếu người nam và người nữ có thiện chí tập hợp lại để bàn về nó. Những loại hình tôn giáo cổ xưa - những giáo lý của thời ấy - đã phù hợp với một thế giới còn non trẻ, ít cư dân, nhưng ngày nay người ta phải nhìn vấn đề dưới một góc cạnh mới. Con hỏi ta sẽ giải quyết vấn đề đó như thế nào ư? À, ta sẽ hợp pháp hoá sinh đẻ có kế hoạch. Lobsang sà, tôn giáo chúng ta không xem chuyện đó là một tội. Ta đã nghiên cứu những cổ thư và biết điều đó.

Thầy Linh hướng nhìn tôi, và thấy tôi chăm chú nghe, Ngài nói tiếp:

- Như ta đã nói, hầu hết những cuộc chiến tranh đều có nguyên nhân là dân số quá đông. Bao lâu còn những nước quá đông dân với dân số không ngừng tăng, thì ngày ấy sẽ vẫn còn có chiến tranh. Và, chiến tranh là điều cần thiết, bởi không có nó thì hành tinh này sẽ nhung nhúc người, tựa như kiến bu đầy cái xác con chuột chết. Khi con rời khỏi Tây Tạng, nơi có dân số khá thấp, để tham quan những thành phố lớn trên thế giới, con sẽ kinh ngạc khi thấy đám đông, thấy vô số người ở đó. Con sẽ nhận ra là ta có lý: những cuộc chiến tranh là điều không thể thiếu, bởi chúng giúp hạn chế dân số thế giới. Con người phải đến trần gian này để học hỏi, và nếu không có chiến tranh, dịch bệnh, thì dân số sẽ không ngừng gia tăng và không tránh

được nạn đói. Loài người sẽ như một đạo quân châu chấu, ngón lầy ngón để mọi thứ trên đường đi của nó và cuối cùng, nuốt lẫn nhau.

- Thừa Lạt ma khả kính, một số thương nhân đã nói với con về chuyện sinh đẻ có kế hoạch và cho biết, nhiều người xem đó là một cái tội. Tại sao họ nghĩ thế?

Thầy Linh hướng suy nghĩ một lúc, như thể đắn đo xem sẽ trả lời câu hỏi của tôi ở chừng mực nào, bởi tôi còn trẻ. Rồi ngài nói:

- Đối với một số người, sự kiểm soát sinh sản là một tội ác, tương đương với sát hại một sinh linh chưa chào đời, nhưng Lobsang à, trong tôn giáo của chúng ta, hồn chưa ngụ nơi một bản thể chưa sinh ra đời. Theo tín ngưỡng của chúng ta, thì điều đó không là một tội ác. Quả là phi lý khi xem thường biện pháp ngừa thai là một tội ác. Chẳng khác chi nói rằng chúng ta đã huỷ diệt biết bao cây xanh khi ngăn không để cho những hạt của chúng nảy mầm! Con người thường quá tưởng tượng rằng mình là tạo vật tuyệt vời nhất của cái vũ trụ bao la này. Thật ra, con người chỉ là một loại hình của sự sống, và chưa hẳn đã là một loại hình tiến hoá nhất. Nhưng vào lúc này, chúng ta không có nhiều thời gian để nấn ná ở điểm này.

Khi tôi ngồi đó, hoàng hôn bắt đầu xâm chiếm căn phòng, phủ bóng lên Lạt ma Mingyar Dondup và, trong bóng tối lan rộng, tôi thấy vàng khí huyền bí của Ngài tỏa ra ánh sáng vàng óng của tính tâm linh. Đối với tôi, người có khả năng thấu thị, thì thứ ánh sáng đó khá sáng để có thể xuyên qua hoàng hôn. Và, những cảm nhận siêu nhiên của tôi cho tôi biết rằng tôi đang ở cạnh một trong những người vĩ đại nhất của Tây Tạng. Cảm nhận đó làm tôi cảm thấy ấm lòng và tràn đầy thương mến.

Một lần nữa, những tiếng tù và của Đền rúc lên, lần này không dành cho chúng tôi, nhưng dành để gọi những người khác. Tôi và thầy Linh hướng đến bên cửa sổ và nhìn ra ngoài. Thầy Linh hướng đặt tay lên vai tôi, và chúng tôi ngắm nhìn thung lũng trải dài phía trước. Lúc này, thung lũng đã phần nào bị tràn ngập bởi bóng tối màu tím.

Thầy Linh hướng nói:

- Hãy để cho ý thức của con dẫn dắt con. Con sẽ luôn có thể biết đâu là điều đáng tôn vinh và đâu là điều đáng chê trách. Con sẽ tiến xa - xa hơn con tưởng - và trên đường, con sẽ gặp nhiều cám dỗ. Mong rằng ý thức của con sẽ dẫn dắt con. Dẫu con đi đến đâu, dẫu những khó khăn mà con phải chịu đựng có là gì chẳng nữa, hãy để cho ý thức của con hướng dẫn mình. Các Lạt ma chúng ta đang nỗ lực giúp con. Chúng ta cố sức để gia tăng đến mức tối đa khả năng ngoại cảm và thấu thị của con hầu, bao lâu con còn sống trên đời, con có thể giữ liên lạc được với những Lạt ma ở đây, trên những đỉnh cao của Hima-laya. Sau này, họ sẽ là những người dành ra toàn bộ thời gian của họ để chờ những thông điệp của con.

Tôi thầm nghĩ, chờ những thông điệp của tôi ư? Tôi há hốc miệng; những thông điệp của tôi? Có gì đặc biệt ở tôi chứ? Tại sao các đại Lạt ma sẽ dành toàn bộ thời gian để chờ những thông điệp của tôi?

Thầy Linh hướng bật cười. Ngài vỗ vai tôi và nói:

- Cái ý nghĩa của đời con, đó là con phải thực hiện một nhiệm vụ rất đặc biệt. Mặc bao thử thách, bao đau khổ, con sẽ thành công. Nhưng rõ ràng là bất công khi

con bị bỏ rơi trong một thế giới xa lạ, một thế giới sẽ chế nhạo con, sẽ xem con là kẻ lừa dối, bịp bợm. Này con, đừng bao giờ tuyệt vọng, đừng từ bỏ mục đích, bởi cái thiện sẽ thắng. Lobsang à, con sẽ thắng cuộc!

Hoàng hôn chuyển thành bóng đêm. Lấp lánh phía dưới chúng tôi là những ánh đèn của Thành Cổ. Phía trên chúng tôi, một mảnh trăng non đang nhìn xuống những đỉnh nhọn của dãy núi. Hàng triệu tinh tú lấp lánh trên bầu trời. Tôi ngược mắt, nghĩ đến những lời tiên đoán liên quan đến tôi, và tôi cũng nghĩ đến sự tin tưởng mà thầy Linh hướng, Lạt ma Mingyar Dondup đã dành cho tôi. Tôi cảm thấy sung sướng.

(10)

Thầy giáo có vẻ không vui; có thể người ta đã dành cho ông một tách trà quá nguội hoặc một stampa không được nướng hoặc trộn theo sở thích của ông. Thầy giáo có vẻ không vui; ngồi trong lớp học, chúng tôi run rẩy vì sợ. Ông vừa bất thành linh giáng cho những đứa ở bên phải và bên trái tôi một trận nên thân. Tôi có trí nhớ tốt, tôi thuộc bài, tôi có thể đọc lại bất cứ một chương hoặc một đoạn nào trong một trăm lẻ tám tập Kan - Gyur. 'Bộp! Bộp!' Sự ngạc nhiên làm tôi nhảy dựng; ba đứa bên phải và ba đứa bên trái tôi cũng nhảy dựng như tôi. Trong thoáng chốc, chúng tôi không biết đứa nào trong số chúng tôi đã lãnh trận đòn. Rồi, vì thầy thầy đánh mạnh hơn, nên tôi biết tôi là nạn nhân của sự tức giận của thầy! Ông tiếp tục đánh tôi trong khi không ngưng lẩm bẩm:

- Này, đệ tử cứng của Lạt ma! Này, đứa dốt nát hư hỏng! Ta sẽ dạy cho mày nên thân!

Bay lên từ áo cà sa của tôi, bụi hợp thành một đám mây khiến tôi hắt hơi. Chẳng hiểu vì sao, điều đó khiến thầy giáo tức tối hơn. Ông càng nện tôi thêm, và điều đó cũng làm tung toé thêm bụi. Cái may mắn - và thầy giáo không biết điều đó - là tôi đã đoán trước tâm trạng không vui của thầy, và tôi đã mặc nhiều áo hơn bình thường, nên những cú nện của thầy không làm tôi quá đau. Vả lại, tôi đã chai lì. Thầy này là một người bạo ngược, một người cầu toàn, mà bản thân ông thì chẳng hoàn hảo chút nào. Không những buộc chúng tôi phải thuộc bài từng chữ một, mà còn buộc chúng tôi phải phát âm, uốn giọng theo ý thầy, và nếu không đúng y như thế,

thì ông sẽ bước nhanh ra phía sau chúng tôi và nện cái gậy vào lưng chúng tôi. Vào lúc này, ông đang ra tay như thế với tôi. Ông tiếp tục vừa nện vừa nói:

- Ta sẽ dạy cho mày biết phát âm một từ! Dạy cho mày biết trân trọng khoa học thiêng liêng! Mày là thằng nhóc luôn vắng mặt trong lớp ... oắt con mà đã lên mặt... ta sẽ dạy cho mày, sẽ dạy cho mày biết ...!

Ở Tây Tạng, chúng tôi thường ngồi bắt chéo chân trên những cái gối dày khoảng mười centimet, và phía trước chúng tôi là những cái bàn cao khoảng ba mươi đến bốn mươi centimet, tùy theo tầm vóc của học trò. Đột nhiên, thầy giáo túm lấy gáy tôi và dí đầu tôi xuống bàn, nơi có vài cuốn sách và một tấm bảng con. Sau khi đã đặt tôi và tư thế thích hợp với ông, ông hít một hơi sâu và, lần này, ông nện tôi túi bụi. Như mọi khi, tôi vận mình, nhưng không phải vì đau đớn. Ông đã cố hết sức để làm tôi đau, nhưng bọn trẻ chúng tôi đã chai lì. Da của chúng tôi hầu như đã 'chai' và những hình phạt thể xác như thế này là chuyện thường ngày. Ở bên phải, cách tôi vài mét, một đứa bạn của tôi đã khe khẽ phát ra tiếng rúc rích, và thế là thầy giáo buông tôi ra, và nhảy bổ như một con hổ đói vào tiếng rúc rích đó. Có những tiếng rên la vì đau đớn, sợ hãi và kinh khiếp ở bên phải của tôi, bởi thầy giáo đang tới tấp giáng đòn. Cuối cùng, thầy ngưng tay do mệt đứt hơi, và có lẽ thầy cũng cảm thấy vui đi tâm trạng của mình.

Thầy hỗn hển nói:

- À! Lũ quỷ nhỏ, điều đó dạy cho chúng mày biết phải lắng nghe lời ta. Giờ đây, Lobsang Rampa, hãy đọc lại bài văn và cẩn thận với cách phát âm.

Tôi đọc lại từ đầu bài văn và đạt được những kết quả tốt. Lần này, tôi đã cố gắng hết sức, và vì thế thầy giáo đã nguôi giận.

Trong suốt buổi học kéo dài năm tiếng đó, Thầy giáo đi lui tới trong phòng, mắt không rời chúng tôi, và chẳng cần một lý do rõ rệt nào, ông luôn sẵn sàng nện một học sinh không may nào đó khi trò này tưởng rằng mình không bị để ý. Ở Tây Tạng, một ngày làm việc bắt đầu vào nửa đêm, với mở đầu là một buổi tụng kinh và, dĩ nhiên, có những buổi lễ nằm giữa những khoảng cách đều đặn. Sau đó, các tu sinh chúng tôi phải làm việc nội trợ, với mục đích dạy chúng tôi biết khiêm nhường và không xem thường những người lo việc bếp núc. Chúng tôi cũng có giờ nghỉ; sau đó vào lớp học. Những buổi học kéo dài năm giờ liền, và trong không gian đó, các thầy giáo cố sức rèn luyện chúng tôi ở mức tối đa. Dĩ nhiên, mỗi ngày chúng tôi dành trên năm tiếng để học và, những buổi học đó, buổi học ban chiều, thì kéo dài năm tiếng.

Thời gian kéo dài lê thê, chúng tôi có cảm tưởng đã ở trong phòng học này từ nhiều ngày. Mặt trời có vẻ như đứng yên một chỗ! Chúng tôi thờ dài vì chán chường và bức tức. Chúng tôi thầm nghĩ, tại sao các vị thần không bước xuống để loại đi ông Thầy giáo này, người tệ hơn hết thầy, và hình như thầy đã quên rằng trước kia - chắc đã lâu lắm! - Thầy cũng là một cậu trai trẻ.

Cuối cùng, những tiếng tù và rúc lên; trên mái tu viện, rất cao ở phía trên chúng tôi, một tiếng kèn vang lên và vọng lại trong thung lũng. Thầy giáo thờ dài và nói với chúng tôi:

- Ta rất muốn dạy nữa, nhưng đã đến giờ. Hãy nhớ rằng, ta đã dạy các con một điều gì đó mà các con sẽ không quên!

Ông ta chỉ tay về phía cửa. Những đứa ngồi ở hàng đầu bật dậy và ào ra cửa. Khi tôi chực chạy theo chúng, thì thầy giáo gọi tôi và nói:

- Phần trò, Lobsang Rampa, trò hãy đi gặp thầy Linh hướng của trò và nghe theo lời dạy của Ngài ấy, nhưng đừng có trở về đây để khoe khoang với đám học trò của ta rằng người ta đã dạy trò qua thân giao cách cảm và những phương pháp khác. Hãy xem, ta có thể tổng cổ trò ra khỏi lớp hay không. (Ông đập mạnh vào đầu tôi một cái và nói tiếp) giờ thì hãy cút đi. Ta quá chán rồi.

Ngay khi được thầy buông ra, tôi chuồn ngay, quên cả việc đóng lại cái cửa ở phía sau tôi. Ông hét lớn một điều gì đó, nhưng vì chạy quá nhanh nên tôi không thể quay lại.

Ở ngoài kia, một số bạn đang chờ tôi, ở một nơi mà thầy giáo không thể nghe chuyện.

Một đứa bạn tôi lên tiếng:

- Ta phải làm một cái gì đó đối với ông thầy ấy.

Đứa khác nói:

- Đúng! Nếu không có ngày ông ta sẽ gây thương tích cho một đứa trong chúng ta.

Đứa thứ ba thêm vào:

- Này Lobsang, mày luôn khoe thầy Linh hướng của mày, vậy tại sao không nói cho Ngài ấy biết chúng ta đã bị đối xử hung bạo như thế nào?

Nghĩ đến điều đó, tôi thấy đó là một ý kiến hay, bởi nếu để dạy dỗ chúng tôi, thì chẳng có lý do nào phải áp dụng những phương pháp thô bạo đến thế. Càng suy nghĩ, tôi càng dứt khoát sẽ gặp thầy Linh hướng để nói cho Ngài biết người ta đã đối xử với chúng tôi như thế nào, và Ngài sẽ định đoạt.

Tôi thốt lên:

- Đúng đấy! Tớ đi ngay đây.

Nói xong, tôi quay gót và đi ngay.

Tôi bước bước nhanh theo những hành lang quen thuộc, và càng lúc càng tiến lên cao hơn, gần đến mái tu viện. Cuối cùng, tôi rẽ vào hành lang Lạt ma và thấy thầy Linh hướng đang trong phòng Ngài, cửa để mở. Ngài mời tôi vào và nói với tôi:

- À Lobsang, trông con có vẻ bồn chồn. Con đã gặp chuyện gì?

Buồn bã nhìn ngài, tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma, tại sao con và các bạn con bị ngược đãi ở lớp học?

Thầy Linh hướng nghiêm nghị nhìn tôi. Ngài nói:

- Chuyện đó là thế nào? Con hãy ngồi xuống và cho ta biết sự việc.

Tôi ngồi xuống và kể lại câu chuyện đáng buồn của tôi. Thầy Linh hướng không nêu lên một nhận xét nào cả, và cũng không ngắt lời tôi. Ngài để tôi trút hết ầm ức và khi tôi sắp kết thúc, gần đứt hơi, thì Ngài nói:

- Lobsang à, con có biết đời sống cũng tựa như một trường học?

- Trường học ư?

Ngài nhìn tôi như thể tôi vừa đột ngột mất trí.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, ngài vừa nói với con rằng đời sống là một trường học?

- Đúng vậy, Lobsang. Con hãy nghỉ ngơi đôi chút, hãy uống trà, rồi sau đó chúng ta sẽ nói chuyện.

Ngài gọi tu sĩ-phục vụ và chẳng bao lâu sau, trà và bánh ngọt được mang vào. Thầy Linh hướng ăn rất ít. Chúng tôi uống trà, và sau đó thầy Linh hướng ghi vài dòng chữ lên giấy rồi trao cho tu sĩ-phục vụ, dặn hãy trao nó cho một Lạt ma.

Ngài nói với tôi:

- Lobsang à, ta viết vài dòng để bảo rằng chiều nay, ta và con sẽ không dự lễ phụng vụ tại đền, bởi chúng ta có nhiều điều để bàn và, tuy những buổi lễ là rất quan trọng, nhưng do hoàn cảnh, các Lạt ma và ta cần phải tăng cường chỉ dạy cho con.

Thầy Linh hướng đứng dậy và đến bên cửa sổ.

Tôi cũng đứng dậy và theo Ngài, bởi một trong những thú tiêu khiển ưa thích của tôi là những gì đang diễn ra ngoài kia, và phòng của thầy Linh hướng là một trong những căn phòng ở vị trí cao nhất của Tu viện Chakpori, một căn phòng với tầm nhìn trải dài trên những không gian rộng lớn và những chân trời bao la.

Ngoài ra, thầy Linh hướng còn có một vật quý giá là kính viễn vọng. Tôi đã trải qua biết bao thời gian với cái kính viễn vọng đó! Nhiều giờ để ngắm đồng bằng Lhasa, để quan sát những người buôn bán trong Thành cổ, những người đi mua sắm, đi thăm hỏi, và những người (theo tôi) đang chỉ đơn giản phung phí thời gian của họ. Trong một lúc, chúng tôi đứng đó để ngắm cảnh. Rồi, thầy Linh hướng nói với tôi:

Chúng ta hãy về ngồi ở chỗ cũ để nói về chuyện đã xảy ra trong lớp của con. Này Lobsang, con hãy nghe kĩ lời ta, bởi ngay từ khởi điểm, con cần phải hiểu rõ cái vấn đề đó. Nếu có gì không hiểu, con hãy ngắt lời ta ngay, bởi điều quan trọng là con phải hiểu thật rõ. Con đồng ý chứ?

Tôi gật đầu, và đáp:

- Vâng thưa Lạt ma khả kính, con đang nghe và hiểu lời ngài. Nếu có gì không hiểu, con sẽ báo ngài ngay.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Đời sống là tương tự như một nhà trường. Khi chúng ta còn ở Thế Giới Bên Kia, trong thế giới thuộc các thiên thể, trước khi đầu thai vào dạ con của một phụ nữ, thì chúng ta bàn bạc với những hồn khác về điều mà chúng ta sẽ học hỏi. Trước đây, ta đã kể cho con nghe về chuyện của lão Tăng. Lão Tăng ấy, sau khi qua đời, đã thấy lại toàn bộ quá khứ của mình và dứt khoát rằng mình còn một số điều để phải học hỏi. Lúc đó, những hồn hỗ trợ tâm linh của lão tìm kiếm cho lão một người cha và một người mẹ, hay đúng hơn là cha mẹ tương lai của lão, đang sống trong những hoàn cảnh có thể giúp cho hồn, với trước kia là lão Tăng, học những bài học mà hồn ao ước. Điều đó cũng tương tự đối với một thiếu niên muốn trở thành một tu sĩ; nếu cậu ấy muốn trở thành nhà sư - y sĩ, thì cậu sẽ đến Chakpori; nếu muốn làm những công việc bếp núc nội trợ, thì cậu sẽ xin vào Potala. Chúng ta chọn trường theo ngành nghề chúng ta muốn học!

Do hiểu quá rõ chuyện đó nên tôi gật đầu. Cha mẹ tôi đã có những chuẩn bị cần thiết để đưa tôi vào Chakpori, miễn là tôi có thể chịu được thử thách đầu tiên và khả năng chịu đựng.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Khi một hồn sắp đầu thai vào thế giới này, thì mọi thứ đều đã được tiên liệu: nó sẽ xuống trần, được sinh ra từ một phụ nữ đang sống ở một vùng nào đó, và bà ấy đã kết hôn với một người đàn ông thuộc tầng lớp này hoặc tầng lớp nọ. Như thế, đứa bé sắp chào đời sẽ có cơ hội đạt được trải nghiệm và những tri thức trước kia được ngoại xuất. Khi đến giờ, thì đứa bé chào đời. Trước tiên, họ phải học biết, phải tập bú để sống, hải biết làm chủ một số phần của thân thể lý của nó, phải học nói và nghe. Vào buổi đầu, nó phải học nhìn. (Ngài mỉm cười nhìn tôi và nói tiếp) Chẳng ai trong chúng ta thích đến trường; một số người trong chúng ta bị buộc phải đến trường, số khác thì không. Chúng ta dự định đến trường - không phải do Nghiệp - mà do để học hỏi. Đứa bé lớn lên, nó đến trường, nơi nó thường bị thầy đối xử một cách nghiêm khắc. Nhưng Lobsang à, điều đó chẳng có gì là xấu. Kỷ luật chẳng bao giờ gây hại cho một ai. Kỷ luật biến một đám đông thành một đạo quân. Người ta không thể đạt được văn hoá nếu không chấp nhận một kỷ luật. Con sẽ thường nghĩ rằng con bị ngược đãi, bị đối xử thô bạo, rằng thầy giáo của con là nghiêm khắc, tàn nhẫn, nhưng - hẳn giờ đây con có thể nghĩ ra - hãy biết rằng con đã chọn đến trần gian này trong những điều kiện đó.

Tôi thốt lên:

- Thừa Lạt ma khả kính, thú thật với ngài, nếu chính con đã chọn đầu thai ở cõi trần này, thì hẳn con đã mất trí. Vả lại, nếu con đã muốn điều đó, vậy thì tại sao con chẳng hay biết gì?

Thầy Linh hướng nhìn tôi và bật cười:

Ta hiểu tâm tư của con hôm nay. Nhưng con chẳng có một lý do nào để phải lo sợ. Trước tiên, con đến cái cõi này để học hỏi một số điều, và sau khi học xong, con sẽ đi vào một thế giới rộng lớn hơn, ở ngoài những biên giới của đất nước chúng ta, để đạt được nhiều tri thức hơn. Con đường sẽ là không dễ; nhưng con sẽ thành công, và ta không muốn con mất can đảm. Mỗi con người, dẫu ở địa vị nào, đều xuất phát từ những bình diện thuộc thiên thể để xuống trần gian này nhằm học hỏi và, qua đó, có thể tiến hoá. Lobsang à, con biết rằng, nếu con muốn tiến triển trong tu viện Lạt ma, thì con phải học và vượt qua những kỳ thi. Con không thể bỗng dưng trở thành một Lạt ma hoặc một Tu viện trưởng. Bao lâu còn những cuộc thi theo đúng nguyên tắc, thì con hẳn biết rằng, chẳng phải vì sự bất công hoặc tính nết thất thường của một người thầy, mà con bị xếp hạng dưới những người khác.

Sau khi nghe giải thích, tôi thấy chuyện đó là dễ hiểu.

Thầy Linh hướng nói tiếp:

- Chúng ta đến trần gian là để học hỏi và, dẫu cho những bài học là quá cay đắng, quá đau đớn, thì trước khi chào đời, chúng ta đã quyết định là sẽ chấp nhận chúng. Khi rời khỏi cõi trần này, chúng ta đã nghỉ ngơi trong một thời gian, ở Thế Giới Bên Kia. Rồi, nếu muốn tiến hoá, chúng ta tiếp tục con đường của mình. Chúng

ta có thể quay lại trần gian này ở một môi trường khác, hoặc chúng ta có thể làm quen với một lối sống hoàn toàn khác. Khi ngồi trong lớp học, có lúc chúng ta sẽ nghĩ rằng ngày giờ sẽ kéo dài bất tận, và Thầy giáo sẽ chẳng bao giờ buông tha chúng ta. Đời sống trên trần gian này là thế đó; nếu mọi sự đều quá tốt đẹp với chúng ta, nếu chúng ta đạt được tất cả những gì mình muốn, thì chúng ta sẽ chẳng học hỏi được gì, chúng ta sẽ chỉ đơn giản buông xuôi theo dòng đời. Và, khổ nỗi, sự thật là con người là kẻ học nghề mà người thầy duy nhất là sự đau khổ.

Tôi nói:

- Nếu thế, tại sao một số thanh thiếu niên, và kể cả một số Lạt ma, có một cuộc đời êm đềm đến thế? Con thấy rằng hình như con đang phải chịu đựng những thử thách, và người ta tiên đoán rằng con sẽ gặp những bất hạnh, khổ khổ lớn lao.

- Nhưng Lobsang à, những người có vẻ rất hài lòng về số phận của họ đó, con có chắc là họ rất hài lòng? Con có chắc đời sống là dễ dàng đối với họ? trừ khi biết được họ đã dự định làm gì trước khi xuống cõi trần này, còn không con không thể nào xét đoán điều đó. Trước khi xuống cõi trần này, mỗi người đều biết trước điều mà họ muốn học hỏi, họ muốn sẽ hành động như thế nào, và điều mà họ ao ước sẽ trở thành khi rời khỏi hành tinh này, sau khi đã lưu trú tại nhà trường của họ. Con đã nói với t rằng hôm nay con đã phải khổ sở nhiều ở lớp học. Con có chắc không? Hay là con hài lòng với bản thân, con đã biết tất cả những gì cần biết về bài học! Phải chăng, do thái độ hạ cố của con mà con đã khiến cho thầy giáo của con phải có mặc cảm tự ti?

Thầy Linh hướng nhìn tôi bằng một ánh mắt có phần trách cứ, và tôi cảm thấy thẹn. Quả thật, ngài đã biết nhiều điều. Đã vậy, ngài lại có tài chọn đến điểm nhạy cảm. Đúng vậy, tôi đã tự mãn, đã nghĩ rằng thầy giáo chẳng thể tìm thấy nơi tôi một lỗi nhỏ nào. Và dĩ nhiên, sự tự mãn đó đã góp phần gây bức tức cho thầy giáo. Tôi gật đầu:

- Vâng, thưa Lạt ma khả kính, con cũng có lỗi như bao học sinh khác.

Thầy Linh hướng mỉm cười và gật đầu, vẻ tán thành:

- Lobsang à, sau này, con sẽ đến Trùng Khánh, Trung Quốc (Tôi lặng lẽ gật đầu, không muốn nghĩ đến cái lúc tôi bị buộc phải rời Tây Tạng. Ngài nói tiếp) trước khi con ra đi, các Lạt ma chúng ta sẽ viết thư cho các đồng nghiệp ở các trường Cao đẳng và Đại học, để họ gửi về cho chúng ta chi tiết các chương trình học. Sau khi đã biết về chương trình giảng dạy của họ, chúng ta sẽ chọn trường cao đẳng hoặc đại học phù hợp để chuẩn bị cho con bước vào đời. Cũng vậy, trong thế giới thuộc các thiên thể, khi một hồn chỉ nghĩ đến đầu thai, thì hồn đó suy nghĩ về những việc mình định làm, những điều mình muốn học hỏi, và điều mình muốn thực hiện. Lúc đó, như ta đã nói với con, người ta tìm cho kẻ muốn đầu thai đó người cha và người mẹ phù hợp. Điều đó cũng tương tự như tìm một nhà trường thích hợp.

Càng nghĩ đến chuyện nhà trường, tôi càng thấy chán.

Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, tại sao có những người suốt đời phải bệnh tật hoặc gặp tai hoạ; những thứ đó dạy cho họ được gì chứ?

Thầy Linh hướng đáp:

- Lobsang à, con phải nhớ rằng, một người, khi đầu thai xuống cõi trần này, có nhiều điều để học hỏi, không chỉ đơn giản là học điều khắc, hoặc học một ngôn ngữ, hoặc học những kinh sách. Người đó phải học biết những điều mà, sau khi qua đời, sẽ có ích cho họ trong thế giới thiên thể. Như ta đã nói với con, thế giới này là thế giới Áo. Nó được tạo ra để dạy cho chúng ta về sự đau khổ và, trong khi chịu đựng sự đau khổ, chúng ta phải biết cảm thông những khó khăn và đau khổ của tha nhân. (Tôi suy nghĩ về những điều vừa nghe, và thầm nghĩ đây là một vấn đề rất quan trọng. Hẳn đọc được ý nghĩ của tôi, thầy Linh hướng nói) à, trời sắp tối rồi. Đã đến lúc chúng ta phải ngưng câu chuyện này, bởi chúng ta còn nhiều việc phải làm. Ta phải lên Đỉnh núi (Đó là từ được dùng để gọi Potala) và ta muốn dẫn con theo. Ngày mai, con sẽ ở lại đó một ngày và qua đêm. Chúng ta sẽ tiếp tục nói về vấn đề đã bàn. Giờ đây, con hãy đi thay áo cà sa. Hãy chọn áo sạch và mang theo một cái nữa.

Thầy Linh hướng đứng dậy và rời phòng. Do quá bất ngờ nên tôi tần ngần một lúc. Sau đó, tôi vội vã đi thay áo cà sa, chọn cái áo đẹp nhất và mang theo một cái khác, cũng tốt không kém.

Tôi và thầy Linh hướng xuống núi, sau đó chúng tôi tiến vào Mani Lhakhang, và ngay khi chúng tôi ngang qua trước Pargo Kaling, hay Cửa Tây, thì đột nhiên có tiếng kêu the thé làm tôi nhảy nhồm trên yên ngựa.

Bên lề đường, có tiếng kêu gào của một phụ nữ:

- Ô! Thầy Lạt ma-y sĩ!

Thầy Linh hướng nhìn quanh và xuống ngựa. Biết tôi không rành cưỡi ngựa, ngài ra lệnh cho tôi ngồi yên trên lưng ngựa.

Bằng giọng nhân từ, ngài hỏi người phụ nữ:

- Thưa bà, có chuyện gì thế?

Cúi lạy thầy Linh hướng, người đàn bà hỗn hển nói:

- Ô! Thưa Lạt ma y sĩ, thằng chồng khốn nạn của con không có khả năng cho con có được một đứa con lành lặn, bình thường.

Rồi, nín thính, như cảm thấy kinh ngạc trước sự táo bạo của mình, bà ta chìa tay về phía thầy Linh hướng một cái gói. Ngài khom cái thân cao lớn của ngài và nhìn:

- Nhưng, thưa bà, tại sao bà lại đổ lỗi cho chồng về bệnh tật mà con bà phải chịu?

- Bởi vì thằng chồng khốn nạn của con là đứa chỉ biết chạy theo gái đĩ, và giờ đây hẳn không có khả năng cho con một đứa con lành lặn.

Người đàn bà bật khóc, nước mắt lã chã.

Thầy Linh hướng nhìn vào vùng tối. Gần Pargo Kaling, một cái bóng đang tách ra từ nơi tối tăm nhất; đó là một người đàn ông ăn mặc rách rưới, vẻ thều thào. Thầy Linh hướng ra hiệu cho ông ta đến gần. Người đàn ông tuân theo và quỳ xuống nơi chân Lạt ma. Ngài nhìn hai vợ chồng và nói:

- Anh chị đã sai trái khi đổ lỗi cho nhau về sự tật nguyền mà đứa bé đã mắc phải khi chào đời, bởi anh chị không hề có lỗi. Sự tật nguyền đó có liên quan đến Nghiệp. (lại nhìn đứa bé, ngài gạt sang bên những cái tã, Ngài nhìn một cách chăm

chú, và tôi biết Ngài đang quan sát vàng khí huyền bí. Rồi ngài thẳng người lên và nói) Thưa bà, con của bà có thể được chữa lành. Chúng tôi có thể chữa trị cho bé. Tại sao bà không mang cháu đến sớm hơn?

Một lần nữa, người đàn bà đáng thương cúi lạy, và vội vã trao đứa bé cho chồng. Rồi bà chấp tay, mắt nhìn chăm thầy Linh hướng và nói:

- Thưa Lạt ma y sĩ thánh thiện, nào có ai quan tâm đến chúng con? Chúng con chỉ là những người Ragyab và trong số các Lạt ma, có những người khinh khi chúng con. Thưa Lạt ma khả kính, chúng con không thể đến, dầu sự thể là cấp bách!

Tôi thấy sự khinh khi đó là lối bịch: người Ragyab là những người chuyên lo việc chung sự cho kẻ chết. Họ sống ở phía Đông Nam Lhasa. Họ cũng cần thiết như bất cứ thành viên nào khác của cộng đồng chúng tôi. Tôi biết điều đó vì theo lời dạy của thầy Linh hướng, mọi người dầu công việc của họ là gì, đều có ích cho cộng đồng. Tôi còn nhớ, có hôm, Ngài đã cười và nói với tôi: “Lobsang à, kể cả bọn trộm cắp cũng có ích, bởi không có chúng, người ta sẽ không cần đến cảnh sát. Vì thế, bọn trộm cắp giúp cho cảnh sát có công ăn việc làm!”.

Nhưng, chúng ta hãy trở lại với người Ragyab: nhiều người cho rằng những người Ragyab là nhơ bẩn, vì họ chuyên lo chung sự cho những người chết; họ mổ xác chết và chặt nhỏ ra hầu những con kền ền có thể nuốt sạch. Cũng như thầy Linh hướng, tôi cho rằng công việc của họ là tốt đẹp và hợp lý vì nói chung, đất đai ở Lhasa là đầy đá và sỏi, người ta không thể đào huyết và ngay cả nếu có thể thì khí hậu ở đây quá lạnh khiến xác chết bị đông cứng, không thể phân rã trong đất.

Thầy Linh hướng nói với người phụ nữ:

- Thưa bà! Trong ba ngày nữa, bà hãy tận tay trao cho tôi đứa bé này, và chúng tôi sẽ cố gắng chữa trị cho bé, bởi dựa trên những gì mà tôi đã xem xét, thì tôi thấy có thể chữa lành. (Ngài tìm trong túi đeo và lấy ra một mảnh giấy da. Ngài viết nhanh các hàng chữ, rồi trao cho người đàn bà) Bà hãy mang giấy này đến Chakpori, và người ta sẽ cho bà vào. Tôi sẽ báo trước cho người gác cổng và bà sẽ không gặp một khó khăn nào. Bà hãy yên tâm, trước mắt các thần, tất cả chúng ta đều là con người và chẳng có gì để bà phải sợ chúng tôi. (Ngài quay sang người chồng) Anh hãy thu ý chung với vợ. (Rồi ngài nhìn người đàn bà và nói) Bà không nên mắng chửi chồng. Nếu bà đối xử tốt với chồng một cách hiền lành hơn, chắc anh ta sẽ không đi tìm niềm an ủi ở những nơi khác. Giờ đây, vợ chồng hãy về nhà, và ba ngày nữa, hãy có mặt ở Chakpori. Tôi sẽ đón và giúp đỡ. Tôi hứa đấy.

Thầy Linh hướng leo lên ngựa và chúng tôi ra đi. Những tiếng cảm ơn của hai vợ chồng cất lên ở phía sau chúng tôi.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, ta nghĩ rằng ít nữa là trong đêm nay, hai vợ chồng đó sẽ đồng tâm và tử tế với nhau!

Ngài bật ra một tiếng cười ngắn và rẽ sang một con đường dốc phía trái, ở ngõ cửa làng Sho. Tôi khá ngạc nhiên sau lần đầu gặp những người đã kết hôn hôm đó.

Tôi thốt lên:

- Thưa Lạt ma khả kính, con chẳng hiểu vì lý do gì những người đó chung sống khi họ chẳng yêu thương gì nhau! Tại sao họ phải như thế?

Thầy Linh hướng mỉm cười:

- Ngài mai, ta sẽ trả lời con thắc mắc đó. Chiều nay, chúng ta có quá nhiều việc phải làm. Ngài mai, chúng ta sẽ bàn đến những chuyện đó, và ta sẽ cố giúp cho tâm trí con được yên ổn, bởi ta thấy nó có vẻ rối rắm!

Chúng tôi tiến lên ngọn đồi. Tôi luôn thích nhìn về phía sau, nhìn xuống làng Sho, xuống thung lũng.

Đến Potala, chúng tôi phải leo lên vô số cái thang - thang chứ không phải cầu thang - thẳng đứng, cũ mòn và cuối cùng lên đến phòng chúng tôi, nằm phía trên dãy phòng của các tu sĩ cấp trung, phía trên những kho hàng. Lạt ma Mingyar Dondup vào phòng Ngài, và tôi vào phòng tôi kế bên. Theo thói quen, tôi đến bên cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trong rừng liễu, một con chim đêm cất tiếng gọi bạn tình. Ánh trăng vàng vạc; tôi có thể nhìn thấy chú chim và những gợn sóng mà những cẳng dài của nó đã để lại trong nước bùn. Ở một nơi nào đó, không xa, cất lên tiếng con mái đáp lại tiếng gọi. Tôi thầm nghĩ "À, ít ra cũng có một cặp đang sống hoà hợp".

Nhưng đã đến giờ phải đi ngủ, vì tôi còn phải tham dự buổi tụng kinh nửa đêm và vì quá mệt, nên tôi sợ sẽ ngủ quá giờ vào sáng ngày mai.

Buổi chiều hôm sau, thầy Linh hướng vào phòng thi tôi đang đọc một cổ thư. Ngài nói:

- Con hãy sang phòng ta. Ta vừa yết kiến Đấng Thánh Thiện và giờ đây chúng ta phải bàn với nhau về những vấn đề con đang thắc mắc.

Ngài quay gót và dẫn tôi sang phòng Ngài. Tôi ngồi đối diện Ngài và nghĩ đến những điều làm tôi băn khoăn.

Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma khả kính, tại sao những cặp vợ chồng lại ghét nhau đến thế? Hôm qua con đã quan sát vầng khí huyền bí của hai người Ragyab đó, và con có ấn tượng là họ thù ghét nhau. Nếu thế thì tại sao họ đã lấy nhau?

Thầy Linh hướng lặng im một lúc - một sự im lặng buồn bã. Rồi Ngài nói:

- Người ta quên rằng họ đến trần gian này là để học hỏi một số điều. Trước khi chào đời, một cá nhân, khi còn ở bên kia cõi đời, đã được định trước về loại người mà cá nhân đó sẽ kết hôn. Con phải hiểu rằng, có nhiều người đã kết hôn trong tâm trạng mà người ta có thể gọi là đam mê cháy bỏng. Khi đam mê đã nguôi, sự mới mẻ, sự kỳ lạ mất vẻ quyến rũ của chúng, thì thông thường làm phát sinh sự rẻ rúng.

"Thông thường làm phát sinh sự rẻ rúng". Tôi suy nghĩ nhiều về câu đó. Vậy thì, tại sao người ta lấy nhau? Hẳn là, người ta lấy nhau để duy trì nòi giống. Nhưng tại sao người ta không ghép đôi như các loài thú? Tôi nêu câu đó với thầy Linh hướng. Ngài nhìn tôi và nói:

- Nhưng, Lobsang! Con làm ta ngạc nhiên. Hẳn con biết rằng có những loài mà ta gọi là thú vật đã gắn bó với nhau suốt đời. Đó là trường hợp của nhiều con thú và đặc biệt là những loài chim. Nhất là những loài tiến hoá hơn cả. Nếu con người chỉ đơn giản là ghép đôi để duy trì nòi giống, thì những đứa con mà họ sinh ra hẳn không

có tâm hồn. Sự giao hợp cần phải được thực hiện trong tình yêu thương. Nhằm tạo ra một đứa con tốt lành, thì người cha và người mẹ phải thương yêu nhau.

Vấn đề về quan hệ vợ chồng khiến tôi thực sự thắc mắc. Tôi nghĩ đến cha mẹ tôi: mẹ tôi là một người đàn bà chuyên quyền và cha tôi thì nghiêm khắc đối với chúng tôi, những đứa con của người. Tôi chẳng thấy có chút tình cảm nào mỗi khi nghĩ đến họ. Tôi nói với thầy Linh hướng:

- Nhưng tại sao người ta lấy nhau do bị tác động bởi sự say mê? Tại sao họ không xem hôn nhân như một sự việc để giải quyết?

Thầy Linh hướng đáp:

- Lobsang à, ở một số nước phương Đông, người ta nghĩ như thế. Sự kết hợp của đôi lứa thường được sắp đặt trước và ta phải nhìn nhận rằng những cuộc hôn nhân đó có được những kết quả tốt đẹp hơn những cuộc hôn nhân ở phương Tây. Người Trung Quốc cho rằng sự say đắm mãnh liệt chẳng khác chi cái ấm đun nước. Họ không kết hôn vì say đắm bởi theo họ điều đó tương tự như cái ấm mà trong đó, nước sau khi được đun sôi sẽ nguội đi. Vì vậy, họ kết hôn một cách trầm tĩnh và để cho nước dần dần được đun nóng và giữ nóng lâu hơn.

Ngài nhìn tôi để xem tôi có hiểu rõ những giải thích của Ngài.

Tôi nói:

- Nhưng, thưa Ngài, con không hiểu tại sao người ta phải quá đau khổ khi sống với nhau?

- Này con, người ta đến trần gian này như đi đến trường để học và nếu những cặp vợ chồng bình thường có được hạnh phúc bên nhau, thì họ sẽ không học được gì, bởi họ chẳng có gì để học. Họ đến trần gian này để sống hoà thuận bên nhau, điều đó là phần của bài học và họ phải học biết cho đi và nhận. Về những người có tính thích tranh chấp, có những phản ứng gây bức tức cho người bạn đời, thì người này phải học cách sửa đổi tánh nết và người kia phải học biết tha thứ. Bất kỳ một đôi lứa nào, hoặc có thể nói là hầu hết, đều có thể sống trong hoà thuận, nếu mỗi người học biết cho đi và đón nhận.

- Thưa Lạt ma, để giúp cho các cặp vợ chồng sống hoà thuận, thì Ngài khuyên gì?

- Người chồng và người vợ phải biết chờ cái lúc thuận tiện rồi mới trình bày một cách thân thiện, trầm tĩnh, nhã nhặn, những lý do khiến họ bất hoà. Nếu người chồng và người vợ cho nhau biết điều gì làm cho họ đối nghịch, thì cuộc hôn nhân của họ sẽ hạnh phúc hơn.

Tôi thầm nghĩ, sẽ ra sao nếu cha và mẹ tôi đã bàn bạc với nhau về một vấn đề gì đó. Họ làm cho tôi nghĩ đến nước và lửa, với sự xung khắc tuyệt đối. Chắc thầy Linh hướng đoán được ý nghĩ của tôi, nên Ngài nói:

- Vợ chồng phải biết cho và nhận, bởi để có thể học hỏi một sự việc nào đó, thì họ phải có khả năng nhận thức rằng có một điều gì đó đang làm họ chống đối nhau.

Tôi hỏi:

- Nhưng làm thế nào một người lại si mê một người khác, hoặc cảm thấy bị thu hút bởi một người khác? Và nếu hai người cùng lúc bị thu hút lẫn nhau, thì tại sao họ lại nhanh chóng rời bỏ nhau?

- Lobsang à, con biết rất rõ rằng, nếu có thể đọc vàng khí huyền bí của một người, thì ta biết nhiều điều về người đó. Những người phàm thì không trông thấy vàng khí huyền bí nhưng hầu hết đều có thể cảm nhận theo bản năng đối với người khác; họ có thể cho biết họ có cảm tình hoặc không cảm tình với một người nào đó. Rất nhiều khi, họ không biết lý do, nhưng họ biết rằng họ thích hoặc không thích ai đó.

- Vậy thì thưa Lạt ma, tại sao ta có thể bất thành linh có cảm tình với một ai đó rồi cũng đột ngột không kém, không ưa người đó?

- Khi người ta đạt đến một điểm nhất định, khi họ đang yêu, thì những dao động của họ tăng lên, và có thể là khi hai người đó, người nam và người nữ, phát ra những dao động tăng cao thì những tâm trạng của họ tương hợp. Chẳng may, những dao động đó mất đi cường độ của chúng. Người vợ tỏ ra bất cần và đôi khi không chu toàn bổn phận làm vợ của mình. Thế là người chồng đi tìm sự an ủi nơi một phụ nữ khác và dần dà vợ chồng xa nhau. Dần dần những dao động thanh khí của họ trở nên xung khắc đến nỗi vợ chồng chỉ thấy ghét nhau mà thôi.

Tôi hiểu rõ điều đó và cái thuyết đó giải thích được nhiều điều. Tôi hỏi:

- Thưa Lạt ma, con thắc mắc vì lý do nào một đứa bé chỉ sống được một tháng sau khi chào đời. Như vậy, nó làm gì có cơ may để học hỏi một điều gì hoặc để có thể trả cái nghiệp của nó? Theo con nghĩ, đó chỉ là sự phí phạm cho mọi người.

Thầy Linh hướng mỉm cười:

- Không Lobsang, chẳng có gì bị lãng phí cả! Con có những ý tưởng lộn xộn, không rõ ràng. Con cho rằng con người chỉ sống một lần. Chúng ta hãy lấy một ví dụ. (Ngài nhìn tôi, rồi nhìn ra cửa một lúc. Tôi đoán Ngài đang nghĩ đến vợ chồng người Ragyar đó... hoặc có thể nghĩ đến đứa con của họ). Hãy tưởng tượng rằng con đi cùng với một người đang ngang qua một loạt những lần đầu thai. Người đó có một cuộc sống khốn khổ và khi về già ông ấy nghĩ rằng mình đã đến bước đường cùng, rằng hoàn cảnh của mình là không thể chịu đựng nổi; vậy là ông ta kết liễu đời mình. Ông tự sát. Do vậy, ông đã chết trước cái giờ phải chết. Mỗi con người đều được định phải sống những năm, những ngày và những giờ nhất định. Điều đó đã được ấn định trước khi nó xuất hiện ở cõi trần này. Nếu một người tự kết liễu đời mình, chẳng hạn mười hai tháng trước giờ chết tự nhiên của nó, thì nó phải quay lại cõi trần này để hoàn tất mười hai tháng đó.

Tôi nhìn thầy Linh hướng và suy nghĩ về tất cả những gì có thể diễn ra từ những tiết lộ của Ngài. Ngài nói tiếp:

- Sau khi kết liễu đời mình, người đó ở trong thế giới thiên thể cho đến khi nó có một cơ hội để trở lại trần gian trong những điều kiện phù hợp và sống cái khoảng thời gian còn lại mà theo lẽ nó đã phải sống. Người đàn ông còn phải sống mười hai tháng đó trên cõi trần này, có thể sẽ phải đầu thai dưới dạng một đứa bé bị bệnh và chết non. Khi mất đứa bé đó, cha mẹ nó đã đạt được một điều gì đó; họ đã mất một

đưa con, nhưng họ có được một trải nghiệm. Họ đã trả phần nào cái nợ của họ. Chúng ta sẽ đồng ý nhìn nhận rằng, bao lâu con người còn trên trần gian này, thì những quan điểm, những nhận thức, những giá trị, nói tóm lại tất cả đều sai lạc. Ở đây, ta muốn nhắc lại rằng thế giới này là thế giới của ảo ảnh, thế giới của những giá trị sai lạc và khi người ta quay trở về thế giới rộng lớn hơn của Siêu Ngã, thì họ hiểu rằng dấu sao, những thử thách cam go và phi lí mà họ phải chịu trong lần lưu lại trần gian này, là có ý nghĩa.

Tôi nhìn quanh và nghĩ đến những lời tiên đoán liên quan đến tôi; đó là những tiên báo về những đau buồn, những khổ hình, mà tôi phải chịu khi tạm trú ở những đất nước xa lạ.

Tôi nói:

- Thưa Ngài, vậy thì một người có thể nêu lên lời tiên đoán chỉ đơn giản là vì người đó có thể tiếp cận với nguồn thông tin. Nếu mọi sự đã được xếp đặt trước khi ta chào đời thì trong một số điều kiện, ta có thể rút được những chỉ dẫn từ các nguồn đó?

Thầy Linh hướng gật đầu:

- Đúng, con hoàn toàn có lí nhưng đừng nghĩ rằng mọi sự đều đã được định trước theo một cách không thể tránh khỏi, từ những chi tiết nhỏ nhất. Những đường nét lớn được vạch ra. Ta có những vấn đề nhất định được giải quyết, một số con đường nhất định phải theo, nhưng sau đó ta có quyền hành động theo cách tốt nhất của ta. Người này sẽ thành công, người nọ sẽ thất bại. Sau đây là một ví dụ: có hai người được lệnh đi từ đây đến Kalinpong, Ấn Độ. Họ không bị buộc phải đi theo cùng một đường, nhưng họ phải đến cùng một nơi đã định, nếu có thể. Một người tiến theo con đường này, người nọ đi theo con đường khác và tùy theo con đường mỗi người chọn, họ sẽ gặp những sự kiện bất ngờ khác nhau. Đờ là vậy: chúng ta đã biết điểm đến, nhưng cách thức mà chúng ta đi đến điểm là do chúng ta định.

Sự xuất hiện của một tu sĩ - đưa tin là gián đoạn cuộc nói chuyện của chúng tôi. Sau khi ngắn gọn cho tôi biết lí do, thầy Linh hướng đi theo tu sĩ. Một lần nữa, tôi đến bên cửa sổ, chống khuỷu tay lên mép cửa, hai bàn tay chống cằm. Tôi nghĩ đến tất cả những gì tôi đã được học, tất cả những biến cố bất ngờ xảy ra trong đời tôi và tôi cảm thấy vô cùng thương mến con người cao siêu đó, Lạt ma Mingyar Dondup, thầy Linh hướng của tôi. Tôi quyết tâm, dẫu tương lai có thế nào, tôi sẽ luôn hành động như thể thầy Linh hướng đang ở cạnh để quan sát tôi. Ở phía dưới, nơi những cánh đồng, các tu sĩ nhọc công đang tập dợt; những nhạc cụ của họ phát ra những âm thanh khác nhau. Tôi thờ ơ nhìn họ. Đối với tôi, âm nhạc chẳng có ý nghĩa gì, bởi tôi không biết thưởng thức, nhưng tôi đang thấy họ cố gắng để chơi thật hay. Tôi rời khỏi cửa sổ, thầm nghĩ mình sẽ đọc sách để giết thời gian.

Chẳng bao lâu sau đó, lại chán đọc; tôi cảm thấy lo âu. Tôi đã tích lũy những kinh nghiệm với một tốc độ càng lúc càng nhanh. Càng lúc càng hờ hững, tôi dùng một ngón tay để lật những trang sách và rồi, đột nhiên tôi xếp hững trang sách đó vào giữa hai cái bìa bằng gỗ có chạm khắc và tôi buộc lại bằng những sợi dây nhỏ.

Cuốn sách này phải được bọc trong vải lụa. Tôi cần thận hoàn tất công việc và đặt nó vào chỗ cũ.

Tôi đứng dậy và đến bên cửa sổ. Không khí nặng trĩu, không một hơi gió. Tôi quay đi và rời khỏi phòng. Tất cả đều yên tĩnh, cái yên tĩnh đặc biệt của một toà nhà chẳng khác chi một cơ thể sống.

Ở đây, tại Potala, từ nhiều thế kỷ nay, người ta thực hiện những công việc linh thiêng và ngay cả những bức tường ở đây cũng có cuộc sống của chính nó. Tôi bước nhanh về cuối hành lang và leo lên cái thang ở đó. Một lát sau, tôi lên đến mái, gần những Mộ Thiêng.

Tôi lặng lẽ đi về nơi mình yêu thích, một nơi khuất gió - những cơn gió thường thổi xuống từ núi. Ngồi tựa lưng vào một Ảnh tượng Thánh, hai tay đan sau gáy, tôi ngắm thung lũng. Sau một lúc nhìn chán, tôi ngược mắt ngắm sao. Trong khi ngắm chúng, tôi có cảm tưởng rất lạ là tất cả những thế giới xa xăm đó đang quay cuồng quanh Potala. Tôi cảm thấy chóng mặt, cứ như đang rơi xuống. Khi ngắm bầu trời như thế, tôi thấy có một vệt dài ngời sáng. Vệt dài đó trở nên sáng hơn và tan trong một sự bùng nổ đột ngột của ánh sáng. Tôi thăm nghĩ, lại một sao băng!

Tôi nghe thấy có tiếng “shush - shush” thật nhỏ, rất gần mình. Tôi thận trọng quay đầu thăm nghĩ, gì thế nhỉ? Dưới bóng âm u của những vì sao, tôi thấy một cái bóng có mũ trùm đầu đang đi tới đi lui ở phía đối diện những Mộ Thiêng. Tôi nhìn cái bóng. Cái bóng đang đi về phía bức tường hướng về Thành cổ Lhasa. Tôi thấy nét mặt nhìn nghiêng khi người đó đang nhìn về xa xăm. Tôi thăm nghĩ, đó là người cô đơn nhất của Tây Tạng. Người có trách nhiệm và ưu tú hơn hết thầy người dân Tây Tạng nào khác. Tôi nghe có tiếng thở dài và thăm nghĩ, phải chăng Ngài cũng là đối tượng của những lời tiên tri đáng sợ, chẳng khác gì tôi? Tôi thận trọng nghĩ về mình, và lặng lẽ rời xa. Tôi chẳng muốn thâm nhập một cách lộ liễu vào những ý tưởng của người khác. Tôi rón rén trở về phòng.

Ba ngày sau, tôi ở cạnh thầy Linh hướng khi Ngài chữa bệnh cho đứa con của vợ chồng người Ragyab. Ngài cởi đồ đứa bé ra và chăm chú quan sát vầng khí huyền bí. Ngài sờ phần dưới sọ não của nó một lúc. Đứa bé không khóc cũng chẳng kêu la. Tôi nghĩ rằng, dẫu bé còn nhỏ, nhưng bé cũng hiểu Lạt ma đang cố gắng chữa trị cho bé. Cuối cùng, thầy Linh hướng thẳng người lên và nói:

- Lobsang à! Chúng ta sẽ chữa lành cháu bé. Sở dĩ cháu bị thể này là do sanh khó. Cha mẹ đứa bé đang chờ trong một căn phòng gần lối vào. Tôi theo thầy Linh hướng đến gặp họ. Khi thấy chúng tôi vào, họ cúi lạy Lạt ma. Ngài dịu dàng nói với họ:

- Con anh chị sẽ được chữa lành. Theo chuẩn đoán của chúng tôi, rõ ràng là khi chào đời cháu bé đã bị một va chạm mạnh hoặc đã bị rơi. Anh chị đừng lo. Bé có thể được chữa khỏi.

Người mẹ đáp, giọng run rẩy:

- Thưa Lạt ma y sĩ, ngài nói đúng. Con của con đã ra đời vào lúc con không ngờ nhất và cháu bé đã rơi xuống đất. Lúc đó, chỉ có một mình con.

Thầy Linh hướng gật đầu với vẻ am hiểu và thương cảm:

- Hãy trở lại đây ngày mai, vào giờ này. Tôi chắc anh chị sẽ có thể đưa cháu về, lành lặn.

Vợ chồng người Ragyab cúi lạy khi chúng tôi rời khỏi phòng.

Thầy Linh hướng bảo tôi phải xem xét đứa bé một cách kỹ lưỡng. Ngài nói:

- Hãy xem này, Lobsang. Nơi này phải chịu một sức ép. Cái xương này đã lên sởi... Con hãy lưu ý rằng ánh sáng của vàng khí huyền bí không phát ra theo hình tròn, mà là hình cánh quạt (ngài cầm lấy tay tôi và đặt lên vùng bị chấn thương của đứa bé). Ta sẽ đẩy cái xương gây rắc rối này. Hãy xem đây!

Bằng một động tác cực nhanh, Ngài ấn những ngón tay vào thịt đứa bé, rồi thả ra ngay. Đứa bé không khóc la; sự việc đã diễn ra quá nhanh đến nỗi nó không kịp cảm thấy đau. Giờ đây, cái đầu của nó không còn lắc lư sang một bên, mà ngay ngắn như bình thường. Thầy Linh hướng mát xa cổ đứa bé một lúc, từ đầu xuống tim, duy trì cái chiều đó, và không theo chiều ngược.

Ngày hôm sau, vào giờ đã định, cha mẹ đứa bé trở lại và vui mừng khôn xiết khi thấy điều mà họ tưởng chừng là một phép lạ.

Thầy Linh hướng nói:

- Anh chị phải trả công cho điều đó. Anh chị đã có được điều tốt lành và do vậy anh chị phải trả công bằng cách sống tử tế với nhau. Anh chị không nên cãi cọ nhau. Hãy sống đàng hoàng, đứa bé chịu ảnh hưởng bởi cách ứng xử của cha mẹ nó. Con của những cha mẹ hiểm ác, xấu bụng thì cũng sẽ hiểm ác, xấu bụng. Con của những cha mẹ khốn nạn, không có khả năng yêu thương, thì đến lượt nó cũng sẽ khốn nạn, không có khả năng yêu thương. Hãy trả công cho điều tốt đẹp mà anh chị đã nhận bằng cách yêu nhau, sống tử tế với nhau. Tuần tới, chúng tôi sẽ ghé thăm anh chị để xem đứa bé có ổn không.

Ngài mỉm cười, vỗ nhẹ lên má đứa bé và rời khỏi phòng. Tôi theo ngài.

Ngài nói với tôi:

- Lobsang à, những người nghèo đôi khi tỏ ra tự phụ. Họ bực mình vì không có đủ tiền để trả. Vì vậy, hãy làm như thể ta tạo cho họ cái ấn tượng rằng họ đang trả công cho ta. Điều đó khiến họ vui, bởi họ nghĩ ta cho rằng họ là những người có tiền. Nhưng cách duy nhất để họ khỏi phải trả món nợ đó là, như ta đã nói với họ, họ phải yêu thương nhau. Hãy luôn giữ cho người đàn ông hoặc người đàn bà niềm kiêu hãnh, lòng tự ái của họ, thì họ sẽ chịu nghe lời con!

(11)

Bọn chúng tôi đang chơi đùa trong sân: lêu nghêu trên những cà kheo, chúng tôi tìm cách xô ngã nhau. Đứa chiến thắng là đứa sau cùng còn đứng vững trên cà kheo sau nhiều lần bị tấn công. Ba đứa trong số chúng tôi cười sặc sụa khi bị té ngã chồng lên nhau.

Một đứa bạn của tôi nói:

- Hôm nay, thầy Raks đang có tâm trạng đen!

Một đứa khác nói lớn:

- Đúng! Một đồng nghiệp của ông ấy hằn xanh lục vì ganh tức khi nghĩ rằng ông ấy có thể tha hồ trút cơn u ám của ông xuống đầu bọn mình.

Chúng tôi nhìn nhau và bật cười, tâm trạng đen? Xanh lục vì ganh tức? Chúng tôi gọi những đứa bạn khác hãy xuống cà kheo để bắt đầu một trò chơi mới. Chúng tôi đổ nhau, có bao nhiêu màu sắc mà chúng tôi có thể dùng trong những mô tả đó?

Chúng tôi tiến từ tâm trạng đen đến những ý tưởng đen của một Tu viện trưởng, rồi đến một thầy giáo xanh lục vì ganh tức. Một đứa thì nói đến một phụ nữ đỏ thắm (màu của gái đi) mà nó đã gặp ở khi chợ của Lhasa!

Đứa ở bên phải của tôi nói:

- Người ta cũng nói rằng, một người “vàng” đi vì sợ. Nói tóm lại, màu vàng thường được dùng để chỉ sự hèn nhát.

Tôi suy nghĩ về tất cả điều đó, và thậm nghĩ nếu tìm thấy những biểu hiện đó trong mọi ngôn ngữ, thì hẳn là điều đáng lưu ý. Vì thế, tôi đi tìm thầy Linh hướng để

hỏi. Nôn nóng, tôi vào phòng làm việc của thầy Linh hướng. Ngài nhìn tôi, chẳng chút ngạc nhiên.

Tôi hỏi ngay:

- Thưa Lạt ma khả kính, tại sao người ta dùng màu sắc để mô tả những tâm trạng?

Ngài đặt cuốn sách xuống và ra hiệu cho tôi ngồi:

- À, có phải ý con muốn nói về những từ mà người ta thường dùng như, một tâm trạng đen hoặc xanh lục vì ganh tức chẳng?

Nhận thấy Ngài biết chính xác điều tôi muốn trình bày, tôi nói:

- Vâng, con muốn biết tại sao những màu sắc đó lại có tầm quan trọng. Phải có lý do!

Thầy Linh hướng bật cười:

- À, Lobsang, một lần nữa con lại phải lắng nghe một phát biểu dài dòng. Ta biết những điều đang làm con thắc mắc. Nhưng trước tiên chúng ta hãy uống trà, rồi nói chuyện bởi ta đang chờ trà đây.

Chỉ lát sau, trà được mang vào. Lần này, có kèm theo Tsampa. Chúng tôi lặng lẽ ăn. Tôi tiếp tục nghĩ đến những màu sắc và thầm nghĩ tôi sẽ được giải thích như thế nào về vấn đề này. Khi chúng tôi ăn xong, tôi nhìn thầy Linh hướng bằng ánh mắt muốn hỏi.

Ngài nói:

- Hẳn con biết đôi chút về những nhạc cụ chứ, Lobsang? Con biết, chẳng hạn, ở phương Tây có một nhạc cụ gọi là dương cầm. Hẳn con còn nhớ có lần chúng ta đã thấy nó qua hình ảnh. Con biết rằng một bàn phím có nhiều phím, số thì màu trắng, số màu đen. Vậy thì hãy quên những phím màu đen và tưởng tượng rằng chúng ta đang có một bàn phím dài ba kilomet - dài hơn nữa, nếu con muốn. Bàn phím đó có thể phát ra mọi dao động mà ta có thể có từ bất cứ biên diện nào của đời sống. (Ngài nhìn tôi để xem tôi có hiểu rõ không, bởi đối với tôi cái dương cầm là một nhạc cụ lạ lùng. Như Ngài đã nói, tôi đã một lần thấy nó trong hình. Biết tôi hiểu cái ý tưởng được nêu ra qua hình ảnh so sánh đó, Ngài nói tiếp). Nếu con có một bàn phím có thể phát ra mọi dao động, thì toàn bộ những dao động của con hẳn có thể nằm ở ba phím giữa của bàn phím. Có lẽ con biết rằng mọi sự đều là dao động. Hãy chọn dao động thấp - mà con người được biết. Đó là dao động của vật chất cứng. Nếu con chạm vào vật chất đó, nó sẽ cản trở ngón tay con và đồng thời mọi phân tử của nó tiến vào những dao động! Con có thể tiến xa hơn trên bàn phím tưởng tượng đó, và sẽ nghe thấy một dao động gọi là âm thanh. Trong khi tiến xa hơn nữa, đôi mắt con sẽ nhận một dao động gọi là sự nhìn thấy.

Tôi đột ngột thẳng người lên. Tại sao đời sống có thể là một dao động chứ? Nếu tôi nhìn một vật ... thì, bằng cách nào tôi thấy nó?

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, sở dĩ con nhìn thấy là vì sự vật con nhìn đang dao động và tạo ra một rung động được nhận biết bởi mắt. Nói khác hơn, một vật mà con có thể nhìn thấy là vật phát ra một sóng mà những tế bào que của mắt và nhãn cầu có thể nhận

được và sau đó chúng chuyển những xung lực chúng vừa nhận vào một phần của não. Phần não sẽ chuyển những xung lực đó thành một hình ảnh gốc. Toàn bộ điều đó đều rất phức tạp, và chúng ta sẽ không đi sâu vào. Ta chỉ, một cách đơn giản, cho con hiểu rằng tất cả đều là những dao động. Ở mức cao hơn trong thang của những dao động, chúng ta nhận thấy có những sóng vô tuyến, những sóng thần giao cách cảm và sóng của những người đang sống trên bình diện khác. Nhưng, ta đã nói với con rằng chúng ta sẽ đặc biệt giới hạn vào ba phím mang tính huyền thoại của bàn phím mà loài người có thể nhận biết dưới dạng vật rắn, âm thanh hoặc hình ảnh.

Tôi cảm thấy cần phải suy nghĩ; tất cả điều đó làm đầu óc tôi sôi sục.

Thầy Linh hướng nói:

- Con đã hỏi ta về vấn đề liên quan đến những màu sắc. Vậy thì, con hãy biết rằng, một số dao động tác động dưới dạng những màu sắc lên vàng khí huyền bí của một cá nhân. Chẳng hạn, nếu cá nhân suy sút tinh thần - cảm thấy mình rất khôn khổ - thì một số những giác quan của anh ta phát ra một dao động hay một tần số tương ứng với màu sắc mà chúng ta gọi là màu xanh, đến nỗi ngay cả những người không có khả năng thấu thị cũng có thể hầu như nhận biết màu xanh đó và vì thế mà, trong hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới, các màu đó chỉ về một tâm trạng u ám, buồn bã.

Tôi đã bắt đầu hiểu, nhưng tôi thắc mắc tại sao một người có thể xanh lục vì ganh tỵ, và tôi nêu lên thắc mắc đó.

Thầy Linh hướng đáp:

- Lobsang à, qua suy diễn, hẳn con đã kết luận rằng khi một người đang ganh tỵ, thèm muốn, thì những dao động của ông ta biến đổi đến nỗi những người khác có cảm tưởng ông ta đang biến thành màu tai tái. Điều đó không có nghĩa là mặt của ông trở nên tái xanh, nhưng nó tạo ra cái ấn tượng đó. Ta cũng muốn nói thêm rằng, một người được sinh ra dưới ảnh hưởng của một cung tử vi nào đó, thì sẽ dễ bị tác động bởi một màu sắc này hoặc màu sắc nọ.

Tôi thốt lên:

- Vâng! Con biết một người thuộc cung Bạch Dương và người đó chuộng màu đỏ!

- Đúng vậy, qui luật của những hài hoà muốn như thế. Một số người phản ứng tốt với một màu sắc nhất định, vì sự dao động của màu đó rất phù hợp với dao động cơ bản của họ. Chính vì vậy mà một người thuộc cung Bạch Dương, chẳng hạn, chuộng màu đỏ, là vì màu đỏ chiếm một phần lớn các tính ông ta và ông thích nhìn ngắm màu đỏ.

Tôi nôn nóng muốn hỏi một điều. Đối với tôi, màu lục và màu xanh là những màu tôi đã rõ. Tôi cũng có thể hiểu vì lý do gì, khi một người chú tâm đến một môn nghiên cứu cá biệt, thì vàng khí huyền bí của người đó có thể bị rải rác bởi những đốm màu nâu. Nhưng tôi không hiểu vì lý do nào một người phụ nữ bị cho là đỏ tía!

Thầy Linh hướng giải thích:

- Ta cũng muốn cho con biết rằng, mỗi con người đều có một tần số dao động cơ bản, hay nói khác hơn là những phân tử của mỗi cá nhân đều dao động ở một

nhịp nhất định và những sóng, những hiện tượng dao động có tính lan truyền phát ra từ não con người có thể được sắp xếp theo nhóm. Chẳng thể nào hai con người lại có cùng một làn sóng; hai làn sóng thì chẳng bao giờ có thể giống nhau ở mọi điểm, nhưng khi hai con người có hai làn sóng gần giống nhau hoặc khi làn sóng của người này tiếp nối một số quãng tám của người kia, thì người ta gọi những sóng đó là tương hợp và hai người đó, nói chung rất ăn ý nhau.

Tôi nhìn thầy Linh hướng và nghĩ rằng có một số nghệ sĩ có tính tình không mấy dễ chịu. Tôi nói:

- Thừa Lạt ma khả kính, có phải chẳng trong số các nghệ sĩ, có một số người dao động ở một nhịp cao hơn những người khác?

- Đúng vậy, nếu một người nhận được điều mà người ta gọi là thấu cảm, nếu người đó phải trở thành một nghệ sĩ tài ba, thì tần số của những dao động của người ấy hẳn phải cao hơn nhiều so với thông thường. Điều đó khiến ông ta luôn cau kính, không hài lòng. Khi có một nhịp dao động nhanh hơn nhịp dao động của phần đông mọi người, người nghệ sĩ đó có xu hướng xem thường những người phàm. Những tác phẩm mà ông ta thực hiện đôi khi quá tốt đẹp đến nỗi chúng ta có thể bỏ qua những tính khí thất thường của ông ta.

Tôi mừng tượng bàn phím lạ lùng trải dài trên nhiều ki lô mét đó, và tôi thắc mắc tại sao trên bàn phím rộng lớn đó, phần có thể đạt đến của những trải nghiệm của con người đã bị giới hạn trong khoảng ba phím mà thôi. Tôi nói lên điều đó với thầy Linh hướng.

Ngài giải thích:

- Lobsang à, con người thích nghĩ rằng nó là thứ duy nhất quan trọng của vũ trụ. Thật ra, còn có nhiều hình thái khác của sự sống. Và những hình thái đó cũng có ở những hành tinh khác, và chúng hoàn toàn không giống loài người. Con người bình thường hẳn không có khả năng để hiểu về những hình thái đó của sự sống. Nếu đặt trên bàn phím tượng tượng của chúng ta, thì những cư dân của một hành tinh rất xa chúng ta hẳn nằm ở một đầu của bàn phím, và loài người nằm ở đầu mút kia. Và những ai đang sống trên những bình diện thiên thể của sự sống thì hẳn có một vị trí cao hơn nhiều trên bàn phím đó, bởi một bóng ma, vì có thể ngang qua một bức tường, nên phải có bản chất rất tinh tế đến nỗi nhịp dao động của nó hẳn rất cao, dẫn lượng phân tử của nó là rất thấp. Như con đã biết, một bóng ma có thể ngang qua một bức tường bằng đá vì bóng ma được tạo thành bởi những phân tử đang dao động. Tất cả những phân tử đó được tách rời nhau bởi những không gian, và nếu con có thể tìm thấy một tạo vật mà những phân tử của nó nhỏ đến nỗi có thể len vào trong những không gian của một bức tường đá, thì tạo vật đó có thể ngang qua bức tường mà không gặp một trở ngại nào. Dĩ nhiên, những tạo vật thuộc thiên thể có một nhịp dao động rất cao, và chúng rất nhỏ, nói khác hơn, chúng không rắn, điều đó có nghĩa là không có ít phân tử. Nhiều người tin rằng, những vùng ở bên ngoài Trái Đất - ở ngoài khí quyển bao quanh chúng ta - là trống rỗng. Họ đã lầm: không gian, dẫu ở đâu, cũng gồm có những phân tử, nhất là những phân tử hydro, phân tán rộng, và người ta có thể đo lường chúng, như người ta có thể đo lường sự

hiện diện của cái mà người ta gọi là bóng ma. Vào lúc đó, tù và của Đền rúc lên, báo hiệu sắp đến giờ lễ Phụng Vụ.

Khi đến trước cửa Đền, thầy Linh hướng nói với tôi:

- Này Lobsang, ngày mai chúng ta sẽ nói tiếp, bởi ta muốn con hiểu rõ vấn đề này.

Sau buổi lễ, các tu sinh trẻ chúng tôi bắt đầu cuộc đua đi nhận lương thực. Cả đám chúng tôi đến đó bởi lương thực được tiếp tế của tôi đã cạn. Hôm nay là ngày có đợt đại mạch mới được mang đến. Ở Tây Tạng, mọi tu sinh đều mang theo một túi da đựng hạt đại mạch đã được nghiền nhỏ và nước, thứ mà khi trộn với trà có bơ thực vật, trở thành món Tsampa. Vì vậy, chúng tôi tiến nhanh đến nhóm tu sĩ đang chờ nhận đại mạch để đổ đầy túi da. Sau đó, chúng tôi vào sảnh, nơi chúng tôi sẽ nhận trà cho bữa ăn tối.

Thứ thức ăn này quả là khủng khiếp. Trong khi chậm rãi nhai Tsampa, tôi thầm nghĩ phải chăng dạ dày của tôi đã bị rối loạn chức năng. Thức ăn có mùi dầu thực vật khét đáng sợ, và không rõ tôi sẽ có thể nuốt trôi nó không.

Bên cạnh tôi, một tu sinh nói nhỏ:

- Úi chà! Cái thứ này đã bị cháy đen, chẳng ai có thể nuốt nổi.

Tôi nói:

- Hình như toàn bộ thực phẩm này là không thể ăn được!

Cố ăn thêm một miếng tsampa, tôi cau mặt bởi không biết mình có thể nuốt trôi hay không. Ở Tây Tạng, phạm thức ăn là một trọng tội. Tôi nhìn quanh và thấy những tu sinh khác cũng nhăn nhó như tôi. Rõ ràng, đây là thứ tsampa quá tệ. Mọi tu sinh đều bỏ bát xuống, một sự kiện hiếm xảy ra trong cộng đồng chúng tôi, nơi chẳng ai có dịp được ăn no nê. Tôi nuốt vội phần tsampa còn trong miệng và cảm thấy có một thứ gì đó lạ lùng đang làm quặn thắt dạ dày tôi. Đứng bật dậy, bàn tay áp vào miệng, tôi ào ra cửa!

“Chuyện gì thế cậu trai?”, một giọng nói lơ lơ cất lên khi tôi quay vào, sau khi đã nôn thuốc thứ thức ăn độc hại. Tôi nhận ra đó là nhà sư người Nhật Kenji Tekeuchi, người đã đi nhiều nơi, đã thấy mọi chuyện, đã làm nhiều việc và giờ đây đang trải qua cuộc đời bằng những lúc bất an thâm thân.

Nhìn tôi và nói về thương cảm:

- Tệ lắm phải không? Ta cũng gặp phải những rắc rối như con, và cũng vì lý do đó mà ta đến đây. Chúng ta hãy chờ xem điều gì sẽ xảy ra. Ta sẽ ra bên ngoài một lúc, hy vọng rằng không khí mát mẻ sẽ làm dịu những khí gây ra bởi thứ thức ăn tồi tệ đó.

Tôi ngập ngừng nói:

- Thưa ngài! Là người từng đi nhiều nơi, ngài có thể cho con biết tại sao ở đây, tại Tây Tạng này, chúng ta chỉ có một thứ thực phẩm quá đơn điệu này? Con quá ngán tsampa và trà, trà và tsampa rồi. Đôi khi, hầu như con không thể nuốt nổi.

Nhà sư người Nhật nhìn tôi với vẻ cảm thông và thương cảm nhiều hơn:

- À! Phải chăng con hỏi ta câu đó là vì ta đã thưởng thức đủ món ăn trên đời? Đúng vậy, ta đã đi nhiều nơi. Ta đã biết những món ăn của Anh, Đức, Nga... hầu hết

tất cả các nước. Mặc dù đã khẩn nguyện, nhưng ta đã sống sung sướng, thoải mái, ít nữa đó là điều mà ta tin là như thế vào đạo ấy, nhưng ta không tuân giữ những lời khẩn ấy, nên giờ đây ta phải chịu nhiều tật bệnh. (Sự nhìn tôi và có vẻ đã đột ngột quay trở lại với thực tế).

À, con thắc mắc tại sao con phải chịu một chế độ ăn uống đơn điệu đến thế. Vậy thì ta cho con biết rằng người phương Tây ăn uống quá độ, và thực phẩm của họ bao gồm quá nhiều thứ. Cơ quan tiêu hoá làm việc không do chú ý của chúng ta, nói khác hơn, chúng không phụ thuộc vào phần não đang kiểm soát những hoạt động của cơ thể. Theo lời dạy các tôn giáo chúng ta, nếu qua trung gian của đôi mắt, não có thể nhận xét về loại thực phẩm mà cơ thể sẽ tiêu thụ, thì dạ dày sẽ tiết ra lượng dịch vị thích ứng, và sẽ có sự tập trung cần thiết để tiêu hoá thực phẩm đó. Ngược lại, nếu thức ăn được nuốt trọn vào một cách không phân biệt, người ăn nói chuyện một cách quàng xiên, hồ đồ, thì các dịch vị sẽ không được tiết ra một cách thích hợp, sự tiêu hoá sẽ khó khăn, con người khốn khổ đó sẽ bị chứng khó tiêu và sau đó có thể bị viêm loét dạ dày.

Con muốn biết vì lý do gì chế độ thực phẩm của con đơn giản đến thế ư? À, là vì càng ăn uống một cách đơn giản và đơn điệu, thì những thành tố tâm linh của cơ thể sẽ phát triển. Ta từng là một nghiên cứu sinh chuyên cần về khoa học huyền bí, ta đã có những khả năng lớn về thuật thấu thị, và sau đó ta đã ngốn đủ loại thức ăn và thức uống không thể tưởng nổi. Ta đã mất đi mọi khả năng thuộc siêu hình, nên ta đã đến Chakpori này để được chữa trị, để tìm thấy, trước khi rời khỏi cõi trần này, một nơi để thân xác mệt mỏi do ăn uống vô độ của ta được nghỉ ngơi. Đúng vậy, con ơi! Hãy nghe lời khuyên của ta. Suốt đời trong từng ngày, con hãy hài lòng với thứ thức ăn đơn giản, và như thế con sẽ không mất đi những khả năng của mình. Nếu con không nghe lời khuyên của ta, và ngẫu nhiên tất cả những gì có thể, con sẽ mất tất cả, để được gì chứ? Để được chứng viêm loét dạ dày và khó tính khó nết. Ồ! Ta đi đây. Hình như ta sắp lên cơn!

Nhà sư Kenji Tekeuchi loạng choạng đứng dậy và bằng những bước không vững, tiến về khu dành cho các Lạt ma. Tôi nhìn theo nhà sư và lắc đầu buồn bã. Tôi muốn được nói chuyện lâu hơn với Sư. Tôi còn có những thắc mắc. Sư đã ăn những thức ăn gì? Chúng có ngon không? Rồi, tôi đột ngột xua đi những ý nghĩ đó. Tại sao phải khơi lên những hình ảnh quyến rũ đó, khi mà ở trước mặt tôi chỉ có trà bơ hôi dầu và thứ tsampa cháy khét được trộn với một thứ dầu lạ kỳ. Tôi gật đầu và đi vào sảnh đường. Sau đó muộn hơn, vào chiều tối, tôi hỏi thầy Linh hướng:

- Thưa Lạt ma khả kính, tại sao người ta mua những lá số tử vi nơi những người bán hàng rong bên đường?

Thầy Linh hướng cười buồn:

- Như con biết đó, không một lá số tử vi nào có giá trị nếu nó không được soạn riêng cho người đã định. Lá số tử vi không phải là thứ để soạn ra hàng loạt. Khi bán những lá số tử vi đó, những người bán rong trên đường chỉ có mục đích là moi tiền những người nhẹ dạ (Ngài nhìn tôi và nói thêm). Dĩ nhiên, Lobsang, khi mua những tờ tử vi đó, những người khách hành hương có thể khoe với những người

thân của họ, khi họ về xứ, như đó là một kỷ niệm của Potala! Khách hành hương hài lòng, người bán rong hài lòng, vậy thì tại sao phải phiền bức? Mọi người đều hài lòng!

- Ngài có cho rằng mỗi người nên lấy số tử vi cho riêng mình?

- Không nên, Lobsang à, không nên. Ngoại trừ một số trường hợp như trường hợp của con. Những lá số tử vi thường làm cho người được lấy số vin vào đó để không hành động bằng những trách nhiệm của mình. Ta luôn chống lại việc dựa vào chiêm tinh hoặc tử vi, trừ khi có một lý do đặc biệt được xác định rõ. Như con biết đó, con người thường thường bậc trung thì tựa như một khách hành hương ngang qua thành phố Lhasa. Người đó không thể trông thấy con đường phía trước, vì cây cối, nhà cửa, những đường cong, những khúc quanh. Người đó phải sẵn sàng cho mọi tình huống có thể xảy ra. Ở đây, chúng ta có thể nhìn thấy con đường và nhận biết những vật chướng ngại, bởi chúng ta đang ở một nơi cao. Nhưng khách hành hương thì như một người không lá số tử vi. Do ở một vị trí cao hơn người hành hương, nên chúng ta tựa như những người có lá số tử vi, bởi chúng ta có thể thấy con đường trước mặt, với những chướng ngại của nó, và như thế chúng ta phải có khả năng vượt qua chúng, kể cả khi chúng chưa xuất hiện.

- Thưa Lạt ma, con còn có một thắc mắc. Ngài có thể giải thích cho con vì sao, trong cuộc đời này, chúng ta biết những điều mà chúng ta đã biết trong quá khứ?

- Lobsang à, trước khi xuống cõi trần này, chúng ta đã dự kiến điều mà chúng ta định làm. Những kiến thức đã được lưu trong tiềm thức của chúng ta, và nếu có thể tiếp cận nó - như một số người trong chúng ta có thể - thì chúng ta sẽ biết tất cả những gì mà chúng ta đã định làm. Dĩ nhiên, trong trường hợp đó, chúng ta sẽ không phấn đấu để trở nên tốt hơn, bởi chúng ta biết mình đang hành động theo một kế hoạch đã được định trước. Đôi khi, do một lý do nào đó, một cá nhân ngủ mê hoặc thoát xác những không bắt tỉnh, và tiếp cận với Siêu Ngã. Người đó có thể rút ra từ tiềm thức những tri thức đã tích lũy, và chuyển những hiểu biết đó vào thân trần thế, sao cho, khi thân thiên thể quay về với thân xác thật, thì tinh thần biết một số điều đó xảy ra trong kiếp trước. Điều đó có thể liên quan đến một cảnh báo đặc biệt người ta không phạm lại một lỗi lầm đã có trong một loạt những kiếp trước. Chẳng hạn, một người cảm thấy rất muốn tự sát; nếu người đó đã bị trừng phạt bởi hành vi đó trong nhiều kiếp, thì nó vẫn giữ một ý thức mơ hồ về những cuộc tự sát đó, hầu một hoài niệm như thế ngăn không để nó lại một lần nữa tự sát.

Tôi suy nghĩ về điều đó, rồi đến bên cửa sổ và nhìn ra ngoài. Phía dưới tôi là màu xanh lục tươi mát của đầm lầy và của những cây liễu.

Thầy Linh hướng nói:

- Lobsang à, ta thấy con ưa nhìn ra cửa sổ. Có khi nào con nghĩ rằng, sở dĩ như thế là vì con cảm thấy màu xanh lục làm cho mắt con được dịu mát?

Tôi nhận thấy Ngài nói đúng, quả thật, tự bản năng, tôi đã tìm màu xanh lục, sau những giờ chăm chú vào sách vở.

Ngài nói tiếp:

- Màu xanh lục là màu mang lại sự dịu mát cho đôi mắt hơn cả. Sau này, khi sang các nước phương Tây, con sẽ thấy rằng ở một số nhà hát kịch, có một phòng được gọi là phòng xanh lục, nơi các nghệ sĩ sân khấu vào để dưỡng đôi mắt của họ sau khi đã trải qua những giờ trên sàn diễn sáng chói.

Tôi tròn xoe mắt và quyết định sẽ nêu lên vấn đề về màu sắc này khi có dịp.

Thầy Linh hướng nói:

- Giờ thì ta đi đây. Ngày mai, con hãy đến gặp ta, bởi ta còn có nhiều điều để chỉ dạy con.

Ngài đứng dậy, vỗ vai tôi và ra khỏi phòng. Tôi đứng bên cửa sổ một lúc, ngắm màu xanh lục của đầm lầy và cây cỏ, thật dễ chịu cho đôi mắt.

(12)

Trước khi đi xuống con đường mòn, tôi đứng lại và nhìn về phía chân núi. Mắt nhoè lệ, tôi rất buồn và cố nén để khỏi nức nở. Người ta đang chuyển xác sư cụ xuống núi. Như vậy là sư Kenji Tekeuchi đã “Về với tổ tiên” của ngài. Giờ đây, những người điều hành kẻ chết đang đưa cái xác già héo quắc của ngài rời xa chúng tôi. Phải chăng hồ của ngài đang dạo chơi trên một lối mòn đầy những cành đào đang trở hoa? Hay là ngài đang thấy lại những lỗi lầm của ngài trong quá khứ?

Một lần nữa, tôi hướng mắt nhìn theo, trước khi những người đưa tang mất hút ở một khúc quanh đường mòn. Tôi nhìn cái gánh nặng, mà trước đó là một con người, đang được khiêng đi. Trong thoáng chốc, mặt trời bị che khuất bởi một đám mây âm u, và tôi tưởng chừng trông thấy một khuôn mặt trên mây.

Tôi trầm nghĩ, phải chăng có những Đấng Bảo vệ Thế giới? Những Thần Bảo vệ giữ sao cho con người chịu đau khổ trên trần gian này để hiểu biết sự Sống? Họ hẳn tựa như những thầy giáo. Có thể sư Kenji Tekeuchi sẽ gặp họ? Phải chăng Sư sẽ nói với họ rằng Sư đã học kỹ bài học? Tôi mong mọi chuyện sẽ ổn thoã, bởi nhà Sư gầy yếu đó đã trông thấy nhiều điều và đã đau khổ nhiều. Hay ngài bị buộc phải mang lại một hình hài - phải đầu thai - để học thêm? Thế thì bao giờ ngài sẽ trở lại? Trong sáu trăm năm nữa hay là ngay tức khắc?

Tôi suy nghĩ về điều đó, tôi suy nghĩ về buổi lễ mà tôi đã dự. Đó là lễ cầu kinh dành để hướng dẫn người chết; những ngọn đèn dầu chập chờn như ngọn lửa của một đời sống đang tắt. Tôi nghĩ đến những đám mây khói nhang có vẻ như mang hình dáng những sinh linh. Trong một lúc, tôi có cảm tưởng Sư Kenji Tekeuchi đang

diện diện sinh động giữa chúng tôi, chứ không phải là cái xác gầy khô đang được đặt ở phía trước chúng tôi. Có lẽ giờ này, Sư đang đọc Biên Niên Bất Biến, bản ghi chép không phai mờ về mọi sự kiện đã diễn ra. Có thể Sư đang nhìn thấy những thời kỳ trong đời mình, khi Sư rời khỏi con đường chính đạo và Sư sẽ nhớ điều đó trong kiếp sắp đến?

Sư Kenji Tekenchi đã dạy tôi nhiều điều. Theo cách lạ lùng của mình, Sư đã xem tôi như một người bạn và nói chuyện với tôi một cách thân tình. Giờ đây, Sư đã rời khỏi cõi trần này. Tôi vẫn vợ thầm nghĩ, Sư có một người mẹ chứ? Tôi không thể mừng tượng về cái thừa khi Sư còn trẻ, sống trong gia đình của người. Sau đó, khi xa quê hương, Sư hẳn cảm thấy cô đơn giữa những người xa lạ. Khi phải quá xa những làn gió ấm và ngọn núi thiêng của quê hương mình, Sư đã nhiều lần nói chuyện với tôi về nước Nhật, và mỗi lần như thế, giọng nói của Sư trở nên khàn đục, ánh mắt lạt lòi.

Có hôm, Sư đã làm tôi bị sốc khi nói rằng, tốt hơn hết, những người đang quan tâm đến những thuật huyền bí nên sẵn sàng, thay vì quấy rầy một người Thầy.

Sư đã nói với tôi:

- Người Thầy luôn sẽ đến khi Trò đã sẵn sàng để tiếp thầy. Khi con đã có một vị Thầy, thì hãy thực hiện những lời dạy của Thầy, bởi chỉ với điều kiện đó con mới có thể sẵn sàng.

Trời tối sầm. Mây đen kéo về, và gió bắt đầu quét những hòn sỏi nhỏ.

Dưới kia, trên đồng bằng, có một nhóm người xuất hiện dưới chân núi. Họ từ từ đặt cái gánh nặng buồn thảm của họ lên lưng một con ngựa. Sau đó, họ lao lên ngựa của mình và từ từ khuất xa. Tôi chậm rãi quay gót và theo con đường mòn để lên núi.

HẾT

Dịch giả: Lê Thành

Đánh máy, biên tập lại: Daohoc.com